



QUỐC GIA

151
04-2020

CƠ QUAN THÔNG TIN - NGHỊ LUẬN - VĂN HỌC
CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT QUỐC GIA VÙNG MONTRÉAL CHỦ TRƯỞNG

MAGAZINE D'INFORMATION, D'OPINION ET DE CULTURE
PUBLIÉ PAR LA COMMUNAUTÉ VIETNAMIENNE AU CANADA RÉGION DE MONTRÉAL
ISSN 0847-169X DÉPÔT LÉGAL-BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU QUÉBEC, BIBLIOTHÈQUE DU CANADA

QUỐC HẬN NĂM THỨ 45



Vinh Danh
Cố Thiếu Tướng Lê Minh Đảo



THINA NGUYEN

pharmacienne, propriétaire

Votre référence
en santé

514.498.7572



- ✓ Guides santé PSST gratuits disponibles en succursale
- ✓ Tests de glycémie, de cholestérol, d'INR, de grossesse et prise de tension artérielle
- ✓ Suivi et ajustement du coumadin
- ✓ Suivis personnalisés pour le diabète, l'hypertension, l'hypercholestérolémie et l'asthme
- ✓ Nous acceptons les transferts de prescriptions venant d'une autre pharmacie
- ✓ Services pour les résidences
- ✓ Soins personnalisés à domicile

Au service de votre santé

Comptoir postal & cosmétiques

Overt 7 jours sur 7

Heures d'ouverture

Lundi au vendredi 9h à 21h
Samedi 9h à 17h
Dimanche 10h à 15h

Thina Nguyen

Pharmacienne propriétaire affiliée à



15 816, Notre-Dame E., P.A.T • 4850, Contrecoeur, Montréal
514 498-7572 514 498-4005



BAN GIÁM SÁT

Chủ tịch

Lê Tân Dân

Phó Chủ tịch

Nguyễn Như Thành

Tổng Thư ký

Nguyễn An Lạc

Ủy viên

Nguyễn Việt Hải

BAN CHẤP HÀNH

Chủ tịch

Nguyễn Ngọc Nga

Phó Chủ tịch Nội vụ

Phạm Đăng Hưng

Phó Chủ tịch Ngoại vụ

Nguyễn Bạch Tuyết Yvonne

Tổng Thư ký

Nguyễn Ngọc Quang

Thủ quỹ

Nguyễn Xuân Vinh

TẠP CHÍ QUỐC GIA

Chủ nhiệm

Nguyễn Ngọc Nga

Chủ bút

Lâm Vĩnh Bình

Trình bày

Đoàn Bùi Minh Luân

Quốc Gia • Tháng 4-2020 • Số 151

Mục Lục

Chủ Bút. Đồi Dông	2
Ngày Quốc Hận	
Thái Bá Tân. 30 Tháng 4, 1975	4
Hoàng Ngọc Khôi. Điệp Khúc Tháng Tư	5
Tiểu Từ. Ngày Này, năm 1975	8
Mùi Bù. Em Bé Sơ Sinh Trên Lòng Biển Cả	10
Lâm Vĩnh Bình. Thảm Trạng Thuyền Nhân	17
30 Tháng 4, 1975 - Tưởng Niệm Những Vị Anh Hùng Tuổi Trẻ	21
30 Tháng Tư Các Tướng Lãnh VNCH Đi Đâu?	23
Trạch Gầm. Nhật Ký Tháng Tư	30
Nguyễn Dân. Sài Gòn Tháng Tư Năm 2020	31
Vinh Danh Cố Thiếu Tướng LÊ MINH ĐÀO	
Lê Văn Trang. Nợ Một Lời Hứa	33
Lâm Vĩnh Bình. Vinh Biệt Thiếu Tướng Lê Minh Đảo	36
David T. Zabecki. South Vietnam's Thermopila	37
Thiếu Tướng Lê Minh Đảo Từ Trần, Thọ 87 Tuổi	46
Biên Khảo - Nhận Định	
Phạm Cao Dương. Lịch Sử Nào Cho Tuổi Trẻ Việt Nam	47
Đặng Tấn Hậu. 45 Năm Nhìn Lại	54
Trần Mộng Lâm. Nghĩ về những Người Miến Nam theo Cộng Sản	59
Nguyễn Thị Cỏ May. 30/4 và Những Người Một Thời Vang Bóng	62
Lâm Vĩnh Thế. Những Suy Nghĩ của Một Người "Bên Thua Cuộc"	67
Thái Công Tụng. Suy Thoái Môi Trường ở Việt Nam Hiện Nay	74
Nguyễn Lương Tuyến. Open Letter to Vietnamese Youth	78
Văn Thơ	
Trang Châu. Lá Thư Không Đợi	87
Andrew Lam (Lâm Quang Dũng). Câu Chuyện Bánh Mì	90
Trần Xuân Dũng. Tàu, Tây, Việt Cộng	93
Nguyễn Vy Khanh. Văn-Học Việt-Nam Trong-Ngoài	94
Lộc Bắc. A Lover	99
Võ Hoài Nam. Made in Vietnam	100
Khoa Nghi. Đất Nước Tôi	104
Hoàng Xuân Thảo. Người Biệt Xứ Trở Về	106
Trần Kim Vân. Nửa Gánh Sầu	108
Viết Từ Việt Nam	
Trần Văn Chánh. Tàn Mạn về Nhân Vật Lịch Sử Dương Văn Minh	109
Huỳnh Ngọc Tuấn. Tháng Tư Về	115
Đỗ Thị Phương Lan. Chấn Thương Di Dời	117

Đôi dòng...

Ngày 30 tháng tư năm nay là ngày kỷ niệm Quốc Hận lần thứ 45. Có người hỏi hận ai, hận cái gì và chiến tranh đã chấm dứt quá lâu rồi sao mà còn hận ? Câu hỏi và câu trả lời tùy theo vị trí của người đối thoại.

Hơn nửa thế kỷ trước, có người quân y sĩ một vai vắc sủng, một vai vắc túi cứu thương xông ra chiến trường, vừa để chống giặc, vừa để cấp cứu các đồng đội. Năm nay, tuổi đời đã non 90 mà ông vẫn còn nhớ lại cảnh nước mất nhà tan khi dép râu nón cối vào chiếm Saigon ngày 30 tháng tư năm 1975 rồi sau đó cướp của giết người trên vùng đất mà họ vừa cưỡng chiếm. “Điệp Khúc Hận Tháng Tư” mở đầu số báo này là mối hận của những lưu dân bị mất nước vì bạo lực và lưu manh của những người mệnh danh giải phóng.

Cũng năm nay, hồi tháng giêng, tại xã Đồng Tâm, sát nách thủ đô Hà Nội, có cụ già 84 tuổi đời và 60 năm tuổi đảng, đã cùng với nông dân xã nổi dậy chống lại chính quyền ngang ngược cướp đất của dân đã bị công an bắn chết trên giường ngủ rồi kéo đi phanh thây cụ. Cả làng cả nước khóc kể, phẫn nộ. Đó là nỗi hận của người dân với chế độ bạo ngược. Phải nói vắn tắt hơn, từ 20 triệu dân thời Việt Nam Cộng Hòa đến nay đã tăng đến gần 100 triệu thì trừ 5 triệu đảng viên tham tàn và 15 triệu “ăn theo”, 80% người Việt bị trị trong nước đều hận thù Cộng Sản. Nói rõ hơn, còn Cộng Sản là còn Quốc Hận.

Cũng phải nói thêm, có cậu học trò ở trường Yersin Đà Lạt, rời Việt Nam vào tháng tư năm 1975 lúc 11 tuổi cùng với gia đình mà người cha là một Trung Tướng tại chức, sau này anh trở nên nhà văn, nhà báo “người Mỹ gốc Việt” khá nổi tiếng với một số tác phẩm viết bằng Anh ngữ. Trong bài viết New Year, Old Unresolved Passion, anh đã nặng lời với thế hệ cha chú của anh. Anh khuyên Tết đã đến rồi, hãy quên hận thù và quá khứ. Đã mấy thập niên qua, các bậc cha chú đã la hét biểu tình, biểu dương cờ xí ngoài đường phố mà đã tranh đấu được gì. Các thế hệ trẻ muốn góp phần xây dựng đất nước VN thì các ông cần ngăn, chụp mũ cộng sản... Các ông hãy thức tỉnh, nếu không sẽ bị đào thải.

Với một diễn từ như vậy, nhiều nhà xã hội học giải thích bằng hiện tượng xung khắc thế hệ. Đúng hay không, khi người Mỹ gốc Do Thái, gốc Ái Nhĩ Lan, kể cả gốc Kenya, dù cho làm thợ hay làm tổng thống trên xứ định cư đều vẫn tự hào về nguồn gốc tổ tiên của họ và nhớ rõ lý do nào khiến tổ tiên họ phải di cư biệt xứ. Người Đức, người Ukrainien, kể cả người Đại Hàn tàn sát khắp bốn phương trời, trải qua bao thế hệ, họ vẫn tưởng niệm holocauste, những hành vi bạo ngược của Nga, của Nhật đối với tiến nhân của họ.

Đối với người Việt, lịch sử cuộc di cư tị nạn còn ngắn quá, chỉ có 45 năm mà cơ sao chóng quên quá khứ, gốc nguồn, căn tính. Hãy quên đi hận thù khi mà hung thủ vẫn còn xung tay tiếp tục chém giết đồng bào, thân thuộc của mình. Con Chúa, con Phật hay con người mà vô cảm như vậy?

Càng tệ hại hơn, một số thuyền nhân may mắn thoát được những đập vùi trên biển cả và một số tù nhân đã trải qua những cực hình trong các trại tù cải tạo được cứu giúp đến bến bờ tự do thì hôm nay lại sớm đánh mất lương tri, trở cờ quay lại phủ phục kẻ thù trước đây không lâu đã hành hạ nhục mạ mình. Người trẻ vô tâm, người già vô trí, hợp tác với bọn cộng sản vô đạo trong nước và đám thân nhân vô học tẩu tán tài sản ra ngoài nước để cùng hô hào xóa bỏ hận thù. Họ có biết chăng đó là sách lược gian xảo, bịp bợm muôn đời của cộng sản khiến dân Việt đã phải di cư hai lần mà lần thứ hai là di cư biệt xứ. Nhắc lại quốc hận không phải chỉ để giữ lửa trả hận, mà còn để biết đứng lên chỗ mình đã ngã.

Trong dòng tâm tưởng như trên, báo Quốc Gia số Quốc Hận năm nay trân trọng vinh danh một vị tướng lãnh đã cống hiến tấm lòng và dũng khí cho nước Việt Nam Cộng Hòa khi ông đối diện với kẻ thù trên mặt trận cũng như trong trại tù gọi là cải tạo và khi đến bến bờ tự do, mặc dù thể lực đã suy yếu, ông vẫn tiếp tục chống lại kẻ thù trên mặt trận chính trị. Người Việt trong và ngoài nước, kể cả thế giới khi nhắc đến tên ông, Thiếu Tướng Lê Minh Đảo, đều bày tỏ sự ngưỡng mộ, thường gọi ông là anh hùng Xuân Lộc. Chúng tôi sững sờ khi được tin Thiếu Tướng đã đột ngột ra đi trước khi được nghe những lời gởi gắm của Thiếu Tướng mà Thiếu Tướng xem như những lời di nguyện qua những lần điện đàm phỏng vấn Thiếu Tướng.

Xin vĩnh biệt Thiếu Tướng với niềm thành kính và xin chia buồn với Thiếu Tướng phu nhân cùng tang quyến. Bên kia thế giới, xin Thiếu Tướng phù hộ cho dân tộc Việt Nam còn duy trì được tinh thần chiến đấu kiên cường của Thiếu Tướng để quang phục lại một Việt Nam tự do, không Cộng Sản.

Lâm Vĩnh Bình

Chủ Bút

15 tháng 4, 2020

30 THÁNG TƯ, 1975

Bộ đội Miền Bắc chết
Một triệu một trăm nghìn.
Số lính Miền Nam chết
Hai trăm tám hai nghìn.

Vì chiến tranh, dân chết
Trên dưới hai triệu người.
Lính Miền Nam cải tạo,
Ngồi tù - một triệu người.

Trong số một triệu ấy,
Một trăm sáu trăm nghìn
Chết vì đói, lao碌,
Vì không còn niềm tin.

Trốn chạy khỏi cộng sản
Hơn một triệu rưỡi người.
Hai trăm nghìn đã chết,
Bỏ xác ngoài biển khơi.

Từ đây, dầu đất nước
Hết chiến sự, bình yên,
Chín mươi triệu người Việt
Mất tự do, nhân quyền.

Vậy xin hỏi các vị:
Ngày ấy là ngày gì?
Vui mừng và kỷ niệm?
Nhưng vui mừng cái gì ?

Thái Bá Tân
30 tháng tư, 2019

Diệp Khúc Hận Tháng Tư

Tháng Tư đã về rồi đấy sao?
Ta vẫn còn ôm hận ngày nào
Vết thương lòng cũ chưa lành lặn
Lại tẩy mù lên, sưng đỏ au!

Tháng Tư ăm ỹ khua chiêng trống
Nhưng nhức chúng về tựa bộ sâu
Gieo rắc kinh hoàng từng ngõ hẻm
Mà khoe “giải phóng” cái gì đâu?...

Tháng Tư cờ máu mang liềm búa
Bọn tôi đòi Mao-Mác hung hăng
Búa ấy chúng đập đầu thấy thợ
Liềm kia chúng cắt cổ nông dân.

Tháng Tư dành già từ vô khí
Súng vác trên vai, lệnh bắt buồng
Lính vẫn lăm le chờ thử lửa
Tướng đã chào thua quá bề bàng!



Tháng Tư chấm dứt thời thơ mộng
Những sớm mai hồng má đỏ hây
Những chiều gió nhẹ nâng tà áo
Bao kẻ hồn đường muốn ngắt ngày

Tháng Tư uất hận mùa ly biệt
Lệ chảy chan hòa buổi tiễn đưa
Này bố, này chồng, này con cháu
Tập trung cải tạo tới mút mùa.

Tháng Tư chúng về gieo tang tóc
Người chết lao tù, giữa biển sâu
Kẻ sống tha phương nơi đất khách
Lòng hằn in mãi nỗi buồn đau.

Tháng Tư hận mãi cùng năm tháng
Sử sách muôn đời soi sáng gương
Ai mới chính danh, ai thực ngụy?
Ai gây đất nước cảnh tang thương?

Tháng Tư còn đó cùng bia miệng
Ai tướng mặt mo ra lệnh hàng?
Ai tướng công thành khô vạn cốt?
Được thua sao luận được anh hùng?

Tháng Tư gãy súng, lòng tan nát
Hòn Ngọc Viễn Đông hết sáng ngời
Ác quỷ kéo về đây ngự trị
“Thời kỳ đồ đá” đã lên ngôi:

Tháng Tư có kẻ thờ ma Cộng ⁽¹⁾
Hát đón dép râu, nón cối về
Làm sao ta nổi vòng tay lớn
Kẻ đã đâm lưng chiến sĩ kia?

Tháng Tư có đứa quên thù bố ⁽²⁾
Xưa bị Việt Minh bắt, thủ tiêu
Lại mừng ngày vui như có Bác
Sao hồn oan ấy được phiêu diêu?

Tháng Tư, chia tay cùng chiến hữu
Ôm súng hoang mang trở về nhà
May mà có em chờ ngoài ngõ
Ôm nhau mừng tủi, lệ nhạt nhòa ...

Tháng Tư, chưa tắt niềm tin tưởng
Vận nước còn đang lúc nổi trôi
Thời thế rồi qua cơn bĩ cực
Cờ vàng thay cờ đỏ tung bay.

Tháng Tư rồi sẽ có một ngày
Môi buồn lại nở nụ cười tươi!
“Nước thanh bình bao nhiêu năm cũ”
Lại sẽ yên vui vạn vạn đời...

Hoàng Ngọc Khôi
Tháng Tư 2020

(1) Trịnh Công Sơn đã lên đài hát bài “Nổi Vòng Tay Lớn” để chào đón Cộng quân tiến vào Sài Gòn.

(2) Nhạc sĩ Phạm Tuyên, con Phạm Quỳnh đã sáng tác bài hát “Như Có Bác Trong Ngày Đại Thắng” ngày 30.4.1975.

Ngày này, năm 1975...

Tiểu Tử

Năm nay tôi 80 tuổi. Vợ tôi thường nói với mấy con: “Ông bà mình nói người già hay sanh tật, đúng quá! Bấy coi: ba bảy giờ sáng nào uống cà phê xong cũng lại đứng trước tấm lịch tháng treo ở phòng khách, nhìn trăm ngẫm một chút rồi lấy bút gạch chéo ô vuông để ngày hôm qua! Chi vậy hồng biết? Hồi ông thì ông nói gạch để nhớ rằng đến ngày này tháng này mình vẫn còn trôi sông lạc chợ! Trời đất! Định cư ở Pháp từ hơn ba mươi năm chớ phải mới đây đâu mà đi gạch lịch từng ngày! Ông còn nói gạch để coi chừng nào mình mới thôi gạch để về lại Việt Nam...”

Câu nói của tôi là sự thật nhưng vì vợ tôi không hiểu nên cho là tôi già sanh tật! Làm sao giải thích được mỗi lần tôi gạch chéo một ngày như vậy tôi có cảm tưởng như là tôi vừa nhích lại gần quê hương một chút – một chút thôi – đủ để nuôi hy vọng thấy một ngày nào đó mình vẫn còn sống mà trở về. Sáng nay, cũng giống như mọi ngày, tôi cầm bút gạch chéo ô vuông ngày hôm qua. Ô vuông ngày hôm nay đập vào mắt tôi làm tôi giật mình: ngày này, năm 1975! Tôi bỗng nhớ ra, nhớ rõ, những gì đã xảy ra ngày đó, nhớ như in. Rồi sợ “cái ngày đó” nó vượt khỏi ký ức vốn đã quá hao mòn của tuổi già, tôi vội vã lấy giấy bút ghi lại...

...Hồi thời trước 75, tôi làm việc cho một hãng dầu ở Việt Nam, phụ trách nhập cảng xăng dầu từ Singapore vào kho dầu Nhà Bè để cung ứng cho thị trường dân sự và quân sự miền nam Việt Nam. Vì trong xứ có giặc nên thị trường quân sự chiếm 60%, trong đó xăng máy bay dẫn đầu. Các bạn tôi trong quân đội giải thích cho tôi biết rằng ở chiến trường miền Nam sự yểm trợ của không lực là quan trọng nhất. Do đó, tôi luôn luôn theo dõi sát tình hình dự

trữ xăng máy bay ở các kho dầu miền Nam, từ kho Nại Hiên Đà Nẵng dẫn xuống kho Cần Thơ thông qua kho lớn ở Nhà Bè...

Vào cuối tháng 4 năm 1975, sau lệnh triệt thoái Cao nguyên, tình hình quân sự trở nên ồ ạt. Sợ trở tay không kịp, tôi còm-măng Singapore một tàu xăng máy bay. Hay tin này, hãng bảo hiểm có hợp đồng với hãng dầu tôi làm việc đánh điện phản đối, không cho tàu dầu qua Việt Nam viện cớ tình hình bất ổn. Đánh điện qua, đánh điện lại, cù cưa cả tuần họ mới bằng lòng cho tàu dầu qua, với điều kiện phải có hộ tống của Navy Mỹ họ mới cho tàu vào sông Sài Gòn để cập kho Nhà Bè!

Tôi báo cáo với ban giám đốc vì lúc đó ở kho lớn Nhà Bè trữ lượng xăng máy bay chỉ còn đủ có bảy ngày tác chiến của không quân. Ban giám đốc chấp thuận điều kiện của hãng bảo hiểm. Tôi vội vã gọi điện thoại lại cơ quan yểm trợ Mỹ để xin hợp khẩn. Ông trưởng sở trả lời: “Tôi sẽ đến ngay văn phòng ông. Cho tôi mười phút!”. Tôi quen ông này – tên W, thường được gọi là “Xếp” – nhờ hay đi họp chung. Ông ta dễ thương nhả nhặn, biết chút đỉnh tiếng Pháp nên lần nào gặp tôi cũng nói: “Bonjour! Ờ à?” (Chào ông! Mạnh hả?)

Xếp W đến văn phòng tôi với hai người phụ tá. Tôi đã làm sẵn hồ sơ nên sau khi mời ngồi, tôi trao ngay cho họ để họ dễ theo dõi những gì tôi sẽ trình bày. Mười phút sau, tôi kết luận xin can thiệp gấp để tàu dầu xăng máy bay của hãng tôi được hộ tống, không quên nhắc lại điểm chánh yếu là trữ lượng xăng máy bay chỉ còn đủ để chiến đấu trong vòng có bảy bữa!



Nghe xong, Xếp W xin phép bước ra ngoài gọi radio về trung ương. Một lúc sau, ông trở vào, nét mặt và giọng nói vẫn tự nhiên như chẳng có gì quan trọng hết: “Rất tiếc! Chúng tôi không giúp được! Thôi! Chúng tôi về!”. Tôi đang nghe nghẹn ngang ở cổ thì ông W vỗ vai tôi nói nhỏ bằng tiếng Pháp: “Allez vous en!” (Ông hãy đi, đi!) Ra đến cửa phòng, ông ngừng lại nhìn tôi, gật nhẹ đầu một cái như để chào nhưng tôi nghĩ là ông muốn nhắc lại câu nói cuối cùng “Allez vous en!” (Ông hãy đi, đi!)...

Tôi ngồi bất động, nghe tức tràn lên cổ vì thấy mình bất lực quá và cũng nghe thương vô cùng cái quê hương nhỏ bé của mình, nhược tiểu đến mức độ mà khi cần nắm tay để kéo đi theo thì “họ” dấn... đẩy đường cái nhơn “hai bàn tay nắm lấy nhau” để chứng tỏ sự thật tình “kháng khí”, rồi khi không còn cần nữa thì cứ tự nhiên buông bỏ không ngượng tay giấu mặt, vì biết mười mươi rằng “thằng nhược tiểu đó không làm gì được mình”! Tôi ráng kềm xúc động, bước qua phòng họp của ban giám đốc, chỉ nói được có mấy tiếng:

“Chánh quyền Mỹ từ chối!” Sau đó, tôi đánh điện qua Singapore, cũng chỉ bằng một câu: “Không có hộ tống”. Họ trả lời ngay: “OK! Good Luck!” (Nhận được! Chúc may mắn!)

Hai chữ cuối cùng, trong hoàn cảnh này và vào thời điểm này, nghe sao thật đầy chua xót!

Thấy mới có ba giờ chiều, nhưng không còn lòng dạ đâu để ngồi lại làm việc nên tôi lái xe về nhà. Tôi lái như cái máy, cứ theo lộ trình quen thuộc mà đi. Về đến trước nhà, tôi bỏ xe ngoài ngõ, đi bộ vô. Vợ tôi chạy ra, ngạc nhiên: “Sao về vậy anh?”. Tôi không nói được gì hết, chỉ gục đầu vào vai vợ tôi rồi bật khóc. Vợ tôi chưa biết những gì đã xảy ra nhưng chắc nằng đoán được rằng tôi phải đau khổ lắm mới phát khóc như vậy. Cho nên nàng vừa đưa tay vuốt vuốt lưng tôi vừa nói, giọng đầy cảm xúc: “Ờ...Khóc đi anh! Khóc đi!”

Ngày đó, tháng tư năm 1975... Đúng là ngày này!



Em bé sơ sinh trên lòng biển cả

Mùi Bùi

Xin cảm ơn bác Ninh Vũ và cháu Huỳnh Trương Tố Uyên

C chuyện xảy ra bốn mươi lăm năm trước, với những hình ảnh và cảm xúc vẫn còn nguyên vẹn trong tôi. Cứ mỗi lần ngày ba mươi tháng tư về, thì khúc phim ấy lại trình chiếu thật linh động, mà nay tôi muốn ghi lại trên giấy để chia sẻ cùng bạn bè

bốn phương, cái ngày của năm bảy lăm, ngày lịch sử đau buồn của người Việt-Nam.

Năm đó tôi là một được sĩ vừa tốt nghiệp Cao học Quản- trị Kinh-doanh Đà-Lạt, tôi có mang hơn chín tháng trong khi con trai lớn của tôi vừa được hai tuổi,

để giúp đỡ tôi, mẹ tôi từ cư xá Thanh-Đa, lên ở với vợ chồng tôi, giúp trông coi cháu ngoại, nên cuộc sống của gia đình tôi tạm ổn, nhưng tình hình Miền nam Việt-Nam càng lúc càng khốc liệt, đã rơi vào tình trạng hỗn loạn để dẫn đến việc Tổng thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng lúc trưa ngày 30-04-75. Trước đó vài ngày, tôi được đưa vào nhà thương Từ Dũ chờ sinh nở. Vài ba ngày trước khi mất nước, chồng tôi hốt hoảng báo tin là gia đình tôi bằng bất cứ giá nào phải rời Saigon nếu không thành công, anh sẽ cầu cứu đến tòa đại sứ Pháp để xin tị nạn, nếu không xong thì sẽ tìm đến cái chết để số phận không vào tay cộng sản. Sợ đi chồng tôi quá sợ cộng sản vì trong khoảng thời gian năm năm bốn, ông bỏ chồng tôi bị chôn sống ở miền Trung vì tội địa chủ. Gia đình có đến mười ba người con, các anh chị em đã gửi hai anh em, mà chồng tôi là một, đi du học bên Pháp để lánh nạn. Khi còn là sinh viên bên Pháp, hai anh em nằm trong tổ chức sinh viên chống Cộng. Cảnh sát Pháp bắt bỏ tù các sinh viên trong một vụ tranh đấu với phe thân cộng, nổi loạn, người anh bị chích thuốc an thần, sau đó phải bỏ học. Chồng tôi may mắn tốt nghiệp nhưng đầu óc khủng hoảng đến độ hoang tưởng.

Nằm trong nhà thương được một ngày, cảnh nhà thương thật vắng lặng, chỉ lèo tèo vài nhân viên làm việc lúc đó. Anh chồng tôi, anh Tư lúc đó xin ý kiến của Cô

Mười bói quẻ dịch trong miếu ở Chợ Lớn. Cô Mười phán rằng chúng tôi sẽ đi thoát nếu dẫn theo thằng Thiên tám tuổi, con anh Tư vì cháu có số xuất ngoại. Anh Tư bảo tôi giữ em bé trong bụng để di chuyển, không chích thuốc dục để sinh sớm trước thời hạn.

Chồng tôi và cháu Thiên đến đón tôi xuất viện, có cả Mẹ tôi và cháu ngoại hai tuổi. Mẹ tôi không biết phải mang theo gì để ra đi, tay bà xách chiếc bàn ủi và túi quần áo của con tôi và của tôi. Chúng tôi lên ngủ đêm hăm tám, ở nhà anh thứ Tám bên chồng, vợ anh Tám là được sĩ nhưng anh chị đang nuôi cút rất phát đạt vì trúng lúc giá cút lên vồn vọt.

Sáng hôm sau, ngày hăm chín tháng tư, một xe Jeep quân đội đến đón gia đình tôi đến Tòa đại sứ Mỹ để đợi máy bay trực thăng Mỹ vớt, chồng tôi được người bạn làm cho CIA cho cái vé pass vì người ấy không đi. Lúc ấy Mẹ tôi ra về, cháu Thiên không kịp đi cùng với chúng tôi.

Vào trong tòa Đại Sứ Mỹ, đi ngang qua các phòng để đến tới nóc nhà, tôi thấy quang cảnh bữa bãi trong các phòng, trên sàn nhà đầy các đồng xu cents noirs rải đầy, không ai buồn lượm, cửa tủ lạnh mở toang, tôi nhìn thấy thực phẩm chất đầy, thịt gà, bò đông lạnh chất cùng các ngăn đá. Gia đình chúng tôi đợi trên nóc nhà nơi có vẽ chữ H để trực thăng đáp xuống, cũng có khoảng chục người lúc ấy, không ai nói với ai

lời nào. Lúc xế chiều đến tám chín giờ tối, trực thăng bay mấy vòng trên đầu chúng tôi nhưng không đáp xuống, lính VC đã bao quanh tòa nhà và xả súng bắn vào trực thăng. Chúng tôi thất vọng tìm cầu thang xuống tầng dưới lầu núp vào tủ quần áo. Không lâu sau đó, VC đã tràn vào bên trong tòa Đại Sứ và đi thanh tra các phòng, tôi nghe tiếng giày nện trên sàn nhà chát chúa. Con trai tôi bỗng đứng nổi cơn ho, tôi phải bịt miệng cháu, cũng may lúc ấy mặc dù chỉ có 2 tuổi, nhưng cháu cũng dường như cảm thấy mối nguy hiểm nên đã không khóc và nín ho. Khi tia sáng mặt trời chiếu vào phòng và nghe ngóng yên tĩnh chúng tôi ra khỏi tủ quần áo và mau chóng ra khỏi tòa nhà, theo dòng người đi về phía bến Bạch Đằng, đường phố lúc ấy xe bỏ lại ngổn ngang chặn các nẻo đường, dù muốn kêu xe chắc cũng không thể có. Đến Kho năm, đã có rào vây kín nơi ra các tàu, có một lỗ hổng ai đã khoét, chúng tôi bèn chui qua đó, chồng tôi thương lượng với một ghe tàu chở chúng tôi ra đến nơi tàu Trường Xuân, là con tàu chở sắt vụn, bị trực thăng máy còn đậu nán lại, trên tàu đã có gần bốn ngàn người lúc nhúc trên boong tàu. Chiếc ghe sáp lại tàu Trường Xuân, người trên boong tàu thả xuống cho chúng tôi dây cáp dài trên ba chục mét để kéo chúng tôi lên, chồng tôi công đưa con trai nhỏ trên lưng, cháu búi chặt cổ của bố cháu, một tay anh ôm lấy dây cáp, một tay búi vào con trai, vai đeo cái túi có hộp

sữa bột và quần áo của cháu và túi giấy tờ bằng cấp. Còn tôi với cái bụng hơn chín tháng đã mệt mỏi vì đi bộ nhiều từ tòa Đại Sứ Mỹ đến bến tàu thêm vào nỗi xúc động khi vừa trải qua cơn nguy cấp, nhưng có lẽ với tuổi trẻ và lúc mà mối nguy hiểm cận kề, hình như có một năng lực siêu hình giúp tôi níu chặt dây cáp để tôi rớt xuống biển, lúc đó cũng đã xế chiều. Đám người đẩy nghệt trên tàu, chúng tôi ráng kiếm một góc trống để ngồi cũng không dễ kiếm nhưng trong hoàn cảnh tranh sống sợ chết đó, sự tương thân tình người vẫn tồn tại, mọi người nhường chỗ khi thấy một bà bầu và con nhỏ, lại dành cho gia đình tôi chỗ ngồi xuống.

Tôi nghe thấy tiếng ra lệnh tiếp nối vì không có loa, nên lệnh truyền từ đầu tàu muốn truyền tin đến cuối tàu phải có đồng người lập lại: quay phải, quay trái... con tàu hầu như dậm chân tại chỗ, tàu bị mắc cạn vào bãi đá, cần mướn ghe kéo tàu ra khỏi bãi đá, cuối cùng không biết bao lâu, sau cùng tàu cũng ra được trên đường đến được hải phận quốc tế, mọi người thở ra nhẹ nhõm. Trong lúc đó, các gia đình bên cạnh tôi, mới lòi ra mì gói để ăn cho đỡ đói. Chúng tôi không mang lương thực theo nên nhịn đói luôn ba ngày. Chồng tôi đi xin nước để pha sữa cho con trai, nhưng không dễ vì trên tàu không có nước ngọt, một người đã nhường cho cháu ít nước pha sữa. Tiếng loa kêu vang cho biết

Saigon đã thất thủ, Tướng Dương Văn Minh đã đầu hàng, tiếng đạn chát chúa bắn vào hông tàu, nước tràn vào hầm tàu, thuyền trưởng yêu cầu đàn ông tìm mọi cách, mọi phương tiện xúc nước ra khỏi tàu, nếu không tàu có thể bị chìm.

Tiếng người thất thanh hoang mang có ai đó nhảy xuống biển tự tử, một bà cụ như mất trí, tay xách cái ví nghe nói trong đó có tiền và vàng, cụ mết quá đưa đại cái ví cho người nào gần đó xách dùm, con gái bà hốt hoảng đi tìm cái ví, vì đó là gia tài của cả gia đình. Ban ngày, trên boong tàu, mặt trời giữa buổi trưa chiếu thẳng trên đầu, cái nóng gay gắt như thiêu đốt có đến bốn chục độ C, vừa khát, vừa đói, có nhiều người thả gáo xuống vớt nước biển để uống, nước mặn làm khát thêm, có người, nghe nói quanh người quần vàng, hay dấu kim cương trong các búi tóc, cứ la hét điên loạn vì sợ bị cướp giật. Trông thấy cảnh hỗn loạn vô cùng này, tôi đau xót liên tưởng đến cảnh đau thương không kém của con tàu Titanic trước khi chìm.

Rạng sáng ngày 02 tháng 5 năm 1975 khoảng hai giờ sáng, tôi chuyển bụng đẻ, không thể ngồi được, tôi quần quai trên sàn tàu, mọi người chung quanh đã kêu gọi xem có ai là bác sĩ trên tàu đến giúp, không lâu có một bác sĩ chạy đến, sau này có nghe nói là bác sĩ Kim. Một bà ngồi cạnh cho mượn kéo để cắt rốn cho bé sơ sinh và người khác đem nước biển đến để làm nước sát trùng,

người thì cho áo để bọc em bé. Tôi còn nhớ thấy mắt cháu đầy bụi bặm, tôi cũng không biết từ đâu ra, có một tube pommade trụ sinh đã được dùng để xúc vào mắt bé, tôi không có sữa, một bà bên cạnh cho tôi một miếng cam thảo bảo nhai để ra nước miếng và mớm nước miếng cho em bé.

Trong lúc tàu đang tìm đến hải phận quốc tế, cụ thuyền trưởng đã cho quay tàu lại vớt một người rớt xuống biển, có nhiều người

phản nản là giây phút cấp bách cần phải thoát ra khỏi hải phận Việt Nam, nếu không tàu sẽ bị kéo về với Cộng Sản. Cụ có lý do là cứu một người, sẽ cứu được bốn ngàn người và Trời Phật đã chứng giám cho lòng người nhân đạo.

Thuyền trưởng tàu Trường Xuân, cụ Phạm Ngọc Lũy, nay đã ngoài chín mươi, hiện ở Virginia. Cụ là người đức độ cao cả, nên đã cứu gần bốn ngàn người đến nơi



an toàn, mà mỗi người trên con tàu Trường Xuân sẽ mãi mãi nhớ ơn cụ Phạm Ngọc Lũy và nguyện cầu cho cụ và gia đình luôn được phước lành. Tám giờ sáng ngày 02- tháng 5, nghe tin tàu Trường Xuân được tàu Clara MERCKS line đến cứu. Mọi người trên tàu mừng rỡ như chết được sống lại.

Tám giờ sáng hôm đó, mọi người trên tàu được lệnh di chuyển qua tàu Clara MERCKS, một em khoảng hai mươi, đã nhanh nhẹn đến giúp tôi ẵm bé sơ sinh, vì sợ làm rớt bé nên em đã dùng các ngón tay ràng búi chặt trên vai em bé giữa hàng ngàn người đang chen lấn nhau xô đẩy nhau để ra khỏi con tàu sắp bị chìm. Em bé sau này khi rọi kiếng, cho thấy hai xương bả vai quần lại như hình chữ U, may mắn thay, khi lớn lên xương vai em trở lại bình thường. Trong khi đó tôi ràng lê đôi chân yếu ớt theo dòng người đến bên tàu kia, tôi cảm thấy xấu hổ vì bộ quần áo duy nhất trên người tôi dính đầy máu khi sanh nở ngày hôm trước, mùi máu tanh hôi nhưng chẳng ai để ý. Trên tàu Clara, mọi người được một chén cháo trắng nóng, húp từng ngụm thật trân quý như thưởng thức một món ăn thịnh soạn vậy.

Tôi không thể quên được bát cháo đầy tình người, chia sẻ trên tàu chờ hàng hóa của vị thuyền trưởng Olsen cho tất cả chúng tôi. Trên tàu chắc phải có một cái nồi lớn lắm để có thể nấu được nổi cháo, cho cả bốn ngàn người. Khi được phỏng vấn, ông Olsen

phát biểu "tàu Trường Xuân cần được cứu vớt vì người đông xếp lớp như cá mè trong hộp lại có thêm một hay hai em bé chào đời trên đó trông thật tội nghiệp, tôi phải cứu họ, mọi người trên tàu là những người tử tế hiền lành". Tàu Clara Mercks đã được phép của chính phủ Hong Kong cho cập bến và do lệnh của Nữ Hoàng Anh khi bà nhận được SOS của tàu Trường Xuân, xe nhà binh bí bùng đã đưa mọi người đến trại Dodgewell ở Hong Kong để tạm trú. Trong khi đó tôi, con trai hai tuổi và em bé sơ sinh được trải nằm trên chiếc brancard từ bến tàu để được chuyển lên trực thăng bay và đáp thẳng xuống nóc nhà của nhà thương quân đội Anh. Trong lúc chờ lên phi cơ, các kỹ giả Hồng Kông đến phỏng vấn tôi, họ hỏi tên tuổi và nghề nghiệp, tôi đã nói dối tôi là một bà nội trợ, lúc đó trong tôi, không có một hy vọng gì để làm lại sự nghiệp, tôi lo sợ không biết cách nào sinh sống trên đất lạ không cùng ngôn ngữ, con đường trước mắt là kẻ ăn xin ngoài đường phố.

Trong nhà thương, tôi được các y tá người Anh săn sóc tận tình, kêu thức dậy cho ăn, ngày tắm rửa. Con trai quần quai bên mẹ để được cho ăn bánh kẹo, em bé sơ sinh được săn sóc nuôi nấng kỹ lưỡng. Ba mẹ con chúng tôi rời nhà thương sau hai tuần lễ để về trại sống chung với mọi người. Tại trại, tôi may mắn và bất ngờ gặp ông anh, con ông bác tôi, anh Minh theo làm việc cho ông chủ

người Mỹ Keybeech là chủ nhiệm tờ báo Chicago Daily News tại Hong Kong, anh Minh xem TV theo dõi tình hình Việt-Nam vì vợ con anh còn ở lại, anh đã nhìn thấy hình mẹ con tôi nằm trên chiếc brancard, nhận ra có lẽ là tôi, anh đã xin ông chủ kiểm cho anh giấy phép để vào trại thăm chúng tôi. Các người đến thăm đều phải đứng ngoài hàng rào để trao quà tặng và các vật dụng. Anh Minh và ông Keybeech đến cho tôi một trăm đôla và hai bộ quần áo. Ông chủ anh có ý muốn bảo lãnh chúng tôi ở lại Hồng Kông và sẽ kiếm việc cho tôi.

Trong trại, mỗi gia đình chiếm một góc, không có vách ngăn. Hàng ngày mỗi người đều xếp hàng đi lấy cơm, ngày nào cũng cùng menu, cơm trắng với thịt băm. Chồng tôi nói được tiếng Pháp thì đi giúp làm hồ sơ giấy tờ cho các đồng hương. Một tuần sau, tôi được gọi lên gặp phái đoàn Canada phỏng vấn. Họ phỏng vấn riêng rẽ từng người và đặt những câu hỏi có tính cách cá nhân. Chồng tôi khai một số người đi chung là anh em họ hàng, để được đi cùng chuyển qua Canada nhưng họ đều bị gạt ra khỏi hồ sơ vì các nhân viên đi trú biết là khai không thật.

Tôi tưởng tượng Canada là xứ chỉ có các tảng băng đá giá lạnh quanh năm, tôi đã không có ý định xin định cư tại xứ này. Nhưng lúc đó chỉ có vài nước đến gặp dân tị nạn như Pháp, Tân Tây Lan, Canada... tôi cũng không muốn xin tị nạn tại Mỹ

vì sợ không liên lạc được với ba mẹ bên nhà. Pháp thì rất tốt vì chồng tôi đã tốt nghiệp ở đó, tuy nhiên lúc đó kinh tế Pháp đã xuống dốc, nạn thất nghiệp đã cao, nên chúng tôi không kỳ vọng xin vào Pháp. Vị quan chức đi trú của Canada đã đến tận lều trại của chúng tôi để thuyết phục chúng tôi phải rời trại càng sớm càng tốt vì điều kiện vệ sinh của trại không thích hợp cho em bé sơ sinh. Thế là chúng tôi bùi ngùi rời trại, rời xa các đồng hương đã chia sẻ với chúng tôi trong những giây phút hiểm nguy, không một giọt nước, không có thức ăn, trong cảnh màn trời chiếu đất, trong giờ phút hấp hối của Miền Nam yêu thương. Chúng tôi phải rời xa những thanh niên, những cô bác đang lo lắng không biết tương lai sẽ đi về đâu và bao giờ được ra khỏi trại tị nạn để được đi định cư.

Chúng tôi đến Vancouver vào ngày 23 tháng 5, trời lạnh lẽo tôi co ro trong chiếc áo len mỏng không biết ai đã cho tôi. Sau khi làm xong thủ tục đi trú, chúng tôi được bay Montréal, tại đây chúng tôi được cư trú tạm thời trong khách sạn để đợi giấy tờ đến thành phố Québec. Vị quan chức đi trú của Québec ông Linteau đã đến đón chúng tôi về Québec.

Tại Québec, chúng tôi trú ngụ tạm thời vài tuần tại Motel Helen trong khi chờ đợi chính phủ cấp nhà. Chúng tôi được dọn đến một ấp khá rộng rãi, từ lạnh đây áp các thức ăn. Bà hàng xóm đã giúp tôi kiếm việc làm, là nhân

viên trả lời điện thoại tại một hotel gần nhà.

Bé gái sinh trên tàu Trường Xuân, trên biển cả, được tàu Đan Mạch vớt đã được cấp khai sanh công dân Đan Mạch. Vị sứ quán Đan Mạch đến thăm chúng tôi và đã giúp tôi được làm stage trong nhà thương Hotel Dieu Québec và được có lương, lúc đó khoảng hai đồng rưỡi một giờ. Thường thì sinh viên nội trú không có lương.

Sau khi xong stage, tôi được sở đi trú giúp kiếm việc làm trợ được-sĩ tại tỉnh St Georges de Beauce trong lúc chờ đợi giấy hành nghề được sĩ. Nhà thuốc nơi tôi làm ở tầng dưới, còn gia đình tôi trú ngụ trên lầu nên rất tiện cho tôi. Người dân của thành phố nơi đây rất tử tế với tôi, vào mùa hè họ cho tôi cá thật ngon mà họ câu được, còn mùa đông thì tôi được ăn thịt nai, hươu, mà họ săn được. Một cửa tiệm sang trọng bán các áo cưới và giày dép cô dâu, đóng cửa vì bà chủ qua đời, ông chủ đã kêu tôi để cho hơn hai trăm đôi giày cao gót đủ kiểu, đủ kích thước những đôi nào cũng quá to cho tôi. Tôi đã đem tặng hơn hai trăm đôi giày phụ nữ cho người cháu chồng sống ở Mỹ. Khi tôi có bằng, một ngày tôi nhận được cú điện thoại của bạn đồng nghiệp, chị Đào thị Từ rủ tôi về Montréal mua tiệm thuốc.

Cuộc đời may mắn kéo tôi ra khỏi cái job trong trí tôi, khi tôi còn ở trại tạm cư tại Hồng Kông “người ăn xin ngoài đường phố”,

ăn xin để sống. Gia đình chúng tôi đã bỏ lại tất cả, bỏ của để chạy lấy người, bỏ quê hương yêu dấu, bỏ bố mẹ ra đi vào nơi vô định, không biết tương lai sẽ đi về đâu, chỉ biết cứ chạy thoát thân ra khỏi gong kiếm của Cộng Sản vậy thôi. Vài bộ áo quần cuối cùng của tôi cũng rớt trong lòng biển khi náu dây cáp để được kéo lên boong tàu.

Chồng tôi đã gieo sâu vào đầu óc các con tôi, con trai tôi chưa đầy hai tuổi đã rời Việt-Nam lúc yếu đau, mụt nhọt đầy máu mủ trên khắp lưng, cả trên da đầu bé, bé thật đau đớn nhưng cháu cũng cam chịu, thiếu sữa cũng không khóc la, cháu đã có sức chịu đựng ngay từ tuổi thơ đó. Khi lớn lên, mẹ rủ con trai về thăm lại Việt-Nam, cháu đã từ chối không về. Cháu nói mình đã bỏ chạy vì chính quyền độc ác, tại sao lại phải quay về. Đến bây giờ cháu vẫn chưa nguôi lòng căm thù cộng sản, mặc dù chưa bao giờ biết chế độ CS ra sao, đất nước Việt-Nam phồn thịnh hay nghèo khổ như thế nào.

Còn em bé sinh trên biển cả, đúng vào ngày miền Nam đầu hàng, từ thăm tâm cháu, không một ngày sống trên quê hương, chưa bao giờ nhìn thấy những người CS tàn ác đối với những người đồng chủng của mình, cháu đã không nhận mình là người Việt-Nam, nhưng may sau đó mấy năm, cháu chơi với các anh chị cháu theo cha của họ đi vượt biển và định cư tại Canada, cháu thốt lên “người Việt-Nam

cũng có người tốt sao?”. Từ đó cháu không còn chối bỏ con người Việt-Nam trong cháu, lòng của cháu vốn lớn lao như đại dương. Mong rằng người CS tìm ra con người thật của mình, bỏ đi chủ nghĩa ngoại lai để những người bị tổn thương, như chúng tôi ở cả ba miền đất nước, nhất là thế hệ đi sau hãnh diện mình là người Việt-Nam.

Xin cảm ơn các quốc gia đã cứu mang hơn một triệu người sống sót đang sống và phát triển trên toàn cầu. Xin cầu nguyện cho những người xấu số đã bỏ thân trong lòng biển cả để rắng đi tìm nơi đất hứa hoàn toàn tự do.

Xin cảm ơn đất nước Canada đã có lòng nhân đạo cứu vớt hơn hai trăm ngàn người Việt-Nam từ mấy chục năm sau ngày Miền Nam thất thủ. Mặc dù thời tiết nơi đây có những ngày khắc nghiệt nhưng tôi thật mãn nguyện và biết ơn Canada quê hương thứ hai của chúng tôi. Tôi cứ khắc khoải để trả lại đời những gì tôi nhận được lúc gian nan. Quê hương Việt-Nam vẫn nằm trong tiềm thức tôi với tình cảm yêu thương và kính mến nhưng bây giờ thì quá muộn màng cho tôi để làm được gì cho Việt-nam. Mẹ Việt-Nam ơi, con sẽ được vui chôn thật xa không phải trên đất Mẹ.

Ds Mùi Bù.
Montréal, 06-03-2020



I was born at see

My journey into the world began aboard the Truong Xuan ship commanded by Captain Pham Ngoc Luy after the fall of Saigon in 1975. I was in my mother's womb and surrounded by almost four thousand people experiencing hunger, thirst, hope, and fear of the unknown. The price for freedom was to give

up a life everyone once knew in Vietnam.

At 80 miles south of the Mekong Delta and 50 miles away from the coast of Vietnam, our ship sent out an SOS signal. The engine had broken down and water was flooding in. What could have ended in tragedy, became

the start of something quite extraordinary.

I was born at sea on May 2nd and it was the same day when the Danish ship called the Clara Maersk came to our rescue. It took Captain Anton Martin Olsen three hours to locate us as the original coordinates were slightly off from our actual location or perhaps it was because we had drifted away from there. The operation was recorded as the largest rescue at sea with 3628 souls onboard. Each of us would begin new lives in countries all over the world. My family and I were blessed to have Canada open up their arms and to be able to call it our new home. Through the years, my studies have taken me from Montreal to New York and Paris and my work in fashion and eventually into technology has taken me literally around the globe.

I've been so fortunate to have lived in 9 cities in 4 countries but will always remember Montreal as most of my childhood was spent there. It is a sophisticated

and cultural city where I can appreciate and celebrate my Vietnamese heritage blended with French Canada. It's been 45 years since the journey to freedom and I feel like the best of my life is just beginning.

Career: My career started off in fashion design. I worked in small couture houses in Paris for Ted Lapidus and Koji Tatsuno who was the protégé of Yohji Yamamoto. In New York, I worked for several companies including Calvin Klein and Nautica in New York to overseeing \$600M at Old Navy in San Francisco.

In 2009, I launched my own collection in Los Angeles and then transitioned to working in eCommerce as I saw that the future was going to be in online sales. I launched a direct to consumer collection in 2013 called www.DSTLD.com that quickly became a Vogue magazine favorite. The collection was based on what consumers were looking for online and how they were typing in the Search. I was able to make the design

to inventory within one to three weeks once I received a read of the data analytics. I realized that I could marry my creative brain with my analytics skills and apply my methodology for fashion and beyond.

These days, I work as a Digital Brand Strategist helping global companies understand the consumer behavior with retail online sales for apparel, accessories, home, and consumer goods. I help them run their eCommerce stores and digital marketing with business and artificial intelligence. In my spare time, I'm creating a new platform that will optimize the supply chain to benefit the world on how we use its resources and hope to launch it by next year.

While my work takes me to different cities, I currently call Southern California home and recently bought a home in Orange County. Wherever I am, I'm always by the water where I feel most at peace.

Có 3 thứ không thể kết hợp với nhau : đó là thông minh, lương thiện và cộng sản

- 1- Người thông minh và lương thiện thì không theo cộng sản
- 2- Người thông minh mà theo cộng sản thì không thể lương thiện
- 3- Người lương thiện mà theo cộng sản thì chắc chắn không thông minh

Thảm trạng Thuyền Nhân

Lâm Vĩnh Bình

Cộng Sản lừa dân VN ra biển để lấy tiền

Người vượt biên có bốn cách ra đi:

- Đi chui, là ra đi bằng cách giả dạng dân chài ra khơi lúc ban mai rồi chạy thẳng ra hải phận quốc tế hay đi lậu theo những người mua bãi.

- Mua bãi là các người vượt biên đóng tiền cho người chủ tàu tổ chức mọi việc, kể cả hối lộ cho công an vùng sông biển để họ làm nơ mà có nơi tập hợp (mua bãi) trước khi rời bến.

- Đi bán chính thức, tức mua vé từ giới chức cấp tỉnh. Người tổ chức, thường là công an, thu tiền khoảng 12 lượng vàng (cây) mỗi đầu người rồi đứng ra mua tàu, xăng dầu, lương thực. Ngoài ra, người vượt biên phải nộp các văn tự nhà cửa cho Ủy ban Nhân dân địa phương, nói khác đi là phải hiến tài sản cho nhà cầm quyền. Cộng sản gọi chánh sách này là Phương Án 2.

- Đi đăng ký chính thức, tức ghi danh với nhà chức trách trung

ương mà cộng sản gọi là "Ban 69". Cách này dành riêng cho Hoa kiều, có văn phòng đăng ký ở Sài Gòn. Người xuất cảnh phải nộp sổ gia đình và 12 lượng vàng mỗi đầu người. Phương tiện chuyên chở cho hạng này là tàu lớn, rời bến Bạch Đằng ở Sài Gòn và được tàu hải quân hộ tống ra đến hải phận quốc tế. Người Việt đi ngà này phải mua lại giấy tờ tùy thân của người Hoa và học một ít tiếng Tàu.

Thực ra, khi xuống ghe tàu ra đi, không có dạng nào là an toàn cả. Thuyền nhân có thể bị chết ngay khi tàu chưa ra khỏi hải phận. Lợi dụng chánh sách cưỡng bức người Việt gốc Hoa hồi hương về Trung Quốc, hay cho phép đi ra nước ngoài gọi là chính thức hay bán chính thức, Cộng sản đã tổ chức các cuộc vượt biên cho người Hoa và người Việt (giả là người Hoa) để thu tiền rồi khi tàu vừa ra khơi thì nổ súng bắt lại, cứ thế người vượt biên vô tù ra khám nhiều lần, đóng tiền tàu nhiều lần cho đến khi tán gia bại sản mà có khi vẫn không đi khỏi nước được. «Theo báo cáo của Ban 69 và Phương Án 2, từ tháng

8/1978 đến tháng 6/1979 số tàu cho ra đi là 533, số người cho ra đi là 134 332, thu được 16 184 kg vàng, 164 500 dollars, 34 tỷ đồng, 538 ô tô, 4145 nhà » (Huy Đức, Bến Thắng Cuộc, NXB Osin Books, 2012, q.1, tr. 127).

Diễn hình là vụ chìm tàu ở Cát Lái (Thủ Đức) vào giữa năm 1979 khiến hàng trăm người đóng tiền vượt biển bị chết chìm.

"Hôm ấy là ngày thứ bảy, đúng giờ G, chủ tàu bắc loa kêu những người đã có danh sách đi xuống tàu. Đêm hôm trước, họ đã bí mật tập trung ở xung quanh đó, công an canh phòng cẩn mật cho họ ở vòng ngoài. Vì ai cũng sốt ruột đón chờ giây phút ấy, nên hàng trăm người tranh nhau xuống tàu rất nhanh. Tàu có 3 tầng, những người mua chỗ ở tầng dưới rẻ hơn, khi tàu chưa chạy thấy ngọt ngào quá leo lên, ngồi cả trên mũi, khiến cho con tàu chòng chành. Càng chòng chành, họ càng chạy qua chạy lại, khiến cho tàu nghiêng hẳn và nhanh chóng bị chìm. Thực ra, nếu con tàu không chìm tại bến thì ra khơi nó cũng chìm vì nó vốn chỉ là chiếc tàu kéo. Số người chết là 227 người, và phải đến ngày thứ ba mới kéo hết xác đã bắt đầu nặng mùi. Cứ hàng chục xác thì vớt lên xe, phủ bạt rồi chạy từ Cát Lái về mai táng ở khu đất cách đây chừng ba cây số. Chúng tôi phải vét sạch hòm ở các quận. Có bốn trường hợp phải chôn đôi bởi các bà mẹ trước khi chết ôm chặt lấy con mà chúng tôi không nỡ kéo tay họ ra. Chỉ có 40 người sống sót như mất

hồn vì chứng kiến xác người thân của mình đã trướng lên, phải khó khăn lắm mới đưa ra khỏi tàu đã chìm ba bốn ngày dưới nước". (Huy Đức. Bền Thắng Cuộc, q.1, tr.130).

Sau các chiến dịch đổi tiền, đánh tư sản, cướp nhà cướp đất trước đó, Cộng sản không từ bỏ bất cứ hành động gian ác, lưu manh nào để trấn lột, giết hại người dân. Việc lừa dân ra biển, lừa gạt dân để lấy vàng rồi giết là một hành động cực kỳ dã man chưa từng thấy. Chính nhờ chiến dịch tổ chức vượt biển mà giới lãnh đạo, công an các cấp đã trở nên giàu có. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đã bắt đầu giàu từ lúc này nhờ lấy tiền của người vượt biển vùng Rạch Giá - Hà Tiên lúc làm Công an Trưởng. Số tiền thu được của người vượt biển trên nguyên tắc phải nộp đủ cho Bộ Nội Vụ, cơ quan chủ trì chuyện vượt biển, nhưng cấp dưới đã ăn chặn hoặc hạch sách đòi hỏi nhiều hơn. Ban 69 báo cáo cho Chủ tịch nước Trường Chinh là các địa phương «thu vàng nhiều và nộp lên trên ít», và số thất thu (tham nhũng địa phương) được liệt kê mỗi tỉnh hàng chục ngàn lượng, thí dụ như tỉnh Minh Hải : 48 195 lượng (sdd, tr.129).

Theo Bùi Xuân Quang trong *La troisième guerre d'Indochine*, Cộng sản đã thu được 25 tấn vàng, tương đương với 2,5 tỉ mỹ kim (vào thời điểm lúc đó) trong phong trào vượt biển. Số tiền này Cộng sản dùng để trả nợ Trung Quốc và Liên Xô đã cho vay vũ

khí trong thời kỳ chiến tranh với miền Nam.

Hải tặc

Hải tặc là tai họa khiếp sợ hàng đầu của thuyền nhân, nhứt là trong vịnh Thái Lan. Chỉ trong năm 1981, theo HCR, trong số 452 ghe thuyền chở 15 479 thuyền nhân cập bến Thái Lan thì có 349 chiếc bị hải tặc tấn công ít nhất 3 lần (84%), 578 phụ nữ bị hiếp, 228 phụ nữ bị hải tặc bắt đem theo, và 881 người chết (Fuite de l'Indochine, p. 87).

Thảm cảnh thuyền nhân đã được ghi lại bằng máu và nước mắt. Những biên khảo, tiểu thuyết, hồi ký của các nhân chứng hay người trong cuộc đã viết lại ngàn trùng hoàn cảnh thương tâm, vượt khỏi sức chịu đựng của con người. Vài chuyện sau đây chỉ nói lên một phần nhỏ trong muôn ngàn khổ nạn.

Bà Nguyễn Thị Thương 36 tuổi, tốt nghiệp Đại Học Hoa Kỳ, tu nghiệp tại Paris. Trước 1975 bà là giáo sư Đại Học Bách Khoa Thủ Đức. Bà Thương vượt biển cùng chồng là giáo sư Trần Quang Huy, phân khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon, cùng với mẹ ruột, người cậu, 2 em trai, 2 em dâu, 4 cháu gái và một con gái nhỏ 3 tuổi. Nhưng chỉ còn bà, con gái nhỏ của bà, một người em trai của bà và một em gái của chồng sống sót. Ghe mang số SS-0646IA dài 13 m 5, chở 107 người khởi hành từ Rạch Giá ngày 01 tháng 12 năm 1979. Ra khơi được 3 ngày, thuyền chạy về hướng Thái Lan,

khi đã gần tới đất liền thì gặp bọn cướp biển vào ngày 03/12/1979. Hai tàu cướp Thái Lan cặp hai bên hông thuyền tị nạn, bọn cướp đã ủa sang với súng và dao.

Vì ghe thuyền Việt Nam quá chật hẹp, bọn hải tặc đã lừa 27 người sang tàu của chúng cho dễ lục soát vàng bạc của cải. 80 người còn lại bị khám xét cướp hết vàng bạc. Sau đó bọn cướp buộc giây vào ghe và đuôi tàu của chúng rồi kéo chạy. Chúng xả hết tốc lực, chạy lượn vòng qua lại làm ghe tị nạn nghiêng chìm như một trò chơi. Dân tị nạn la khóc, van lạy cho tới khi ghe chìm hẳn. Bọn cướp biển cắt giây nối và chạy bỏ mặc 80 người vùng vẫy tuyệt vọng, trong khi 27 người tị nạn trên tàu vật vờ khóc ngất nhìn xuống biển chứng kiến người thân đang dần dần chết chìm. Bọn hải tặc chạy thẳng về đảo sào huyết Kokra của chúng mang theo 27 người, nhưng gần tới đảo, chúng xô tất cả đàn ông xuống biển, 7 người đàn ông này bị chết đuối vì không đủ sức bơi hoặc không biết bơi trong đó có giáo sư Huy.

Số 20 người phụ nữ sống sót sau cùng đã bị bọn cướp đưa lên đảo và lại bị lục soát, sờ nắn khắp thân thể để tìm kiếm vật quý còn cất giấu trong người. Bà BTĐ (xin viết tắt, giấu tên) 26 tuổi có con 4 tuổi, bị dẫn ngay vào bụi hăm hiếp mặc dù bà đang mệt lả không đứng dậy nổi vì đói khát, kinh hoàng. Sau đó, trong suốt 8 ngày liền bị giam giữ trên đảo, 20 thuyền nhân còn lại này đã bị quần thảo hành hạ bởi nhiều

toán cướp biển khác nhau hàng ngày đổ bộ lên đảo. Các phụ nữ, cô gái phải chạy vào rừng hoặc leo lên hốc ẩn tránh. Nhưng vẫn không thoát khỏi tay bọn dâm tặc. Một lần Bà BTĐ quá mệt mỏi không còn sức chạy trốn nổi, đang nằm ngất ngư và được mọi người săn sóc thì bọn hải tặc lại ủa đến, đuổi tất cả mọi người chung quanh đi chỗ khác và 4 tên Thái man rợ luân phiên hăm hiếp tàn nhẫn ngay tại chỗ, khiến bà ta bị kiệt lực nằm im lìm không nhúc nhích được nữa. Đến ngày thứ 3 trên đảo, một tàu Thái, bên hông có ghi chữ POLICE số 513 tới đảo. Bọn cướp rút lui, chạy tàu ra xa. Chiếc tàu Cảnh Sát neo sát bờ biển, họ chỉ nhìn vô bờ nhưng không lên đảo. Những người tị nạn Việt Nam mừng rỡ tưởng được cứu thoát, một thanh niên tị nạn bơi ra mang theo một lá thư cầu cứu bằng tiếng Anh để gởi cho giới chức Cao Ủy Liên Hiệp Quốc. Nhưng chưa bơi tới nơi đã bị tàu Cảnh Sát Thái nổ súng bắn xuống biển cảnh cáo. Anh ta hoảng hốt bơi quay trở vào bờ. Sau đó mọi người lại để cử một thiếu niên 15 tuổi liểu mình bơi ra cầu cứu lần nữa. Cậu này đã được Cảnh Sát cho lên tàu, nhưng chỉ cho vài gói mì và đuổi xuống biển ngay. Cuối cùng tàu Cảnh Sát này bỏ đi. Sau này mới biết họ đã không hề báo tin vào đất liền.

Ngay sau khi tàu Cảnh Sát bỏ đi, bọn hải tặc lại lên đảo và tình trạng tối tệ tiếp tục diễn ra. Đến ngày thứ năm, một tàu Hải Quân Thái Lan đi ngang qua đảo, nhóm

người tị nạn chạy ra sát bờ vẫy gọi, làm hiệu và lần này chiếc tàu Hải Quân đã cho người lên đảo tiếp xúc và nhận bức thư nhờ chuyển về cho Cao Ủy Liên Hiệp Quốc tại Thái Lan. Ngày thứ tám, ông Schweitzer, đại diện Liên Hiệp Quốc tại Thái Lan ra đón họ vào đất liền. Không lâu sau đó

Bà Nguyễn Thị Thương sinh thêm đứa con gái út trong trại tị nạn Song Kla và bà sống tại đó với một đứa con gái 3 tuổi và người em trai của bà và một em gái của ông Huy. Lúc bắt đầu rời Việt Nam Bà Thương đã có thai gần 9 tháng, chính nhờ vậy trong những ngày trên đảo Kokra, bà đã không bị hải tặc hăm hiếp. Bà Nguyễn Thị Thương kể lại câu chuyện trên rồi khóc lạng lã và nói: "Chồng tôi và tôi đã đoán trước những thảm cảnh có thể xảy ra trên biển. Nhưng chúng tôi vẫn chấp nhận ra đi vì chúng tôi đã nghĩ rằng, dù thế nào cũng ít tệ hại hơn là sống dưới chế độ Cộng sản. Nhưng những đau khổ tôi đang phải chịu đã vượt qua dự đoán của chúng tôi". (nguồn : memaria.org)

Ông Bùi Văn Phú, người đã làm việc trong các trại tị nạn vào thập niên 80 đã kể nhiều chuyện nghe thấy trong Hành trình Biển Đông. Sau đây là vài câu chuyện tiêu biểu.

- Tàu ra đi từ Cái Sắn, Rạch Giá vào tháng 3 /1979. Tàu bị hải tặc cướp, hăm hiếp. Khi tàu bị tấn công lần thứ hai, đám thanh niên nhất quyết chống lại. 62 thuyền

nhân bị chúng giết chỉ còn một người sống sót vì bị những xác chết đè lên.

- Tháng 7/1979, một tàu vượt biển bị bão đánh vỡ ra từng mảnh. Trong số 350 người chỉ còn 14 người sống sót và có một hải nhi ra đời giữa lòng biển khơi trong khi người mẹ tuổi khoảng 30 đang bám vấu trên một chiếc bè trôi mà người đỡ đẻ là một nam học sinh 17 tuổi. Câu chuyện vượt biển này tưởng như kết thúc ở bến bờ tự do, nhưng 14 người sống sót lại được tàu đánh cá của VN vớt đưa về điểm khởi hành. Không biết số phận của đứa bé trai được sinh ra giữa lòng biển khơi giờ đây ra sao ? Nếu còn sống, năm nay em đã 16 tuổi.

Những câu chuyện chúng tôi vừa trích đăng là những chuyện bi thảm nhưng chưa lắm kinh hoàng như trong đói khát cùng cực, người phải ăn thịt người để sống.

Đây là những tài liệu lịch sử mà người Việt các thế hệ cần đọc để biết cái giá tự do mà người Việt đã phải trả để mong thoát được gông cùm của chế độ cộng sản. Những người đã trải qua hay nhân chứng những giây phút hải hùng ấy mà sau đó lại quay lưng chạy theo cộng sản, hay trở về du hí bên cạnh đồng bào nghèo khổ của họ đã không may mắn thoát đi được, là những người thiếu lương tri, không nhân cách nếu không phải là mất trí. Họ còn là kẻ phản bội với đồng bào Việt

Nam và dân chúng cùng chánh phủ của quốc gia đã cứu mang họ. Thật là nhục nhã.

Người vượt biên đến Hồng Kông

Đa số là thuyền nhân đi từ miền Bắc, đường đi ngắn hơn và ít nguy hiểm hơn vì có thể đi sát ven bờ, ít bị làm khó dễ bởi hải quân Trung Quốc, vốn thù nghịch với Việt Nam vào thời điểm ấy, nhưng lại là những thuyền nhân bị khổ sở, nhục nhã nhất khi đặt chân đến đất Hồng Kông, hay khi đi định cư ở các quốc gia đệ tam khó khăn nhất, bị thanh lọc trả trở về VN nhiều nhất, và cũng là thành phần phạm pháp nhiều nhất khi đến các đất định cư.

Ngay từ tháng 5 năm 1975, tàu hàng Đan Mạch **Clara Maersk** đã chuyển được 3743 thuyền nhân từ tàu **Trường Xuân** đang bị chìm để đưa đến Hồng Kông tạm trú. Cao Ủy Tị Nạn muốn *Cơ quan Civil Aid Services* điều hành công việc săn sóc thuyền nhân trong thời gian chờ đi định cư. Sau đó, thuyền nhân tiếp tục ồ ạt đến Hồng Kông, trong số có nhiều người Việt gốc Hoa bị chánh phủ VN cưỡng bách hồi hương, thay vì phải về Trung Quốc họ trốn đến Hồng Kông. Năm 1980 có đến 100 000 người trong các trại tị nạn, lần lượt được cứu xét đi định cư ở Hoa Kỳ và các nước Âu Châu.

Lúc đầu, các người tị nạn có thể ra ngoài trại để làm việc kiếm

thêm chút ít tiền, nhưng kể từ năm 1982, các thuyền nhân bị xem như tù nhân, bị giam trong các trại cấm, bên ngoài tường bao phủ kẽm gai (trại Chimawan, Heilingchau, Cap Collinson, White Head). Người tị nạn không có tên mà chỉ có một con số khi nhập trại, cơm không đủ ăn, chỗ ở chật hẹp, nóng bức trong các nhà tôn, 3 người ngủ chung một giường. Cuộc sống túng quẫn, giành giật, tranh chấp vì quyền lợi và quan điểm chính trị khác biệt (người đi từ Miền Bắc theo Cộng, người đi từ miền Nam chống Cộng). Đời sống các trại được mô tả như địa ngục trần gian, bị thống trị bởi các quân trại và các băng đảng.

Để ngăn chặn số thuyền nhân cứ tiếp tục đến và giải quyết số thuyền nhân thường xuyên bạo động, giải tòa gánh nặng kinh phí nuôi thuyền nhân (trung bình mỗi năm 270 triệu đồng HK, trong đó Hồng Kông phải chịu 110 triệu), chính phủ Hồng Kông thi hành chính sách thanh lọc thuyền nhân kể từ tháng 6 năm 1988. Thuyền nhân được chia thành 2 loại: tị nạn chính trị và tị nạn kinh tế. Những người bị xem như tị nạn kinh tế bị cưỡng bách hồi hương. **Hong Kong đóng cửa các trại tị nạn năm 2000** sau khi cho phép định cư tại Hồng Kông 1400 người là cha mẹ của các trẻ con sinh ra tại Hồng Kông.

Việc đóng cửa các trại tị nạn Hồng Kông là một giải thoát cho chính phủ Hồng Kông đã phải gánh vác một trách nhiệm

nặng nề trong suốt 20 năm để nuôi 200 000 người không phải là công dân của họ trên một lãnh thổ đã có nạn nhân mãn. Ngoài ra, việc đóng cửa các trại tị nạn và chánh sách thanh lọc còn giúp cho nạn nhân của chế độ Cộng sản sớm tìm được hơi thở trong vùng đất tự do, và đồng thời giải quyết cho những người rời VN vì lý do kinh tế phải hồi hương về VN thay vì kéo dài cuộc sống vô định ở trại tị nạn.

Tuy nhiên, chánh sách thanh lọc có nhiều bất công đã khiến nhiều người bị cưỡng bách hồi hương uất ức tự tử, nhiều phần tử bất hảo được đi định cư tiếp tục các hành vi phạm pháp trên đất mới, gây ảnh hưởng đến uy tín của cộng đồng người Việt vốn được người địa phương nể trọng.

Từ năm 1975 đến 1996, các trại tị nạn Hong Kong tiếp nhận 195 833 người, chiếm 23.3% tổng số thuyền nhân trong các trại tị nạn (Barbara Vaillant. Boat-people vietnamiens entre memoire et diaspora. Paris, Harmattan, 2013. p.94).

Lâm Vĩnh Bình

(Trích : **Giá Tự Do : Tị nạn và Lập cư** của Lâm Vĩnh Bình, tác phẩm được giải thưởng Văn Học của Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do năm 2014, tu chính và xuất bản bởi NXB Người Việt, California, năm 2017)



Cứ đến ngày 30 tháng tư, người dân Việt Nam đau xót nhớ đến ngày Quốc Hận. Chúng tôi xin thấp nén hương lòng tưởng niệm những vị anh hùng đã tồn tiết trước hay sau ngày 30 tháng tư và những vị anh hùng vô danh các cấp bậc trên khắp nước mà chúng tôi không rõ được danh tánh.

- 1- **Thiếu Tướng Phạm Văn Phú**, Cựu Tư lệnh Quân Đoàn II tự tử bằng độc dược ngày 29/4/1975, mất tại nhà thương Grall tối ngày 30.
- 2- **Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam**, Tư lệnh Quân Đoàn I, tự sát sáng ngày 01/05/1975.
- 3- **Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng**, Tư lệnh phó Quân Đoàn IV, tự sát tại văn phòng Bộ Tư Lệnh tối ngày 30/4/1975.
- 4- **Chuẩn Tướng Trần Văn Hai**, Tư lệnh Sư Đoàn 7 Bộ Binh, tự sát tại căn cứ Đồng Tâm rạng sáng 1/5/1975.
- 5- **Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ**, Tư lệnh Sư Đoàn 5 Bộ Binh, tự sát tại sân cờ Bộ Tư lệnh ở Lai Khê ngày 30/4/197.
- 6- **Đại Tá Hồ Ngọc Cẩn**, Tỉnh Trưởng Chương Thiện, tử thủ Chương Thiện, bị Việt cộng xử tử tại Cần Thơ ngày 14 tháng 8 năm 1975.
- 7- **Đại Tá Nguyễn Hữu Thông**, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 42 Bộ Binh, Sư Đoàn 22 BB, khóa 16 Đà Lạt, tự sát tại Quy Nhơn ngày 31/3/1975.
- 8- **Đại Tá Lê Cầu**, Trung đoàn trưởng, Sư Đoàn 22 BB, khóa 16 Đà Lạt.

- 9- **Trung Tá Đặng Sỹ Vinh**, Trưởng Ban Binh Địa P2 Bộ TTM, biệt phái qua Cảnh Sát, phụ trách Trưởng Phòng Trung Ương Kỹ Thuật cùng vợ và 7 con uống thuốc độc tự tử tại nhà ở Ngã Ba Ông Tạ sáng ngày 30 /4/1975 trong đó có trưởng nam là Trung Ủy Đặng Trần Vinh, Phòng 7 Tổng Tham Muu.
- 10- **Trung Tá Nguyễn Văn Long**, Chánh sở Tư Pháp, BCH/Cảnh Sát Quốc Gia tự sát tại công trường Lam Sơn, dưới chân tượng đài TQLC trước Hạ Viện trưa ngày 30/4/1975.
- 11- **Trung Tá Nguyễn Văn Đức**, nguyên Chỉ huy trưởng Biệt Đoàn Cảnh Sát Lưu Thông Thủ Đô, tồn tiết bằng súng lục tại văn phòng của Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai khi nghe Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng.
- 12- **Trung Tá Võ Tuyết Hồ**, Bộ Tư Lệnh /CSQG tự sát ở khu Rừng Sát khi nghe Dương Văn Minh đầu hàng.
- 13- **Trung Tá Nguyễn Đình Chi**, Phụ Tá Chánh sở 3 ANQĐ, Cục An Ninh Quân Đội, tự sát ngày 30/4/1975 tại Cục An Ninh.
- 14- **Trung Tá Phạm Đức Lợi**, Phụ tá Trưởng Khối Không ảnh P2/ Bộ TTM, tự sát ngày 30/4/1975.

- 14- **Trung Tá Vũ Đình Duy**, Trưởng Đoàn 66 Đà Lạt, 30/4/1975.
- 15- **Trung Tá Nguyễn Văn Hoàn**, trưởng Đoàn 67 Phòng 2 Bộ TTM, 30/4/1975.
- 16- **Hải Quân Trung Tá Hà Ngọc Lương**, Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Nha Trang, tự sát ngày 28/4/1975 cùng vợ, 2 con và cháu.
- 17- **Trung Tá Phạm Thế Phiệt**, 30/4/1975.
- 18- **Trung Tá Nguyễn Xuân Trân**, Khoá 5 Thủ Đức, Ban Ước Tình Tình Báo P2 /Bộ TTM, 1/5/75.
- 19- **Trung Tá Phạm Đức Lợi**, Phòng 2 Bộ TTM, khoá 5 Thủ Đức, học giả, nhà văn, thơ, soạn kịch, bút danh Phạm Việt Châu, cựu giảng viên trường Sinh ngữ Quân đội, trưởng phái đoàn VNCH thực hiện HD Paris tại Hà Nội, tự sát tại nhà riêng ngày 5/5/1975.
- 20- **Thiếu Tá Đỗ Minh Hoàng**, CHT/CS Quận Bình Phước, Long An, tự sát tại Cầu Quay, Mỹ Tho ngày 30/4/1975.
- 21- **Hải Quân Thiếu Tá Lê Anh Tuấn**, CHT/Giang Đoàn 43 Ngăn Chặn (bảo vệ của Trung Tướng Lê Nguyên Khang), tự sát ngày 30/4/1975 tại Chiến Đình trên đường triệt thoái.
- 22- **Thiếu Tá Không Quân Nguyễn Gia Tập**, đặc trách khu trục tại Bộ Tư Lệnh KQ, tự sát ngày 30/4/75 tại Bộ Tư Lệnh Không Quân.
- 23- **Thiếu Tá Mã Thành Liên (Nghĩa)**, Tiểu đoàn trưởng 411ĐP, Tiểu Khu Bạc Liêu, khoá 10 Đà Lạt, tự sát cùng vợ ngày 30/4/1975.
- 24- **Thiếu Tá Lương Bông**, Phó Ty An Ninh Quân Đội Cần Thơ - Phong Dinh, 30/4/1975.
- 25- **Thiếu Tá Trần Thế Anh**, 30/4/75.
- 26- **Thiếu Tá Nguyễn Văn Phúc**, Tiểu Đoàn Trưởng, Tiểu Khu Hậu Nghĩa 29/4/1975.
- 27- **Thiếu Tá Đỗ Văn Phát**, Quận Trưởng Thạnh Trị, Ba Xuyên 1/5/1975.

- 28- **Đại Úy Vũ Khắc Cần**, Ban 3, Tiểu Khu Quảng Ngãi, 30/4/1975.
- 29- **Đại Úy Tạ Hữu Di**, Tiểu Đoàn Phó 211 Pháo Binh, Chương Thiện, 30/4/1975.
- 30- **Đại Úy Nguyễn Văn Hựu**, Trưởng Ban Văn Khố P2/Bộ TTM, tự sát sáng 30/4/75 tại P2/Bộ TTM.
- 31- **Trung Úy CSQG Nguyễn Văn Cảnh**, Trưởng Cuộc Vân Đồn, Q.8, 30/4/1975.
- 32- **Trung Úy Đặng Trần Vinh** (con của Đại Tá Đặng Sĩ Vĩnh), P2 BTTM, tự sát cùng vợ con, 30/4/1975.
- 33- **Trung Úy Nghiêm Viết Thảo**, An Ninh Quân Đội, khoá 1/70 Thủ Đức, tự sát 30/4/1975 tại Kiến Hòa.
- 34- **Trung úy Nguyễn Văn Hoàng**, Đại Đội Trưởng Đại Đội 1 Tiểu đoàn 31 Biệt Động Quân cùng người yêu tự sát ngày 01/5/1975 tại Mương Chuối, Nhà Bè.
- 35- **Thiếu Úy Nguyễn Phụng**, CS đặc biệt, tự sát tại Thanh Đa, Sài Gòn ngày 30/4/1975.
- 36- **Thiếu Úy Nhảy Dù Huỳnh Văn Thái**, khoá 5/69 Thủ Đức. tự sát tập thể cùng 7 lính Nhảy Dù tại Ngã 6 Chợ Lớn 30/4/1975.
- 37- **Thiếu Úy Nguyễn Thanh Quan** (Quan Đen), phi công PĐ 110 Quan Sát (khóa 72), tự sát chiều 30/4/1975.
- 38- **Chuẩn Úy Đỗ Công Chính**, TĐ 12 Nhảy Dù, tự sát ngày 30/4/1975 tại cầu Phan Thanh Giản.
- 39- **Tổng Nha Cảnh Sát Quốc Gia còn ghi nhận 30 nhân viên cảnh sát từ cấp Trung Úy đến Cảnh sát viên tại nhiều địa phương đã tự sát ngày 30 /4/1975 và ngày 1/5.**

Nguồn :
- <https://tienggoicongdan.com/2015/03/05/cdnvqghk-danh-sach-anh-hung-vnch-tuan-tiet-trong-thoi-gian-30-4-1975/> - canhsatquocgia.org



Theo Wikipedia, Quân Lực VNCH có 173 vị tướng từ cấp thống tướng đến chuẩn tướng.
Theo tài liệu lưu giữ tại Viện Bảo Tàng Việt Nam ở San Jose, vào tháng 4 năm 1975, VNCH có 112 tướng lãnh trong số có 80 vị đã rời khỏi Việt Nam khi Cộng Sản chiếm Saigon.

Theo sự tìm hiểu của chúng tôi, nếu không kể vị Thống Tướng duy nhất là Lê Văn Tỵ đã mất năm 1964, các tướng lãnh đã mất vì già yếu, vì tử trận (7), các tướng đã hồi hưu hay giải ngũ thì vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, VNCH có 107 tướng tại ngũ được liệt kê như sau:

Cần chú thích thêm là ngoài 29 tướng bị đi cải tạo còn có thêm 9 vị tướng hồi hưu hay giải ngũ cũng bị cộng sản bắt đi cải tạo, như vậy số tướng lãnh bị bắt đi cải tạo là 38 vị.

Ngoài ra, trong số tướng giải ngũ có một tướng thân cận với Dương Văn Minh đã bị TT Thiệu cho giải ngũ, nhưng lại là một tên cộng sản nằm vùng, bí danh là S7, được Dương Văn Minh cho tái ngũ ngày 28/4/1975 là chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh.

	Đại Tướng	Trung Tướng	Thiếu Tướng	Chuẩn Tướng	Tổng cộng
Tuần tiết			2	3	5
Di tản	2	24	15	31	72
Bị bắt cải tạo		3	9	17	29
CS nằm vùng				1	1
Tổng cộng	2	27	26	52	107

Những vị tướng tuần tiết

1- **Thiếu Tướng Phạm Văn Phú**, Tư Lệnh Quân Đoàn 2, Quân Khu 2, tự sát bằng thuốc độc ngày 29 tháng 4, được gia đình đưa vào nhà thương Grall và chết vào trưa ngày 30 tháng 4 sau khi được biết Dương Văn Minh vừa tuyên bố đầu hàng.

2- **Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam**, Tư Lệnh Quân Đoàn 4, Quân Khu 4, tự sát tại Bộ Tư Lệnh QĐ rạng sáng ngày 1 tháng 5 sau khi thăm các chiến hữu thương binh ở Quân Y Viện Phan Thanh Giản Cần Thơ.

3- **Chuẩn Tướng Lê Văn Hưng**, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn 4, Quân Khu 4, tự sát tại Bộ Tư Lệnh QĐ tối ngày 30 tháng 4 sau khi nói lời vĩnh biệt với vợ và con.

4- **Chuẩn Tướng Lê Nguyên Vỹ**, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 BB, tự sát tại Bộ Tư Lệnh ở Lai Khê trưa 30 tháng 4 sau khi dùng bữa cơm cuối cùng với chiến hữu.

5- **Chuẩn Tướng Trần Văn Hai**, Tư Lệnh Sư Đoàn 7 BB, tự tử ở Căn cứ Đồng Tâm (Mỹ Tho) chiều ngày 30 tháng 4.

Trong số 11 vị tướng lãnh trên chỉ có TrT Lữ Lan và

Những vị tướng di tản



Từ trái sang phải : TrT Nguyễn Văn Toàn (2005), Đệ đốc Lâm Ngươn Tánh (2018), TrT Lữ Lan, TrT Lê Nguyên Khang (1996), ThT Nguyễn Cao Kỳ (2011), ĐT Cao văn Viên (2008), TrT Ngô Quang Trưởng (2007), TrT Nguyễn Văn Minh (2006), ThT Nguyễn Ngọc Loan (1998), ThT Bùi Thế Lân (2014), Phó Đệ Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại.

<https://www.facebook.com/groups/1669629573295811/permalink/2548173008774792/> Thận Thiên Mar 8, 2020

Phó Đệ Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại còn tại thế, 9 vị còn lại đã qua đời (năm mất trong dấu ngoặc)

Từ ngày 25 đến 30 tháng tư, một số tướng lãnh đã

bắt đầu rời Việt Nam, hoặc nhờ phương tiện của Mỹ, hoặc nhờ tàu và phi cơ của VNCH rời VN đến

Đệ Thất Hạm Đội hay những căn cứ của Mỹ ở Thái

Bình Dương rồi từ đó được di tản đến các trại tiếp cư trên đất Mỹ, một vài vị sau đó đi Canada hay Pháp, trừ Tổng Thống Thiệu đi Anh Quốc.

Hai vị tướng rời VN sớm nhất là Tổng Thống Thiệu và Thủ Tướng Khiêm

- **Trung Tướng Nguyễn văn Thiệu**, Tổng Thống kiêm Tư Lệnh Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà từ chức ngày 21-4-1975, ông tuyên bố "Dù mất một Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, quân đội vẫn còn Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu, đồng bào còn một chiến sĩ Nguyễn Văn Thiệu. Tôi nguyện sẽ chiến đấu bên cạnh anh em chiến sĩ...". Tuy nhiên, ngày 25-4-1975, ông Thiệu cùng ông Trần Thiện Khiêm rời Việt Nam trên một chuyến bay do Toà Đại Sứ Hoa Kỳ tổ chức.

- **Đại Tướng Trần Thiện Khiêm**, Thủ Tướng kiêm Tổng Trưởng Quốc Phòng từ chức vào thượng tuần tháng tư 1975, rời Việt Nam cùng lúc với TT Nguyễn văn Thiệu.

Danh sách các vị tướng di tản (Chức vụ ghi là chức vụ sau cùng)

Cấp Đại Tướng

1- **Cao văn Viên**, Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực VNCH.

2- **Trần Thiện Khiêm**.

Cấp Trung Tướng

1- **Nguyễn Văn Thiệu**.

2- **Chung Tấn Cang** (Phó Đô Đốc), Tư Lệnh Hải Quân.

3- **Phan Trọng Chinh**, Chỉ Huy Trưởng trường Chỉ Huy & Tham Mưu.

4- **Trần Văn Đôn**, Phó Thủ Tướng nội các Nguyễn Bá Cẩn, rời VN qua Pháp.

5- **Dư Quốc Đống**, Tư Lệnh Quân Đoàn III.

6- **Cao Hào Hớn**, Tổng Trưởng Chương Trình

Phát Triển và Bình Định.

7- **Lê Nguyên Khang**, Phụ Tá Hành Quân bộ Tổng Tham Mưu.

8- **Đồng văn Khuyên**, Tham Mưu Trưởng bộ Tổng Tham Mưu, Tổng Cục Trưởng Tiếp Vận.

9- **Lữ Lan** (Lữ Mộng Lan), Chỉ Huy Trưởng trường Cao Đẳng Quốc Phòng.

10- **Hoàng Xuân Lâm**, Phụ Tá Tổng Trưởng Quốc Phòng.

11- **Vinh Lộc**, nhận chức Tổng Tham Mưu Trưởng lúc 3 giờ chiều ngày 29 rồi sáng 30 ra đi cùng với Trung Tướng Trần Văn Trung.

12- **Nguyễn Văn Mạnh**, TTM phó đặc trách Địa phương quân và Nghĩa quân.

13- **Nguyễn văn Minh**, (Minh đồn vì đồn guitare rất hay), Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô.

14- **Trần Văn Minh**, (Minh nhỏ, hay Minh Lục quân, còn Minh lớn là Trung Tướng Dương văn Minh), Cựu Tổng Tham Mưu Trưởng, Đại sứ tại Tunisie, Tchad, sang Nice (Pháp).

15- **Trần Văn Minh**, (Minh đen), Tư Lệnh Không Quân.

Chú thích : VNCH có 4 tướng đều có tên Minh nên để dễ phân biệt, mỗi vị được gọi tên với một "biệt danh".

16- **Đặng văn Quang**, Phụ Tá An Ninh Quốc Gia Phủ Tổng Thống. lúc đầu đến Montréal, rồi sau sang Mỹ.

17- **Trần Ngọc Tám**, Cựu Đại Sứ VNCH tại Thái Lan.

18- **Lâm Quang Thi**, Tư Lệnh Phó Quân Đoàn 1 & QK 1.

19- **Nguyễn Xuân Thịnh**, Tư Lệnh Binh Chung Pháo Binh.

20- **Phạm Quốc Thuần**, Chỉ huy Trưởng Trường Sĩ

Quan Đồng Đế, Nha Trang.

21- **Nguyễn văn Toàn**, Tư Lệnh Quân Đoàn 2, rồi Quân Đoàn 3 kiêm Tư Lệnh Binh chủng Thiết Giáp.

22- **Trần văn Trung**, Tổng Cục Trưởng Chiến Tranh Chính Trị, đến Mỹ rồi sau sang Pháp.

23- **Ngô Quang Trưởng**, Tư Lệnh Quân Đoàn 1, Quân Khu 1.

24- **Ngô Dzu**, Trưởng đoàn Quân Sự 4 bên tại Trại Davis, Tân Sơn Nhất.

Cấp Thiếu Tướng

1- **Nguyễn Cao Kỳ**, Cựu Tư Lệnh Không Quân, Cựu Phó Tổng Thống. Trưa ngày 25 tháng tư, trước 10 000 người Công giáo ở xứ đạo Tân Sa Châu, ông tuyên bố: «Tôi sẽ ở lại Saigon chiến đấu cho tới chết, những kẻ chạy theo Mỹ là hèn nhát». Sau khi tuyên bố xong, ông thu xếp cho máy bay di tản qua Thái Lan trong đó có một chiếc trực thăng chở ông cùng tướng Ngô Quang Trưởng ra Đệ Thất Hạm Đội ngày 29/4.

2- **Đào Duy Ân**, Tư Lệnh Phó Diện Địa Quân Đoàn III.

3- **Nguyễn Khắc Bình**, Tư Lệnh Cảnh Sát kiêm Đặc Ủy Trưởng Tỉnh Báo.

4- **Võ văn Cảnh**, Phụ Tá Tổng Trưởng Nội Vụ.

5- **Bùi Đình Đạm**, Tổng Giám Đốc Tổng Nha Nhân Lực Bộ Quốc Phòng.

6- **Nguyễn Duy Hinh**, Tư Lệnh Sư Đoàn 3 BB.

7- **Hoàng Văn Lạc**, Tư Lệnh Phó Quân Khu 1.

8- **Võ xuân Lành**, Tư Lệnh Phó Không Quân.

9- **Bùi Thế Lân**, Tư Lệnh Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến.

10- **Nguyễn Ngọc Loan**, Chánh Thanh Tra Bộ Quốc Phòng.

11- **Phan Đình Niệm**, Tư Lệnh Sư Đoàn 22 BB.

12- **Lâm Ngươn Tánh** (Hải Hàm Đế Đốc), Phụ Tá Quốc Vụ Khanh đặc trách cứu trợ đồng bào di cư Miền Trung.

13- **Lâm Quang Thơ**, Chỉ Huy trưởng trường Võ Bị Đà Lạt.

14- **Lê Ngọc Triển**, Tham Mưu Phó Hành Quân, Bộ TTM (4/1975).

15- **Chương Dzễn Quay**, Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn IV.

Cấp Chuẩn Tướng

1- **Trương Bầy**, Phụ Tá Tư Lệnh Cảnh Sát đặc biệt.

2- **Nguyễn Chấn**, Cục Công Binh, Biệt phái Phụ Tá Tổng Trưởng Canh Nông.

3- **Nguyễn Thanh Châu** (Phó Đế Đốc), Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân, Nha Trang.

4- **Nguyễn Hữu Chí** (Phó Đế Đốc), Phụ tá Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Biển.

5- **Nguyễn Văn Chức**, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục Tiếp Vận (4/1975).

6- **Vũ Đình Đào** (Phó Đế Đốc), Tư Lệnh Vùng 3 Duyên Hải.

7- **Đinh Mạnh Hùng** (Phó Đế Đốc), Phụ Tá Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Sông.

8- **Hoàng Cơ Minh** (Phó Đế Đốc), Tư Lệnh Vùng 2 Duyên Hải.

9- **Nghiêm Văn Phú** (Phó Đế Đốc), Tư Lệnh Lực Lượng Tuần Thám 212.

10- **Đặng Cao Thắng** (Phó Đế Đốc), Tư Lệnh Hải Quân Vùng 4 Sông ngòi.

11- **Hồ Văn Kỳ Thoại** (Phó Đế Đốc) Tư Lệnh Hải Quân Vùng I Duyên Hải.

12- **Diệp Quang Thủy** (Phó Đế Đốc), Tham Mưu Trưởng Bộ Tư Lệnh Hải Quân.

13- **Từ Văn Bê**, Chỉ Huy Trưởng Tiếp vận và Kỹ Thuật KQ.

14- **Võ Đình**, Chỉ Huy Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu KQ.

15- **Nguyễn Đức Khánh**, Tư Lệnh Sư Đoàn 1 KQ, định cư ở Montréal.

16- **Đặng Đình Linh**, Tham mưu phó Kỹ Thuật và Tiếp Vận Không Quân.

17- **Nguyễn Văn Lượng**, Tư Lệnh Sư Đoàn 2 KQ.

18- **Nguyễn Ngọc Oánh**, Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện KQ.

19- **Nguyễn Hữu Tấn**, Tư Lệnh Sư Đoàn 4 KQ, được Dương Văn Minh cử quyền Tư Lệnh Không Quân ngày 29/4/1975.

20- **Phan Phụng Tiên**, Tư Lệnh Sư Đoàn 5 KQ.

21- **Huỳnh Bá Tính**, Tư Lệnh Sư Đoàn 3 KQ.

22- **Nguyễn Văn Giàu** (Đại tá BB), biệt phái qua Bộ Nội Vụ thăng cấp Chuẩn Tướng Tư Lệnh Cảnh Lực.

23- **Phan Hòa Hiệp**, Trưởng Đoàn LHQS 2 bên.

24- **Lê Quang Lương**, Tư Lệnh Sư Đoàn Nhảy Dù.

25- **Vũ Đức Lượng**, Cục Trưởng Cục An Ninh Quân Đội.

26- **Đỗ Kiến Nhiễu**, Đô Trưởng Sài Gòn.

27- **Phạm Hữu Nhơn**, Trưởng Phòng 7 Bộ TTM.

28- **Trần văn Nhựt**, Tư Lệnh Sư Đoàn 2 Bộ Binh.

29- **Huỳnh Thới Tây**, (Đại tá BB), biệt phái qua Bộ Nội Vụ thăng cấp Chuẩn Tướng Tư Lệnh Đặc Cảnh Trung Ương.

30- **Trần Đình Thọ**, Trưởng Phòng 3, Bộ TTM.

31- **Trang Sĩ Tấn** (đồng hóa Chuẩn Tướng), Chỉ Huy Trưởng Cảnh Sát Đô Thành.

Những Vị Tướng bị Cộng Sản bắt đi “học tập cải tạo”

Số tướng lãnh bị đi học tập cải tạo gồm các tướng lãnh không muốn đi hay bị kẹt lại.

Một số tướng đã giải ngũ cũng bị đi “cải tạo” (có ghi chữ Cựu). Một số tướng đã bị giam trong khám Chí Hòa thời VNCH vì nghi án tham nhũng hay lý do chính trị bị tiếp tục cải tạo dưới thời cộng sản. Thời gian học tập cải tạo từ vài năm đến 17 năm. Có 8 vị bị 17 năm (từ số 1 đến số 8). Duy nhất có Cựu Trung Tướng Nguyễn Văn Vỹ chỉ học tập có 6 tháng.

Những vị bị cải tạo 17 năm (1975 -1992)

1- **Thiếu Tướng Trần Bá Di**, Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Quang Trung.

2- **Thiếu Tướng Lê Minh Đảo**, Tư Lệnh Sư Đoàn 18 BB.

3- **Thiếu Tướng Đỗ Kế Giai**, Chỉ Huy Trưởng Binh chủng Biệt Động Quân.

4- **Chuẩn Tướng Trần Quang Khôi**, Tư Lệnh Lữ Đoàn 3 Kỵ Binh.

5- **Chuẩn Tướng Phạm Ngọc Sang**, Tư Lệnh Không Đoàn 6, bị CS bắt khi thua trận ở Phan Rang cùng với Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi.

6- **Chuẩn Tướng Phạm Duy Tất**, Chỉ Huy Trưởng Biệt Động Quân Quân Khu 2, Chỉ huy cuộc hành quân rút lui bỏ các tỉnh vùng Cao Nguyên tháng 3, 1975.

7- **Chuẩn Tướng Lê Văn Thân**, Tư Lệnh phó lãnh thổ Quân khu 2.

8- **Chuẩn Tướng Mạch văn Trường**, Tư Lệnh Sư Đoàn 21 BB.

Những vị bị cải tạo 12-13 năm (được thả năm

1987,1988)

9- **Trung Tướng Nguyễn Vĩnh Nghi:** Bị tai tiếng tham nhũng ở Quân đoàn 4, ông phải bàn giao chức vụ cho Thiếu Tướng Nguyễn Khoa Nam đi nhận chức Chỉ Huy Trưởng Bộ Binh Thủ Đức. Cuối tháng 3, 1975, Khi QĐ 2 bị tan rã, TT Thiệu cử ông làm Tư Lệnh phó QĐ 3 kiêm Tư Lệnh Tiền Phương QĐ đặc trách giữ phòng tuyến Phan Rang, nhưng sau cùng Phan Rang cũng bị chiếm và ông bị địch bắt. Ông là tướng lĩnh có cấp bậc cao nhất bị bắt tại chiến trường.

10- **Trung Tướng Nguyễn Hữu Có,** đã giải ngũ năm 1967, tuy là cựu thù với ĐT Dương Văn Minh), nhưng lại tái ngũ ngày 28/4/1975 làm Cố Vấn cho Tướng DVM, Bị đi cải tạo 12 năm, nhưng khi được thả lại hoạt động cho Mặt Trận Tổ Quốc, cơ quan ngoại vi của cộng sản.

11- **Trung Tướng Lâm Văn Phát,** cùng thời với các tướng Trần Thiện Khiêm, Dương Văn Đức, Nguyễn Khánh, tham gia đảo chánh 4 lần, bị tước hết cấp bậc, bị giải ngũ năm 1965. Ngày 28/4/1975, Dương Văn Minh thăng cấp Trung Tướng cử ông làm Tư Lệnh Biệt Khu Thủ đô thay tướng Nguyễn Văn Minh vừa đảo nhiệm.

12- **Thiếu Tướng Nguyễn Xuân Trang,** Chỉ Huy Trưởng Pháo Binh, sau biệt phái qua Bộ Ngoại Giao Phụ tá Ngoại Trưởng. Trần Văn Lắm.

13- **Thiếu Tướng Nguyễn Chấn Á,** người Việt gốc Hoa, Thiếu Tướng của quân đội Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan), Gia nhập Quân Lực VNCH, ông được giữ nguyên chức vụ. Chỉ Huy Trưởng Quân Cảnh, Cố Vấn Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị.

14- **Thiếu Tướng Văn Thành Cao** (Cao Đài) hợp tác với chính phủ Ngô Đình Diệm được phong Thiếu Tướng (1955) Tổng Cục Phó Chiến Tranh Chính Trị.

15- **Thiếu Tướng Đoàn Văn Quảng,** Phụ Tá Tổng Tham Mưu Trưởng, chết trong trại giam Nam Hà, Hà Nam Ninh vì bệnh không thuốc men năm 1984.

16- **Chuẩn Tướng Lý tòng Bá,** Tư Lệnh Sư Đoàn 25 Bộ Binh.

17- **Chuẩn Tướng Vũ Văn Giai,** bị cách chức Tư Lệnh Sư Đoàn 3 BB hồi tháng 5 năm 1972, bị kết tội 5 năm tù vì thua trận Quảng Trị, bị giam trong Khám Chí Hoà. Khi CS vào Saigon ông bị đi cải tạo từ Nam ra Bắc đến năm 1987 mới được thả.

18- **Chuẩn Tướng Lê Văn Tư,** cựu Tư Lệnh SĐ 25BB, bị tạm giam trong Khám Chí Hòa năm 1974 vì nghi án buôn lậu trong quân đội, bị đi tù từ Nam ra Bắc 13 năm.

19- **Chuẩn Tướng Trần Quốc Lịch,** Chánh Thanh Tra QĐ 4, bị giam trong Khám Chí Hòa năm 1974 vì nghi can buôn lậu trong quân đội, bị tù từ Nam ra Bắc 13 năm.

20- **Chuẩn Tướng Hồ Trung Hậu,** Binh Chủng Nhảy Dù, Chánh Thanh Tra QĐ 3. Sau khi được thả, ông ở lại VN.

21- **Chuẩn Tướng Trần Văn Cẩm,** Tư Lệnh Phó, Quân Đoàn 2, bị CS bắt làm tù binh tại Tuy Hòa.

22- **Chuẩn Tướng Lê Trung Tường,** Tham Mưu Trưởng Quân Đoàn 3, QK3.

23- **Chuẩn Tướng Lê Trung Trực,** Phụ Tá Trung Tướng Đặng Văn Quang.

24- **Chuẩn Tướng Lý Bá Hỷ,** Phó Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, 13 năm tù, sau định cư ở Pháp.

25- **Chuẩn Tướng Huỳnh Văn Lạc,** Tư Lệnh Sư Đoàn 9 Bộ Binh.

26- **Chuẩn Tướng Chung Tấn Phát,** Chánh Văn Phòng Thủ Tướng Vũ Văn Mẫu.

27- **Chuẩn Tướng Bùi Văn Nhu,** Tư Lệnh Phó Cảnh Sát Quốc Gia, chết trong trại giam Nam Hà, Hà Nam Ninh năm 1984 vì bệnh thiếu thuốc men.

Những vị bị cải tạo dưới 5 năm

28- **Thiếu Tướng Quân Y sĩ Vũ Ngọc Hoàn,** bị lưu đày từ Nam ra Bắc đến năm 1980.

29- **Chuẩn Tướng Quân Y sĩ Phạm Hà Thanh,** bị cầm tù đến năm 1977.

Những vị cựu tướng lĩnh vẫn bị đi tù

30- **Cựu Trung Tướng Lâm Thành Nguyên** (tự Hai Ngoán), chỉ huy Lực Lượng Hòa Hảo được Bảo Đại thăng cấp Đại Tá, rồi Thiếu Tướng và Ngô Đình Diệm đồng hóa Trung Tướng khi về hợp tác với chánh phủ VNCH, Năm 1955, ông được giải ngũ nhưng vẫn là lãnh tụ của giáo phái Hòa Hảo. Năm 1975, ông bị CS bắt giam tại Khám Chí Hòa và chết tại đây năm 1977.

31- **Cựu Trung Tướng Dương Văn Đức,** được Quốc Trưởng Ngô Đình Diệm thăng Thiếu Tướng năm 1956, lúc ông mới 31 tuổi là người trẻ tuổi nhất được thăng cấp tướng. Bất bình với TT Diệm, ông từ chức, sau ông làm Chính Lý với Nguyễn Khánh, ông được thăng Trung Tướng, được cử làm Tư lệnh Quân Đoàn IV.

Ông bị buộc giải ngũ năm 1964, mắc bệnh tâm thần luôn nhức mả cấp lãnh đạo. Bị CS bắt đi cải tạo từ Nam ra Bắc đến năm 1987, ở lại VN sau khi được thả.

32- **Cựu Trung Tướng Lê Văn Kim,** giải ngũ năm 1965 cùng 2 tướng Mai Hữu Xuân và Trần Văn Đôn lập ra công ty xuất nhập cảng DOXUKI, Bị CS bắt đi cải tạo đến năm 1982.

33- **Cựu Trung Tướng Nguyễn Văn Vỹ,** Tổng Trưởng Quốc Phòng, giải ngũ năm 1973. Bị CS bắt lúc ông bị trọng bệnh và bị quản thúc ở nhà thương St- Paul cho đến năm 1979, được thả nhờ sự can thiệp của Thứ trưởng Quốc Phòng Pháp. Đó là thông tin trên Wikipedia.

Nhưng Huy Đức, trong «Bên Thắng Cuộc» viết rõ hơn : «Vừa được thả về cuối năm 1975, Tướng Vỹ phát biểu: Chúng tôi ăn cơm ngon hơn bộ đội. Tôi mong những người có thân nhân đi học tập cải tạo hãy yên lòng và tin tưởng cách mạng, đừng tin

những lời đồn vô căn cứ. Tướng Nguyễn Văn Vỹ là người mà ngày hôm đầu ra trình diện đã phát biểu: Tôi hiểu rõ quân đội trong này lắm, tệ lắm, xấu lắm, và mấy ngày hôm nay thấy rõ bộ đội cách mạng rất kỷ luật, chứng chắc, đảng hoàng. Anh em vào nhà tôi ở cầu Thị Nghè không hề bị mất mát gì hết. Cách mạng vào yên ổn, thanh bình ngay, ai cũng yên tâm và sung sướng...» (ngưng trích). (Bên Thắng Cuộc, q. 1, tr. 41). Có thể nào một Trung Tướng VNCH tối tệ như vậy mà Huy Đức căn cứ vào báo Saigon Giải Phóng để nhục mạ tướng lĩnh VN hay thực sự tối tệ như vậy để được cộng sản trả ơn cho xuất cảnh sang Pháp năm 1979.?

34- **Cựu Thiếu Tướng (Đề Đốc Hải Quân) Trần Văn Chơn,** giải ngũ 1974, là tướng hải quân duy nhất không di tản. Bị giam từ Nam ra Bắc cho đến năm 1987.

35- **Cựu Thiếu Tướng Nguyễn Thanh Sảng,** giải ngũ năm 1973, bị cầm tù đến năm 1987.

36- **Cựu Thiếu Tướng Huỳnh Văn Cao,** giải ngũ năm 1966 vì Biến Động Miền Trung. T h ư ợ n g Nghị Sĩ 1967- 1975. Đi cải tạo từ Nam ra Bắc đến 1987.

37- **Cựu Chuẩn Tướng Phan Đình Thứ** (tự Lam Sơn), Chỉ Huy Trưởng Lực Lượng Đặc Biệt, bị tù năm 1972 vì bắn chết một trung sĩ người Thượng, bị buộc giải ngũ năm 1973. Ông trải qua 13 năm tù từ Nam đến Bắc.

38- **Cựu Chuẩn Tướng Phan Xuân Nhuận,** Tư Lệnh SĐ 1 BB, bị giáng chức thành Đại Tá và bị giải ngũ vì Biến Động Miền Trung năm 1966. Bị giam ở Hoàng Liên Sơn đến năm 1987

Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Tỉnh báo viên của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam

Là Cộng sản nằm vùng mang bí danh S7, lại là thân cận của tướng Dương Văn Minh, Tổng Thống Thiệu cho ông về hưu tháng 5, 1974 cốt để cắt vây cánh của ông Minh, lúc ấy ông là Chánh Thanh Tra Quân Đoàn I làm Phụ Tá cho tân Tổng Tham Mưu Trưởng là tướng Vĩnh Lộc, nhưng hôm sau, tướng



Vĩnh Lộc di tản, ông thay thế Vĩnh Lộc. Chính ông là người ra nhật lệnh yêu cầu quân đội VNCH buông súng. Vì có công với Việt Cộng, ông không phải đi cải tạo, nhưng không có chức vụ gì ngoài việc được cho làm Ủy viên Mặt Trận tổ Quốc VN, sống nghèo khổ ở làng Bến Tranh (Mỹ Tho) trong một nghĩa địa cho tới ngày mất (29/9/2019).

Lâm Vĩnh Bình

15/03/2020

Chú thích: Về các người bị cộng sản bắt đi học tập cải tạo, Huy Đức viết: « Ở Saigon, 443 360 người ra trình diện, trong đó có 28 viên tướng, 362 đại tá, 1 806 trung tá, 3 978 thiếu tá, 39 304 sĩ quan cấp úy, 35 564 cảnh sát, 1 932 nhân viên tình báo các loại, 1 469 viên chức cao cấp trong chính quyền, 9 306 người trong các đảng phái được cách mạng coi là phản động. Chỉ có 4 162 người phải truy bắt trong đó có một viên tướng và 281 sĩ quan cấp tá » (Huy Đức. Bên Thắng cuộc. q.1, tr 37) . Bộ sách gồm 2 quyển gần 1000 trang do tác giả xuất bản tại Boston (OSIN Book, 2012), lúc tác giả được một học bổng sang Mỹ tu nghiệp. Theo tác giả, ông đã dùng hơn 20 năm để tra cứu tài liệu và phỏng vấn nhiều lãnh đạo cao cấp của đảng cộng sản cũng như phe bại trận. So với các tài liệu của đảng xuất bản, bộ sách này cung cấp nhiều thông tin tương đối khả tín mà nhiều nguồn liệu trích dẫn, thí dụ như Wikipedia.

Nhật Ký Tháng Tư

Trạch Gầm

Hai mươi tháng Tư tiễn em đi Mỹ
Ta biết dễ dàng mất bé từ đây
Em lên máy bay, ta về đơn vị
Đất Biên Hòa buồn... chết điếng cỏ cây

Hai mốt tháng Tư ta vào Quân Đoàn
Ngồi nghe thuyết trình, nhận lệnh hành quân
Tay áo xấn cao một đời thám kích
"Kiến lửa bu đây" nhốt cả đôi chân

Hai hai tháng Tư... ta vào Đại An
Chứng kiến cảnh dân bỏ xóm bỏ làng
Dân chạy đến đâu... địch bỏ đến đó...
Đâu được như em chữ đã thề thang

Hai ba tháng Tư... ta ngược Đồng Nai
Sương ôm mặt sông lau sậy thờ dài
Địch xua quân tràn giữa đêm vắng lặng
Ta chinh pháo... và thấy giặc chống tay

Ta lạc mấy ngày trong lòng đất địch
Gọi đã khàn hơi chẳng thấy bạn bè
Thằng nào cũng đang giữ từng tấc đất
Đâu có thì giờ để cứu ta ra

Hai tám tháng Tư... ta ra lộ Một
Gặp ông tướng vùng thị sát thăm dân
Ông nói lung tung, ông thể sống chết
Ông nói xong rồi, ông bay biệt tăm

Hai chín tháng Tư... Biên Hòa xơ xác
Ta về Sài Gòn ngang qua nghĩa trang
Ta đứng nghiêm chào bạn ta đã chết
Như tự chào mình - nát cả tim gan.

Ba mươi tháng tư... ta ôm mặt khóc
Trên cầu Saigon cạnh phố Hùng Vương
Mười năm binh đao... mười ngày kết thúc
Ta còn nguyên mà.... mất cả quê hương!

Sài Gòn tháng Tư năm 2020



Nguyễn Dân (Danlambao) - Lịch sử trải qua 45 năm, có lẽ bây giờ đang trở lại. Sài Gòn mùa tháng tư, và những ngày đáng nhớ đối với một đất nước, dân tộc... Cõi vậy mà cũng không là lâu để có một trùng hợp hai giai đoạn lịch sử xảy ra, gọi là định luật, và sự trả giá sông phẳng, hợp tình.

Tháng Tư ngày ấy

Sài Gòn cứ như là tâm điểm để bao thác lũ tràn về: chiến tranh, đánh nhau và chết chóc. Bao làn sóng người cuốn cuộn từ vùng Chiến Thuật 1 và 2 bỏ ngõ chạy về Nam. Dân thì chạy, và quân thì chống, nhưng rồi cũng không chống ngăn nổi lũ (giặc) cứ tràn vào. Rút từ vùng I, bỏ vùng II, về cố thủ vùng III. Một trận chiến cuối cùng - mặt trận Xuân Lộc - Và số đông nhiều đơn vị trong rừng, vẫn phải thúc thủ. Không phải Quân, Dân ta yếu hèn, nhu nhược... mà vì Đồng Minh bỏ cuộc, lãnh đạo qui hàng - Một ván cờ sắp bày từ trước - Làm gì? Bao "anh hùng" đành thúc thủ, buông gươm. Thế

là giặc hùng hổ chiếm lĩnh, ta cam đành uất hận tan thương. Ở lại là hàng giặc, và bỏ nước ra đi là trốn chạy. Hai cách thế cũng không là tự ý lựa chọn, mà là "định mệnh" phải theo, ai phần số nấy. Đau đớn cho đất nước, dân tộc là như vậy. Một dân tộc chỉ có được 21 năm, trải qua bao sóng gió, để chung cùng xây dựng và lập nên một nền tảng, cơ cấu quốc gia vững vàng, phát triển, người người có được sung túc ấm no, một đất nước có nền độc lập, tự do... Một thời gian chỉ là ngắn ngủi.

Sài Gòn đã một thời mệnh danh là "Hòn ngọc Viễn Đông" với dáng vẻ của một thủ đô VNCH thuở đó, chẳng kém chi ai - vang lừng là khác - (so với lân bang) lại phải về tay "quân cướp", rõ nghĩa là "xâm lược" hơn là "giải phóng" nguy danh. Thay tên, đổi chủ, để rồi 45 năm sau, hình hài, vóc dáng và thân phận đã ra sao dưới bàn tay tàn bạo của bọn trị vì: Lụn bại hay phát triển? Đẹp đẽ hay xấu xa? Yên ả hay loạn cuồng? Vinh sang hay nghèo

khổ? Và nhất là bao nhiêu người có được hạnh phúc ấm no? Câu trả lời, bây giờ, ai cũng rõ...

Thành phố "mắc dịch"

Sài Gòn thay chủ đổi tên. Thành phố Hồ Chí Minh là tên gọi của Sài Gòn từ sau khi cộng sản vào cưỡng chiếm, thực thi cai trị theo đường lối, chính sách XHCN tự xưng cho là "ưu việt" của bọn cướp. Và từ đó, mọi sự cướp đoạt chẳng nương tay. Một hình thức cào bằng, chang phẳng, cho hai miền (Nam, Bắc) nghèo khổ cùng giống như nhau. Kẻ cướp tự hào "thành công", dành đặc quyền thụ hưởng. Tuyên truyền rằng: nhờ đấy mà ngày nay cả nước thống nhất, không còn bóng dáng đế quốc, bọn nguy.

Hòn ngọc Viễn Đông hoen ố, mất hẳn - so với các "viên đá" lân bang thua kém trước đây, bây giờ cách xa, vượt trội. Những kẻ rừng rú, hoang dã vẫn trần tráo tự hào: quang vinh, tài tình... để cứ miệt mài vùi đầu vào thú vui chơi, hưởng thụ.

Bộ mặt thành Hồ sau 45 năm

Nợ một lời hứa

Lê Văn Trang

Niên Trưởng Đảo ! Niên Trưởng đã nợ đàn em một lời hứa.

đông đặc số dân với gần 9 triệu người trong đó hàng triệu người (anh em đồng chí) từ Bắc mặc sức tràn vào. Một thành phố với bao nhiêu là cao ốc, dinh cơ nguy nga đồ sộ, hăng xướng đầy đặc. Đường xá khang trang rộng mở... tự hào cho phát triển, văn minh. Là của ai? Tất cả là của nước ngoài: cổ đông, cổ phần, làm ăn, hợp tác... Người VN: phải đi xuất khẩu làm thuê. Còn lại là bao nạn nhân của cướp đoạt, trở thành “dân oan” lang bạt khắp nơi khốn cùng, đói khát...

Thành Hồ, 45 năm nhìn vào, người ta thấy được gì? Bên cạnh bao hào nhoáng cao rộng, vinh sang (của kẻ nước ngoài), bên trong, và mọi nơi góc ngách là kiếp sống đói nghèo của cả một dân tộc. Chỉ có giới chức quyền cai trị là vinh sang tốt đỉnh đủ đầy. Và từ đó, tự hào cho là: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ như ngày hôm nay”...

Đầu năm 2020, một cơn dịch bộc phát và hiện giờ đã là đại dịch. Dịch bệnh từ thành phố Vũ Hán, trên đất nước “vừa là đồng chí vừa là anh em” chảy tràn và lan tỏa trên khắp VN - một đất nước đang đến hồi cạn kiệt. Vì tình đồng chí, vì ân nghĩa lâu dài, vì nợ nần chồng chất, hay đúng hơn là vì sứ mạng phải phục vụ theo lệnh thiên triều, Việt cộng mở cửa, bỏ ngõ cho dịch xâm nhập tự do, đi theo “cái đám quân Nguyên” chạy dịch miền Bắc (Vũ Hán) tràn vào. Việt Nam có nghĩa vụ cứu mang chăm sóc. Tự hào, mời gọi: “Việt Nam là điểm đến an toàn”, “Việt Nam chữa trị thành công hết thấy bao người “mắc dịch”. Đi theo với lời tuyên

bố “xuấn động” đó là lệnh phải triệt để bùng bít, không để bất cứ ca nhiễm dịch nào được loan tải, phổ biến.

Và hôm nay thì khẩn chịu hậu quả của sự bùng bít, che giấu “đấn độn, ngu si” của cái đám dã thú rừng xanh với đầu óc, tư duy mỏng muối, hoang tưởng: dịch bệnh đã tràn lan khắp nước, khắp từ thủ đô Hà Nội đến toàn thành phố (Sài Gòn xưa cũ) bây giờ là Tp. HCM.

Lệnh được ban ra là cách ly toàn thể, phong tỏa khắp nơi, đóng cửa mọi cơ sở, tránh tập trung để cả nước cùng lo phòng chống dịch. Chống dịch phải như chống giặc - giặc đã tràn sang xâm lấn cõi bờ.

Ai có thể còn bảo rằng: VN, một đất nước an toàn? Ai có thể cho là dân tộc VN không đến hồi tai họa, tiêu vong? “Mây đen che phủ toàn cầu, nhưng mặt trời đang tỏa sáng trên đất nước Việt Nam”? Có thấy gì chưa? Hỡi những kẻ lãnh đạo cầm quyền cuồng ngông, lú lẫn?

Những ngày của tháng Tư

Tháng 4/1975 với những ngày đau thương chết chóc. Đoàn quân từ Bắc, khắp mọi nơi, quân đội Bắc Việt với sự trợ giúp từ 2 thế lực hùng mạnh Tàu cộng và Liên Xô đánh chiếm miền Nam, đang lúc đồng minh Mỹ buông bỏ, VNCH đơn độc, yếu thế, đành thất thủ trước CS miền Bắc xâm lăng, và hậu quả là thảm khốc, đau thương, chết chóc. Một nửa dân tộc với kiếp người nô lệ (nô lệ chính bởi đồng chủng của mình), lây lất qua 45 năm, để

cho “kẻ thắng cuộc” mặc sức mà vinh sang hưởng thụ...

Và hôm nay, lại về, tháng tư của sau 45 năm, những ngày của thời kỳ dịch bệnh lan tràn và giết người khủng khiếp. Dù là thiên tai dịch họa, nhưng mà (nghĩ ngò) là chủ trương của loài “ác quỷ” muốn tiêu diệt bao dân tộc để duy trì bá chủ, bá quyền, và đất nước, dân tộc VN cũng không nằm ngoài chủ trương ác độc đó: Tiêu diệt cả một dân tộc để thay vào một dân tộc khác hơn, Hán tộc.

Một đất nước bao năm bị gặm nhấm, tàn phá bởi tà quyền cướp bóc, nay, bao tài nguyên cạn kiệt, kinh tế lụn bại kiệt quệ. Một dân tộc bị nhồi sọ, bị đầu độc, bị cai trị bởi loài quỷ dữ hung tàn. Một dân tộc chỉ có khẩn chịu, để rồi cứ phải chết dần, chết mòn, và... chết hết?

Không ai có thể liệu lường được nạn kiếp hôm nay? Trông chờ gì? Mong đợi gì? Một khi bẽ lù cầm quyền, thống trị đã trở thành tay sai, sẵn sàng bán nước hại dân, cứ phải mộng du, hoang tưởng để hy vọng sống còn, giữ lấy lợi quyền.

Lịch sử trải qua 45 năm đang lặp lại : Gieo nhân, gặt quả . Tất cả rồi cũng phải được trả giá thích đáng. Đó là tất yếu, là quy luật. Chống dịch như chống giặc. Một đảng độc tài gian ác, một chế độ thối nát tham tàn sẽ phải rã tan trước làn sóng “giặc” vô hình.

01.04.2020

Nguyễn Dân

danlambaovn.blogspot.com

Những dòng chữ này không phải để nói về cái tôi của người viết mà chỉ để khóc thương cho một người đàn anh khả kính đã vội vã ra đi để rồi không giữ được lời hứa với người đàn em như tôi.

Tháng 8/2019 vào sáng thứ bảy, chị Thủy phu nhân của Tướng Đảo điện thoại cho biết Tướng Đảo đã phải vào bệnh viện khẩn cấp vì khó thở và hứa sẽ cập nhật tình trạng sức khỏe của Ông cho tôi.

Khác với đa số anh em sinh hoạt với Tướng Đảo cũng như những thuộc cấp cũ vẫn thường gọi Tướng Đảo một cách thân thương “Anh Tư”, riêng tôi mặc dù được xem như người thân cận nhất với Tướng Đảo hay nói một cách khác như bóng với hình, thế nhưng tôi vẫn giữ một khoảng cách trong cách xưng hô giữa tôi và Tướng Đảo, vì lòng quý mến và kính trọng, do đó luôn luôn gọi Ông bằng hai chữ “Niên Trưởng”.

Nhớ lại chuyện xưa, cuối năm 1956, đầu năm 1957, những ngày đầu làm lính “tò te” và Tướng Đảo trong chức vụ sĩ quan cán bộ Đại đội trưởng Đại đội 6 tiểu đoàn 2 của Liên đoàn SVSQ khóa 14 Võ Bị Quốc Gia VN đã để lại cho tôi những dấu ấn khó quên như 2 câu thơ của Hồ Dzếnh : *Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy, Ngàn đời hổ dẽ mấy ai quên.*

Vâng làm sao quên được giọng nói đó, điệu bộ đó của Trung Úy Đảo, Đại Đội Trưởng Đại Đội 6 vào những lúc Ông Chỉ huy đại đội ở Vũ Đình Trường qua những lễ nghi quân cách, từ chào tay, đi diễn hành, cho đến cách thức xem đồng hồ, nhất nhất “đều được rập khuôn theo những động tác trong cơ bản thao diễn.” Những động tác này đã được đám lính tò te khóa 14 chúng tôi diễn lại

khi không có mặt Ông để có được những phút giây cười đùa thoải mái.

Hơn 3 năm làm lính tò te, 15 năm nổi trôi qua nhiều đơn vị trên 4 Vùng Chiến Thuật, tôi không có dịp được phục vụ dưới quyền chỉ huy của Tướng Đảo như 2 anh bạn cùng khóa với tôi : đại tá Ngô Kỳ Dũng, Trung đoàn trưởng Trung đoàn 52/SD18BB, trung tá Cao Xuân Lê Trưởng phòng thanh tra Sư đoàn và rồi để cùng chung số phận với Ông trong lao tù cộng sản sau ngày mất nước.

Vận nước thương đau, dòng đời xuôi ngược, kiếp sống lưu vong của những người lính bại trận như chúng tôi, không đánh mà phải thua. Thua một cách tức tưởi và nghiệt ngã.

Trận chiến đã tàn, vầng trận chiến đã tàn nhưng cuộc chiến chưa tàn, chính vì lẽ đó tháng 6 năm 2002, trong trách vụ điều hợp những sinh hoạt của *Tổng Hội Quân Nhân QLVNCH Canada* tôi đã được Tập Thể Quân Nhân QLVNCH vùng Hoa Thịnh Đốn Hoa Kỳ mời tham dự một buổi họp mặt anh em quân nhân QLVNCH ở Hoa kỳ, Canada và Âu Châu để lên án tà quyền csVN đã tán tận lương tâm bán đất bán biển của Tổ Tiên để lại cho Tàu cộng và trong buổi họp mặt này tôi đã gặp lại Tướng Đảo sau hơn 42 năm ngày rời trường Võ Bị. Chính trong buổi họp này đã kết chặt tôi với Niên Trưởng Đảo khi Ông bị dồn vào đường cùng không cách nào từ chối lãnh trọng trách vận động kết nối tất cả anh em quân nhân QLVNCH ở Hải Ngoại thành một khối. Đây là công tác nhiều khê, phức tạp khó thực hiện vì lẽ thập niên 1980 cũng đã có 3 cuộc vận động kết hợp nhưng đã không mang đến những thành quả mong muốn để có thể tạo được tiếng vang trong quần chúng . Nhận lãnh trách nhiệm vô cùng khó khăn, giữa khi cuộc sống

cá nhân chưa hoàn toàn ổn định sau 17 năm sống trong lao tù cộng sản khi đến định cư ở Hoa Kỳ, một sự hy sinh vô cùng cao đẹp của Tướng Đào.

Ghi lại một chút dấu ấn cũ để viết lại những trang sách mới.

Ròng rã trong gần 2 năm, từ tháng 06/2002 đến tháng 09/2003 với sự đóng góp tích cực cả tinh thần lẫn vật chất của Tổng Hội Không Quân QLVNCH, Tổng Hội Hải Quân Hàng Hải, Khối Quân Nhân Vùng Hoa Thịnh Đốn, Tập Thể Quân Nhân Âu Châu, Tổng Hội Quân Nhân Canada và đặc biệt với sự hiện diện của Cô Lữ Anh Thư, ái nữ của Niên Trưởng Lữ Lan thành viên nòng cốt của khối hậu duệ của Trường Võ Bị Quốc Gia VN tại Hải Ngoại, tôi đã cùng Niên Trưởng Đào xuôi ngược từ đông sang tây, từ nam xuống bắc của Hoa Kỳ cũng như tại trời Âu, Úc và Canada. Đã có những chuyến đi kéo dài 3 tuần lễ như lần đi Úc Châu, và cũng vậy giống như ở Hoa Kỳ lại xuống bắc lên nam qua đông về tây đi hết 4 vùng đất nước Úc. Những chuyến đi như vậy đôi khi tôi thấm mệt, nhưng với Niên Trưởng Đào thì không, chữ không ở đây phải được khoan tròn thật to thật lớn để anh em ngã nón chào thua. Sự hy sinh và lòng nhiệt huyết của Niên Trưởng Đào đã mang về cho Ông món quà tuyệt mỹ, món quà trong mộng của Niên Trưởng Đào, và cũng là ước mơ của toàn thể anh chị em nam nữ Quân Nhân QLVNCH ở Hải Ngoại: **Đại Hội Toàn Quân ở Hải Ngoại đã trở thành hiện thực.**

Thứ bảy 27 tháng 09 năm 2003 tại Anaheim Convention Center tiểu bang California Hoa Kỳ, Đại Hội Toàn Quân đã chính thức khai mạc.

Hội trường với sức chứa 5000 người đã không còn chỗ trống, những sắc phục của tất cả quân chủng và binh chủng của QLVNCH đã làm sống lại niềm tin của anh chị em nam nữ quân nhân về tham dự đại hội.

Để không phụ lòng 342 hội thảo viên của 144 đơn vị về tham dự đại hội, một lần nữa, Niên Trưởng Đào lại được đặt vào trách vụ Trung Tâm Trường Trung Tâm Điều Hợp Trung Ương Tập Thể Chiến Sĩ VNCH Hải Ngoại như cấu trúc qui định đã được

Đại Hội toàn quân chuẩn thuận.

Theo định chế, Niên Trưởng Đào phải thành lập ngay Ban Chấp Hành để sớm đi vào hoạt động. Người đầu tiên NT Đào mở lời mời là Đại tá Mai Viết Triết ở Paris, người thứ hai là tôi.

Tôi đã tìm nhiều lý do để từ chối, NT Đào có vẻ không vui, mọi người im lặng, bỗng anh Triết lên tiếng: *ê Trang, Tôi chơi như vậy chơi với ai, Tôi để anh em lên thuyền, Tôi đẩy ra sông rồi Tôi đứng trên bờ Tôi nhìn hay sao ?* Tôi biết không còn đường chạy nữa và kể từ giờ phút đó tôi theo sát bên Niên Trưởng Đào ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày.

Vui buồn xuôi ngược.

Ròng rã 2 năm từ tháng 10/2003 đến 09/2005 chúng tôi đã tổ chức xong 6 Trung Tâm Điều Hợp Vùng tại Hoa Kỳ và 3 Trung Tâm ngoài Hoa Kỳ đó là Canada, Âu Châu và Úc Châu. Sự hình thành tốt đẹp này đã tạo được niềm tin trong cũng như ngoài Tập Thể. Niên Trưởng Đào rất phấn khởi, chuẩn bị cho đại hội khoáng đại kỳ 1/2005 để bước đi bước kế tiếp: 1* Kiện toàn tổ chức, 2* Kế hoạch kinh tài.

Làm sao học được chữ ngờ.

Sau đại hội khoáng đại, NT Đào vẫn được anh em tín nhiệm tuyệt đối trong trách vụ Trung Tâm Trường Trung Tâm Điều Hợp Trung Ương. Thế nhưng cũng đã có những chất vấn vu vơ, những thay đổi nội qui và nhân sự với nhiều ẩn ý. Và rồi chuyện gì đến rồi ra cũng phải đến. Người ta vu cáo, người ta bôi bẩn cả tôi lẫn Niên Trưởng Đào chỉ vì một chút hư danh. Người ta là ai? Là những người đã hơn một lần tôi và Niên Trưởng Đào trải thảm thỉnh mời. Tôi đã lắm, Niên Trưởng Đào cũng đã lắm. Ngán ngấm tình đời, tình người. Niên Trưởng Đào dứt khoát bỏ dở cuộc chơi lui về ở ẩn, tôi phải ở lại theo ý muốn của Niên Trưởng Đào đi nốt đoạn đường của Niên Trưởng để lại.

Niên Trưởng Đào đã để lại cho ai đó một khối kim cương, tiếc thay người thụ hưởng kém tài thiếu đức, khối kim cương giờ đã biến thành khối đá vô tri rồi sẽ trở thành tro bụi.

Đi với Niên Trưởng bao nhiêu năm, học được ở

Niên Trưởng bao nhiêu điều, xin được viết ra hết.

Những tháng ngày cuối đời của Niên Trưởng Đào.

Như đã viết ở phần đầu, tháng 08/2019, sau một tuần điều trị ở bệnh viện Niên Trưởng Đào trở về nhà với căn bệnh viêm phổi cấp tính, hít thở với bình oxy. Tôi thật tình lo ngại vì vậy thường xuyên liên lạc để biết tình trạng sức khỏe, thế nhưng Niên Trưởng Đào vẫn yêu đời, giọng nói vẫn ròn rảng vẫn trấn an tôi rằng: *Moi không sao đâu Trang, yên tâm đi mình còn gặp nhau mà*, tuy có những lúc trò chuyện qua điện thoại bất chợt có những cơn ho kéo đến làm cắt đứt câu chuyện. Tiếp đến tháng 10/2019 Niên Trưởng Đào vì sức khỏe không qua tham dự dạ tiệc họp mặt thường niên của Hội Cựu Quân Nhân Montréal như những năm về trước, vì vậy tôi đã hứa sau dạ tiệc tôi sẽ sắp xếp qua thăm, ở chơi với NT Đào vài ngày. Mãi đến sau Tết con chuột, tôi mới mua vé xe để qua thăm. Đi ngày thứ sáu 14 tháng 02/2020, về lại Montreal thứ hai 17/02/2020. Trước ngày đi một tuần, bất thần tôi bị bệnh cúm nặng uống trụ sinh liên tiếp trong 5 ngày vẫn không bớt ho và sốt tuy vậy tôi vẫn không muốn bỏ chuyến đi, nhưng tôi lại nhận email và điện thoại của Ông thủ khoa khóa tôi Nguyễn Cao Đàm cũng đã book vé máy bay qua thăm NT Đào trong thời gian tôi có mặt ở bên đó, yêu cầu tôi bỏ chuyến đi vì sợ lây nhiễm cho NT Đào trong khi Ông đang mang bệnh viêm phổi. Tôi vẫn chưa có quyết định nhưng ngay tối hôm đó NT Đào gọi cho tôi bảo tôi hãy để dịp khác rồi qua, tôi biết ngay Nguyễn Cao Đàm đã cho NT Đào biết bệnh tình của tôi. Thế là chuyến đi được hủy bỏ. Sau hai tuần nằm liệt giường, sức khỏe hồi phục tôi đi đổi vé xe cũng đi ngày thứ sáu 13 tháng 03/2020 trở về ngày thứ hai 16/03/2020, NT Đào rất vui khi biết chuyến đi của tôi.

Chuyện đời nào ai học được chữ ngờ, chuyện gì đến rồi cũng phải đến. Những tin tức dồn dập về bệnh dịch của Tàu cộng lây lan khắp thế giới, chính quyền Canada và Quebec đã khẩn cấp khuyến cáo dân chúng giới hạn xê dịch nếu không có nhu cầu.

Sáng sớm thứ tư 11/03/2020 NT Đào gọi cho tôi

yêu cầu tôi không qua thăm vì sợ tôi kẹt và gặp khó khăn khi trở lại Montréal, NT Đào đã lập đi lập lại với tôi nhiều lần: *yên tâm đi, không sao đâu Trang, Moi còn khỏe mà, chờ qua khỏi dịch của ba thằng Tàu mình gặp nhau có sao đâu*. Lại một lần nữa chuyến đi bị hủy bỏ.

Sáng Chủ nhật 15/03/2020 NT Đào lại gọi cho tôi Ông cho biết con gái và ông con rể một thiếu tá của quân lực Hoa Kỳ sẽ về thăm hôm nay, rồi đột nhiên Ông nói: *nè Trang Moi đã dặn bà Thủy hết rồi, nhớ nghe! nếu Moi đi đừng cho làm lễ phủ cờ gì hết nghe, nhớ nghe*. Tôi ngăn người không hiểu vì sao NT lại nói với tôi như vậy.

Sáng sớm thứ hai 16/03/2020, trong giọng nói nắc nhen chị Đào cho biết tối chủ nhật chị đã khẩn cấp đưa NT Đào vào bệnh viện và bây giờ chị phải vào lại bệnh viện để xem bệnh tình của NT Đào ra sao và sẽ cho biết.

Suốt cả ngày thứ hai, chị Đào không cho biết tin tức gì hết. Tôi chỉ biết chờ và chờ mà thôi. Sáng thứ ba 17/03/2020, tôi liên lạc được với chị Đào thì được biết sức khỏe của NT Đào xuống rất thấp e rằng không qua khỏi, chị đã gọi tất cả các con của NT Đào về Hartford để thăm thân phụ mình và có những quyết định chung.

Trọn ngày thứ tư 18/03/2020 tôn trọng sự riêng tư và lo lắng của gia đình, tôi không liên lạc với chị Đào, trong khi đó trên các diễn đàn điện tử đã có những lời chia buồn. Trưa thứ năm 19/03/2020, trên hệ thống truyền hình SBTN Hoa Thịnh Đốn, cháu Bích Phượng ái nữ của NT Đào đã cho biết thân phụ mình đã thanh thản ra đi trong vòng tay của Thiên Chúa lúc 13g45.

Niên Trưởng Đào, những dòng chữ hôm nay đàn em viết về Niên Trưởng chính là những dòng nước mắt của đàn em tiễn đưa Niên Trưởng đi về cõi Trời cao nhưng Niên Trưởng đã hứa với đàn em chờ đàn em qua thăm, nhưng sao Niên Trưởng vội vàng đi như vậy, Niên Trưởng có nghĩ rằng Niên Trưởng đã nợ đàn em một lời hứa hay không.

Xin bái biệt Niên Trưởng với tất cả lòng thân thương.



Vinh Biệt Thiếu Tướng Lê Minh Đảo

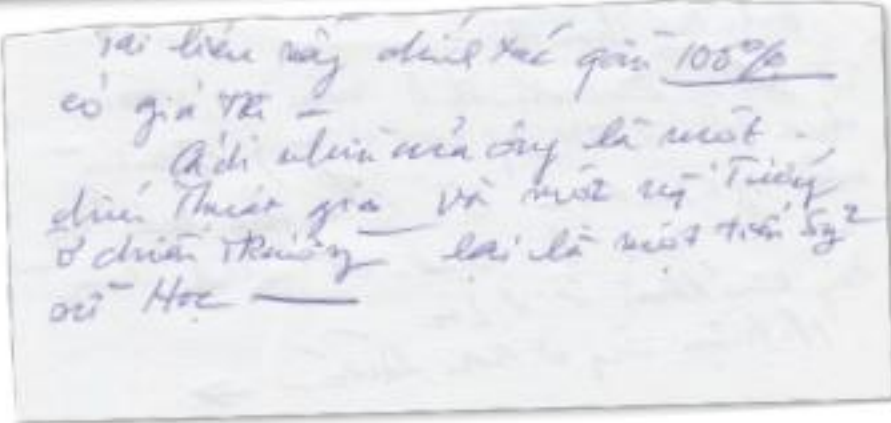
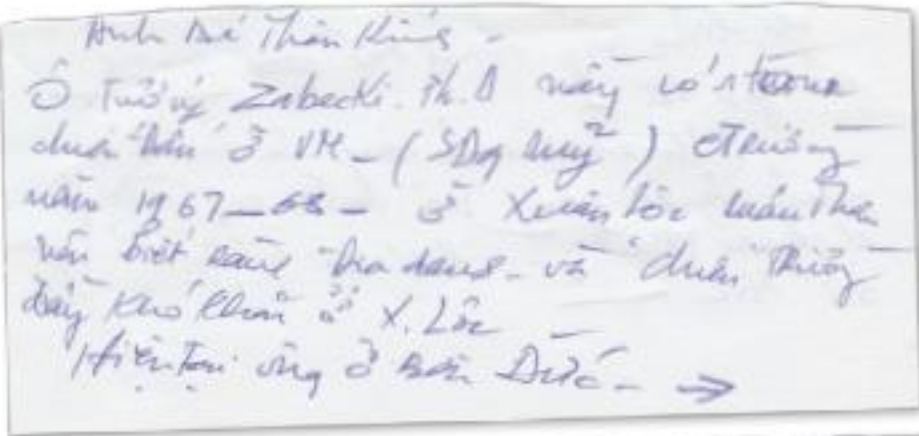
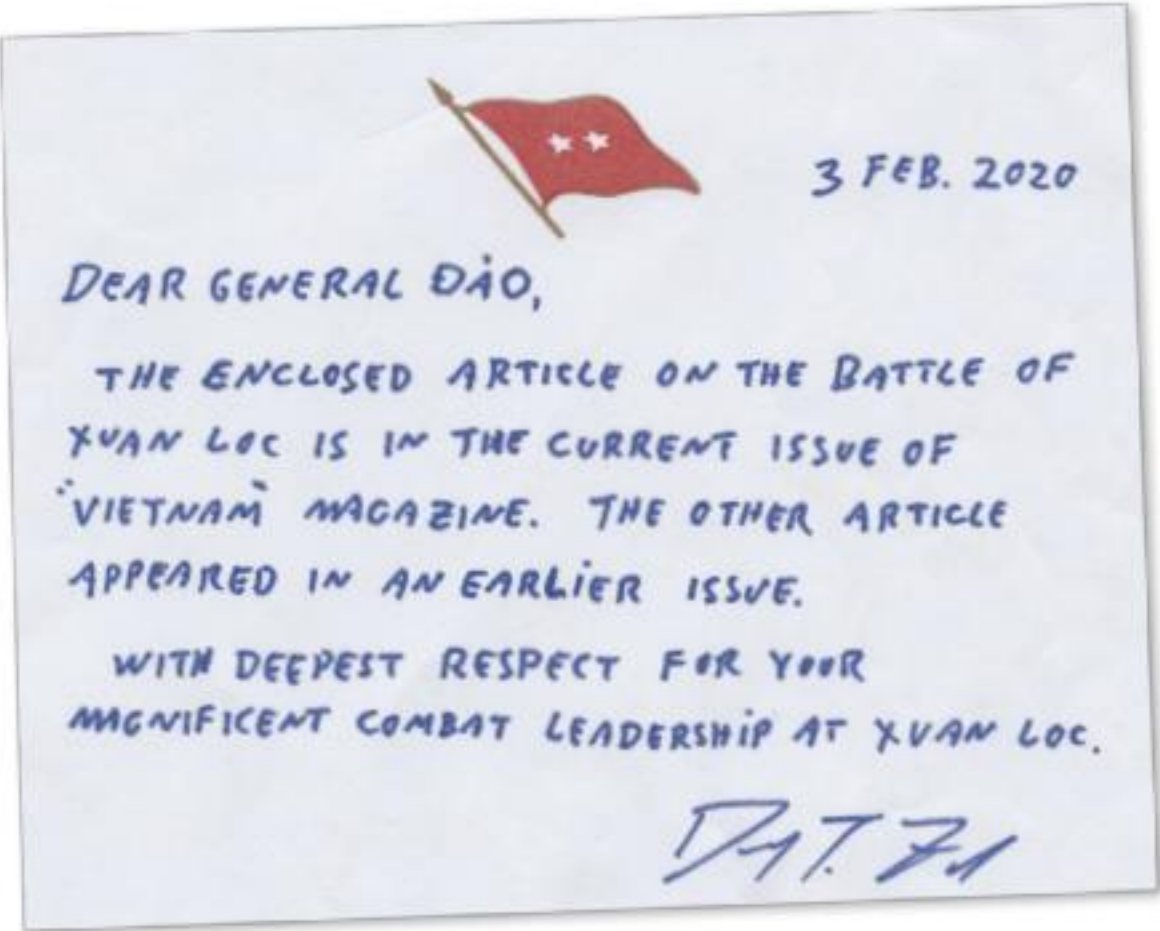
Tôi có cơ may làm việc với Trung Tá (sau thăng cấp Đại Tá) khi ông làm Tỉnh Trưởng tỉnh Định Tường còn tôi làm Hiệu Trưởng trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu ở thị xã Mỹ Tho. Ngoài những giao tiếp hành chánh với Đại Tá như một thượng cấp, tôi cũng có những giao tình và kỷ niệm với Đại Tá mỗi lần Tổng Thống và phu nhân về Mỹ Tho thăm ông bà Phạm Đình Thường, song thân của Bà Mai Anh, tại khu gia trang của cha mẹ và các anh chị em của bà Mai Anh ở số 1 đường Lý Thường Kiệt.

Tôi có dịp gặp lại Thiếu Tướng đôi lần sau gần 40 năm khi Thiếu Tướng sang Montréal nói chuyện với cộng đồng người Việt tại đây.

Báo Quốc Gia số 30 tháng Tư năm nay dự định có một đề mục Vinh Danh Thiếu Tướng. Để thực hiện, tôi được Thiếu Tướng vui vẻ tiếp chuyện qua những buổi điện đàm về một số vấn đề liên quan đến Thiếu Tướng và đất nước, mỗi lần một hai vấn đề, tôi ghi lại rồi đọc cho Thiếu Tướng nghe trong lần nói chuyện sau. Đến lần thứ tư, như đúng hẹn tôi gọi TT vào 12 giờ, nhưng phu nhân Thiếu Tướng yêu cầu tôi gọi lại lúc 3 giờ, và chỉ vài phút sau khi TT cầm máy, TT ho nhiều và nói : Tôi mệt quá anh Bé ơi, thôi để tôi gởi cái cassette cho anh. Một tuần sau, tôi cũng sờ nghe tin Thiếu Tướng ra đi, mang theo những điều Thiếu Tướng đã nói và muốn nói như lời di nguyện dự định trong lần điện đàm dang dở. Tuân theo lời nhắn gởi của Thiếu Tướng qua phu nhân, và chính trong thâm tâm vì sự tôn kính, tôi cũng không thể nào phổ biến những lời của người đã khuất.

Xin vinh biệt Thiếu Tướng với lòng kính mến và Báo Quốc Gia trân trọng đăng nguyên bản những trang báo viết về cuộc chiến Việt Nam và trận Xuân Lộc mà Thiếu Tướng có di bút là đúng gần 100% để thay lời vinh danh Thiếu Tướng, vị anh hùng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Lâm Vĩnh Bình



CH-47 Chinook helicopters participate in the evacuation of Xuan Loc on April 15, 1975, as North Vietnamese forces begin to overwhelm the battered South Vietnamese defenders of the town—the last roadblock communist troops have to knock down before they can capture Saigon and complete their conquest.

SOUTH VIETNAM'S THERMOPYLAE

The Spartan-like defense and tragedy of Xuan Loc, April 1975

By David T. Zabecki



The last major battle of the Vietnam War was fought at Xuan Loc, only 37 miles east by northeast of Saigon. In April 1975 the town was the eastern anchor of South Vietnam's final line of defense against the North Vietnamese rush to the capital. That line ran west through Bien Hoa, just north of Saigon, to Tay Ninh, near the Cambodian border. Once it broke, Saigon was doomed—and with it the Republic of Vietnam itself.

When the North Vietnamese Army attacked Xuan Loc (pronounced Swan Lock) on April 9, the communists and almost everyone else expected the Army of the Republic of Vietnam's 18th Division to collapse like a house of cards, as had so many other ARVN units during the NVA's massive Spring Offensive of 1975. But ARVN forces under Brig. Gen. Le Minh Dao fought fiercely in a last-ditch effort to save their country. By the time Xuan Loc did fall 12 days later, most of the world was amazed at how well the ARVN had fought, and the NVA had paid a far steeper price than it expected. Indeed, the valiant stand at Xuan Loc by heavily outnumbered ARVN soldiers echoes the famed sacrifice of King Leonidas' 300 Spartans facing Xerxes' Persian masses at the Battle of Thermopylae in 480 B.C. Greece.

The Persians then marched south and captured Athens.

Xuan Loc, the capital of Long Khanh province, had always been a strategically sensitive place. The town sat astride the French-built Highway 1, near the junction with Highway 20. From Xuan Loc, Highway 1 ran almost 40 miles east until it reached the South China Sea, where it turned north and went up the coast past the Demilitarized Zone and on to Hanoi.

From March 1967 to January 1969 the U.S. 11th Armored Cavalry Regiment's Blackhorse Base Camp was some 4 miles south of Xuan Loc. During that time, Highway 1 was relatively secure from Xuan Loc west toward the northern edge of Saigon. But since 1962 the road east to the coast had been shut down completely, as it ran through the heart of the May Tao "Secret Zone," a mountainous area where the Viet Cong 5th Division was based and U.S. intelligence hadn't penetrated. From November 1967 to early 1968, Operation Santa Fe, conducted by the U.S. 9th Infantry Division's 1st Brigade, the 1st Australian Task Force and the ARVN 18th Division, attempted to open Highway 1 to the coast. Although the road was eventually opened, the VC 5th Division mostly avoided contact as it positioned itself

PHOTOGRAPH BY THE U.S. NAVY COLLECTION OF PHOTOGRAPHS



After Da Nang fell on March 29, 1975, a North Vietnamese soldier stands alongside the spoils of war, a broken-down American-made Huey helicopter.

compassing Saigon and provinces to the north), the NVA on March 8 launched Campaign 275, directed at Ban Me Thuot, a provincial capital in the Central Highlands, part of the II Corps zone. The ARVN held out for eight days. When Ban Me Thuot fell, Pleiku and Kontum, also in the Central Highlands, were outflanked and cut off from the south. NVA forces quickly drove toward An Khe and the coast—effectively cutting South Vietnam in two. The NVA then took the northern I Corps zone cities of Hue and Da Nang, which fell on March 29.

ARVN units in those areas had quickly collapsed during the relentless NVA advance. They abandoned their positions and joined tens of thousands of panic-stricken refugees trying to escape to the south, bringing widespread looting and destruction in their wake. By the end of March, the NVA effectively controlled the entire northern half of South Vietnam.

Ignoring frantic pleading from South Vietnamese President Nguyen Van Thieu, the United States would not intervene, despite security guarantees given to Saigon in the January 1973 Paris Peace Accords. Even if the president wanted to provide military support, the War Powers Act, enacted in November 1973, severely restricted his ability to commit U.S. forces on his own.

The NVA, meanwhile, positioned its forces for the Ho Chi Minh Campaign, the final phase of the conquest of South Vietnam. The North Vietnamese IV Corps advanced on Xuan Loc from the northeast, while the NVA II Corps converged on the town from the northwest. The ARVN 18th Infantry Division was essentially all that stood in their way.

Earlier in the war, the 18th Infantry Division had the reputation as one of the ARVN's worst units. That changed rapidly in March 1972, after 39-year-old Dao assumed command. Dynamic and aggressive, he was one of the best officers in the ARVN. Unlike so many other ARVN senior officers, whose careers had been built on family, social and political connections—even on bribery and corruption—Dao advanced on sheer ability.

Refugees from Da Nang and other areas overrun by the NVA arrive by boat at Vung Tau, a port near Saigon, on April 3, 1975.

for the Tet Offensive in late January 1968.

During the war, North Vietnam launched three major offensives against South Vietnam. The Tet Offensive of 1968 and the Easter Offensive of 1972 were military failures. The 1975 Spring Offensive would succeed. By that time, all U.S. forces were out of Vietnam, and legislation passed by Congress in June 1973 prohibited the use of government funds for military operations in Southeast Asia without congressional approval.

In 1975 North Vietnam, which had organized its army divisions into four corps, committed all four to attacks on the South. The NVA force in South Vietnam totaled 270,000 troops, 1,076 artillery pieces and mortars, 320 tanks and 250 other armored vehicles.

After successful probes in early 1975 in the northern sector of the South Vietnamese III Corps Tactical Zone (a military region en-

Despite the youthful good looks and large dark sunglasses that gave the impression he was just another playboy from the elite, privileged class of South Vietnamese, Dao had an inner core of steel and one of the finest tactical minds on either side of the Vietnam War.

The general eschewed a palatial villa in favor of a modest two-story house close to where his troops were billeted. During the battle, Dao spent much of his time moving among his frontline troops rather than issuing orders from a secure command post bunker. He insisted that all his officers maintain close contact with subordinates at least "two levels down." It was an unorthodox style of leadership in an army characterized by a rigid class stratification between officers and enlisted men. Dao's troops repaid their commander with unstinting devotion and loyalty.

Before the fight at Xuan Loc, Dao defiantly told foreign journalists: "I am determined to hold Xuan Loc. I don't care how many divisions the communist will send against me. I will smash them all! The world shall see the strength and skill of the Army of the Republic of Vietnam."

Dao and his commanders prepared well. First, they evacuated the soldiers' families to the relative safety of the huge logistical base at Long Binh, close to Saigon, enabling the men to focus on the fight because their families were out of immediate harm's way. Dao also had the foresight to establish two fully functional alternate divisional command posts.

After studying the approach routes the communists had used to attack Xuan Loc during the 1968 Tet Offensive, Dao moved his 36 divisional field artillery pieces to positions where they could mass their fire into a triangular kill zone on the western side of the town. He placed his guns in reinforced revetments, stockpiled with ammunition, and had them adjusted for pinpoint accuracy on enemy artil-

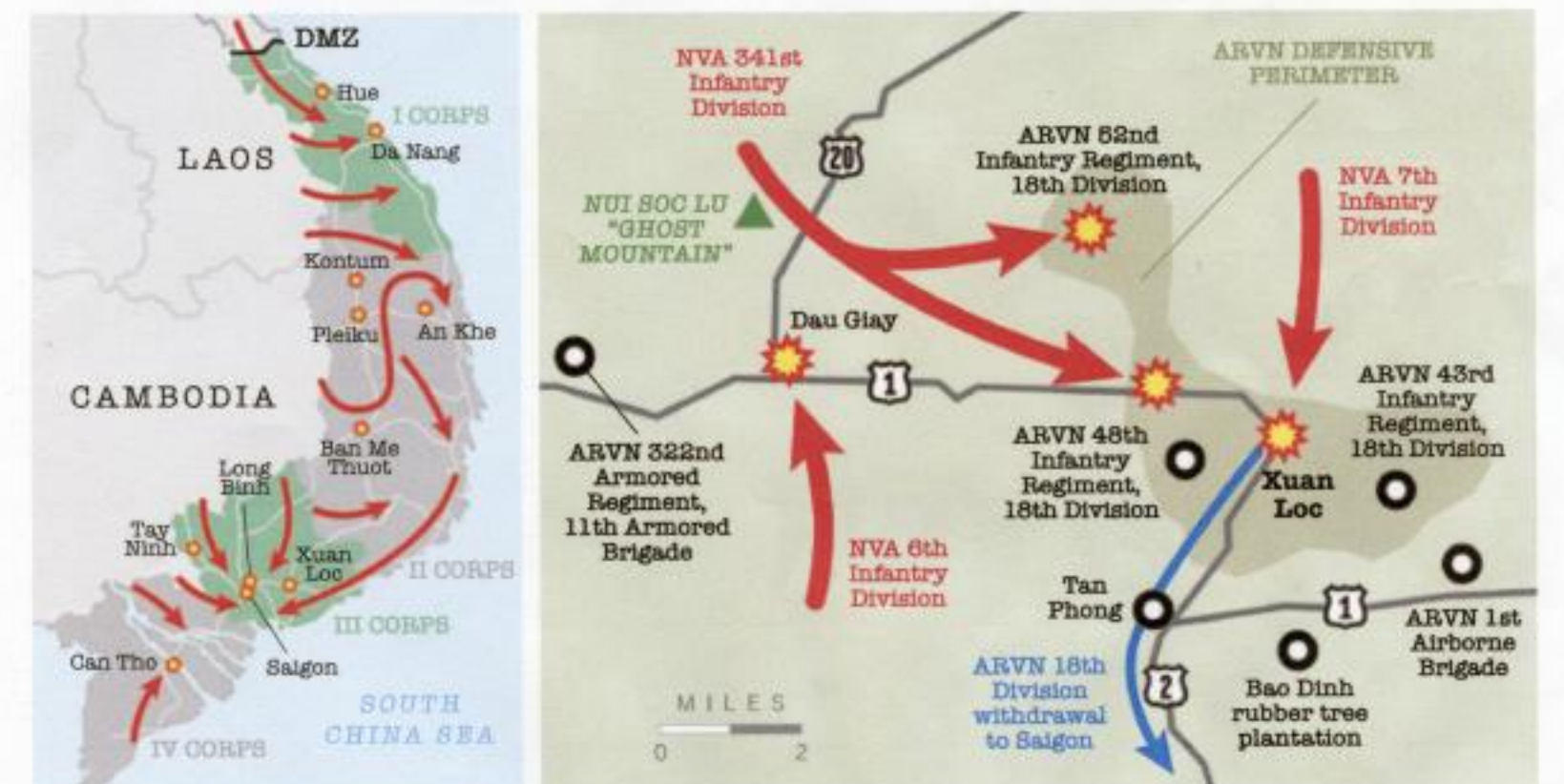
lery positions and all potential routes of attack. He sent infantry patrols to occupy key pieces of high ground the NVA could use as artillery observation posts.

One of the most important pieces of high ground was Nui Soc Lu, known as Ghost Mountain, astride Highway 20 and just outside the northwestern edge of Xuan Loc's defensive perimeter.

Dao positioned two long-range 175 mm M107 self-propelled guns at Tan Phong, his first alternate command post, near the southern edge of Xuan Loc's defensive perimeter. He had his communications and intelligence troops monitor all known NVA radio frequencies, and he studied the intercept reports daily.

In addition to the 18th Division's own 43rd, 48th and 52nd Infantry regiments and the 181st and 182nd Field Artillery battalions, Dao's attached forces included troops from South Vietnamese militia organizations—four Regional Force battalions and two Popular Force companies.

The NVA's IV Corps, commanded by Maj. Gen. Do Van Cam, whose nom de guerre was Hoang Cam, moved toward Xuan Loc with its 6th, 7th and 341st Infantry divisions, supported by two armored and two artillery battalions, an anti-aircraft artillery regiment,



Communist Advances March 1975 to May 1975

Cities throughout South Vietnam fell quickly to the North Vietnamese Army in spring 1975, beginning with Ban Me Thuot, followed by Pleiku, Kontum, An Khe, Hue and Da Nang. By the end of March NVA forces had converged on Xuan Loc, from the northeast and the northwest. This time the NVA faced a tougher foe: the Army of the Republic of Vietnam's 18th Division.

The Battle of Xuan Loc April 9-22, 1975



South Vietnamese rangers sent to reinforce the 18th Division at Xuan Loc establish communications about 7 miles outside the town.

two combat engineering regiments and a signals regiment. Cam's forward command post was at Nui Chua Chan mountain, outside the eastern end of the Xuan Loc defensive perimeter. The NVA attackers numbered some 20,000, the ARVN defenders about 12,000.

To disrupt the NVA deployment, Dao sent a battalion-sized blocking force from the 52nd Infantry Regiment north along Highway 20 on March 28. For two days those troops held off the NVA 341st Division. By April 1, however, the South Vietnamese soldiers were pushed back to the Xuan Loc perimeter. They brought with them

several prisoners of war, and interrogations revealed that many of the 341st Division POWs were barely 16 years old and largely untrained, although all were carrying modern Soviet bloc weapons.

The battle for Xuan Loc started at 6:40 a.m. on April 9 with an intense artillery barrage. The NVA gunners' well-targeted very first shell hit Dao's house and exploded in the bedroom. It was followed by 2,000 more rounds. At 6:40 a.m. the barrage ended, and NVA tanks and infantry moved against the town from three directions. When the shooting started, Dao was in Long Binh, where he had gone the previous day to coordinate logistical support for his division. Alerted to the attack in a phone call from his chief of staff, Dao left by helicopter for Xuan Loc. En route, he received situation reports by radio from regimental commanders.

The communists were certain Dao's troops would break and run as soon as the artillery barrage lifted, but the ARVN soldiers held their ground. The NVA's 7th Division carried out the main assault, attacking from the northeast without tank support. It was slowed by eight belts of barbed wire and

An artillery crew defending Xuan Loc loads a 105 mm M101A1 howitzer to counter the fire of North Vietnamese gunners on April 13.



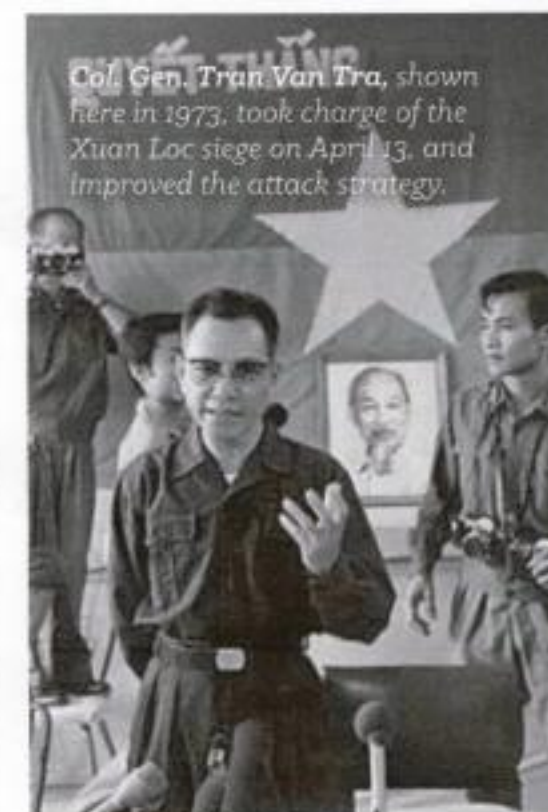
minefields, then pummeled from the air by the South Vietnamese air force A-37B Dragonfly attack planes and F-5E Tiger fighters.

Later that morning the North Vietnamese reinforced the 7th Division with eight T-54 tanks. ARVN soldiers destroyed three of them but lost seven of their own M41 Walker Bulldog tanks. The attack from the northeast finally stalled, but not before the 7th Division overran Dao's main command post. The general, however, had already shifted his divisional headquarters to the alternate command post at Tan Phong.

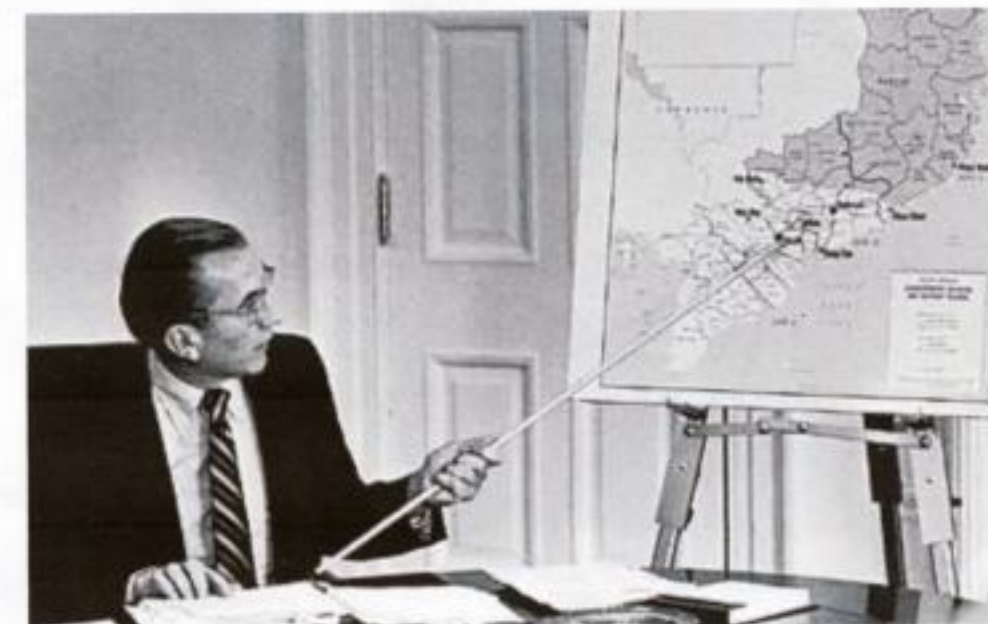
The NVA 341st Division, attacking from the northwest, entered Xuan Loc and captured an ARVN communications center, along with a local police station. But the untrained North Vietnamese teenagers could not exploit their initial gains. They were driven back by the ARVN 52nd Regimental Task Force, supported by a South Vietnamese C-119 gunship.

The 6th Division made the only significant NVA gains. Attacking from the south, its troops interdicted Highway 1 east of the Dau Giay intersection with Highway 20, cutting off Xuan Loc from Saigon. When the battle's first day ended, the NVA had suffered about 700 dead and wounded, the ARVN 18th Division fewer than 50.

The battle seesawed back and forth for the next two days. At 5:27 a.m. on April 10, NVA artillery opened up with a 1,000-round barrage. The NVA 7th and 341st divisions attacked in their respective sectors but were driven back repeatedly by ARVN counterat-



Col. Gen. Tran Van Tra, shown here in 1973, took charge of the Xuan Loc siege on April 13, and improved the attack strategy.



CIA Director William Colby points to Xuan Loc on April 9, 1975, as he explains the communist advances in South Vietnam to the National Security Council.

tacks, sometimes in hand-to-hand fighting. The communists lost five more tanks. Dao ordered two battalions to attack two 341st Division regiments that had reached the heart of the town, and many of the teenage NVA troops broke in panic, scattering into Xuan Loc's sewers and ruined cellars. Some captured later had not fired a single bullet from their 72-round basic load.

Meanwhile, fighter-bombers in South Vietnam's 3rd and 5th Air divisions, operating from the Bien Hoa and Tan Son Nhut air bases on the outskirts of Saigon, flew more than 200 sorties in support of the besieged garrison. That night, North Vietnamese artillery fired 2,000 rounds into Xuan Loc, but Dao's gunners kept up an effective counterbattery fire.

Early in the morning of April 11, NVA artillery opened fire with a 30-minute barrage. The 7th and 341st divisions then resumed their attacks, but again without success. IV Corps commander Cam, who had led a battalion of Viet Minh independence fighters against the French at Dien Bien Phu in 1954, later wrote: "This was the most ferocious battle I had ever been involved in! My personal assessment was that, after three days of battle, even after committing our reserves, the situation had not improved and we had suffered significant casualties."

Cam estimated that during the battle's first three days his 7th Division had suffered 300 casualties, and the green teens of the 341st Division 1,200. Virtually all of the NVA's 86 mm and 75 mm artillery pieces had been knocked out by ARVN counterfire.

Despite Dao's strong defense of Xuan Loc thus far, the South Vietnamese Joint General Staff knew it had to reinforce him. The 11th Armored Brigade was committed from the west on April 11 to clear Highway 1 to the Dau Giay intersection, but the brigade's 322nd Armored Regiment lost 11 tanks and could not dislodge the NVA.

The 1st Airborne Brigade, taking off from Bien Hoa in 100 UH-1B Huey helicopters on April 12, landed near the Bao Dinh rubber tree plantation south of Xuan Loc. CH-47 Chinook transport helicopters brought in the brigade's supporting artillery and 93 tons of ammunition. On their return to the base, the choppers evacuated wounded 18th Division troops and local civilians in the last large-scale helicopter operation of the war.

Two marine battalions were ordered to form blocking positions between Xuan Loc and Bien Hoa, while ranger, infantry and artillery battalions provided reinforcements against an NVA attack toward Dau Giay. Meanwhile, the air force continued to pound the NVA,



Residents of Xuan Loc run from a town in flames during intense artillery fire on April 11.

dropping several huge 15,000-pound BLU-82 "Daisy Cutter" bombs from C-130 Hercules cargo planes.

By the end of the fourth day, NVA dead totaled close to 2,000. Col. Gen. Tran Van Tra, the NVA officer who commanded the Viet Cong and the southern region, assumed personal control of the battle on April 13, and IV Corps was reinforced with additional troops, tanks and artillery. That same day, Dao was hit in the arm by artillery shell fragmentation. Tra shifted the NVA's main thrust away from the center of Xuan Loc. He ordered the 6th and 341st Infantry divisions to concentrate instead on hitting Dau Giay, the linchpin of Xuan's Loc's defenses, from the north and the south, while establishing blocking positions to the west along Highway 1.

In Saigon, Thieu declared that Dao's successful defense of Xuan Loc had ended the long string of communist successes and the ARVN had "recovered its fighting ability." He spoke too soon. The NVA reinforcements included the 95B Infantry Regiment, one of North Viet-

nam's elite units, which had been in the Central Highlands.

Tra quickly recognized the mistake of the original attack strategy: The NVA had not been interdicting South Vietnamese aircraft taking off from Bien Hoa. Communist gunners shifted their targets from Xuan Loc and began shelling the air base with heavy rocket and artillery fire on April 15. Almost immediately the 3rd Air Division at Bien Hoa was forced to suspend flight operations. NVA commandos infiltrated the base and blew up part of the ammo dump.

The South Vietnamese tried to shift air support operations to the 4th Air Division, flying out of Binh Thuy Air Base in the Mekong Delta, a switch that in the end didn't matter. That same day, the NVA 6th Infantry Division and 95B Infantry Regiment captured Dau Giay. During the next two days the 6th Division beat back all ARVN attempts to retake Dau Giay. Simultaneously, the 7th and 341st Infantry divisions relentlessly hammered the defenders all around Xuan Loc, inflicting especially heavy losses on the 1st Airborne Brigade.

Xuan Loc was now cut off from reinforcement by land. Air support from Bien Hoa was drastically reduced. And the North Vietnam-

Refugees from the battle haul as many possessions as they can on the road from Xuan Loc to Saigon, 10 miles away at this point.



Brig. Gen. Le Minh Dao held back the enemy forces of more experienced generals far longer than expected, delaying the attack on Saigon.



South Vietnamese President Nguyen Van Thieu, here in an undated photo, had praised the defense of Xuan Loc, but just days later, on April 21, he resigned to escape the encroaching enemy.

ese II Corps was moving down from the northwest. The capture of the town was inevitable. Yet, the fierce and skillful ARVN resistance had shaken the NVA and disrupted the schedule for a final assault on Saigon. Hanoi postponed a planned April 15 attack to allow more forces to converge from the north and finally overrun Xuan Loc.

On April 17 the Senate Armed Services Committee rejected President Gerald Ford's request for \$722 million in emergency support for Saigon. On April 20, South Vietnam's Joint General Staff ordered Dao to evacuate Xuan Loc and withdraw to Bien Hoa to establish a new center of resistance.

The withdrawal began that night under cover of heavy rainfall. In a skillfully coordinated maneuver, Dao's troops pulled out by echelon, south through the rubber plantations, along the dirt-road Route 2. The 1st Airborne Brigade acted as the rear guard. NVA troops, taken by surprise, could do little to disrupt the withdrawal.

Unlike so many other ARVN generals who had flown out by helicopter during the 1975 communist offensive, Dao marched out on foot with his troops. In the early morning hours of April 21, the NVA scored its only success against the withdrawal when it destroyed the rearguard 3rd Battalion, 1st Airborne Brigade, near Suoi Ca hamlet. Later that day Hanoi's troops moved into the deserted Xuan Loc, then little more than a pile of rubble.

In Saigon, Thieu resigned as president and was replaced by Tran Van Huong. The air force, however, still had one final blow to strike. On April 22 a C-130 dropped a 750-pound CBU-65 fuel-air bomb, approach-

ing the explosive power of a nuclear bomb, on the headquarters of the 341st Division. The bomb sucked the oxygen out of the air and killed an estimated 250 NVA soldiers in the only time a CBU-65 was used in Vietnam.

South Vietnam's 18th Division had suffered 30 percent casualties in defense of Xuan Loc. Its attached Regional Force and Popular Force units were virtually wiped out. The division spent three days at Bien Hoa preparing for the final defense of Saigon. On April 23 Huong promoted Dao to major general. The 18th Division was in defensive positions near the National Military Cemetery close to Bien Hoa when Saigon surrendered on April 30.

Dao wanted to keep on fighting. Dressed in civilian clothes, he made his way south into the Delta, trying to reach Can Tho, the ARVN headquarters for the IV Corps Tactical Zone. Before he got there, however, the corps commander, Maj. Gen. Nguyen Khoa Nam, and his deputy, Gen. Le Van Hung, committed suicide. Dao surrendered on May 9 and spent the next 17 years in brutally repressive "re-education camps." In May 1992 he was one of the last four senior ARVN officers freed. Dao arrived in the United States in April 1993.

Throughout the war Americans asked themselves how the North Vietnamese could fight so well and the South Vietnamese could not. The Battle of Xuan Loc indisputably proved the ARVN could fight. The key was leadership. The ARVN's great weakness was that it never had enough generals like Dao, who at Xuan Loc went head-to-head with far more experienced NVA generals, Do Van Cam and Tran Van Tra. Le Minh Dao was the Leonidas at South Vietnam's Thermopylae. V

Retired Army Maj. Gen. David T. Zabecki is editor emeritus of Vietnam magazine.



A North Vietnamese T-54 rolls past the South Vietnamese Joint General Staff building on April 30, 1975, the day of South Vietnam's surrender.



Thiếu tướng Lê Minh Đảo từ trần, thọ 87 tuổi

Thiếu tướng Lê Minh Đảo qua đời lúc 1:45 phút chiều ngày 19 tháng Ba, 2020, tại bệnh viện Hartford, Connecticut, Hoa Kỳ, thọ 87 tuổi. Ông ra đi giữa sự hiện diện đầy đủ của con cháu.

Thiếu tướng Lê Minh Đảo được xem là một trong những tướng lĩnh chỉ huy cấp Sư đoàn có khả năng nhất của Việt Nam Cộng Hoà, từng là Tư lệnh chiến trường Xuân Lộc, phòng tuyến cuối cùng của Việt Nam Cộng Hoà vào những ngày cuối tháng 4 năm 1975. Sau đó, ông trở thành vị tướng Việt Nam Cộng hoà bị cầm tù lâu nhất, với 17 năm tổng cộng từ Bắc vào Nam.

Nguyên Tư lệnh Sư đoàn 18 Bộ binh Quân đội Việt Nam Cộng Hoà sinh ngày 5/3/1933 tại xã Bình Hòa, tỉnh Gia Định. Ông học chương trình Pháp trường Lycée Petrus Ký, và đậu bằng Tú Tài 2 năm 1952.

Năm 1953, ông theo học khóa 10 Trần Bình Trọng tại trường Võ bị Liên quân Đà Lạt. Tháng 6 năm 1954, ông tốt nghiệp với cấp bậc Thiếu úy hiện dịch. Sau khi ra trường, có một thời gian ông được giữ lại làm huấn luyện viên. Rời khỏi quân trường này, ông lần lượt giữ các chức vụ trong quân đội từ Trung đội trưởng cho đến Tư lệnh sư đoàn.

Tháng 3 năm 1972, ông rời khỏi chức vụ Tỉnh trưởng tỉnh Định Tường và sau đó một tháng, ông được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cử giữ chức vụ Tư lệnh Sư đoàn 18 Bộ binh kiêm Tư lệnh Biệt khu 31 chiến thuật. Thiếu tướng Lê Minh Đảo nổi tiếng trong trận chiến Xuân Lộc, cầm chân hơn 3 sư đoàn Cộng sản Bắc Việt khiến cho lực lượng này phải bỏ mặt trận Xuân Lộc và chuyển hướng về phía Biên Hòa.

Sau ngày 30/4, ông bị tù tại miền Bắc 12 năm. Sau khi các trại tù miền Bắc giải tán, ông được chuyển về Nam ở tù thêm 5 năm nữa.

Thiếu tướng Lê Minh Đảo sang Mỹ tháng 4/1993



sau khi được trả tự do vào ngày 5/5/1992. Tại Mỹ, ngoài việc mưu sinh, lo cho gia đình, ông còn tham gia các sinh hoạt của các cựu chiến sĩ Việt Nam Cộng Hoà. Tháng 9 năm 2003, Thiếu tướng Lê Minh Đảo là một trong những người sáng lập tổ chức "Tập thể Chiến sĩ Việt Nam Cộng hòa" và giữ chức Chủ tịch Trung tâm Điều hợp Trung ương.

Ngoài binh nghiệp, ông còn là một nhạc sĩ sáng tác. Nhạc phẩm "Nhớ Mẹ" do ông và Đại tá Đỗ Trọng Huế đồng soạn rất được anh em cựu tù nhân Việt Nam Cộng Hoà ưa chuộng.

(Nguồn : VOA tiếng Việt, 20/03/2020)

Lịch Sử nòi cho tuổi trẻ Việt Nam?

*Nếu Việt Minh Không Cướp Chính Quyền Ngay Từ Năm 1945
Dân Tộc Việt Nam Đã Có Dân Chủ, Tự Do và Nhân Quyền Rồi*

Phạm Cao Dương

*Chế độ chính trị từ nay căn cứ vào khẩu hiệu "DÂN VI QUÝ"
Hoàng Đế Bảo Đại, Dụ Số 1, dương lịch 17/3/1945*

*Cổ lai quốc dĩ dân vi bản,
Đắc quốc ưng tri tại đắc dân.
(Từ xưa đến nay, nước lấy dân làm gốc,
Được nước nên biết là ở chỗ được dân)
Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491- 1585) ¹*

Do sự xuất hiện của Việt Minh, đúng hơn, Đảng Cộng Sản Việt Nam, do đảng này cướp chính quyền ngày 19/8/1945 từ tay Chính Phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim, do sự phức tạp của thời thế và do sự ngây thơ, nóng nảy muốn giành độc lập nhất thời của một số không nhỏ người Việt, lịch sử Việt Nam từ năm 1945 đã không những không biến chuyển như mọi người mong muốn mà còn đầy rẫy những ngộ nhận, từ đó những oan khuất cần phải được giải tỏa và làm sáng tỏ.

Trong bài này người viết xin gửi tới các bạn đọc, đặc biệt là các nhà tranh đấu cho một nước Việt Nam Tự Do, Dân Chủ, Dân Quyền một vài nhận định về những gì dân tộc Việt Nam đã đạt được trước ngày 19/8/1945, ngày Hồ Chí Minh và Đảng Việt Minh Cướp Chính Quyền, nhìn từ phía Người Việt Quốc Gia, những gì Hoàng Đế Bảo Đại và vị Thủ Tướng đầu tiên của nước Việt Nam độc lập là Nhà Giáo kiêm Học Giả Trần Trọng Kim cùng với các bộ trưởng của ông như các Luật Sư Phan Anh, Luật Sư Vũ Văn Hiến, Luật Sư Trần Văn Chương, Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn ... đã làm, trong một thời gian ngắn ngủi hơn ba tháng thay vì bốn tháng của năm 1945, từ ngày 8 tháng 5 ngày chính phủ Trần Trọng Kim chính thức ra mắt đến ngày 6 tháng 8

năm 1945, ngày chính phủ này từ nhiệm, để xây dựng một chính thể dân chủ lâu dài cho đất nước và **ban hành các quyền tự do, dân chủ cho người dân**, mà bất cứ một quốc gia tiến bộ nào cũng phải có, từ cách nay 75 năm bằng những đạo luật phải nói là rất tiến bộ, kèm theo một danh sách các lực lượng nhân sự hùng hậu có đầy đủ khả năng để ngay lập tức có thể thực thi các những đạo luật này. Đây là một việc làm mà ba phần tư thế kỷ sau, với ít nhất ba thế hệ đã qua đi một cách uổng phí, với hàng triệu sinh mạng đã bị hy sinh cùng với máu, nước mắt và sự đau khổ cùng cực của người dân lành vô tội, bao nhiêu tài nguyên quý báu của quốc gia bị tiêu hủy, người ta vẫn chưa làm được hay làm được mà chưa muốn làm.

Bốn bước tiến vô cùng quan trọng đã được Vua Bảo Đại thực hiện trong thời gian này gồm có:

Thứ nhất: Ban hành dụ "Dân Vi Quý".

Thứ hai: Đích thân tham khảo ý kiến của các quan lại, các thân hào, nhân sĩ có uy tín để thành lập một chính phủ mới.

Thứ ba: Thành lập các hội đồng chuyên môn để mọi người có thể tham gia việc soạn thảo hiến pháp và các nguyên tắc cơ bản liên hệ tới các sinh

hoạt quan trọng của quốc gia.

Thứ tư: Ban hành các đạo dụ liên quan đến các quyền tự do cơ bản của người dân.

Sau đây là những chi tiết liên hệ tới bốn bước tiến kể trên:

Khẩu hiệu “Dân Vi Quý” của Hoàng Đế Bảo Đại

Đây là khẩu hiệu của vị vua cuối cùng của Nhà Nguyễn mà ai đã từng học sử Việt Nam đều biết và cũng là bước tiến đầu tiên của vị hoàng đế này trên đường thực hiện chế độ dân chủ của ông. Khẩu hiệu này được trích dẫn từ sách *Mạnh Tử*, một trong *Tứ Thư* của các Nhà Nho ta thời xưa², nguyên văn là “**Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh**” có nghĩa là “Dân là quý, sau đó là xã tắc, vua là nhẹ”, được nhà vua chính thức đưa ra trong **Dụ Số 1**, mở đầu cho một giai đoạn mới trong triều đại của ông. Dụ này được ban hành ngày 17 tháng 3 dương lịch năm 1945, nguyên văn như sau:

Dương Lịch ngày 17 tháng 3 năm 1945

Nước Nhật muốn hoàn toàn thực hiện chương trình xây nền thịnh vượng chung ở Đại-Đông-Á đã giải phóng cho nước Nam ta, và Trẫm tuyên bố Việt Nam độc lập rồi.

Nay Trẫm có trách nhiệm đối với lịch sử và thần dân, nên tự cảm lấy quyền để bảo vệ lấy quyền lợi cho Tổ-quốc và giáng dụ rằng

1. *Chế độ chính trị từ nay căn cứ vào khẩu hiệu “DÂN VI QUÝ”.*
2. *Trong chính giới sẽ chiêu tập các nhân tài đích đáng để chỉnh đốn lại nền tảng Quốc gia cho xứng đáng là một nước độc lập chân chính có thể hợp tác với Đại-Nhật-Bản trong công cuộc kiến thiết Đại-Đông-Á.*
3. *Trẫm sẽ tài định và tuyên bố các cơ quan chính trị để ban hành những phương pháp hợp với nguyện vọng của Quốc dân.*

Nhận định về đạo dụ này, Nguyễn Tường Phượng trong bài “Một Đạo Dụ, Một Chế Độ” đăng trên *Tri Tân* Tập Chí số ra ngày 20 tháng 4 năm 1945, trên

trang đầu, đã viết như sau:

“Ba điều ban bố trên đáng ghi vào lịch sử xứ này, thật là trên thuận lòng giới, dưới đẹp lòng dân, quốc dân rất trông mong ở sự thi hành triệt để khác nào như đói mong ăn và khát mong uống vậy.

.... đạo dụ ngày 17 tháng ba đáng ghi vào trang đầu lịch sử của nước Việt-Nam độc lập.”

Còn Luật Sư Bùi Tường Chiếu, trong bài “Đạo Dụ Số 1 Của Đức Bảo Đại Hoàng Đế” đăng trên *Thanh Nghị*, số 107, “Số Đặc-San Chính Trị”, ra ngày 5 tháng Năm 1945, cũng nhấn mạnh đến tầm quan trọng đặc biệt của đạo dụ này. Ngay những dòng mở đầu ông viết:

“Đạo dụ trên đối với chế độ chính trị nước ta sau này có một tính cách quan trọng đặc biệt mà ta có thể nói rằng đạo dụ này đã nêu lên một cách tóm tắt những quả quyết rõ ràng những nguyên tắc kiến thiết chính thể nước Việt-Nam sau này.”

Đúng như vậy, Hoàng Đế Bảo Đại sau đó đã từng bước tiến hành những biện pháp mang tính cách dân chủ để xây dựng một thể chế mới với sự đóng góp của nhiều người thay vì của một thiểu số quan lại trong triều. So sánh với bản Đại Hiến Chương Magna Carta, Great Charter hay đầy đủ hơn Magna Carta Libertatum, Great Charter of Liberties, Đại Hiến Chương Của Các Tự Do ngày 15 tháng 6 năm 1215 của King John (1199-1216) của nước Anh, Dụ Dân Vi Quý của Hoàng Đế Bảo Đại có giá trị cao hơn và mang những ý nghĩa đẹp hơn, toàn mỹ hơn, trong sáng hơn, cao thượng hơn rất nhiều, trong lịch sử thế giới chưa hề có. Lý do là vì Magna Carta chỉ được King John ban hành sau những tranh chấp giữa nhà vua và giới quý tộc và do áp lực của giới quý tộc, theo đó nhà vua nhường quyền hành và quyền lợi cho các quý tộc, còn **Dụ Dân Vi Quý** của Bảo Đại hoàn toàn là do sáng kiến của chính nhà vua, do nhà vua tự ý ban hành cho toàn dân, “**hợp với nguyện vọng của Quốc dân**” và “**trách nhiệm đối với lịch sử và thần dân, và để bảo vệ lấy quyền lợi cho Tổ-quốc**”.

Không những thế, cao hơn nữa, dụ này còn dựa trên một chủ thuyết hân hoan, chủ thuyết của Mạnh

Tử, một hiền triết của Phương Đông, **không chỉ lấy dân làm gốc mà còn lấy dân làm quý**, đặt dân lên trên tất cả, kể cả nhà vua và xã tắc, “**Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh**”. Vua không những bị xếp xuống cuối hạng mà còn bị coi là nhẹ. Trước đó, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491- 1585), người nổi tiếng với lời khuyên dành cho Chúa Nguyễn Hoàng “Hoành Sơn nhất đái vạn đại dung thân”, thì quan niệm vai trò của người dân, rõ hơn và đúng tinh thần nhân bản hơn là người dân, là con người thay vì chánh quyền hay lãnh thổ trong sinh hoạt quốc gia là tối quan trọng, là gốc của quốc gia, qua hai câu thơ chữ Hán của ông người viết trích dẫn ở đầu bài này:

**Cổ lai quốc dĩ dân vi bản,
Đắc quốc ưng tri tại đắc dân.**
(Từ xưa đến nay, nước lấy dân làm gốc,
Được nước nên biết là ở chỗ được dân)

Giữ đúng lời hứa ban đầu, Hoàng Đế Bảo Đại sau đó đã từng bước tiến hành những biện pháp mang đậm màu sắc dân chủ để xây dựng một thể chế mới với sự đóng góp của nhiều người thay vì của một thiểu số quan lại trong triều. Những biện pháp không phải chỉ bằng giấy tờ, hết dụ nọ đến sắc kia, mà kèm theo là cả những danh sách dài các nhân vật đã có ít nhiều danh tiếng và kinh nghiệm, thuộc đủ các thành phần trong xã hội, đặc biệt là ở cả ba miền Trung Nam Bắc, được chỉ định để cùng thi hành.

Sau đây là những nét chính của những nỗ lực này:

Đích thân tham khảo ý kiến của các quan lại, các thân hào, nhân sĩ có uy tín để thành lập một chính phủ mới

Nhằm thành lập một chính phủ mới, ngay từ chiều ngày 19 tức mười ngày sau khi Nhật đảo chánh Pháp và tám ngày sau khi tuyên bố Việt Nam độc lập, Bảo Đại đã họp với Phạm Khắc Hoè, lúc này là người thân cận duy nhất bên cạnh nhà vua, để “bàn việc chiêu tập nhân tài một cách cụ thể.” Phạm Khắc Hoè, sau khi đã trao đổi ý kiến với Tôn

Quang Phiệt, Tạ Quang Bửu, Bùi Bằng Đoàn và Ứng Ủy, đã đề nghị lên nhà vua một danh sách 14 nhân vật sau đây:

- Nhà cách mạng lão thành Huỳnh Thúc Kháng (Huế)
- Giáo Sư Tôn Quang Phiệt (Huế)
- Bác Sĩ Trần Đình Nam (Đà Nẵng)
- Giáo Sư Lê Ấm (Qui Nhơn)
- Bác Sĩ Hồ Tá Khanh (Phan Thiết)
- Kỹ Sư Cầu Cống Lưu Văn Lang (Saigon)
- Luật Sư Vương Quang Nhường (Saigon)
- Ô. Ngô Đình Diệm, nguyên Thượng Thư Bộ Lại (Saigon)
- Giáo Sư Thạc sĩ Toán Học Hoàng Xuân Hãn (Hà Nội)
- Luật Sư Vũ Văn Hiến (Hà Nội)
- Luật Sư Phan Anh (Hà Nội)
- Ô. Trịnh Văn Bính, tốt nghiệp Cao Học Thương Mại Pháp (Hà Nội)
- Ô. Hoàng Trọng Phu, nguyên Tổng Đốc Hà Đông
- Ô. Trần Văn Thông, nguyên Tổng đốc Nam Định

Sau gần một giờ bàn thảo, 8 người đã được Bảo Đại lựa chọn. Tám người này gồm có:

- Trần Đình Nam (bác sĩ)
- Hồ Tá Khanh (bác sĩ)
- Lưu Văn Lang (kỹ sư)
- Hoàng Trọng Phu (nguyên tổng đốc Hà Đông)
- Trần Văn Thông (nguyên tổng đốc Nam Định)
- Hoàng Xuân Hãn (giáo sư thạc sĩ toán Học)
- Phan Anh (luật sư)
- Vũ Văn Hiến (luật sư) hay Trịnh Văn Bính (tốt nghiệp Cao Học Thương Mại Pháp) tùy theo Hoàng Xuân Hãn lựa chọn vì Bảo Đại chỉ quen Hoàng Xuân Hãn trong số những người ở Pháp về.

Điều cần để ý ở đây là tất cả các vị này đều là những cựu quan lại hay những trí thức hay chuyên viên nổi tiếng đương thời và có gốc từ cả ba miền Nam, Trung, Bắc, thay vì chỉ có hai miền Trung và Bắc theo đúng như thẩm quyền của nhà vua ở thời điểm này vì xứ Nam Kỳ chưa được người Nhật trao trả. Các nhà hoạt động chính trị, kể cả những người được coi là thân Nhật đều không có tên trong danh sách này. Sự kiện này cho phép người ta nghĩ rằng quyết định và sự lựa chọn các nhân vật để tham khảo ý kiến kể trên của Vua Bảo Đại và phía người Việt là hoàn toàn do nhà vua quyết định, không có sự can thiệp của người Nhật vì chỉ có hai người hiện diện là chính nhà vua và Phạm Khắc Hoè. Không những thế, tinh thần và ý chí thống nhất ba miền đã luôn luôn được nhà vua tôn trọng. Ngoài ra ta cũng nên để ý tới nhận xét của Luật Sư Bùi Tường Chiếu về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc tham khảo ý kiến này khi ông viết trong bài tham luận kể trên.

Cũng nên để ý thêm là những cuộc tiếp xúc kể trên chỉ là những cuộc tiếp xúc với những nhân vật tên tuổi, có chức vị đương thời. Ngoài những người này, Bảo Đại, cũng qua Phạm Khắc Hoè, còn mời gặp thêm nhiều nhân vật khác nữa trong đó có Tôn Quang Phiệt, Tạ Quang Bửu, Đào Duy Anh, Hoàng Sữ, Nguyễn Lân... Tất cả, theo hồi ký của Trần Thị Như Mân (Bà Đào Duy Anh), đều đã “có vào” và *Tôn Quang Phiệt có được cử “nói lên lời chúc mừng nước nhà độc lập và hứa nếu cần gì thì chúng tôi sẽ giúp không công cho nhà vua”*. Phạm Khắc Hoè không nói tới chuyện có vào này. Nói là giúp không công cho nhà vua như vậy nhưng sau này trong hồi ký của mình, Tôn Quang Phiệt lại ghi thêm là “Cũng nói thể thôi, chứ trong bụng thì đã có kế hoạch.”⁴ Kế hoạch gì nếu không phải là giốn đường cho Việt Minh cướp chính quyền? Tuy nhiên dù thế nào đi chăng nữa đây cũng là một bằng chứng cụ thể của thiện chí dân chủ hoá đất nước ngay từ nền tảng của Hoàng Đế Bảo Đại.

Cuối cùng thì Học Giả Trần Trọng Kim đã được lựa chọn để lập chính phủ mới và ngày 8 tháng 5 năm 1945, chính phủ này đã được chính thức trình diện.

Đặt nền tảng cho việc xây dựng chế độ mới và soạn cho những công trình tái dựng đất nước lâu dài (sửa lại chính thể và toàn bộ guồng máy chính quyền)

Đây là bước tiến quan trọng thứ ba trong tiến trình xây dựng chế độ dân chủ bằng cách tạo dịp cho người dân mà đại diện là các nhân sĩ, trí thức và chuyên viên các ngành được tham gia việc nước, đồng thời thực hiện khẩu hiệu Dân Vi Quý của Hoàng Đế Bảo Đại. Với bước tiến thứ ba này, vào khoảng từ trung tuần tháng sáu đến thượng tuần tháng bảy, vừa nhằm chiêu dụ nhân tài, vừa nhằm tạo cơ hội cho người dân được góp phần vào việc đặt nền tảng và thiết lập các cơ chế căn bản cho mọi phạm vi sinh hoạt lâu dài của đất nước, bốn hội đồng đã được thành lập qua ba đạo dụ và một đạo sắc với đầy đủ nhân sự để ngay lập tức có thể thực thi thay vì chỉ có trên giấy tờ. Bốn hội đồng này gồm có:

Hội Đồng Dự Thảo Hiến Pháp, do Phan Anh, Luật Sư, Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên, người từ lâu đã nghiên cứu về hiến pháp và các thể chế đương thời làm Thuyết Trình Viên. Hội đồng này gồm có các ông Phan Anh, Hoàng Đạo túc Nguyễn Tường Long, Vũ Đình Hoè, Huỳnh Thúc Kháng, Hồ Tá Khanh, Nguyễn Huy Lai, Đặng Thái Mai, Vương Quang Nhường, Tôn Quang Phiệt, Nguyễn Văn Sâm, Nhượng Tống, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Văn Thinh và Nguyễn Trác (Dụ số 60 ngày 7 tháng 7 năm 1945. Dụ này được đăng trong Việt Nam Tân Báo số ra ngày 7 tháng 7 năm 1945).

Hội Đồng Cải Cách Cai Trị, Tư Pháp và Hành Chính, do Vũ Văn Hiến, Luật Sư, Bộ Trưởng Bộ Tài Chánh, tác giả của nhiều bài nghiên cứu liên hệ, làm Thuyết Trình Viên, gồm có các ông Vũ Văn Hiến, Trần Văn Ân, Trần Văn Chương, Phạm Khắc Hoè, Lê Quang Hộ, Nguyễn Văn Huyền, Nguyễn Văn Khoát, Trần Văn Lý, Trần Đình Nam, Nguyễn Khắc Niêm, Đặng Như Nhơn, Dương Tấn Tài, Nguyễn Hữu Tào, Trịnh Đình Thảo và Phan Kế Toại (Dụ số 70 ngày 30 tháng 6 năm 1945. Dụ này được đăng trong Việt Nam Tân Báo số ra ngày 9 tháng 7 năm 1945).

Hội Đồng Cải Cách Giáo Dục, do Hoàng Xuân Hãn, Giáo Sư, Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục và Mỹ Nghệ làm Thuyết Trình Viên, gồm có Bà Hoàng Thị Nga, các ông Hoàng Xuân Hãn, Tạ Quang Bửu, Kha Vạng Cân, Nguyễn Văn Chi, Hoàng Minh Giám, Nguyễn Thành Giung, Ngụy Như Kontum, Bùi Kỳ, Hồ Văn Ngà, Nguyễn Quang Oánh, Ung Quả, Nguyễn Mạnh Tường, Hồ Đắc thắng, Nguyễn Văn Thích, Hoàng Đạo Thúy và Nguyễn Xiển (Dụ số 71 ngày 30 tháng 6 năm 1945. Dụ này được đăng trong Việt Nam Tân Báo số ra ngày 10 tháng 7 năm 1945).

Hội Đồng Thanh Niên. Hội Đồng này gồm có:

Chủ Tịch: Hoàng Đạo Thúy, Huynh Trưởng Hướng Đạo

Phó Chủ Tịch: Trần Duy Hưng, Bắc Chi Bộ

Phó Chủ Tịch: Tạ Quang Bửu, Nam Chi Bộ

Cố Vấn Bắc Chi Bộ: Bà Nguyễn Thị Thục Viên, các ông Nguyễn Xiển, Phạm Thành Vinh, Vũ Văn Cần, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Xuân Phương, Trần Văn Quý, Phan Huy Quát, Ngụy Như Kon-tum, Phạm Ngọc Khuê, Nguyễn Tường Bách.

Cố Vấn Nam Chi Bộ: Bà Nguyễn Đình Chi, các ông Phạm Ngọc Thạch, Nguyễn Văn Thủ, Tôn Quang Phiệt, Kha Vạng Cân, Nguyễn Tư Vinh, Huỳnh Văn Tiểng, Nguyễn Văn Thích, Nguyễn Kinh Chi và Thái Can (Sắc số 65 ngày 15 tháng 6 năm 1945)⁵

“Tuần lễ của các Tự Do”

Bước tiến thứ tư là ban hành một số những đạo dụ ấn định những nguyên tắc liên hệ đến các quyền tự do căn bản của người dân. Ba đạo dụ sau đây đã được báo *Thanh Nghị* số 117, ra ngày 21 tháng Bảy năm 1945 ghi nhận theo thứ tự thời gian gồm có:

1. Dụ số 73, ngày 26 tháng 5 năm Bảo Đại thứ 20 tức ngày 5 tháng 7 dương lịch năm 1945⁶ về **tự do lập nghiệp đoàn**.
2. Dụ số 78, ngày 1 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 20 tức ngày 9 tháng 7 năm 1945 về **tự do lập hội**.
3. Dụ số 79, ngày 1 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 20 tức ngày 9 tháng 7 năm 1945 về **tự do hội họp**.

Cả ba đạo dụ với nội dung phải nói là rất tiến bộ này đã được ban hành trong một thời gian ngắn là thượng tuần tháng bảy năm 1945 và báo *Thanh Nghị* đã gọi tuần lễ này là “Tuần của các Tự Do.”

Về chi tiết, báo *Thanh Nghị* tóm tắt như sau:

Tự do lập hội: Từ nay phạm người công dân Việt Nam ai nấy đều có quyền lập những hội có mục đích chính trị, văn hóa, tôn giáo hay xã hội, ngoài những hội có mục đích kiếm lợi. Chỉ cần mục đích của hội không trái với pháp luật, luân lý hoặc là có hại đến nền duy nhất và sự toàn vẹn của lãnh thổ quốc gia. Nhưng cần phải báo trước với nhà chức trách ít nhất là 30 ngày trước khi hoạt động

Tự do hội họp: Người dân được quyền tự do hội họp nhưng Dụ số 72 phân biệt hai thứ hội họp là hội họp trong tư gia có tính cách gia đình hay lễ nghi và các hội họp ở những nơi công cộng.

Đối với các hội họp trong gia đình hay lễ nghi hay những hội họp của các hội tư nhóm họp trong tư gia với số người tham dự không quá 30 người, người triệu tập không cần phải khai báo. Các cuộc hội họp khác cũng được tự do nhưng phải khai báo với nhà chức trách. Tất cả các cuộc hội họp ở các nơi công cộng như họp ở ngoài đường phố, trong các công viên hay các thị xã đều phải xin phép trước. Giờ họp không được quá 12 giờ đêm trừ khi có phép riêng. Ngoài ra một nhân viên hành chánh hay tư pháp cũng có quyền tới dự.

Tự do lập nghiệp đoàn: Việc lập nghiệp đoàn cũng được coi như quyền tự do của người dân với những quy luật được ấn định trong Dụ số 73, theo đó, để tránh không cho những hội kiếm lợi giả danh làm nghiệp đoàn với mục tiêu trốn thuế, các nghiệp đoàn bị cấm không được chia lời cho các đoàn viên và khi giải tán thì của cải không được đem chia cho các đoàn viên.

Vì ba đạo luật kể trên đã được ban hành trong thượng tuần tháng 7 năm 1945 nên tác giả của bài báo gọi ý gọi tuần lễ này là “**Tuần Lễ Của Các Tự Do**”. Mặt khác nếu người ta theo dõi những cuộc hội họp của người dân ở cả hai miền Trung và Bắc đã diễn ra liên tiếp từ ngày 10 tháng 3, sau ngày

Nhật đảo chánh Pháp, đặc biệt là ở Huế và Hà Nội với hàng vạn người tham dự một cách tự do, thoải mái, thì sự ban hành các đạo dụ này “*đã làm hợp pháp một tình trạng riêng của các tỉnh ở Bắc Bộ Việt Nam vì từ sau ngày 9 tháng 3 các hội, các đoàn mọc lên như nấm, các cuộc hội họp công khai tự do vô cùng*”.⁷

Kết Luận

Tất cả các công trình quan trọng và lớn lao liên hệ đến vận mệnh và tương lai của cả dân tộc Việt Nam kể trên đã được đã được Hoàng Đế Bảo Đại, Thủ Tướng Trần Trọng Kim và các vị bộ trưởng trong chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, trong những hoàn cảnh vô cùng khó khăn và trong một thời gian kỷ lục chưa tới ba tháng ngắn ngủi kể từ ngày 8 tháng 5 khi chính phủ này được trình diện đến ngày 6 tháng 8 năm 1945 khi chính phủ này từ chức do sức ép của phe thân Việt Minh và được Hoàng Đế Bảo Đại cho phép, ngắn hơn nữa nếu tính đến ngày 9 tháng 7, ngày các Dụ số 78 về Tự Do Lập Hội và số 79 về Tự Do Hội Hợp được nhà vua chấp nhận. Đây là một phần của một cuộc cải cách rộng lớn hơn bao trùm mọi phạm vi sinh hoạt đương thời, gọi theo Sử Gia Na Uy Stein Tonnesson là “**từ trên xuống**”⁸, còn gọi theo Vũ Ngự Chiêu thì đó là một cuộc cách mạng nhưng cũng từ trên xuống: “**cách mạng từ trên xuống**”⁹. Cả hai sử gia này đều có lý vì tính cách nhanh chóng ít ai có thể ngờ của nó. Câu hỏi được đặt ra ở đây là làm sao nó có thể xảy ra được trong một chế độ quân chủ chuyên chế đã từng tồn tại cả ngàn năm như vậy? Có ba sự kiện người ta có thể nghĩ tới để trả lời câu hỏi này. Thứ nhất là ý muốn và sự hiểu biết của người cầm đầu hay đúng hơn vị nguyên thủ quốc gia; thứ hai là ước vọng và khả năng của những người lãnh nhiệm vụ thực hiện cuộc cải cách theo ý muốn của vị nguyên thủ quốc gia ấy và cuối cùng là ý nguyện của người dân và sự đón nhận của dư luận đương thời. Cả ba sự kiện này, Đế Quốc Việt Nam ở thời điểm Tháng Sáu và Tháng Bảy năm 1945 đều có đủ. Từ Vua Bảo Đại đến Thủ Tướng Trần Trọng Kim và các vị bộ trưởng đều

là những người có học, được huấn luyện đầy đủ, có kiến thức, có trí tuệ, có tìm tòi, ngày đêm suy ngẫm, ấp ủ từ lâu, ít nhiều đã viết ra để chia sẻ và nhất là có thực tâm, tha thiết với nền độc lập và sự tiến bộ của nước nhà, hạnh phúc của người dân coi như là những hoài bão lớn lao và chính yếu của đời mình, thay vì là những thành phần vô học, chỉ biết dùng bạo lực đấu tranh, cách mạng, ảo tưởng, bè đảng và phá hoại, nhìn chung quanh chỗ nào cũng thấy kẻ thù địch.

Điều đáng tiếc là biến cố 19 tháng 8 đã xảy ra, Việt Minh Cộng Sản cướp chính quyền và tất cả đều đã bị dẹp bỏ, điển hình là ngày 22 tháng 9 năm 1945, chỉ 20 ngày sau khi tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh “bãi bỏ các nghiệp đoàn trong toàn cõi Việt Nam”¹⁰ và Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ Võ Nguyên Giáp ký Nghị Định ngày 14 tháng 9 giải tán Hội Khai Trí Tiến Đức, một hiệp hội văn hóa đã từ lâu góp phần không nhỏ vào sinh hoạt văn hóa dân tộc, trong khi cùng ngày lại ký một nghị định khác “cấp năng lực pháp luật”¹¹ cho hội “Văn Hoá Cứu Quốc Việt Nam” mà riêng danh xưng đã nói lên bản chất của hội này rồi¹². Điều này cho ta thấy chế độ mới rất sợ các nghiệp đoàn, các hiệp hội và các cuộc hội họp đồng người, đồng thời muốn độc quyền hoạt động trong mọi sinh hoạt quốc gia. Cuối cùng thì sau 75 năm, cho đến tận ngày hôm nay khi bài này được viết, bất chấp hai cuộc chiến kéo dài cả ba mươi năm, bất chấp mọi sự hy sinh, gian khổ, máu và nước mắt của hàng triệu người dân, Nhân Quyền, Tự Do và Dân Chủ, từ đó thống nhất dân tộc, vẫn nguyên vẹn chỉ là niềm mơ ước hầu như còn lâu mới đạt được của Quốc Dân Việt Nam. Trong khi đó hình ảnh của một xã hội Việt Nam theo xã hội chủ nghĩa vẫn tuyệt mù tăm tích hay có thì cũng chẳng có gì đáng lạc quan như các nhà lãnh đạo của Đảng Cộng Sản vẫn từng hứa hẹn, nếu không nói chỉ là “*bánh vẽ*” hay “*giả tạo*”, dùng chữ người Cộng Sản dùng để gọi nền độc lập của thời Bảo Đại-Trần Trọng Kim¹³.

Nên để ý là ngay từ trước khi Chính Phủ Trần Trọng Kim ra mắt quốc dân và chính thức hoạt động, người Cộng Sản đã đánh phủ đầu ngay “*không cho*

nó có thì giờ hoạt động”¹⁴ và dùng các từ ngữ “*Việt gian*”, “*bù nhìn*”, “*tay sai của Nhật*”... để gọi vì nền độc lập do Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố là do người Nhật trao trả và tất nhiên là còn giới hạn. Vua Bảo Đại biết điều này và Học Giả Trần Trọng Kim cũng biết điều. Nhà Vua nhận định: “*Trước kia người mình chưa độc lập. Nay có cơ hội tuy chưa phải độc lập hẳn nhưng mình cũng phải tỏ ra có đủ tư cách để độc lập. Nếu không có chính phủ thì người Nhật bảo mình bất lực, tất họ lập cách cai trị theo thể lệ nhà binh rất hại cho nước ta. Vậy ông nên vì nghĩa vụ cố lập thành một chính phủ để lo việc nước*”¹⁵. Về phía dư luận bên ngoài, các nhân sĩ Bắc Hà, điển hình là những người thành lập **Tân Việt Nam Hội** cũng nhận xét “*Công việc cần thiết bây giờ là thực hiện và duy trì nền Độc lập. Việc này ta phải tự lo liệu lấy*”. Lo liệu bằng cách nào, nếu không phải là phải lập một chính phủ? Vấn đề là chính phủ ấy có giữ được tư thế độc lập hay không và có làm được gì để củng cố và hoàn thiện được nền độc lập hay không? Bài viết này là một phần của câu trả lời.

Phạm Cao Dương

California ngày 11 Tháng Ba năm 2020,
Kỷ niệm 75 năm ngày Vua Bảo Đại tuyên bố
Việt Nam độc lập

¹ Đinh Gia Khánh, “Lời Giới Thiệu: Nguyễn Bình Khiêm và Tấm Lòng Lo Trước Thiên Hạ Đến Già Chứa Ngươi”, trong Văn Học Cổ Cận Đại Việt Nam. Thơ Văn Nguyễn Bình Khiêm. Hà Nội, Nhà Xuất Bản Văn Học, 1983, tr. 44.

² Đoàn Trung Còn, dịch giả, Từ Thư, Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử. Quyển Bảy, “Chương Sau: Tận Tâm”. Huế: Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 2000, tr. 263.- Nguyễn Đức Lân (dịch và chú giải), Từ Thư Tập Chú, “Mạnh Tử, Chương XIV, Tận Tâm, Chương Cú Hạ”. Hà Nội: Nhà Xuất Bản Văn Hóa Thông Tin, 1999, tr. 1346.- Nguyễn Hiến Lê, Mạnh Tử. Saigon: Cáo Thơm, 1975. Nhà Xuất Bản Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ, Los Alamitos, CA, tr. 58. – Phan Bội Châu, Khổng Học Đảng Trọn Bộ. Houston: Xuân Thu tái bản tại Hoa Kỳ, không để năm, tr. 463.- Bản vẽ khẩu hiệu này, Phạm Khắc Hoè, Ngự Tiến Tổng Lý Văn Phòng của Vua Bảo Đại và là người thân Việt Minh nằm trong Đại Nội bên cạnh nhà vua

cho là do một người nào đó “mớm” cho nhà vua chữ Bảo Đại không thể có ý tưởng đó được. Nhận xét này nhiều phần không đúng nếu ta để ý tới căn bản giáo dục mà Bảo Đại nhận được xuyên qua Phụ Đạo Lê Nhữ Lâm từ hồi ông mới 6 tuổi rồi sau đó theo ông sang Pháp trong suốt thời gian ông ở Pháp để dạy ông về đạo làm vua theo truyền thống Việt Nam trong đó có Khổng Giáo, tiếp theo là những gì ông làm trong thời kỳ cải cách trước đó và những gì ông viết trong hồi ký sau này của ông. Xem thêm Phạm Khắc Hoè, Từ Triều Đình Huế Đến Chiến Khu Việt Bắc. Huế: Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, 1987, tr. 22-23.

³ Phạm Khắc Hoè, dẫn trên, tr. 25-26.

⁴ Tôn Quang Phiệt, “Tội Tham Gia Cách Mạng Tháng Tám ở Huế”, trong Xưa & Nay, Cơ Quan Hội Khoa Học Lịch Sử Việt Nam, Số 410, Tháng 8-2012, tr. 6. - Trần Thị Như Mân, Sống Với Tình Thương, Hồi Ký. Hà Nội: Nhà Xuất Bản Thanh Niên, 1988, tr. 49.

⁵ Phạm Khắc Hoè, Từ Triều Đình Huế..., dẫn trên, tr. 41-43.

⁶ Thanh Nghị, Số 117, ngày 21 tháng 7 năm 1945, . Trong mục “Đời Sống Đồng Dương” qua bài báo nhan đề “Mấy Đạo Dụ về Tự Do”, tr. 23-25,

⁷ - như trên-, tr. 25

⁸ Tonnesson, Stein, The Vietnamese Revolution of 1945, Roosevelt, Ho Chi Minh, de Gaulle in a World at War. London: SAGE Publications, 1991, tr. 288.

⁹ Vũ Ngự Chiêu, Phía Bên Kia Cuộc Cách Mạng 1945: Đế Quốc Việt Nam (3 – 8/1945); The Other Side of the 1945 Vietnamese Revolution (3-8/1945), A New Interpretation. Houston: Văn Hóa, 1996, tr. 110

¹⁰ Việt Nam Dân Quốc Công Báo, số 2, 6 Tháng Mười 1945, “Mục Lục Công Báo ngày 6 tháng 10 năm 1945”

¹¹ Tư cách pháp nhân

¹² Việt Nam Dân Quốc Công Báo, dẫn trên.

¹³ Độc giả muốn biết thêm chi tiết có thể tìm đọc tác phẩm Trước Khi Bảo Lự Trần Tới: Bảo Đại – Trần Trọng Kim và Đế Quốc Việt Nam, 9/3/1945 – 30/8/1945, của cùng tác giả bài này, Amazon ấn và phát hành, tái bản, 2018.

¹⁴ Dương Trung Quốc, Việt Nam: Những Sự Kiện Lịch Sử (1919 -1945). Hà Nội, Nhà Xuất Bản Giáo Dục, 2000, tr. 394.

¹⁵ Phạm Cao Dương, Trước Khi Bảo Lự Trần Tới, tr. 51 và kế tiếp hay liên hệ.

45 Năm Nhìn Lại

Đặng Tấn Hậu

Vài ngày nữa là đến ngày 30.4.2020 đánh dấu 45 năm ngày đại tang cho dân tộc VN, là ngày tháng tư đen csBV đã cưỡng chiếm miền Nam tự do, là ngày quốc hận mà người dân miền Nam bị bắt cầm tù và bị đẩy đi vùng kinh tế mới, là ngày người dân miền Nam bắt đầu bị mất nhà cửa do csBV cưỡng chiếm và cướp bóc. Bài viết thử phân tích, tìm hiểu 3 tiểu đề gồm có chân dung người lính VNCH, chân tướng của người lính csBV (Cộng Sản Bắc Việt) và ngày Quốc hận 30 tháng 4 năm 1975.

Lính VNCH

Suốt cuộc chiến từ 1954 đến 1975, thế giới vẫn thường đề cao sự can trường của người lính csBV (núp bóng dưới MTGPMN), mặc dù người lính của csBV thường bị cột vào các cây đại liên hay đại bác khi lâm trận vì cấp chỉ huy của họ sợ người lính bỏ chạy. Ngược lại, các tờ báo Tây phương khuyếch trương ý chê bai sự hèn nhát của người lính VNCH. Họ chụp các tấm hình người lính VNCH đu vào bánh xe của các máy bay trực thăng trong trận chiến Hạ Lào khi có lệnh rút quân để làm nhục khí của quân đội VNCH.

Ai cũng biết người lính VNCH được HK viện trợ các loại súng cũ thặng dư của quân đội HK

trong trận đệ nhị thế chiến; trong khi csBV có súng ống tối tân như AK (tương đương với M16) được Liên Xô và Trung Cộng viện trợ hay đại bác bắn tầm xa (thí dụ, bắn từ Lào vào mặt trận Khê Sanh) mà chính quân đội Thủy Quân Lục Chiến HK cũng không có đại bác bắn tầm xa như vậy nên TQLC Hoa Kỳ đã bị khốn đốn trong trận Khê Sanh. Có thể nói HK thắng trận Khê Sanh vì HK có B52 yểm trợ dội bom phủ đầu lên các sư đoàn csBV.

Thực tế, mặc dù ở thế thủ, không đánh qua Bắc Việt, vì tôn trọng Hiệp định Genève 1954, người lính VNCH đã chiến thắng và tiêu diệt csBV trên tất cả chiến trường tại miền Nam; thí dụ, Tết Mậu Thân 68, Mùa Hè đỏ lửa 72, trận Hạ Lào hay đánh qua Khờ Me phá hủy hậu cần của csBV v.v và chưa bao giờ người lính VNCH nhường bất cứ tấc đất nào cho địch quân; ngoại trừ các trận chiến từ tháng ba 1975 ở Ban Mê Thuột đến cuối tháng tư 1975 vì HK không viện trợ đạn dược, khí giới cho quân đội VNCH.

Tướng cần nhắc lại, csBV chưa bao giờ dám tuyên chiến công khai đánh lại quân đội VNCH mà chỉ xâm nhập, núp bóng dưới lá cờ xanh đỏ của MTGPMN trong suốt thời gian trận chiến từ 1954 đến 1975. Họ chỉ thật sự trương cờ đỏ sao vàng một năm

sau khi cưỡng chiếm miền nam vào ngày 30.4.1975. Nói theo luật quốc tế, kẻ không tuyên chiến mà đánh nước khác y như “bất thần” tấn công bị coi là phạm luật chiến tranh quốc tế. Thí dụ, Nhật Bản tấn công Trân Châu Cảng của HK, 1 tiếng đồng hồ trước khi đại sứ Nhật Bản trình thư “tuyên chiến” cho ngoại trưởng HK nên Nhật Bản đã bị thế giới lên án sau chiến tranh. Hiện nay, VNCH đã bị bại trận nên vấn đề đưa “tội ác” của csBV ra trước tòa án quốc tế chưa đặt ra, nhưng nếu tình thế thay đổi trong tương lai, lịch sử sẽ phán xét tội “không tuyên chiến” mà tấn công, nhất là có những hành động tàn độc, bỏ dơi, khổ sai đối với tù binh VNCH.

Mặc dù quân đội VNCH bị báo chí Tây phương và cộng sản bêu xấu, nhưng chính nhờ ngày 30.4.1975 đã cho thế giới thấy sự chiến đấu dũng cảm vào giờ chót của quân lực VNCH như trận Xuân Lộc. Sư đoàn 18 VNCH chống trả lại ba, bốn sư đoàn chánh quy csBV mà vẫn thắng thế nên các sư đoàn tham chiến của csBV bắt buộc phải tránh Xuân Lộc để đi vòng qua đường khác tiến quân về Saigon.

CSBV muốn có trận đánh lịch sử ngay tại Saigon y như trận Stalingrad mà lính Đức (Hitler) đã tàn phá thành phố Stalingrad của Liên Xô (Stalin), csBV muốn cho thế giới thấy có trận đánh thư hùng giữa quân đội VNCH và csBV tại Saigon; nhưng lệnh “buông súng” không giết “người

anh em phía bên kia” làm cho csBV hụt hẫng không biết đối phó cách nào, ngoại trừ trả thù hèn hạ bằng cách “lường gạt” học tập 10 ngày để giết tù binh trong nhà tù.

Ngày nay, nhìn lại quá khứ, thế giới đã ngã mũ chào người lính VNCH. Cờ vàng ba sọc đỏ vẫn tung bay khắp nơi trên thế giới và các thương phế binh VNCH tại VN vẫn hành diện vì đã trả một phần thân thể cho quê hương tự do so với csBV vừa cướp nhà của dân, vừa xuất cảng thanh niên thiếu nữ ra nước ngoài làm nô lệ lao công, tình dục, vừa bán lãnh thổ và lãnh hải cho TC qua hội nghị Thành Đô, vừa vào cửa hậu khi hợp cùng với các vị nguyên thủ quốc gia sở tại vì bị người Việt hải ngoại chống đối khắp nơi.

Lính csBV

Báo chí Tây phương thường ca tụng người lính csBV trước năm 1975 vì nhiều lý do: (a) các phóng viên khó lấy tin tức chính xác về sự thiệt hại của quân đội csBV (b) quân csBV núp bóng dưới lá cờ MTGPMN nên được coi là đám lính “nhà quê” có tinh thần yêu nước chống lại đại cường quốc HK. Sau ngày 30.4.75, các nhà báo Tây phương thân cộng mới vỡ mộng vì thấy đám lính “nhà quê” chính là lính chính quy csBV đội lốt MTGPMN chuyên đi thổ đố đạt tù miền Nam đem về Bắc với câu “vào, vợ, vét, về”.

Tin tức mật có phần nào được giải mã sau ngày 30.4.1975. Có

nhiều sự kiện cho thấy quân đội, công an csBV “rất hèn với giặc, ác với dân”. Chúng lừa những người lính VNCH chuẩn bị lương thực cho 10 ngày “học tập” để chúng nhốt và giết chết những dân-quân-cán-chính VNCH trong nhà tù. csBV đẩy người dân miền Nam đi vùng kinh tế mới để chúng dễ bề cướp lấy nhà cửa của dân. Tội ác ngập trời của csBV chất cao hơn núi không thể nào rửa sạch! Oan hồn uống tử sẽ bắt csBV đến tội ác trong một ngày không xa.

Quân đội csBV có súng ống tối tân do Liên Xô viện trợ, nhưng họ không dám đánh lại TC khi TC đem quân dạy cho họ bài học ở miền Bắc; đổi lại họ không dám làm lễ tưởng niệm những người lính csBV bị quân TC giết chết. Bộ chính trị csBV phải sang châu lục ông Đặng Tiểu Bình ở Bắc Kinh. Ông ta đã khi dễ không cho các tay to mặt lớn csBV vào tiếp kiến. Ông chỉ thị cho bộ hạ cấp thấp gặp riêng đám csBV tại Thành Đô với điều kiện csBV phải chịu dâng đất nước VN cho TC. Do đó, người dân VN mới có câu “chúng tôi muốn biết sự thật” về hội nghị Thành Đô mà csBV đã phải giấu tin tức như mèo giấu c...

Ngày nay, mặc dù tên nước csBV là CSVN (VN Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa), nhưng thực chất là “kinh tế tư bản bóc lột thợ thuyền dưới sự kim kẹp của đảng cộng sản độc tài tham nhũng” (kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa) nên quan lớn ăn theo

lớn, quan nhỏ tham nhũng nhỏ, đưa tới tình trạng “dân oan” khiếu kiện khắp nơi ở VN. Quan chức lớn nhỏ có cùng chủ trương bán đất nước cho ngoại bang, cho ngoại quốc lấy đất của dân để làm sân đánh cù (golf), hay phá rừng, phá môi trường và lấy tiền công quỹ tàn phá kinh tế tài chánh quốc gia làm cho nợ xấu gia tăng vô phương cứu chữa.

Các thái tử đảng xuất dương du học và ở lại nước ngoài để gìn giữ gia tài “tham nhũng” của các đảng viên trong nước. Do đó, số tiền hải ngoại gởi về VN gần \$20 tỷ/mỗi năm đều là “tiền dơ” (tham nhũng) được gởi từ trong nước ra nước ngoài và được gởi trở lại VN để rửa thành “tiền sạch” qua ngân hàng. Chúng ta không lấy làm lạ chỉ có 10 năm sau ngày 30.4.75, có không biết bao nhiêu thái tử đảng của bộ chính trị di tản ra nước ngoài và trở thành công dân sở tại.

Tướng độc nhân Moshe Dayan, Do Thái, có lý khi nói “muôn chấm dứt chế độ CS tại VN thì cho người dân VN sống chung với CS”. Quả thật vậy! Nếu ngày nay có tự do bầu cử, chắc chắn 100% là người dân VN không bỏ phiếu cho đảng CSVN. Vì thế, CSVN không bao giờ dám bỏ điều 4 hiến pháp của họ là “đảng CS độc quyền tại VN”, là đảng nắm trên tất cả các cơ cấu của chính quyền và không bao giờ dám chấp nhận “đa nguyên, đa đảng”. Người dân VN không những công lưng đóng thuế nuôi cán bộ của chính phủ, lại còn

phải nuôi thêm 4 triệu đảng viên CSVN ngồi chơi xơi nước và bán nước hại dân.

30.4.1975

Đầu tháng tư 1975, HK bỏ rơi đồng minh Khờ Me. Miền Cộng lên danh sách thủ tiêu các viên chức Khờ Me đồng minh với HK. Tổng thống Lon Nol từ chức và di tản sang Hawaii. Đại sứ HK John Gunter Dean tại Nam Vang mời thủ tướng Sirik Matak đi tản; nhưng ông Sirik Matak đã từ chối lời mời và viết thư trả lời cho đại sứ HK là “ông lấy làm tiếc vì tin vào người bạn đồng minh HK”.

Chục lính Thủy Quân Lục Chiến HK nhảy từ trực thăng xuống sân của tòa đại sứ HK tại Nam Vang để bốc một số nhân viên ngoại giao HK ra khỏi Khờ Me. Sau đó, Miền Cộng (Pol Pot) đã bắt giết ông Sirik Matak và mấy triệu người Miền về “tội ác” đã làm bạn với HK. Miền Cộng bị tòa án quốc tế xử về tội diệt chủng sau khi Miền Cộng bị lật đổ mà HK có phần nào liên đới cùng chịu trách nhiệm chung với tội ác của Pol Pot.

Trước ngày 30.4.75, HK có mời cựu tổng thống Trần Văn Hương đi tản ra khỏi VN để tránh csBV trả thù. Cụ Trần Văn Hương đã từ chối lời mời và chấp nhận chịu nhục “mất nước”, kể cả việc ông từ chối tờ giấy công dân do csBV ban phát cho cụ. Cụ Trần Văn Hương đúng là kẻ sĩ miền Nam “thẳng không kiêu, thua không nhục”, sống chết không thay tên

đổi họ, khác với điệp viên cộng sản quốc tế Hồ Chí Minh đến chết cũng không dám lấy tên thật của mình do cha mẹ đặt ra vì ông đã làm nhục tổ tông của ông.

Tướng csBV Văn Tiến Dũng tung 3 sư đoàn đánh vào Xuân Lộc để tiêu diệt sư đoàn 18 VNCH của tướng Lê Minh Đảo, nhưng sư đoàn csBV 341 bị tiêu diệt nên các sư đoàn csBV khác đành phải tránh trụ “Xuân Lộc” để tiến về Saigon. csBV tung các đại đơn vị còn lại là quân đoàn 1 đánh vào Biên Hòa, quân đoàn 2 và 4 vào Long Bình, quân đoàn 3 vào Tân Sơn Nhất và quân đoàn đặc biệt 232 từ vùng 4 tiến về Saigon. Cả 5 quân đoàn cùng giáp công với xe tăng, đại pháo để chuẩn bị “mưa pháo” tàn phá Saigon thành đồng gạch y như có lời đồn đoán của người dân Saigon sau ngày đảo chánh tổng thống Ngô Đình Diệm.

Tướng cần nhắc lại, sau ngày đảo chánh 1.11.1963, chính phủ lâm thời VNCH có cho lập tượng nữ sinh Quách Thị Trang tại chợ Saigon vì cô này đi biểu tình chống chính phủ Ngô Đình Diệm nên bị lạc đạn chết tại bùng binh Saigon. Tên của cô là Quách Thị Trang mà nhiều người đã giải thích: “Quách là hòm, quan tài; Thị là chợ; Trang là nghĩa địa”; tức là chợ Saigon sẽ bị bình địa trở thành nghĩa trang, nơi chôn cất nhiều quan tài. Cũng may là nhờ hồn thiêng sông núi hộ trì cho người dân Saigon thoát nạn “mưa pháo” trả thù của quân đội csBV.

Với tư cách tổng thống 1 ngày, tướng Dương Văn Minh đã ra lệnh cho “quân đội buông súng không bắn giết người anh em (đồng bào) phía bên kia” nên csBV không thể “mưa pháo” vào Saigon vào ngày 30.4.75 như dự trù. Người dân Saigon không có “đổ ra đường ăn mừng” đoàn quân csBV giải phóng miền nam sau gần 21 năm chiến tranh do giặc cộng gây ra. Do đó, csBV đã điên tiết, trả thù lại dân-quân-cán-chính VNCH bằng cách cầm tù, đày người dân miền Nam đi vùng kinh tế mới, di tản, đánh tư sản v.v sau ngày 30.4.1975.

Chúng ta thấy có nhiều hiện tượng xảy ra sau ngày “giải phóng”: (a) csBV “vào, vợ, vét, vẽ” thổ đồ ăn cắp từ miền Nam về miền Bắc; (b) csBV cướp nhà cửa của người dân miền Nam; (c) csBV không dám đánh TC dù khí giới của họ tối tân hơn súng ống của TC do Liên Xô viện trợ trong thời chiến; (d) csBV ký giấy bán nước theo hội nghị Thành Đô cho TC; (e) csBV bóc lột thợ thuyền và tham nhũng vì áp dụng chế độ tư bản và cộng sản; (f) csBV xuất cảng thanh niên thiếu nữ ra nước ngoài làm nô lệ lao công và tình dục v.v.

Có hiện tượng kỳ lạ khác dưới chế độ CSVN sau 1975 là các thái tử đảng chạy ra nước ngoài tỵ nạn để các cụ (đảng viên CSVN) chuẩn bị cho ngày CSVN bị sụp đổ tại VN hay ngày VN sẽ trở thành một tỉnh lỵ của TC. Kết quả, miền Nam giàu có nhất nhì Đông Nam Á trước 1975 thì ngày

nay, toàn quốc VN từ Nam tới Bắc, cả xứ VN, chỉ hơn một chút hai quốc gia láng giềng là Lào và Cao Miên và thua xa Tân Gia Ba, Nam Hàn, Nhật Bản v.v trong vùng Đông Nam Á sau hơn 45 năm cưỡng chiếm miền Nam tự do.

Đêm 29 rạng ngày 30 tháng tư 1975, trực thăng HK ráo riết bốc những người dân HK ra khỏi VN. Đệ thất hạm đội HK có mặt tại Biển Đông; nhưng không dám vào hải phận VN để cứu vớt những người tỵ nạn vì tôn trọng hiệp định Paris. Tướng VNCH Nguyễn Cao Kỳ tuyên bố chống csBV; nhưng chính ông là người đầu tiên có mặt trên chiến hạm Midway. Nguyễn Cao Kỳ là người thành lập phi đoàn “thần phong” thả bom “Bắc Việt”; nhưng cũng chính ông là người đã về VN làm tài lọt cho CSVN mà khi chết, CSVN không cho gia đình của ông chôn cất ông tại VN sau khi ông bị CSVN “vắt chanh bỏ vỏ”.

Chuyện gì đã xảy ra ở hải ngoại vào ngày 30.4.75, sinh viên du học miền nam VN như rắn mất đầu từ một người có tổ quốc (VNCH) trở thành người vô tổ quốc. Họ là những thanh niên, thiếu nữ có nhiều mộng mơ trở về VN để xây dựng đất nước. Tất cả đều tan thành mây khói. Các anh em vừa lo tiếp tục đi học, vừa lo cho thân nhân không biết có di tản được hay không, vừa lo làm giấy bảo lãnh thân nhân v.v.

Anh Trần Văn Bá, đại diện Tổng hội sinh viên Paris, tổ chức biểu tình thảm lặng cùng với một

nhóm anh em du học sinh tại Pháp. Anh cùng một số sinh viên xin gặp đại sứ VNCH tại Paris để yêu cầu ông đại sứ đốt hủy hồ sơ “mật” của tòa đại sứ VNCH và cho ông ta biết là anh em sinh viên tiếp tục con đường tranh đấu cho tự do dân chủ tại VN.

Ông đại sứ muốn kiểm điểm với csBV là ông sẽ trao sổ tiền còn dư lại trong ngân quỹ cho csBV nên ông làm đạo đức giả ký tờ ngân phiếu “không tiền bảo chứng” cho Tổng hội sinh viên để ủng hộ sinh viên tiếp tục đấu tranh cho tự do dân chủ tại VN; đồng thời, ông không cho thiêu hủy hồ sơ như đã hứa. Điều may mắn, anh Trần Văn Bá đã tiên đoán trò “ma giáo” của ông đại sứ sẽ trao hồ sơ mật cho csBV nên đêm đó, anh và các bạn sinh viên của anh đã leo tường vào tòa đại sứ VNCH và đốt hết các hồ sơ “mật”.

Tướng cần nhắc lại, tòa đại sứ HK đã thiêu hủy hồ sơ mật trước khi rời khỏi Saigon; nhưng họ không biết bộ chỉ huy cảnh sát quốc gia tại Saigon còn giữ lại “bản sao” mà họ quên thiêu hủy. Các hồ sơ này có từ thời Pháp thuộc đến ngày 30.4.1975 nên csBV có bộ phận gián, công an chuyên nghiệp có thể đọc lại hồ sơ “mật” để trả thù lại những người tố cáo bọn cộng sản nằm vùng, nhất là qua chương trình Phượng Hoàng đã kêu gọi người dân miền nam đứng ra tố giác các hoạt động của bọn cộng sản tại miền nam VN.

Trở lại chuyện anh Trần Văn Bá, anh quyết định trở về VN để kháng chiến sau ngày 30.4.75

cùng với các đồng chí như phi công Mai Văn Hạnh có quốc tịch Pháp. Các anh bị Nguyễn Tấn Dũng bắt (khi đó, NTD là công an biên phòng) và anh Bá đã bị xử tử chết, nhưng csBV không cho thân nhân của anh Bá chôn cất thân xác của anh. csBV còn tàn độc hơn bọn thực dân dưới thời Pháp thuộc. Tướng cần nhắc lại, cha của anh Trần Văn Bá là chính trị gia rất nổi tiếng tại miền Nam là ông Trần Văn Vân. Hai cha con có cùng điểm chung là “muốn vá trời mang lại an vui cho dân tộc VN”, nhưng cả hai bị giết chết khi mộng chưa thành.

Điểm cuối khá quan trọng là cựu thủ tướng Trần Văn Hữu. Ông làm thủ tướng từ năm 1950 đến năm 1952. Ông là người có công tuyên bố khẳng định Hoàng Sa, Trường Sa thuộc về VN; khác với thủ tướng csBV Phạm Văn Đồng công nhận Hoàng Sa của TC. Ông Trần Văn Hữu ở bên Pháp cùng với các cộng sự viên quan tâm đến sự an nguy cho miền Nam tự do vào tháng tư 75 nên ông muốn trở về VN thành lập chính phủ trung lập cứu miền Nam khỏi lọt vào tay cộng sản. Ông đã liên lạc với phó đề đốc Chung Tấn Cang, nhưng con cờ này bị chết ngay từ trong trứng vì tướng Dương Văn Minh không tới dự phiên họp.

Thay Lời Kết

Có người luận Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã quyết định sai lầm khi thả HK bằng cách triệt thoái quân đội ra khỏi

Pleiku để chuẩn bị giải cứu Ban Mê Thuột làm tiêu quân đoàn 2 tại vùng cao nguyên trung phần VN hoặc là trách ông Thiệu dùng lá bài “bù” với mấy lá thơ “hứa lèo” của tổng thống HK Nixon mà ông tin HK sẽ trở lại VN và cho pháo đài B52 dội bom tiêu diệt các sư đoàn csBV tập trung tại một chỗ ở miền nam.

Ngày nay, các tin tức mật đã được giải mã. Chúng ta biết ít nhiều chiến tranh tại miền Nam VN chấm dứt từ đầu năm 1973 sau ngày HK ký hiệp định Paris mà phần thắng nghiêng về csBV vì HK đã bán đứng miền nam VN cho cộng sản. Quân csBV nhận viện trợ ào ạt từ TC và LS. Bộ đội csBV xâm nhập vào miền Nam càng ngày càng nhiều qua đường mòn Hồ Chí Minh; trong khi đó, HK đã ngưng viện trợ vũ khí cho quân đội VNCH thì làm sao người lính VNCH có thể chiến đấu, ngoại trừ có giải pháp chính trị nào đó.

Sự quyết định sai lầm của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu chỉ làm cho chiến trận kết thúc mau chóng, nhất là csBV làm áp lực HK để thay đổi các tổng thống VNCH vào giờ thứ 25 làm xáo trộn đầu não bộ chỉ huy của chính phủ VNCH; đó là chưa kể thành phần thứ 3 chuyên môn biểu tình phá hoại đất nước như linh mục Thanh, linh mục Chân Tín, bà Ngô Bá Thành v.v. Họ trở nên sáng mắt sau ngày “giải phóng” 30.4.1975, nhưng họ có mắt như mù vì không dám nói, dám làm hay dám có hành động chống đối csBV.

CSBV tổ chức diễn binh ăn mừng tại Saigon vào ngày 15.5.1975. Trương Như Tảng, Bộ trưởng tư pháp của MTGPMN, lấy làm lạ không có đoàn quân MTGPMN tham dự vì ông không biết là csBV đã giải tán đám quân này từ lâu. Còn những tên như Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Thị Bình v.v thì csBV cho ngồi chơi xơi nước. csBV không giết chết họ là may nên những tên “cách mạng lão thành” này chỉ biết ngồi khóc than cho số phận.

HK hoàn toàn không có dự trù cứu giúp người Việt tỵ nạn vào ngày 30.4.1975 y như trường hợp Khờ Me, nhưng HK sợ người lính VNCH sẽ bắn vào 2,000 người HK còn kẹt lại ở VN. Do đó, quốc hội HK mới chuẩn y cho cứu vớt họ nên mới có 200,000 người di tản ra nước ngoài vào ngày 30.4.1975. Từ đó, chúng ta mới có sự tiếp nối đấu tranh, bảo lãnh cho thân nhân tù trong nước vượt biên hay ra nước ngoài dưới dạng HO, bảo lãnh.

Ngày 30.4.1975 không những là ngày “quốc hận”, là ngày “tháng tư đen” cho người dân miền Nam mà còn đánh dấu là ngày “đại tang” cho cả dân tộc VN vì sau 45 năm, csBV đã dâng trọn đất nước VN cho TC gồm cả lãnh thổ và lãnh hải theo hội nghị Thành Đô 1990; đó là chưa kể công hàm Phạm Văn Đồng 1958 công nhận Hoàng Sa của TC để từ đó, theo luật quốc tế, TC có thể lấy điểm tựa từ Hoàng Sa cộng thêm 200 hải lý để tiến chiếm Trường Sa ở Biển Đông.

Các nhà báo, tác giả ngoại quốc có khuynh hướng thiên tả trước 1975 đã thức tỉnh. Thí dụ, tác giả Olivier Todd thân cộng đã dùng danh từ “tháng tư tàn ác” (Cruel Avril) cho quyển sách nổi tiếng của ông vì ông nhận thấy csBV đã đối xử quá tàn ác đối với đồng bào của họ. Ông Thomas Bass là tác giả sách “The Spy Who Loved Us”, viết về điệp viên Phạm Xuân Ẩn. Sách được CSVN dịch ra tiếng Việt tại VN với tựa đề “Điệp viên Z.21- kẻ thù tuyệt vời của nước Mỹ”. Ông cho biết CSVN đã kiểm duyệt, cắt xén nhiều đoạn trong bản gốc tiếng Anh của ông, nhất là đoạn viết về TC dạy cho CSVN bài học năm 1979. <http://www.voatiengviet.com/content/tac-gia-nguoi-my-noi-vietnam-muon-kiem-soat-qua-khu/2638808.html>

Mỗi năm vào ngày 30.4, CSVN tổ chức diễn binh, bắn pháo bông để ăn mừng chiến thắng “giải phóng” đất nước mà ai cũng biết người dân trong nước đã quá chán chê lời phỉnh gạt của CSVN vì ai cũng có thể truy cập tin tức chính xác về sự lừa dối của nhà cầm quyền CSVN; đó là chưa nói tới 3 triệu người Việt hải ngoại còn quá đau thương, tưởng nhớ về nỗi nước mất nhà tan, thân nhân đã bị chết oan trong nhà tù CSVN. Do đó, có vui chơi gì mà tổ chức ăn mừng làm tốn hao tiền của, mồ hôi nước mắt của dân VN.

Tháng Tư Đen 2020

Đặng Tấn Hậu

30 Tháng Tư 2020

Nghĩ về những Người Miền Nam theo Cộng Sản

Trần Mộng Lâm

Đối với những người dân Việt Nam Cộng Hòa, ngày 30 tháng tư năm 1975 là ngày mất nước, tháng tư là Tháng tư đen. Tuy nhiên, đối với những người thuộc đảng Cộng Sản, ngày 30 tháng tư với họ là một chiến thắng lớn, ngày họ Giải Phóng Miền Nam, ngày Thống Nhất đất nước. Thắng hay thua, cũng tùy vị trí của mỗi người, vì không thể chối bỏ rằng, đối với người Việt Nam, đó là một ngày lịch sử. Anh ở bên thắng, hay anh ở bên thua?.

Tuy nhiên, đối với một số người, thì khó nói là thua, hay là thắng. Phải nói cho đúng là họ thua trong chiến thắng. Tôi muốn nói tới những người Miền Nam theo Cộng Sản, những người thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Một số người Việt Nam Cộng Hòa cũ hận mấy người thuộc Mặt Trận GPMN hơn là hận mấy tên CS Miền Bắc. Có thể họ có lý nhưng trước hết, chúng ta hãy tìm hiểu về nhóm người này.

Muốn tìm hiểu những người Miền Nam trao duyên lầm tưởng cướp này. xin nhắc lại một sự kiện quan trọng là cuộc cướp chính quyền và khai sinh Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Miền Bắc) tháng 8 năm 1945, ngày mà họ gọi là Cách Mạng Mùa Thu. Cuộc cách mạng này đã có sự đóng góp tích cực của một số người Miền Nam, những người CS đệ Tam đầu tiên.

Lúc đó, xứ ủy Nam Kỳ có bí thư là Bùi Công Trừng, phó bí thư là Nguyễn Văn Trấn. Những người này đã đóng góp tích cực cho CS Miền Bắc cho dù phải sát hại, thù tiêu những người Miền Nam khác như Huỳnh Phú Sổ, Trần Văn Thạch, Nguyễn An Ninh... Nếu không có họ, Hồ Chí Minh không thắng được và lịch sử xứ Nam Kỳ đã đi theo một

chiều hướng khác. Họ là những người đã đào tạo cho CS những cán bộ trung kiên để sau này chống Việt Nam Cộng Hòa dưới danh nghĩa Mặt Trận GPMN. Trong lòng, họ vẫn muốn làm một cái gì, một điều tốt đẹp cho Nam Kỳ và có lẽ họ tin tưởng như vậy thực.

Sau khi đã hoàn thành công tác được đảng giao cho, năm 1951 Nguyễn văn Trấn được chuyển ra Bắc rồi được cử đi học lý thuyết Mác Lê tại Bắc Kinh. Sau khi học xong, y được cử đi làm một tổ trưởng của cuộc Cải Cách Ruộng Đất đâm máu cùng với một vài tên tuổi như Hồ Viết Thắng, Xuân Diệu, Thép Mới... Công tác này của Nguyễn Văn Trấn thất bại hoàn toàn với lời báo cáo : *Ông ta là một trí thức xuất thân, thành phần tư bản của Nam Kỳ. Nhận xét này đã khiến y tình giác mộng vàng. Hãy nghe y than thở: Hôm sau, tôi có gặp Nguyễn Văn Châu, cán bộ liên Khu năm, cùng học ở Bắc Kinh. Hai đứa không đến nỗi ôm nhau mà khóc chớ thật là hết sức buồn.*

Nguyễn văn Châu cũng như Nguyễn Văn Chấn, thuộc thành phần địa chủ tư bản. Những người như thế thì làm sao làm Cải Cách Ruộng Đất được, khi ruộng đất ngoài Bắc so với trong Nam, chỉ là hạn hẹp đến nỗi “con chó nằm cũng lộ đuôi ra ngoài” như lời Bùi Công Trừng nói. Nguyễn Văn Trấn nói với Nguyễn văn Châu bằng tiếng Việt một thành ngữ Pháp : Canh bạc, lấy xâu không đủ tiền mua cây đèn cầy. Châu nói : *đấu tố như vậy rồi cuộc được cái gì? được cái nát tan, tình làng nghĩa xóm. Tôi sẽ diện khu ủy xin cho về.*

Đó là kinh nghiệm máu lệ cho bọn người gốc Miền Nam nhẹ dạ đi theo CS.

Không biết Nguyễn Văn Châu có về được không nhưng Nguyễn Văn Trấn thì bị thuyền chuyển về một trường chính huấn được lập ra cho một số đảng viên trung-cao “có vấn đề”. Tóm lại là một tên quân giáo tẩm thường.

Năm 1954, sau Genève, bọn CS trong Nam một số tập kết ra Bắc. Nguyễn Văn Trấn được đón tiếp đám người này. Vợ y cũng được tàu tập kết chở ra. Công tác kế tiếp của y là làm việc với những người thuộc chế độ cũ ngoài Bắc, để họ khai báo vũ khí của họ chôn giấu ở đâu. Lương của y là 120 ký gạo !!

Sau một thời gian dài công tác với những chức vụ nửa giáo dục, nửa công an, Nguyễn Văn Trấn đã chứng kiến sự khổ sở của người dân Miền Bắc. Cuộc giãn chính (nghĩa là bớt nhân viên) của chính phủ Miền Bắc đã khiến cuộc sống khó khăn hơn. Người Bắc đã vậy, những người Miền Nam tập kết còn khổ gấp nhiều lần.

Chúng ta hãy đọc Nguyễn Văn Trấn : *Người ngoài này, họ có họ hàng, có chỗ mà nhờ, ao rau ruộng, ghè tương. Anh em tập kết, tứ cố vô thân.*

Nguyễn Văn Chấn viết lại một hôm anh được Phạm Hùng giao cho một công tác : *Giao cho ba thằng Tý bốn chục đứa học trò Miền Nam, chúng nó đang bị giam ở Sơn Tây.* Tại sao có chuyện đó, xin đọc tiếp : *Lại có tình hình nhức nhối là “học sinh Miền Nam”....Ta nuôi dạy không nổi, còn tệ là thành kiến với “con cái Nam Kỳ” để cho các cháu đi ngang vườn mía, thì mía trốc gốc. Tôi nghiệp bà con ta ở Miền Nam đang đánh giặc, bụng dạ cồn cào nghĩ tới con mình ra Miền Bắc đi hái trộm ba trái ổi quý mà ăn.* Đó là tình cảnh những người Miền Nam ra ngoài Bắc trong chiến tranh. Họ sống như vậy nhiều năm trời cho đến 1975.

Chiến thắng 30 tháng Tư năm 1975 đối với lớp người Nam này là một cơ hội bằng vàng, vì họ sẽ có dịp trở về hoạt động tại Miền Nam, nơi mà họ nghĩ rằng dân chúng còn ưu ái họ.

Hãy đọc cuốn hồi ký của NVT : *Khi Hiệp Định Paris ngã ngũ....Tôi nghĩ ngay đến một Chính Phủ*

ở Miền Nam mà Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam làm chủ chốt, có Nguyễn Thị Bình, bây giờ ra đáng lắm. Lập trường của Nguyễn Văn Trấn, và có lẽ cũng của những người Miền Nam như ông là, theo lời ông :

- *“Tôi đã có ý kiến, là đất nước ta tốt nhất phải là một liên bang, của hai hoặc ba miền”.*

Với một lập trường như vậy, ông vào từ già Bùi Công Trừng để về Miền Nam. Lúc bấy giờ Bùi Công Trừng đã bệnh lắm rồi, phải nằm để tiếp Nguyễn Văn Trấn vì ông bị vôi cột sống. Bùi công Trừng và Nguyễn Văn Trấn không dám nói to tiếng với nhau mà phải dung bút đàm vì sợ lộ chuyện : *Cái gì của tôi viết, anh đọc xong là cho vào đèn (Có lẽ để tránh cho Nguyễn Văn Trấn khỏi nguy hiểm).* Sau cùng, Bùi Công Trừng nói : *Chúng nó cũng mấy thằng ấy, cũng vẫn chính sách ấy, cai trị 17 triệu dân thì dân đã nghèo sát đất. Không đầy 15 năm thì cái rừng Việt Bắc và Tây Bắc bị cạo trọc lóc, bây giờ ở Miền Nam, cũng đào kếp ấy, hài kịch ấy, chưa chi nó đã giành đất của Ban Mê Thuật, của Đà Lạt, của Sông Bé thì Miền Nam chỉ cần 3 năm, cũng sẽ “trơn lu như mu bà bóng” cho mấy coi.*

Cho nên phải nói là những người CS Miền Nam không phải không nhìn thấy thảm họa sẽ đến cho Miền Nam. Trái lại là khác. Có lẽ Bùi Công Trừng đã dặn dò cho Nguyễn Văn Trấn những điều cần làm để cứu Miền Nam : *Mày về trong ấy thì mọi việc đã xong.* Cũng có lẽ Bùi Công Trừng đã kỳ vọng hơi nhiều vào Mặt Trận GPMN khi nói với NVT câu này.

Đến đây, chúng ta tạm ngưng theo dõi Nguyễn Văn Trấn để đọc một tài liệu khác liên quan đến 30 tháng tư. Tài liệu này là của một người ký tên Joakin Nguyễn Hòa gửi đến BBC từ Virginia. Bài viết có tựa đề : *Sau 1975, từng có hai nước Việt Nam cùng xin gia nhập Liên Hiệp Quốc.*

Bài báo như sau : *Ít người biết rằng sau tháng 4/1975, từng có hai nước Việt Nam nộp đơn xin vào Liên Hiệp Quốc : Một là nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, thủ đô Hà Nội, cờ đỏ sao vàng.*

Nước Việt Nam kia là Cộng Hoà Miền Nam Việt Nam, thủ đô Sài Gòn, cờ nửa đỏ nửa xanh, với ngôi sao vàng.

Lá cờ nửa đỏ nửa xanh này xuất hiện vào cuối năm 1960, khi đó một số trí thức Miền Nam tuyên bố thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam trong vùng rừng núi Lộc Ninh. Thành viên của Mặt Trận này thành lập một chính phủ gọi là Chính Phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam. Ngày 30 tháng 4 năm 1975, lá cờ của quân chiến thắng được kéo lên nóc dinh Tổng Thống ở Sài Gòn là cờ nửa đỏ, nửa xanh chứ không phải cờ đỏ sao vàng.

Giữa tháng 7/1975, hai nước Việt Nam rủ nhau nộp đơn vào Liên Hiệp Quốc.

Mỹ đã phủ quyết hai đơn xin này. Tuy nhiên sự việc đó chứng tỏ quan điểm của những người Miền Nam. Lúc này mới thấy bộ mặt xảo trá của Hà Nội hiện ra. Trong Đại Hội 24 của Đảng Lao Động (Tên trước của Đảng CS Việt Nam), Bắc Việt đã vội vã quyết định để ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất về mặt nhà nước.

Năm 1976, cũng tháng tư, một Quốc Hội do Đảng cử Dân Bầu ra đời và chấm dứt sự hiện diện của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Múi chanh sau khi bị vắt hết nước thì bị bỏ đi.

Dĩ nhiên sự bức tử của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam làm bừng tỉnh những người Việt Nam Miền Nam đã sai lầm quá trông đợi vào CS. Họ cố chống lại Miền Bắc nhưng họ có thể làm gì được khi không có trong tay một khí giới nào. Một *Câu Lạc Bộ* những người kháng chiến cũ, một vài vụ khai trừ, một vài vụ đào thoát xin tỵ nạn tại ngoại quốc (Trương Như Tảng, Đoàn Văn Toại...) nói lên những cái dây chết của một thầy ma trước khi vĩnh viễn già từ cõi đời.

Tóm lại, những người trí thức gốc Miền Nam đã bị Bắc Việt lừa dối hoàn toàn. Họ là ai.? Dương Quỳnh Hoa, Nguyễn Văn Trấn, Bùi Công Trừng, Trương Như Tảng ... Làm gì có giải pháp Một Liên

Bang với hai hoặc ba miền như họ hoài mơ. Còn lại chỉ là, đúng như lời Bùi Công Trừng tiên đoán : *Cũng đào kếp ấy(memes acteurs), cũng hài kịch ấy (même comédie), thì Miền Nam chỉ cần 3 năm cũng sẽ “Trơn lu như mu bà bóng”.*

Lời này là của Nguyễn Văn Trấn khi về lại Miền Nam sau 1975 : *“Tôi trở về Sài Gòn, rầy đây mai đó ở nhà các tay anh chị ông Lãnh khi xưa. Tôi tâm tình, như tôi viết trước lúc về Nam. Đối lại, anh em nói : Nam Kỳ khởi nghĩa tiêu công lý, Đồng khởi vùng lên mất Tự Do. Họ coi Miền Bắc vào là một Nam Phạt. Họ cho biết tiệm cà phê Saigon đã tổng hợp luân lý của Cộng Sản đi chiếm đất, là nói vậy chỗ không phải vậy. Ngày nào , từ đất Bắc, chính anh(họ nói tôi) đã nhưn danh chánh sách hòa hợp dân tộc, đoàn tụ gia đình mà kêu gọi đồng bào Miền Nam hay kêu gọi con em mình hãy sớm bỏ hàng ngũ địch mà về với gia đình....người ta còn nói (coi như là tôi nói đi)... là sự thống nhất đất nước, coi như bề ngoài mà thôi.*

Tôi mượn lời của Nguyễn Văn Trấn để kết thúc bài viết này cũng đã quá dài, và cũng để cùng các bạn suy luận về một số trí thức Miền Nam và vai trò cùng số phận họ trong cuộc chiến vừa qua, trong nạn Hán Hóa của Việt Nam trong tương lai. Giờ phút này đã cho chúng ta thấy rõ là Mặt Trận GPMN đã bị lừa. Nhưng thật ra toàn thể dân tộc Việt Nam đã bị lừa, bởi kẻ lằng giếng phương Bắc.

Làm sao để cứu Miền Nam? Làm sao để cứu Việt Nam ?? Câu hỏi này xin gửi đến những ai còn tha thiết đến dân tộc, đất nước.

Trần Mộng Lâm

30 tháng 4 và những người một thời vang bóng

Nguyễn thị Cỏ May

“30 tháng 4” thật sự là chỉ một ngày như bao nhiêu ngày khác trên tờ lịch. Nhưng từ sau 30 tháng 4 năm 1975, nó trở thành một ngày trọng đại vì nó ghi lại một biến cố lớn, đau thương, bám chặt vào ký ức của người Việt Nam. Nó đánh thức lòng trắc ẩn và lương tâm thế giới văn minh do những hệ quả kéo dài.

Đối với người Việt Nam, đó là “Ngày Quốc hận”, “Ngày Mất nước”, ... Nhưng với người cộng sản Hà Nội, cũng ngày đó, nó trở thành ngày “Giải phóng Miền Nam”, ngày “Đất nước thống nhất”, ... Ngày lễ hội vui mừng.

Kẻ mất buồn, người được vui ! Thông thường thôi. Nói theo Võ văn Kiệt thì ngày 30 tháng 4 “Có một triệu người vui, có một triệu người buồn”. Phải chăng Ông Kiệt đã nghĩ tới những người không phải bên thắng cuộc? Nhưng thật lòng thì ông buồn hay vui? Cái nào nhiều, cái nào ít? Nhưng giờ đây cả nước buồn! Cả người cộng sản phản tỉnh và đông đảo thanh niên. Trừ những người cộng sản làm giàu nhờ cầm quyền. Những người này nói cách mạng, làm chánh quyền cách mạng nhưng không ai có thành tích cách mạng. Du đảng mà mặt không

dính theo thì không thể nói là du đảng hay dân anh chị được. Chỉ là những tên điểm đảng mà thôi. Đó là những Nguyễn Phú Trọng, những Tô Lâm, những Lê Thanh Hải... Nguyễn Tấn Dũng ít ra còn có thành tích lúc 16 tuổi làm y tá, xúc thuốc đỏ cho du kích VC trong mật khu Cà Mau bị thương.

Giữa hai lớp người buồn vui đó, có một ít người không thấy buồn, trái lại thấy vui vì tự “chia vui” với “Bên thắng cuộc”. Tất cả họ đều thuộc lớp khá giả trong xã hội Miền Nam nhưng lại chạy theo cộng sản, chống lại chánh quyền miền Nam, và làm tay sai cho cộng sản.

Trưa ngày 30 tháng 4 năm 1975, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn lên Đài phát thanh Sài Gòn hát bài “Nối vòng tay lớn”, bài hát kêu gọi và nói về ước mơ thống nhất dân tộc hai miền Nam Bắc mà ông viết từ năm 1968 nhưng chưa từng công bố cho tới thời điểm đó, nay được ông công bố để kỷ niệm sự kiện trọng đại mà ông mong chờ đã lâu. Trong bài phát biểu trên đài, ông kêu gọi người dân miền Nam ủng hộ Chính phủ Cách mạng lâm thời miền

Nam Việt Nam :

“Hôm nay là ngày mơ ước của tất cả chúng ta... Ngày mà chúng ta giải phóng hoàn toàn đất nước Việt Nam này... Những điều mơ ước của các bạn bấy lâu là độc lập, tự do, và thống nhất thì hôm nay chúng ta đã đạt được tất cả kết quả đó... Hôm nay tôi yêu cầu các văn nghệ sĩ cách mạng miền Nam Việt Nam, các bạn trẻ và Chính phủ Cách mạng lâm thời xem những kẻ ra đi là những kẻ phản bội đất nước... Chính phủ Cách mạng lâm thời đến đây với thái độ hòa giải, tốt đẹp. Chúng ta không có lý do gì để sợ hãi mà ra đi cả. Đây là cơ hội duy nhất và đẹp đẽ nhất để đất nước Việt Nam được thống nhất và độc lập. Thống nhất và độc lập là những điều chúng ta mơ ước suốt mấy chục năm nay. Tôi xin tất cả các bạn, thân hữu và cũng như những người chưa quen của tôi xin ở lại và kết hợp chặt chẽ với Ủy ban Cách mạng lâm thời để góp tiếng nói xây dựng miền Nam Việt Nam này...”

Nhưng tiếp theo những ngày sau đó, Trịnh Công Sơn không có chỗ đứng. Nghe bạn khuyên nên về Huế sống yên lành hơn vì

quê hương và bạn bè cũ. Nhưng ở Huế, ông thấy có nhiều khó khăn. Bạn lại khuyên ông nên trở vào Sài Gòn tốt hơn. Và ông ở Sài Gòn luôn từ đó. May mà ông không bị đi cải tạo tập trung như nhiều văn nghệ sĩ khác.

Sau gần nửa thế kỷ “thắng cuộc”, đất nước về một mối xã hội chủ nghĩa, những điều họ tranh đấu đòi hỏi ngày trước như dân chủ, tự do, xã hội công bằng, người không bóc lột người, no cơm ấm áo, không có bóng dáng ngoại bang... thì nay, những điều đó đang trở thành thực tế xã hội Việt Nam nhưng không thấy những người đó đứng lên, biểu tình, tuyệt thực, đòi hỏi như trước kia. Đó là những người của «Thành phần Thứ ba» hay của «Lực lượng Thứ ba»

Thành phần thứ ba

Tổ chức “Thành phần thứ ba” hay “Lực lượng thứ ba” ra đời trong hoàn cảnh nào, không rõ ràng lắm. Theo ký giả Pomonti của nhật báo Le Monde, “Thành phần thứ ba” xuất hiện năm 1960 sau khi Nhóm Caravelle đưa ra bản Tuyên ngôn với 18 nhân sĩ ký tên đòi hỏi Tổng thống Ngô Đình Diệm cải tổ đường lối cai trị, chấm dứt tình trạng độc tài gia đình trị. Sau đó thì xuất hiện phong trào quần chúng nổi lên chống chế độ Ngô Đình Diệm độc tài, kỳ thị tôn giáo.

Nhưng theo ký giả Decornoy cũng của Le Monde thì vào cuối năm 1969, có một phong trào quần chúng xuất hiện ở Sài Gòn

chống chánh phủ Nguyễn văn Thiệu, đòi hòa bình, đi theo chủ trương “Hòa giải dân tộc” của Tướng Dương văn Minh.

“Thành phần thứ ba” gồm một số Dân biểu như Hồ Ngọc Nhuận, Kiều Mộng Thu, Lý Quý Chung, Dương văn Ba, Ngô Công Đức; Sinh viên có Huỳnh Tấn Mẫm, Nguyễn Hữu Thái,...; trí thức có Bà Ngô Bá Thành,...; tu sĩ có Ni sư Huỳnh Liên,... các Linh mục Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Phan Khắc Từ,...

Năm 1971, Sài Gòn tổ chức bầu cử Quốc hội. Nguyễn Hữu Thái được Mặt trận Giải phóng Miền Nam bí mật móc nối để nghị ra tranh cử với lập trường “hòa bình đứng giữa” chuẩn bị cho Thành phần thứ ba khi có Chánh phủ 3 thành phần theo Hiệp định Paris tuy lúc đó Hội nghị Paris chưa kết thúc.

Nhưng “Thành phần thứ ba” trở thành một danh xưng chánh thức từ khi Hà Nội đưa ra tại hòa đàm Paris để nghị thành lập một chánh phủ liên hiệp gồm 3 thành phần. Xin nhắc lại thành phần thứ ba của Hà Nội để cập không có phong trào sinh viên, dân biểu, trí thức, tu sĩ, như trên đây.

Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa trước sau vẫn cương quyết phủ nhận thành phần thứ ba. Năm 1972, Hà Nội chánh thức lên tiếng bình vực phong trào này.

Chẳng những phủ nhận “Thành phần thứ ba” hay “Lực lượng thứ ba”, chánh phủ Sài Gòn cũng từ

chối để nghị một Chánh phủ Liên hiệp 3 Thành phần như phía Việt cộng đòi hỏi. Tuy nhiên, khi “Hiệp định chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình” ký kết tháng giêng 1973 ở Paris thì có điều 12 qui định thành lập một “**Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc gồm 3 thành phần ngang nhau**”.

Hà Nội coi trọng thành phần thứ ba như là một yếu tố giúp họ thắng lợi bằng chánh trị: “Việc thành lập một chính phủ hòa hợp dân tộc ở miền Nam là chìa khóa dẫn đến hòa bình, và lực lượng thứ ba là một thành phần không thể thiếu được của giải pháp này...” (Phạm văn Đồng trả lời nhà báo pháp Jean Lacouture, Etudes vietnamiennes, Paris).

Để làm áp lực ở hòa đàm Paris, Hà Nội cho thành lập Chánh phủ Cách mạng Lâm thời. Ngoại trưởng Nguyễn Thị Bình của Chánh phủ Cách mạng Lâm thời đưa ra để nghị “8 điểm” có đề cập thành lập một Chánh phủ Liên hiệp Lâm thời gồm 3 thành phần: những người của Chánh phủ Cách mạng Lâm Thời, những người yêu chuộng hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ trong chánh quyền Sài Gòn, và những nhân vật của các lực lượng chánh trị và tôn giáo, trong hay ngoài nước, có lập trường ủng hộ hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ phản ánh các khát vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam về hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ, và hòa giải, hòa hợp dân tộc.

Tiếp theo, vào cuối 1973, rầm rộ xuất hiện ở Sài Gòn nhiều phong trào do Hà Nội thổi lên như:

- Phong trào Phụ nữ đòi Quyền sống (Bà Ngô Bá Thành sáng lập).

- Phong trào Thi hành Hiệp Định Paris.

- Mặt trận Nhân dân Cứu đói (Tổ chức lớn nhất ở Miền Nam với sự tham gia của các nhóm Công giáo, Phật giáo, Hòa Hảo và Cao Đài. Linh mục Phan Khắc Từ là một trong 3 phó chủ tịch.)

- Mặt trận các Tôn giáo vì Hòa bình, Hòa hợp, và Hòa giải (Dương Văn Minh sáng lập).

- Lực lượng Hòa hợp Hòa giải Dân tộc (tổ chức Phật giáo do Vũ Văn Mẫu lãnh đạo).

- Tổ chức Nhân dân đòi Thi hành Hiệp định Paris (Ngô Bá Thành sáng lập).

- Ủy ban Tranh đấu cho Tự do Báo chí và Xuất Bản (Dân biểu Nguyễn Văn Bình, anh vợ Ngô Công Đức đứng đầu).

- Ủy ban đòi trả tự do cho tù Chính trị của Lực lượng thứ ba.

- Ủy ban bảo vệ quyền lợi người lao động (Linh mục Phan Khắc Từ lãnh đạo).

- Nhóm các Nhà Lập Pháp Tranh đấu cho Tự do, Dân chủ và Hòa bình.

Nhưng hiện tượng quần chúng này chỉ là những đòi hỏi giai đoạn của người cộng sản để chờ

đội đạt trọn vẹn mục tiêu cuối cùng. Đó là ngày 30 tháng 4/1975.

Sau 30-4-75 có hai nước Việt Nam cùng xin gia nhập LHQ?

Cuộc chiến Nam-Bắc Việt Nam kết thúc ngày 30-04-1975 thì qua tháng 4/1976 hai miền Việt Nam được thống nhất thành một nước có tên gọi là **"Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam"**. Không đợi thi hành Hiệp định Paris.

Nhơn đây xin nhắc lại cái chết của một cựu Nam Bộ kháng chiến Khu 7 liên hệ tới quyết định thống nhất 2 Miền sớm hơn thời hạn. Trong Hội nghị Hiệp thương chánh trị bàn về thống nhất, Tướng **Huỳnh văn Nghệ**, cựu Bộ trưởng Lâm nghiệp, phản đối việc quyết định thống nhất sớm. Giận dữ, ông rút khẩu súng cá nhân dần lên bàn, gần giọng **"Ai quyết định thống nhất ngay, hãy bước qua xác chết của tôi"**. Qua đầu năm 1977, Huỳnh văn Nghệ một hôm bị đau bụng, Ban Bảo vệ sức khỏe Trung ương đảng vội cho chở ông vào Chợ Rẫy để chữa trị. Bác sĩ ở Hà Nội phải vào để săn sóc ông theo tiêu chuẩn cán bộ đảng viên. Vài hôm sau, ông thấy tình trạng sức khỏe của mình không có gì nặng nên muốn về nhưng bác sĩ không cho. Đưa ông đi chụp hình, liền sau đó, đưa ông qua phòng mổ. Bình thường gặp bác sĩ thứ thiệt của Hà Nội mổ thì cũng khó sống. Nay ông lại được bác sĩ Hà Nội đặc biệt quan tâm mổ theo ý kiến của Ban Bảo vệ sức khỏe Trung ương đảng thì dĩ nhiên ông

không thể không ra về bằng ngõ sau của nhà thương. Chuyện này, Bác sĩ Dương Quỳnh Hoa biết nên bà có lên tiếng trong nội bộ và bà tỏ thái độ bằng cách trả thẻ đảng. Phạm văn Đồng can thiệp không được, đành chấp nhận và yêu cầu bà giữ tiếng trong 10 năm. Đúng 10 năm, bà công bố việc trả thẻ đảng của bà trên nhật báo Le Monde của Pháp. Về cái chết của Huỳnh văn Nghệ, bà chỉ nói riêng trong vòng thân mật mà thôi.

Thống nhất xong, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam nộp đơn gia nhập Liên Hiệp Quốc vào năm 1977, và trở thành thành viên thứ 149 của LHQ vào ngày 20 tháng 9/1977.

Nhưng ít người biết rằng trước khi thống nhất đã từng có hai nước Việt Nam nộp đơn cùng xin gia nhập Liên Hiệp Quốc. Một là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thủ đô Hà Nội, với cờ đỏ sao vàng. Và nước Việt Nam kia là Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, thủ đô Sài Gòn, có cờ nửa đỏ trên, nửa xanh dưới, ngôi sao vàng giữa.

Lá cờ nửa đỏ nửa xanh này xuất hiện vào cuối năm 1960, khi một số trí thức miền Nam tuyên bố thành lập "Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam" trong vùng rừng núi Lộc Ninh, để đối lập với chánh phủ Việt Nam Cộng hòa tại Sài Gòn. Sau thời gian dài hoạt động khủng bố nhờ đó tư cách Mặt trận được thừa nhận. Và cũng từ đó Mặt trận này

thành lập một chánh phủ có tên là "Chánh phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam".

Trong thời gian đó, Hà Nội cứ nói lấy được cuộc chiến ở Miền Nam là cuộc chiến giữa quân đội Việt Nam Cộng hòa với lực lượng võ trang của Mặt trận, tức là do nhơn dân Miền Nam nổi lên đòi độc lập và thống nhất chứ không do Miền Bắc can thiệp. Khi chánh phủ Sài Gòn đưa bằng chứng cán binh của Hà Nội xâm nhập vào Nam thì Nguyễn thị Bình trả lời **"Họ là người Việt Nam thì họ có quyền đi trong vùng lãnh thổ của họ"**.

Ngày 30/4/1975, khi Sài Gòn sụp đổ, thì cờ của Mặt trận Giải phóng được kéo lên nóc dinh Độc lập ở Sài Gòn. Chánh phủ lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố thừa kế Chánh phủ Việt Nam Cộng hòa, xác nhận lãnh thổ từ vĩ tuyến 17 tới mũi Cà mau, với cả 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Giữa tháng 7/1975, hai nước Việt Nam cùng đệ nghị nộp đơn gia nhập Liên Hiệp Quốc. Đại diện cho Hà Nội là ông Nguyễn Văn Luu, ông Đinh Bá Thi đại diện cho Sài Gòn.

Ngày 11/8/1975, Liên Hiệp Quốc bỏ phiếu đồng ý cho hai nước Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc, nhưng bị Huê kỳ phủ quyết nên việc gia nhập LHQ của 2 nước không thành. Giải thích lý do Huê kỳ dùng quyền phủ quyết, Gs Ngô Vĩnh Long cho rằng vì họ không muốn có

2 nước Việt Nam "độc lập" cùng Hội viên LHQ mà để 2 Việt Nam thống nhất theo Hà Nội, tức trở thành cộng sản. Huê kỳ sẽ có cơ không bang giao, mà còn dùng Việt Nam như một nơi thực hiện một cuộc chiến tranh ủy nhiệm chống Liên-Xô (Joaquin Nguyễn Hòa, BBC. 20/4/19)

Theo Gs Đoàn Viết Hoạt, hiện sống tại Mỹ, thì quyết định của Mỹ không cho hai miền Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Quốc có thể liên quan đến những thỏa thuận giữa Mỹ và Trung Quốc vào năm 1972 khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao sau tuyên bố Thượng Hải. Lúc đó, Mỹ toan tính liên minh với Trung Quốc để chống Liên Xô, giao vùng Đông Nam Á cho Trung Quốc, và Bắc Kinh không muốn có một miền Nam Việt Nam độc lập, không theo cộng sản. Theo giải thích này, Gs Hoạt tin rằng Chánh phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam không phải của cộng sản Hà Nội nặn ra?

Vẫn theo Giáo sư Long thì cho đến 30/4/1975, quan điểm về sự thống nhất Việt Nam của Hà Nội cũng như Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, khi chiến tranh kết thúc, sẽ là một quá trình nhiều bước kéo dài từ 12 đến 14 năm. Vì việc gia nhập Liên Hiệp Quốc của hai nước Việt Nam thất bại đã thúc giục những thành phần cứng rắn tại Hà Nội kết thúc dự án thống nhất đất nước kéo dài đó.

Tài liệu lưu trữ của nhà nước

Việt Nam cho thấy một tháng sau khi việc gia nhập Liên Hiệp Quốc của hai miền Việt Nam bị thất bại, Đảng Lao động Việt Nam, tức đảng cộng sản Hà Nội hiện nay, đã họp Hội nghị trung ương lần thứ 24, quyết định gấp rút thống nhất Việt Nam **"Đứng trước yêu cầu của tình hình cách mạng mới, tháng 9/1975 tại Hội nghị lần thứ 24, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước"**.

Thế là Mặt trận và cả Chánh phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam cùng dẹp tiệm vì đã **"hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ lịch sử"** (Nguyễn thị Bình tuyên bố).

Tuy tài liệu không thấy nhắc tới đã có 2 nước Việt Nam chánh thức xin gia nhập LHQ nhưng Gs Đoàn Viết Hoạt nhớ lại, lúc còn ở Sài Gòn, ông có nghe một bản tin của đài BBC về sự kiện hai nước Việt Nam xin gia nhập Liên Hiệp Quốc rồi bị thất bại vào tháng 8/1975, tức là chuyện đã có 2 Việt nam cùng xin gia nhập LHQ là thật.

Chứng kiến sự quản lý nhà nước tại Sài Gòn sau ngày 30/4/1975 ông Hoạt kể lại ông thấy tất cả những quyết định của nhà cầm quyền đều mang danh nghĩa Cộng hòa miền Nam Việt Nam, kèm theo tiêu đề: **"Độc lập, tự do, Trung lập"**.

Với bản tin thế giới nghe qua đài BBC, cộng với sự kiện mình không bị bắt, Giáo sư Đoàn Viết

Hoạt cho rằng những người cộng sản lúc đó đang tính tới dự án cho miền Nam một qui chế riêng, chứ không gấp rút thống nhất Việt Nam dưới màu áo cộng sản duy nhất (Theo trích dẫn trên).

Đâu là sự thật ?

Sáng ngày 1 tháng 5/1975, tại Sài Gòn có cuộc diễn binh lớn do chánh quyền mới tổ chức để ăn mừng Đại thắng mùa xuân. Bộ trưởng Tư pháp Trương Như Tảng của Chánh phủ Cách mạng Lâm thời ngồi trên khán đài danh dự coi diễn binh. Chờ hoài không thấy Đoàn Quân Giải phóng đi qua, bèn nghiêng qua hỏi một sĩ quan Quân đội nhân dân. Vị sĩ quan này trả lời rất vui vẻ **“Ừa anh không biết sao? Quân đội ta đã thống nhất tối hôm qua rồi kia mà!”** (Trương Như Tảng kể lại lúc tỵ nạn ở Paris).

Qua ngày 2 tháng 5/1975, chánh quyền mới ra lệnh giải tán tất cả các tổ chức chánh trị, xã hội, văn hóa, tôn giáo... được thành lập dưới chế độ cũ. Còn các tổ chức mới thành lập để chống Mỹ Ngụy cứu nước đều bị hoặc tự giải tán, hoặc sáp nhập vào các tổ chức chánh thức của Hà Nội như Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ Giải phóng, cả Chánh phủ cách mạng Lâm thời, Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam, các cơ sở vật chất ở hải ngoại...đều không còn vết tích!

Điều đáng ngạc nhiên là việc giải tán không có một lời phản đối hay than phiền nào của những người trong các tổ chức đó hết cả,

mặc dầu họ đã từng can trường đương đầu với chế độ cũ, không hề sợ sệt dúi cùi, hơi cay, tù đầy. Hay nay họ cũng hiểu nhiệm vụ “cách mạng” chạy theo cộng sản của họ đã hoàn tất !

Thái độ của trí thức

Ai cũng biết triết gia Jean-Paul Sartre là người không có chánh kiến chắc chắn. Đúng hơn ông là người có tinh thần tiến bộ, mà hơi “ba phải”, nặng cá nhân chủ nghĩa, khuynh hướng vô chánh phủ, chống chủ nghĩa quân phiệt, và hơn hết chống tư sản nên ông dễ ngã theo cộng sản. Từ những năm 1950, Sartre ủng hộ Liên-xô mạnh mẽ. Trong lúc đó, Raymond Aron, bạn của Sartre, lại trọng tinh thần dân chủ tự do. Vivvay hai người ghét nhau trong thời chiến tranh lạnh. Họ không hề nói chuyện với nhau, không gặp nhau từ những năm 1947.



Gluksman, Sartre, Aron sau khi gặp TT Giscard d'Estaing

Thế mà tháng 6/1979, trước thảm họa cộng sản ở Việt nam và Miên, cả 2 cùng tới Điện Elysée yêu cầu Tổng thống Giscard d'Estaing hãy mở rộng cửa đón nhận người Miên và Việt nam, hàng chục ngàn, hàng trăm ngàn đang chạy trốn cộng sản.

Sartre trả lời báo chí **“Riêng cá nhân tôi, tôi ủng hộ những người tuy không phải là bạn của tôi trong thời gian Việt nam tranh đấu cho tự do (Việt minh). Nhưng điều đó không có gì quan trọng, bởi vì điều quan trọng ở đây, chính họ là những con người. Những người đang bị nguy hiểm”**.

Lời tuyên bố trên đây cho thấy Sartre không có ý gì từ khước ý thức hệ cộng sản mà thật sự chỉ là lương tâm con người thúc đẩy ông hành động.

Nhưng qua cách ứng xử này, Aron và Sartre bắt tay nhau. Hai người nắm tay nhau cùng bước ra khỏi Elysée.

Các đảng phái khác, Xã hội, RPR, đều hưởng ứng cùng vận động giúp đỡ người tỵ nạn cộng sản. Hồng Y Etchegaray kêu gọi mỗi gia đình giáo dân hãy đón nhận một gia đình người tỵ nạn.

Hơn tháng sau, tháng 7/79, Pháp đón nhận và định cư 128 531 người tỵ nạn cộng sản Đông Dương.

Nguyễn thị Cỏ May

Tháng Tư, 2020

Những Suy Nghĩ Của Một Người “Bên Thua Cuộc”

Lâm Vĩnh Thế

Hàng năm cứ đến ngày 30-4, người Cộng sản lại tổ chức lễ mừng chiến thắng vinh quang của năm 1975, và người Việt hải ngoại lại tổ chức tưởng niệm Ngày Quốc Hận khiến họ phải bỏ nước ra đi. Cùng một sự kiện nhưng rõ ràng có hai cách nhìn trái hẳn nhau. Ở trong nước, trong rất nhiều gia đình, hai cách nhìn này đều có hết, và người ta cứ phải sống chịu đựng nhau như vậy chứ không có cách nào giải quyết được mâu thuẫn này. Và như thế trong 45 năm rồi, chẳng trách ông **Võ Văn Kiệt**, nguyên Thủ Tướng của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, đã phải nói ra câu nói bất hủ sau đây về ngày 30-4: **“Đây là ngày có triệu người vui nhưng cũng có triệu người buồn.”**

Năm 2012, tác giả **Huy Đức** cho xuất bản tập sách **“Bên Thắng Cuộc.”** với tựa đề như vậy, tác giả đã dứt khoát xác định “ai thắng ai thua” rất rõ ràng. Bên Cộng sản, tức là Miền Bắc, là bên thắng cuộc, và bên Quốc gia, tức là Miền Nam, là bên thua cuộc. Thế nhưng, ngay trong phần mở đầu, để tựa là “Mấy lời của tác giả,” tác giả lại viết như sau: **“Cuốn sách của tôi bắt đầu từ ngày 30-**

4-1975 – ngày nhiều người tin là miền Bắc đã giải phóng miền Nam. Nhiều người thậm trọng nhìn lại suốt hơn ba mươi năm, giật mình với cảm giác bên được giải phóng hóa ra lại là miền Bắc.”

Là một người miền Nam, tôi chấp nhận là mình thuộc về “bên thua cuộc.” Tôi không hãnh diện gì với nhận xét trên đây của tác giả Huy Đức, vì, suy cho cùng, chuyện “ai giải phóng ai,” nếu có đúng như Huy Đức ghi nhận, thì cũng là chuyện “xảy ra sau khi chúng ta, những người Quốc gia ở Miền Nam, đã thua cuộc rồi.” Nhớ lại chuyện mấy trăm năm trước ở bên Trung Hoa: người Hán dù cho có hãnh diện vì họ đã Hán hóa được người Mãn đi nữa thì họ cũng bị người Mãn thống trị gần 300 năm. Người Quốc gia ở Miền Nam chắc không nên tự hào đã “giải phóng” được người Cộng sản ở Miền Bắc và chấp nhận bị Cộng sản thống trị thêm 255 năm nữa.

Những suy nghĩ mà tôi ghi ra sau đây là của một người thuộc về phía “bên thua cuộc” trong cuộc Chiến tranh Việt Nam, 1954-1975. Tôi xin nói ngay là, không

giống như những gì tôi đã từng viết ra trước đây luôn luôn được ghi chú rất rõ ràng vì đó là những công trình thuộc loại nghiên cứu, những suy nghĩ lần này, tuy cũng xuất phát từ kiến thức thu thập được từ những công trình biên khảo đúng đắn, được ghi ra một cách tự nhiên theo dòng suy nghĩ, hoàn toàn không bận tâm về việc ghi chú xuất xứ theo lối kinh điển.

Suy nghĩ đầu tiên của tôi là về bản chất và tên gọi của cuộc chiến.

Miền Bắc xem đây là một cuộc “chiến tranh giải phóng,” giải phóng miền Nam khỏi Đế quốc Mỹ và chủ nghĩa thực dân mới. Miền Nam thì xem đây là một cuộc “chiến tranh tự vệ” có chính nghĩa để chống lại xâm lược do miền Bắc gây ra, nhằm thôn tính miền Nam để áp đặt chủ nghĩa Cộng sản lên cả nước Việt Nam.

Một số người miền Nam cũng xem đây là một cuộc “nội chiến huynh đệ tương tàn,” giống như thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, như Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn đã đưa vào bản nhạc “Gia Tài Của Mẹ” của ông: **“hai mươi năm nội chiến từng ngày.”** Người Mỹ thì

gọi nhiều cách khác nhau: khi thì là “chiến tranh Đông Dương lần thứ nhì” (Second Indochina War), khi thì là “tranh chấp Việt Nam” (Vietnamese Conflict) khi thì là “chiến tranh Việt Nam” (Vietnam War) mà họ chỉ đến để giúp miền Nam chống lại ý đồ thôn tính của Miền Bắc; điều này rõ nét nhất là dưới thời Tổng Thống Nixon khi ông áp dụng chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh.”

Những người có tầm nhìn rộng hơn, quốc tế hơn thì cho rằng đây là một cuộc “chiến tranh ý thức hệ” giữa hai phe Tư bản (hay Tư do) và phe Cộng sản. Cũng có người trong nhóm này gọi đó là một cuộc “chiến tranh ủy nhiệm” (Proxy war), miền Bắc đánh thay cho phe Cộng sản, và miền Nam đánh thay cho phe Tư bản. Dĩ nhiên, những nhóm người này đều có những luận cứ mà họ tin là đúng đắn để chứng minh cho cái nhìn và nhận định của họ về cuộc chiến.

Bản thân tôi cũng không thể đi ra ngoài điều này. Tôi cũng có những luận cứ mà tôi cho là đúng đắn để biện minh cho cái nhìn của tôi. Và cái nhìn đó là như sau.

* Trước hết tôi hoàn toàn bác bỏ cái gọi là “chiến tranh giải phóng.” Lý do thật đơn giản mà cũng thật rõ ràng bởi vì nhân dân miền Nam Việt Nam, tức là những người sinh sống và làm việc trong chính thể Việt Nam Cộng Hòa, hoàn toàn không có

nhu cầu cần được giải phóng gì hết. Trong suốt thời gian 20 năm của cuộc chiến, nơi nào quân Cộng sản tiến chiếm thì dân chúng đều bỏ chạy, không hề có việc người dân cam tâm ở lại để được Cộng sản giải phóng cả. Trận Tết Mậu Thân 1968, Trận Mùa Hè Đỏ Lửa 1972, ngay cả Trận Tổng Tấn Công 1975, với số người tỵ nạn lên đến hàng triệu người, đã quá đủ để nói lên sự thật này rồi. Và sau ngày 30-4-1975, khi mà cả nước đã được “hoàn toàn giải phóng,” việc hàng triệu người chấp nhận mất tất cả, kể cả sinh mạng của mình, bỏ nước ra đi (một hiện tượng chưa từng có trong suốt lịch sử hàng ngàn năm của đất nước và dân tộc) là một bằng chứng hùng hồn cho sự thật là người dân miền Nam thà chết chứ không chịu để cho Cộng sản “giải phóng” họ. Các tên gọi còn lại của cuộc chiến, theo tôi nghĩ, đều có phần đúng, tùy theo cách thức và góc độ của người nhìn.

* Đặt tên cho một cuộc chiến tranh là một chuyện rất quan trọng vì nó là bước khởi đầu cần thiết để thiết lập một chiến lược thích ứng để có thể tiến tới chiến thắng sau cùng. Miền Nam và đồng minh là Hoa Kỳ đã không làm được điều này. Trong nội bộ chính trường miền Nam, chúng ta không thống nhất được cách nhìn về cuộc chiến nên hoàn toàn không có được một chiến lược đúng đắn, đó là chưa nói đến việc chính quyền miền Nam quá phụ thuộc vào Hoa Kỳ nên

không dễ gì có được một chiến lược nào hoàn toàn độc lập với chiến lược của Hoa Kỳ.

Tôi tin chắc là mọi người vẫn còn nhớ vụ Tướng Nguyễn Khánh tuyên bố đòi “Bắc Tiến” vào tháng 7-1964 nhưng Hoa Kỳ không ủng hộ nên sau cùng phải dẹp bỏ chủ trương đó. Không lực VNCH, lúc đó do Tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Tư Lệnh, đã thực hiện hàng chục phi vụ Bắc phạt rồi cũng thôi. Đồng minh Hoa Kỳ của chúng ta cũng vậy, vì thay đổi cách nhìn liên tục nên chiến lược cũng không thể nhất quán. Người dân VNCH, và dân chúng các nước trên thế giới, ai cũng đã nhìn thấy rõ sự thay đổi cách nhìn này của người Mỹ về Chiến Tranh Việt Nam: “sau khi đã Mỹ hóa nó trong thời gian 1965-1968 – báo chí Mỹ đã gọi nó là Johnson’s War, McNamara’s War—mà vẫn không thay đổi được cục diện họ đã chuyển sang Việt-Nam-hóa nó, chuyển giao gánh nặng lại cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) và tháo chạy. Ngược lại, Cộng sản Bắc Việt, tuy cách nhìn cuộc chiến không đúng (như đã bàn ở trên) nhưng lại nhất quán, từ trước đến sau không bao giờ thay đổi, nên chiến lược “chiến tranh nhân dân” mà họ đề ra cho thích hợp với “chiến tranh giải phóng” được họ thực hiện, duy trì và phát huy đến mức hiệu quả tối đa từ đầu cho đến cuối. Tuy nhiên, sự thất trận của Miền Nam ngày 30-4-1975 thì hoàn toàn không mắc mớ gì đến cái gọi là “chiến tranh

nhân dân” đó cả. Miền Nam đã thua và phải chấp nhận đầu hàng vì lực lượng quân sự chính quy của Miền Bắc, vào thời điểm đó, đã vượt hẳn QLVNCH về mọi mặt, về con số các sư đoàn tác chiến, và luôn cả các khía cạnh trang bị và tiếp vận. Miền Nam thua cuộc, trước hết, là vì lý do đó: cán cân lực lượng quân sự, vào năm 1975, đã nghiêng hẳn về phía Cộng sản. Từ sự kiện này, bài học lớn cho các nhà lãnh đạo của miền Nam là: có chính nghĩa chưa chắc đã là một điều kiện tất thắng trong một cuộc chiến tranh tự vệ. Thật ra đây cũng không phải là một chuyện mới mẻ gì cả. Trong suốt mấy thế kỷ Nam Tiến của tổ tiên chúng ta, các dân tộc Chiêm Thành và Chân Lạp đều có chính nghĩa nhưng tất cả đều bị bại vong. Miền Bắc tuy không có chính nghĩa nhưng bù lại họ có quyết tâm cao, họ chấp nhận (hay nói cho đúng, họ cưỡng ép nhân dân Miền Bắc phải chấp nhận) mọi hy sinh, gian khổ, nhứt quyết chiếm cho được miền Nam. Họ lại có được bè bạn tốt, hết lòng và kiên nhẫn giúp đỡ họ cho đến cùng. Ngược lại, miền Nam hoàn toàn trông cậy vào bạn đồng minh Hoa Kỳ nhưng người bạn này không những không hoàn toàn thực lòng giúp đỡ (đánh giặc mà không có chủ trương phải thắng) mà còn không có đủ kiên nhẫn đi đến cùng. Bản chất cao bồi, xốc nổi, thiếu kiên nhẫn này của người dân và chính phủ Mỹ ngày nay cả thế giới đều còn lấy làm lạ nữa, nhứt là qua

hai cuộc chiến tranh mà Hoa Kỳ đã tham gia gần đây tại Iraq và Afghanistan. Sự trở cò, phản bội trắng trợn của Quốc Hội Mỹ, dưới quyền kiểm soát của Đảng Dân Chủ, trong các năm 1974 và 1975, cắt giảm và đi đến cắt bỏ hoàn toàn quân viện cho VNCH, đã là tác nhân chính đưa đến sự thất bại về quân sự của Miền Nam.

Theo cách suy nghĩ và nhận định của tôi, cuộc chiến tại Miền Nam Việt Nam phải và nên được xem là một cuộc chiến tranh xâm lược mang màu sắc ý thức hệ. Định nghĩa này có 2 vế: “chiến tranh xâm lược” và “mang màu sắc ý thức hệ.”

* Về thứ nhứt thì tương đối đơn giản, dễ hiểu, và hoàn toàn không xa lạ với dân tộc Việt Nam. Đất nước ta đã trải qua quá nhiều những cuộc chiến tranh thuộc loại này. Gọi nó là “chiến tranh xâm lược” vì rõ ràng cuộc chiến xảy ra trên lãnh thổ của một quốc gia (tức là Miền Nam Việt Nam hay Việt Nam Cộng Hòa, một quốc gia được 87 nước trên thế giới công nhận và có liên lạc ngoại giao) và thực hiện chủ yếu bởi một lực lượng vũ trang đến từ bên ngoài lãnh thổ đó, từ một quốc gia khác (tức Miền Bắc Việt Nam, hay Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa; lực lượng quân sự của Việt Cộng, tức là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, hoàn toàn không có khả năng “giải phóng” được Miền Nam, như chúng ta đã thấy rõ trong Trận Tổng Công Kích Tết Mậu

Thân 1968). Tuy nhiên, cuộc chiến tranh xâm lược lần này không giống như những cuộc chiến tranh xâm lược trước đây, nó không đơn giản chút nào, và kẻ địch mà chúng ta đương đầu cũng không phải là bọn ngoại tộc dễ dàng nhận ra.

* Do đó trong định nghĩa của cuộc chiến phải cần đến vế thứ nhì là “mang màu sắc ý thức hệ.” Trong cuộc chiến này, chính vì ý thức hệ mà những người anh em cùng một giòng máu ở hai bên chiến tuyến đã trở thành kẻ thù của nhau. Chính ý thức hệ đã nhồi nhét vào đầu óc của những người anh em cầm súng bên kia chiến tuyến sự cuồng tín rằng những chiến sĩ của QLVNCH của Miền Nam, là một bọn “ngụy quân,” một bọn phản quốc, một bọn bán nước cần phải được tiêu diệt, để giải phóng Miền Nam khỏi bọn thực dân mới đó. Cũng chính ý thức hệ đó đã nhồi nhét vào đầu óc của những người dân sống phía Bắc vĩ tuyến 17 (từ sau tháng 7-1954 đến ngày 30-4-1975) niềm tin tuyệt đối rằng nhân dân Miền Nam đang bị cưỡng bức, chà đạp, sống đói khổ dưới sự thống trị của ngoại bang và cần phải được giải phóng. Những suy nghĩ và tin tưởng này chỉ được xóa sạch sau khi “Miền Bắc được giải phóng,” như nhà báo Huy Đức đã nhận xét trong tác phẩm “Bên Thắng Cuộc.” Trong khi Miền Bắc đặt nặng vấn đề ý thức hệ như thế thì Miền Nam thế nào? Bề ngoài thì chúng ta

cũng có vẻ coi trọng vấn đề ý thức hệ này. Trong suốt thời gian 21 năm, 1954-1975, Miền Nam luôn luôn chủ trương Chống Cộng, tự xem mình là một tiền đồn của Thế Giới Tự Do. Như vậy, theo lý thuyết, chế độ của Miền Nam phải đối nghịch hoàn toàn với chế độ độc tài, độc đảng của Miền Bắc, hay nói cách khác, phải là một chế độ hoàn toàn dân chủ, tự do và đa đảng. Sự thật không phải hoàn toàn như vậy. Trong suốt thời gian gần 20 năm hiện hữu (từ ngày 26-10-1955 đến ngày 30-4-1975), Việt Nam Cộng Hòa chưa bao giờ **hoàn toàn thật sự** là một chế độ tự do và dân chủ. Và chính vì thế luôn luôn có những phần tử chống đối, vô tình hay cố ý làm lợi cho Miền Bắc. **Miền Nam, cho đến khi bị Miền Bắc “giải phóng,” luôn luôn ở trong thế giặc ngoài, thù trong. Miền Nam đã thua cuộc không phải chỉ vì nguyên nhân khách quan là bị “Đồng Minh tháo chạy bỏ rơi” mà còn do rất nhiều nguyên nhân chủ quan, trong đó quan trọng nhất là đã không có được một ý thức hệ mang tính chất đối lập với ý thức hệ Cộng sản và nhất quán để tạo sự đoàn kết của toàn thể nhân dân Miền Nam.** Do sự đàn áp chính trị của các chính quyền liên tiếp ở Miền Nam, một bộ phận không nhỏ của các thành phần tiến bộ, chủ trương tự do dân chủ, chống bắt công, tham nhũng, đã dần dà xa lánh, không cộng tác và sau đó trở thành chống đối chính quyền, và sau cùng rơi vào quỹ đạo của Miền

Bắc, tiếp tay Miền Bắc trong việc đánh đổ chế độ Cộng Hòa tại Miền Nam. Rất nhiều những người trong các thành phần này, ngay sau năm 1975, và về sau này, càng ngày càng nhiều, đã thấy rõ là họ đã thật sự đi sai đường, “trao duyên lầm tướng cướp,” nhưng tất cả những “sám hối” này đều đã quá muộn.

Một thiếu sót trầm trọng nữa về chiến lược của chính quyền VNCH trong suốt thời gian cuộc chiến là đã không có được một quốc sách thật sự thể hiện được một cách đầy đủ và quyết liệt mối quan tâm cần thiết, đúng mức và hàng đầu đối với nông thôn. Công bằng mà nói thì trong thời gian của cả hai nền Cộng Hòa, chính quyền VNCH đều có những chương trình về nông thôn, nhưng điều đáng tiếc là các chương trình quan trọng này đều không được thực hiện đến nơi đến chốn. Lại nữa, có thể nói là sự quan tâm đối với nông thôn của các giới lãnh đạo VNCH không có chiều sâu, mà chỉ rất là hời hợt. Do đó, sự yểm trợ tuyệt đối cho nông thôn chưa bao giờ được thể hiện. Về phương diện an ninh lãnh thổ, trong thời gian Đệ Nhất Cộng Hòa, **chương trình Ấp Chiến Lược**, với mục tiêu cô lập và thanh toán các nhân sự Cộng sản ở hạ tầng cơ sở, là một chiến lược rất đúng đắn, nhưng khi thực hiện, vì thiếu sự chuẩn bị chu đáo cũng như thiếu phần giải thích đầy đủ, nhằm thuyết phục nông dân, lại bị các cấp chính quyền địa phương lợi dụng

cơ hội, tham nhũng, thu vén, đã tạo ra bất mãn trầm trọng trong dân chúng. Và, dĩ nhiên, Việt cộng thì dứt khoát tìm đủ mọi cách để phá hoại chương trình này.

Sau cuộc đảo chánh ngày 1-11-1963, chương trình Ấp Chiến Lược bị loại bỏ và thay thế bằng các chương trình và viú khác như **Ấp Đời Mới** (1964), **Ấp Tân Sinh** (1965) nhưng không đi tới đâu. Sang thời Đệ Nhị Cộng Hòa, chính quyền VNCH cũng đã đề ra một loạt các chương trình cho nông thôn như: **chương trình Bình Định, Xây Dựng Nông Thôn** với cả một trung tâm huấn luyện cán bộ xây dựng nông thôn lớn ở Vũng Tàu, nhưng không thu hoạch được kết quả tốt vì không được các cấp chỉ huy quân sự tại địa phương yểm trợ đúng mức. **Chương trình Phương Hoàng**, với mục tiêu nhằm tiêu diệt hạ tầng cơ sở của Việt Cộng, đã đạt được kết quả rất đáng kể trong một thời gian ngắn, nhưng sau đó bị giảm thiểu, không còn được Hoa Kỳ yểm trợ tích cực nữa vì bị tai tiếng là giết oan nhiều người vô tội. Để lôi kéo nông dân về phía mình, chính quyền VNCH đã thiết lập hai chương trình sở hữu hóa đất đai cho nông dân: **Chương trình Cải Cách Điền Địa** của Đệ Nhất Cộng Hòa và **Chương Trình Người Cày Có Ruộng** của Đệ Nhị Cộng Hòa. Cả hai chương trình này, nhất là Chương trình Người Cày Có Ruộng, đều đã đạt được kết quả rất khả quan, nhưng vẫn không

hoàn tất được mỹ mãn vì mức độ gia tăng ác liệt của chiến tranh cũng như vì sự phá hoại liên tục và quyết liệt của phe Cộng sản. Nông thôn Miền Nam, vì vậy, vẫn tiếp tục là hậu phương vững chắc của Cộng sản, cung cấp tất cả nhân lực, tài lực và vật lực cần thiết cho chúng.

Không những không có được một ý thức hệ đúng đắn để làm nền tảng vững chắc cho thể chế, VNCH còn không có được những nhà lãnh đạo có đầy đủ khả năng chính trị, thật tâm yêu nước, thương dân và sẵn sàng hy sinh quyền lợi của bản thân, gia đình và đảng phái của mình cho quyền lợi của đất nước và dân tộc. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, trong khoảng 1954-1960, chính quyền Ngô Đình Diệm, với sự ủng hộ rất mạnh mẽ của Hoa Kỳ, đã tạo được sự ổn định chính trị cần thiết và nhờ vậy đã đặt được những nền móng rất tốt cho việc phát triển kinh tế - xã hội, và văn hóa - giáo dục. **Nhưng vô cùng đáng tiếc, về phương diện chính trị, chế độ đã đi chệch đường, càng ngày càng lún sâu vào con đường độc tài, độc đảng, và tôn sùng cá nhân quá đáng.** Sự bất mãn trong dân chúng Miền Nam càng ngày càng rõ nét. Mặc dù đã có những dấu hiệu cụ thể về sự bất mãn này nhưng chính quyền Ngô Đình Diệm vẫn làm ngơ, không chịu cải tổ. Ngày 26-4-1960, một nhóm gồm 18 vị nhân sĩ, trí thức tiến bộ (đa số là các vị đã từng tham chính trong chính quyền Ngô Đình Diệm) đã

trình lên Tổng Thống Ngô Đình Diệm một bản thỉnh nguyện, nêu rõ những nhược điểm của chế độ và yêu cầu chính phủ cải tổ (về sau báo chí gọi là Nhóm Caravelle). Ngày 11-11-1960, một cuộc đảo chánh quân sự do lực lượng Nhảy Dù tổ chức diễn ra tại Sài Gòn nhưng thất bại. Ngày 27-2-1962 đã xảy ra việc ném bom Dinh Độc Lập của hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử. Chính phủ Hoa Kỳ cũng đã nhiều lần khuyến cáo chính phủ VNCH nên cải tổ, mở rộng thành phần chính phủ nhưng tất cả đều bị bác bỏ. Ngoài ra chúng ta cũng không nên quên sự kiện là vào tháng 2-1963, sau khi chế độ nhà Ngô không còn được Hoa Kỳ ủng hộ mạnh mẽ nữa, chính ông Ngô Đình Nhu đã bí mật đi gặp Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính Trị của Cộng sản Bắc Việt tại rừng Tánh Linh, thuộc tỉnh Bình Tuy, để chuẩn bị bắt tay với phe Cộng sản trong việc hiệp thương giữa 2 miền Nam Bắc, **xoay 180 độ trong chủ trương Chống và Diệt Cộng của chính phủ Ngô Đình Diệm vào lúc đó.** Cơ quan CIA của Hoa Kỳ cũng biết được điều này và chính điều này cũng đã tạo thêm một lý do nữa cho Mỹ quyết định lật đổ chế độ nhà Ngô. Mùa Hè 1963 xảy ra vụ khủng hoảng Phật Giáo. Đây là giọt nước tràn ly. Ngày 1-11-1963, các tướng lãnh của QLVNCH, có được sự ủng hộ ngầm của Hoa Kỳ, đã tiến hành đảo chánh quân sự, lật đổ chế độ, và chiếm dứt nền Đệ Nhất Cộng Hòa. **Một cơ hội rất tốt với rất**

nhiều triển vọng tốt đẹp để xây dựng một chế độ tự do dân chủ cho Miền Nam đã bị đánh mất.

Từ cuối năm 1963 cho đến cuối năm 1967, VNCH đã trải qua một giai đoạn vô cùng xáo trộn về chính trị, Miền Nam có nguy cơ bị mất vào tay Cộng sản, khiến cho Hoa Kỳ phải nhảy vào, trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến, để cứu vãn tình hình quân sự lúc đó. **Trong suốt thời gian xáo trộn này, giới lãnh đạo VNCH, cả quân sự và chính trị, đã cho thấy rõ những nhược điểm của họ: không có khả năng chính trị để ổn định tình thế, không thật sự vì nước vì dân, mà chỉ biết tranh giành quyền lợi cá nhân và đảng phái.** Hiến pháp 1967 đã chấm dứt được giai đoạn xáo trộn chính trị này, nhưng lại đưa đất nước vào một giai đoạn độc tài quân phiệt. Đệ Nhị Cộng Hòa được khai sinh với Hiến Pháp 1967 vì áp lực của Hoa Kỳ chứ không phải do lòng thành thật của các tướng lãnh. Để tránh lập lại chuyện xung đột trong nội bộ của phe quân nhân (thể hiện qua các cuộc đảo chánh liên tục, như trong thời gian 1963-1967), các tướng lãnh đã tạo áp lực rất mạnh để hai tướng Thiệu và Kỳ phải hủy bỏ liên danh riêng của họ và đứng chung trong một liên danh với ông Thiệu là Tổng Thống và ông Kỳ là Phó Tổng Thống trong cuộc bầu cử tổng thống đầu tiên năm 1967. Và để cho ông Kỳ vui vẻ chấp nhận vai trò Phó Tổng Thống, các tướng lãnh còn đi xa hơn, bí mật làm

một việc hoàn toàn trái Hiến Pháp 1967 là ký với nhau một mật ước vi hiến theo đó, sau bầu cử, ông Thiệu chỉ làm Tổng Thống trên danh nghĩa mà thôi với ông Kỳ tiếp tục nắm trọn quyền hành. Dĩ nhiên, sau khi đắc cử, chỉ một thời gian ngắn sau đó, Tổng Thống Thiệu đã lờ đi, và tất cả các tướng lãnh cũng không ai nhắc đến (hay dám nhắc đến) cái mật ước vi hiến đó nữa cả. Nền Đệ Nhị Cộng Hòa đã bắt đầu bằng một hành động vi hiến của tập thể lãnh đạo như vậy thì làm sao tránh được không phát triển thành một chế độ bất công, tham nhũng, còn hơn cả nền Đệ Nhất Cộng Hòa, thay vì đưa đến một chế độ tự do dân chủ như Hiến Pháp 1967 đã quy định.

Bản thân VNCH đã như vậy còn người bạn đồng minh “ông anh chi tiền” Hoa Kỳ thì ra sao?

* Về các phương diện khoa học kỹ thuật, quân sự và kinh tế, chúng ta khó có thể bác bỏ được niềm tin của cả thế giới rằng Hoa Kỳ là cường quốc số một.

* Nhưng về lãnh vực khôn ngoan chính trị, khả năng tiên đoán lâu dài về bang giao quốc tế, về địa chính trị (geo-politics), thì chúng ta khó có thể tin là Hoa Kỳ cũng đứng hàng đầu. Do những nhận định rất ấu trĩ về chính trị quốc tế vào cuối Đệ Nhị Thế Chiến, Hoa Kỳ đã tạo cơ hội cho Liên Xô chiếm cả Đông Âu và đưa cả thế giới vào một cuộc Chiến Tranh Lạnh trong gần nửa thế kỷ. Năm 1972, cũng chính Hoa Kỳ đã mở

cửa cho Trung Cộng bước ra khỏi hoàn cảnh bị bao vây, phong tỏa, tiến vào chiếm giữ được vị trí của một thành viên thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Sau đó, cũng chính Hoa Kỳ tạo điều kiện cho Tung Quốc thực hiện “**Bốn hiện đại hóa**” và trở thành một siêu cường như ngày hôm nay.

* Trong đánh giá của phe Cộng Sản, Hoa Kỳ chỉ là “con cọp giấy.” Để chứng tỏ mình không phải là “con cọp giấy” và quá yếu như Pháp trong Chiến tranh Việt-Pháp, Hoa Kỳ đã quyết định can thiệp trực tiếp vào Chiến tranh Việt Nam: 1) Sử dụng không quân thực hiện Chiến dịch Sấm Rền (Operation Rolling Thunder) tấn công, oanh tạc Miền Bắc; và 2) Tại Miền Nam thì đưa hơn nửa triệu quân bộ chiến vào “lùng và diệt địch.” (Search and Destroy). Cách can thiệp vào Chiến tranh Việt Nam của Hoa Kỳ như thế là một sai lầm to lớn đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại.

Tại quốc nội, Chiến tranh Việt Nam là một biến cố đưa đến một sự chống đối chưa từng có trong lịch sử hơn 200 năm của Hoa Kỳ.

Có mấy lý do chánh đưa đến việc chống đối này:

1) Đây là một cuộc chiến tranh không có tuyên chiến (an undeclared war); nên nhớ khi Hoa Kỳ tham chiến trong Đệ Nhị Thế Chiến (1941-1945), với trên 400.000 quân tử trận, hoàn toàn không có một sự chống đối nào trong dân chúng; ngược lại toàn

dân đều ủng hộ, tham gia đóng góp và hy sinh cho cuộc chiến; lý do: đây là một cuộc chiến mà chính Quốc Hội Hoa Kỳ có tuyên chiến với Nhật Bản vào ngày 8-12-1941 sau khi Nhật Bản bắt ngờ tấn công Trân Châu Cảng vào ngày 7-12-1941;

2) Đây là cuộc chiến tranh đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ “diễn ra hàng ngày trong phòng khách” nhà dân chúng; người dân, dù mọi thành phần, xem tin tức về Việt Nam hàng ngày trên ti-vi, bị ám ảnh nặng nề với số thương vong, có khi hàng trăm binh sĩ tử trận mỗi tuần (nhất là từ năm 1968 trở đi); 3) Chiến tranh càng kéo dài, gánh nặng về chi phí càng cao, và tác hại đến những chương trình an sinh xã hội trong nước, đặc biệt là chương trình Great Society của Tổng Thống Johnson. Về phương diện đối ngoại, Hoa Kỳ bị nhiều nước trên thế giới lên án nặng nề về việc oanh tạc Bắc Việt hàng ngày với một số lượng bom khổng lồ, đối với một nước nhỏ và không có gây chiến, tấn công vào lãnh thổ của Hoa Kỳ (như Nhật Bản đã làm vào năm 1941). Riêng đối với VNCH, sự hiện diện của quân Mỹ, vừa gây nhiều xáo trộn nghiêm trọng về kinh tế – xã hội cho Miền Nam, cũng làm cho VNCH khó bảo vệ được chính nghĩa của một cuộc chiến tranh tự vệ. Đến khi nhận thức được rằng họ không thể nào thắng được cuộc chiến tranh này (các tác giả thuộc phái Chính thống –Orthodox—của Hoa Kỳ

gọi nó là “*an unwinnable war = một cuộc chiến tranh không thể thắng được*”), theo cách đánh như thế, Hoa Kỳ quyết định đơn phương xuống thang, điều đình để rút lui trong danh dự, và bỏ mặc VNCH. Việc bỏ rơi VNCH của Hoa Kỳ không đơn giản chỉ là một chuyện “Khi Đồng Minh bỏ chạy” (cụm từ đã được Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng sử dụng làm tựa đề cho cuốn sách nổi tiếng của ông) như nhiều người trong chúng ta đã nghĩ. Nó là cả một quá trình qua 3 đời Tổng Thống Mỹ (Johnson, Nixon và Ford) chớ không phải là một quyết định “một sớm một chiều.” Điều mỉa mai nhất trong việc Hoa Kỳ bỏ rơi đồng minh VNCH là việc phản bội này được Đảng Dân Chủ dàn dựng (trong cuối thời gian cầm quyền của Tổng Thống Nixon và năm đầu của Tổng Thống Ford của Đảng Cộng Hòa) trong khi cũng chính Đảng này, trong thời Tổng Thống Johnson, đã chủ trương leo thang chiến tranh tại Việt Nam, đưa đến sự hy sinh vô ích của 58.000 binh sĩ Hoa Kỳ. **Rõ ràng hành động chính trị đảng phái vô trách nhiệm và vô liêm sỉ, vừa phản bội trắng trợn một nước bạn đồng minh, vừa biến sự hy sinh của 58.000 quân nhân của nước mình trở thành vô nghĩa, không phải là độc quyền của các nước độc tài, bất nhân.**

Hiệp Định Paris năm 1973, đối với Hoa Kỳ, chỉ là một phương tiện để có thể giúp họ làm 2 việc: 1) rút hết quân khỏi Miền Nam

mà không cảm thấy bị thua nhục, và, 2) mang được hết tù binh của họ về nước.

Đối với VNCH, việc ký vào Hiệp Định này là để đánh đổi cho việc được Hoa Kỳ tiếp tục giúp đỡ. **Về sau này, mọi người đều thấy rõ là chỉ có một điều khoản duy nhất của Hiệp Định Paris đã được tuân thủ và thi hành triệt để: đó là việc Hoa Kỳ rút toàn bộ lực lượng chiến đấu còn lại ra khỏi VNCH trong vòng 60 ngày.**

Ngày hôm nay thì ai cũng biết là cái Hiệp Định, mà tên gọi chính thức là “*Agreement on Ending the War and Restoring Peace in Vietnam*” (Thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh và văn hồi hòa bình tại Việt Nam) hoàn toàn không có dính líu gì đến cái việc gọi là “văn hồi hòa bình tại Việt Nam.” Chính phủ Mỹ, qua lời tuyên bố của chính Tổng Thống Nixon, thì xem đó như là một “nền hòa bình trong danh dự.” Và bây giờ thì đã có hẳn một nhà nghiên cứu về Chiến Tranh Việt Nam của Hoa Kỳ, Giáo sư Larry Berman, đã suy nghĩ, cảm nhận, kết luận và viết ra một cách minh bạch rằng: “chẳng có hòa bình mà cũng chẳng có danh dự gì cả.” Đó là cuốn sách “*No peace, no honor: Nixon, Kissinger and betrayal in Vietnam*” của nhà xuất bản Free Press ấn hành năm 2001. Chà trách tại sao khi được Giải Nobel về Hòa Bình, trong khi Kissinger sung sướng, hãnh diện đi nhận giải thưởng (để rồi hai năm sau phải chịu cái nhục xin trả lại giải thưởng) thì Lê Đức Thọ đã lạnh

lùng từ chối không nhận.

Miền Nam trở thành “**bên thua cuộc**,” xét cho cùng, gần như là một tất yếu lịch sử vì VNCH đã hội tụ đủ tất cả các lý do để “**thua cuộc**”:

1. thiếu vắng một ý thức hệ làm nền tảng cho một chiến lược cần thiết cho một cuộc chiến tranh tự vệ chống xâm lược mang màu sắc ý thức hệ;
2. không có được một giới lãnh đạo có đủ khả năng và bản lĩnh chính trị với một tấm lòng vì dân vì nước và có một quyết tâm chiến thắng cao; và,
3. cũng không có được một đồng minh hết lòng giúp đỡ và có đầy đủ kiên nhẫn để đi tới cùng với mình trong cuộc chiến quá sức cam go này.

VNCH chỉ có chính nghĩa mà chính nghĩa thì không có một chút giá trị gì cả trước họng súng của một kẻ địch cuồng tín trong ý thức hệ của họ, với một quyết tâm chiến thắng cao, và được bạn bè hết lòng giúp đỡ và đủ kiên nhẫn để đi với họ đến chiến thắng sau cùng.

Cái chết của VNCH vào lúc 12 giờ trưa ngày 30-4-1975, bề ngoài có vẻ như là một sự bức tử, nhưng thật ra, nghĩ cho cùng, chỉ là một cái chết, tuy đến có hơi sớm hơn một chút, nhưng vẫn là có thể đoán trước được.

Lâm Vĩnh Thế

03/2020

Suy thoái môi trường ở Việt Nam hiện nay

Thái Công Tung

Các vấn nạn môi trường ở Việt Nam ngày nay có thể kể: phá rừng; thoái hoá đất; thiếu nước ngọt vào mùa nắng; lạm thác các tài nguyên sinh học.

1. Phá rừng

Rừng Việt Nam bị đốn phá quá mức do nhiều yếu tố như dân đông, du canh, lạm thác rừng. Rừng là nơi cản bớt sự xói mòn đất, giúp làm chậm dòng chảy nước tràn, giúp điều hoà nguồn nước, bảo toàn đa dạng sinh học, cải tạo môi trường đất, có tác dụng nâng cao độ phì nhiêu của đất. Với sự phá rừng, các nơi trú ẩn của các loài động vật hoang dã càng ngày càng nhỏ dần nên chim muông, thú hoang càng ngày càng hiếm... Đốn trọc càng ngày càng nhiều:

Khổ chi phận em cha chả là cam phận khổ

Lên non đốn củi, dựng chỗ đốn rồi!

Xuống sông gánh nước

Dựng chỗ cát bồi, khe khô!

Phá rừng nên chim không còn nơi trú ẩn, vắng hẳn tiếng hát líu lo của chim; nhiều loài thực vật biến mất do phá rừng và nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng như cọp, nai, voi. Hiện nay, nhiều vùng như vùng Tây Bắc (Sơn La, Lai Châu) rừng chỉ còn khoảng 10% tổng diện tích đất đai tự nhiên, trong khi tỷ lệ che phủ các vùng núi cao đầu nguồn phải cao (50-70%) mới bớt được lụt lội.

Tại miền Trung, các dòng sông thường ngắn và có một lưu vực hẹp. Do đó, nước sông lên rất nhanh. Mùa lụt đi sát với mùa mưa lớn, vào tháng 11, cùng với các trận bão nhiệt đới thổi từ Thái Bình Dương.

Câu tục ngữ của dân gian cũng nói lên điều ấy:

“Ông tha mà bà chẳng tha, làm cho cái lụt 23 tháng mười”.

Vì lưu vực các dòng sông thường nhỏ và độ dốc lưu vực rất lớn nên mưa xuống làm nước mưa dâng cao rất nhanh. Lũ lụt thường đến bất thành linh và thay đổi tùy năm. Có lúc mưa bão gây ra một lượng mưa rất lớn, có thể vài trăm mm trong 24 giờ. Ảnh hưởng của dãy núi cũng gây ảnh hưởng. Một phần thì rừng núi gần đồng bằng, mặt khác, núi có triển dốc rất lớn, nên vận tốc của dòng chảy cũng rất mạnh.

Vậy để giảm thiểu, cần kết hợp giữa việc xây dựng các công trình chống lũ với việc trồng rừng để làm chậm nước lụt. Có thể kết hợp trồng rừng và cây ăn quả ở nơi đất tốt để vừa có hiệu quả kinh tế nhanh, cao và không làm hại môi trường. Trồng rừng bạch đàn (Eucalyptus) thuần loại sẽ làm suy thoái môi trường đất.

Bảo vệ rừng có nghĩa tăng cường giáo dục về môi sinh, trồng cây gây rừng, chống nạn cháy rừng, trồng ở các thung lũng để giảm bớt sức ép trên các đất dốc, đó là chưa kể giáo dục nâng cao dân trí để chương trình kế hoạch hoá sinh đẻ thực hiện hiệu quả hơn.

2. Thoái hoá đất

Dưới danh từ thoái hoá đất, có thể gom lại các vấn nạn như sa mạc hoá, bờ biển bị xâm thực, đất dốc bị xói mòn, sụp lở bờ sông.

- **sa mạc hoá** (desertification). Nhìn các đồi cát trắng mênh mông ở các duyên hải miền Trung tại Bình Trị Thiên (Hải Lăng, Phong Điền, Quảng Điền), tưởng chừng ta đang ở Mauritanie! Thực vậy, cát bay đã khiến nhiều ruộng vườn bị cát che lấp, gây tai hại đến môi trường sinh thái các làng duyên hải. Chính vì cát bay, nên diện tích đất nông nghiệp bị giảm đi mỗi ngày và chi phối đến cảnh nghèo đói các làng duyên hải.

- **bờ biển bị xâm thực**. Bờ biển Thừa Thiên bị ít đi từng ngày: với chỉ một trận lụt cuối 1999 và các

trận lũ trong năm 2000 đã làm hàng chục cột đèn điện, hàng trăm mét đường dọc bờ biển Thuận An bị nhận chìm và cuốn trôi ra biển. Bãi cát trên bờ trước kia rộng 300-400m, nhưng ngày nay, sau một thời gian bị xâm thực, bờ biển gần như bị xoá sổ trên bản đồ; nhiều nhà trước đây xa mép nước biển hàng trăm mét thì nay nước biển đã mấp mé chân tường.

- **đất dốc bị xói mòn**. Vì nước ta nhiều đồi núi hơn đồng bằng và hơn nữa, phần lớn núi đồi lại là đồi trọc ít cây cối, thêm vào đó là vũ lượng rất lớn nên xói mòn nặng nề, do đó mất phì nhiêu. Xói mòn phụ thuộc vào nhiều thông số như chiều dài của độ dốc, độ dốc nhẹ hay nặng, độ che phủ thực vật. Xói mòn trên các lưu vực sẽ làm các hồ chứa nước bị lắng tụ rất nhanh và làm lòng sông cạn dần, khiến lưu lượng nước chảy ít đi. Nên có nông lâm kết hợp, nghĩa là trồng cây lương thực với cây rừng hoặc với cây công nghiệp lâu năm như chè, cà phê, cao su, hoặc các cây che phủ đất để chống khô hạn. Nếu cộng thêm các biện pháp công trình (bực thêm, hồ), xây dựng các hồ chứa nước để điều tiết lượng nước tưới thì đất đai sẽ bớt bị thoái hoá.

- **sụp lở bờ sông**. Nạo vét sạn cát quá sức lòng sông với những phương pháp máy nổ sẽ làm cho lòng sông sâu xuống, tạo thành nhiều vực nguy hiểm và gây cảnh sụp lở nghiêm trọng làm cho nhiều vườn tược ven sông sẽ đổ xuống dòng sông. Chân bến bị khoét nên nhiều bến nước bên bờ sông là chỗ người dân sinh hoạt sẽ không sử dụng được. Như vậy nhiều đập chắn cũng có thể bị vỡ, nguy hiểm tính mạng dân chúng.

3. Thiếu nước ngọt vào mùa nắng

Mùa nắng, lưu lượng các dòng sông miền Trung không nhiều và thêm tưới nước ruộng đồng cho hoa màu nên nước biển xâm nhập sâu lên thượng nguồn, làm nước sông bị nhiễm mặn, gây trở ngại cho sinh hoạt vì dân không có nước ngọt. Thêm vào đó, đất phù sa ven sông cũng bị nhiễm mặn không trồng trọt được. Riêng tại Saigon thì theo báo trong nước:

Tình trạng nhiễm mặn, ô nhiễm và giảm trữ lượng nước tại 2 con sông Sài Gòn và Đồng Nai - những con sông cung cấp lượng nước thô chính cho việc sản xuất nước sạch tại TPHCM đã được cảnh báo từ nhiều năm nay. Thế nhưng, trong vòng 3 năm trở lại đây, chưa bao giờ nguồn nước này lại bị nhiễm mặn, ô nhiễm và giảm trữ lượng trầm trọng như hiện nay. (trích Thanh Niên, ngày 18/2/ 2011)

4. Lạm thác các tài nguyên sinh học

Hiện nay nước ta tập trung quá nhiều vào đánh cá ven bờ, không có ngư thuyền đánh cá xa bờ nên tài nguyên cá dễ bị cạn kiệt. Ngoài ra, phải xác định mức độ khai thác, chọn vùng khai thác để bảo tồn các sinh vật biển có giá trị đang là đối tượng khai thác như rùa biển. San hô, đồi mồi cũng bị tàn phá. Diệt rắn diệt chim làm chuột và côn trùng sinh sôi nảy nở thêm. Tại miền châu thổ sông Hồng, con cá cuống càng ngày càng ít đi vì sử dụng nhiều thuốc sát trùng quá liều lượng, ngay cả “chuồn chuồn có cánh thì bay” cũng hiếm đi.

5. Ô nhiễm đất

Các nguồn ô nhiễm đất bao gồm phân hoá học, thuốc trừ sâu, chất thải công, nông nghiệp. Trong nông nghiệp, có thể kể sản phẩm thải bỏ các nhà máy thực phẩm đóng hộp, lò sát sanh, sản phẩm bài tiết của các trại chăn nuôi lớn. Trong công nghiệp, ngoài những rác thải thông thường như bao nilông, cao su, thủy tinh, ve chai, đồ kim loại, còn phải kể các rác thải nguy hiểm (hazardous wastes) như các chất dễ cháy, phóng xạ, chất nổ.

Phân hoá học càng ngày càng được sử dụng nhiều để đảm bảo an toàn lương thực và xuất cảng. Nhưng muốn giảm thiểu tác động lên môi trường, phải sử dụng cân đối, đúng lượng, đúng kỳ, hạn chế các tổn thất do bay hơi, rửa trôi.

Thuốc bảo vệ thực vật cũng giúp tăng sản lượng nông nghiệp nhưng nếu sử dụng quá liều lượng sẽ gây nên nhiều hậu quả: cá, tôm, tép trong ruộng bị giảm hẳn, cua, ốc, ếch, nhái, rắn cũng càng ngày càng hiếm.

Với sự đô thị hoá, rác thải càng ngày càng trở nên trầm trọng vì bãi rác còn phát sinh ra NH₃, H₂S, CH₄ chưa kể nơi sinh đẻ ruồi muỗi. Nước mưa ngấm vào bãi rác tạo thành nước rò rỉ chứa các yếu tố độc hại gây ô nhiễm môi trường nước ngầm và đất.

6. Ô nhiễm không khí

Do khói bụi các nhà máy công nghiệp sắt thép, than đá, xi măng v.v., do hàng vạn xe gắn máy chạy bằng xăng có pha chì, **ô nhiễm không khí** càng ngày càng trầm trọng khiến trẻ em suy nhược cơ thể. Các nhà máy không có thiết bị lọc bụi. Kèm theo bụi là khí SO₂ gây tác động xấu đến sức khoẻ con người, gây các bệnh viêm kết mạc, co thắt phế quản, viêm mũi, viêm họng... Dân cư sống ở những khu vực ô nhiễm nặng đều mắc các bệnh về đường hô hấp. Chỉ số môi trường không khí tức **Air Quality Index (AQI)** ở Hà Nội là 219 tương đương mức cảnh báo rất có hại cho sức khỏe tất cả mọi người.

Tổ chức đo chất lượng không khí thế giới Air Visual xếp hạng Hà Nội đứng thứ 2/97 thành phố ô nhiễm không khí nhất thế giới. (Cũng nói thêm là nếu AQI từ 0 đến 50 có nghĩa chất lượng không khí không có gì nguy hiểm, từ 51 đến 100 là nguy hiểm vừa phải còn từ 101 đến 150 là rất có hại cho sức khỏe hô hấp)

Tại 10 trạm quan trắc của thành phố Hà Nội cho thấy các điểm quan trắc đều có chỉ số **chất lượng không khí ở mức 4 trong 5 mức đo về chất lượng không khí**. Theo 5 mức đánh giá về chất lượng không khí (AQI), chỉ số AQI từ 0-50 được coi là tốt, từ 51-100 được coi là trung bình, từ 101-150 được coi là kém, từ 151-200 được coi là xấu, từ 201-300 được coi là rất xấu, từ 301 trở lên được coi là nguy hại. Ô nhiễm từ các làng nghề làm lò gạch ngói, ô nhiễm khói bụi, ô nhiễm do đốt rác nên ra đường đi học là phải mang khẩu trang.

Tại Hà Nội, chất lượng không khí ở nhiều nơi đều ở mức rất xấu, cảnh báo ảnh hưởng tới sức khỏe. Các nguồn ô nhiễm (có thể từ hoạt động sản xuất

tại các làng nghề, từ đốt rác bị tích tụ do ảnh hưởng của khí hậu bất lợi...) **không khuếch tán được lên các tầng không khí cao, khiến chỉ số ô nhiễm gia tăng**. Do đó, khuyến cáo người dân đeo khẩu trang khi đi ra đường để giảm thiểu tác động từ ô nhiễm không khí.

Tại Saigon, kết quả đo chất lượng không khí ở ngưỡng màu đỏ, giá trị AQI là 151, mức độ ô nhiễm không khí thấp hơn Hà Nội. Tuy nhiên, chất lượng không khí ở Saigon cũng gây ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe tất cả mọi người. Air Visual xếp hạng Saigon đứng thứ 18/97 thành phố ô nhiễm không khí nhất thế giới.

7. Ô nhiễm nước

Do nước thải sinh hoạt con người tại các khu dân cư và nước thải từ các cơ sở công nghiệp chưa được xử lý thường được đổ thẳng vào kinh rạch, sông ngòi. Do đó, sự đa dạng sinh học giảm đi nhiều, nhiều loài thủy sinh vật đã không thể sống được. Nguồn nước bị ô nhiễm là nguồn gốc nhiều bệnh như thương hàn, dịch tả, lỵ... Trong mục ô nhiễm nước, phải kể **mặn xâm nhập sâu hơn và sớm hơn**.

8. Thuốc bảo vệ thực vật

Hiện nay, tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, và một số tỉnh miền Trung khác... có chuyện nhân các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật được làm nhập nhằng (làm lách) tên gốc được Cục Bảo Vệ Thực Vật công bố, nhân sai với đối tượng đã đăng ký, gây hiểu lầm cho bà con nông dân, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng nông sản, gián tiếp gây thiệt hại cho người trồng cây tiêu, cà phê...

Trích báo trong nước: Ví dụ, thuốc sâu Lionsuper 750 là tên gốc đăng ký tại Cục Bảo Vệ Thực vật (BVTV), nhưng được làm ra các tên sau để bán hàng dễ hơn và không kiểm soát được chất lượng như: Trùm rệp, King power, Kinh kong, Sát thủ săn mối... vốn chỉ đăng ký diệt rầy nâu, sâu đục bẹ trên lúa. Hoặc thuốc cỏ gốc Glyphosat ghi nhãn là hàng sinh học, cùng 1 tên đăng ký trên Cục BVTV là Sunerin

nhưng làm 2 nhãn khác nhau... Thuốc trừ bệnh đều nhái lại tên Coc 85 của Công ty Adama như Curennox 85, Bacba 86... rất dễ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Cái quan trọng là việc làm như vậy gây nhầm lẫn cho người nông dân, từ 1 biến thành nhiều sản phẩm khác nhau, để dễ bán hàng. Không biết vì lý do gì các sản phẩm thuốc BVTV sai phạm này vẫn tồn tại rất lâu rồi (trải dài từ năm 2016-2019) mà không bị thu hồi hoặc nghiêm cấm bán, nếu có phạt thì phạt cho có, rồi sản phẩm đó vẫn được bán công khai cho đến nay. (hết trích)

9. Kết luận

Môi trường sống của nước ta bị nhiều chấn thương quan trọng do nhiều nguyên nhân: cơ chế pháp lý còn lỏng lẻo nên mới có lâm tặc, sa tặc, thạch tặc; dân đông nên diện tích đất nông nghiệp càng ngày càng giảm. Nhà thơ Tú Xương có lần viết:

*Phổ phường chật hẹp người đông đúc
Bồng bềnh lên nó ở non*

Ngày nay, ngay cả vùng cao nguyên, vùng núi miền Bắc cũng tràn ngập người từ đồng bằng lên ở, phá rừng nên đất xói mòn, gây ra lở đất, trượt đất. Đất hẹp, người đông mà nếu đất không được sử dụng hợp lý thì con người tự làm hại đến mình: đất thoái hoá thêm, nghèo thêm, gây ảnh hưởng dây chuyền đến an toàn lương thực.

Muốn bảo vệ môi trường không khí thì phải trồng nhiều cây xanh ven đường, sân chơi, phải có nhiều công viên trong thành phố, quanh các khu kỹ nghệ, giảm bớt hút thuốc lá trong nhà hay tại các khu công cộng; sử dụng phương tiện công cộng chuyên chở. Hơn nữa, phải sử dụng các biện pháp vật lý như sử dụng các thiết bị lọc và làm sạch khí thải từ các nhà máy (lọc bụi, thu khí xoáy, lắng tĩnh điện...).

Từ những nền văn hoá cổ truyền có gốc văn hoá nông nghiệp, ngày nay, nảy sinh ra, theo đà đô thị hoá, những cuộc sống máy móc, xa rời thiên nhiên; nạn phá rừng, cuộc sống xô bồ với tiếng xe hàng vạn Honda gắn máy điếc tai nhức óc suốt ngày càng làm cho con người xa lìa sự cảm thông với

vũ trụ, không còn được nghe tiếng sáo diều trong đồng vắng, không còn thấy trăng lên với cảnh "đêm qua ra đứng bờ ao, trông cá cá lặn, trông sao sao mờ", không còn cảm nhận các cảnh "sông dài trời rộng bến cô liêu" và cuộc sống đô thị, thì nhà nào biết nhà đó, chỉ lo bon chen, tiêu thụ quá sá, mà không nhận ra cái kiếp mong manh của kiếp người, cái mong manh của hạnh phúc thoáng qua, do đó chúng ta nên tỉnh thức để sống, sống trong giây phút hiện tại, tận hưởng cuộc sống trong ngày hôm nay. Qua các thơ văn trong văn học Việt, ta thấy luôn luôn đề cao vai trò của môi sinh, từ tạo hoá, sông núi, thác nước...

Ngày nay, giáo dục môi sinh trong học đường rất cần thiết; những thơ văn, ca dao, tục ngữ giúp trẻ em học sinh hiểu nhanh hơn vai trò của con người trong các hệ sinh thái nhằm bảo vệ chung trái đất. Trái đất này là của chung, mọi việc đều liên quan đến nhau: khí dioxyt cacbon trên khí quyển là một khí không biên giới; bầu không khí O₃ (ozone) là không biên cương. Nó không tuân thủ các ranh giới hành chính của các chính phủ. Môi sinh có thể nhìn dưới dạng vĩ mô hay vi mô. Trên cương vị vĩ mô, đó là trái đất, là một xứ, trên phạm vi vi mô, đó là một quả đồi, một thung lũng, một dòng sông, một cái hồ. Giáo dục cho mọi người về sự cần thiết của niềm đồng cảm giữa người và vũ trụ, tình gắn bó giữa con người với thiên nhiên để con người yêu thêm thiên nhiên, tạo vật, tìm lại mây trời hiền hoà, màu xanh của nước và của núi rừng, nói theo danh từ thời đại là **green awareness**. Giáo dục cho mọi người các vấn đề nóng bỏng của thời đại, các vấn nạn môi sinh, sự bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ quỹ gen (gene pool), phát triển bền vững. Cũng có thể sử dụng mô hình các hệ sinh thái để giúp sinh viên hiểu và suy nghĩ theo tư duy hệ thống các ảnh hưởng qua lại của các yếu tố môi sinh và từ đó thấy sự cần thiết có một sự **hài hoà** giữa dân số và thiên nhiên, hài hoà giữa thiên nhiên và phát triển kinh tế, một sự hài hoà mà chính hệ thống triết học Á Đông luôn luôn đề cao.

Thái Công Tụng

OPEN LETTER TO VIETNAMESE YOUTH

about

Genocides committed by Vietnamese Communists against Vietnamese people :
Yesterday, Today and Tomorrow

Nguyễn Lương Tuyển

Dear friends,

The purpose of this open letter is to bring to your attention the actual painful reality of our beloved country. We are at the beginning of the year of 2020, which is allegedly believed to be the beginning of the process of making Viet Nam a part of China according to the agreement signed at the Chengdu Summit Meeting in 1990, between the leaders of the two Communist parties of China and Vietnam. Our country has been on the edge of hell of being disappeared on the planet. Vietnam as an independent country would cease to exist. The Vietnamese people would become just an ethnic minority of China and its multi-thousand-year culture would be lost. According to Communism, the World should be an Universal World (Thế giới đại đồng) without border between countries as Nguyễn Văn Linh, former Head of the Vietnamese Communist Party (from now on referred to as VCP)

from 1991 to 1997, once declared: *It is better to lose the country than to lose the Party.*

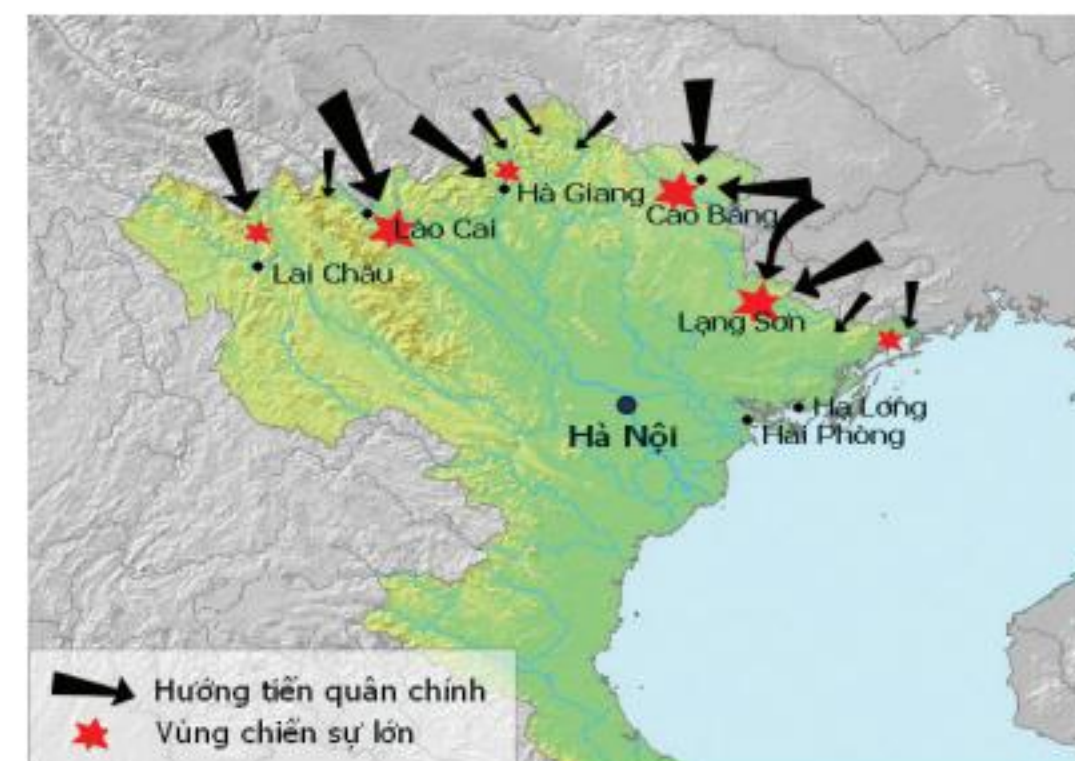
1. Looking back at some painful events in recent Vietnam's history..

On 17 February, 1979, without warning, 1/2 million Chinese soldiers, heavily armed with tanks and extremely powerful artilleries, crossed the 1281-km-border, which separated Vietnam and China, and invaded our country with the pretext «to teach Vietnam a lesson». The order given to Chinese troupes by their superiors in Beijing was: **kill all, destroy all, destroy everything.** The Chinese Army was commanded by two generals: Dương Dắc Chí and Hứa Thế Hữu. (Hữu was a 7th-generation descendant of Hứa Thế Hanh, who, as a general of the Ching Dynasty under the command of Tôn Sĩ Nghị, had been executed by Emperor Quang Trung, after the Battle of

Đống Đa Hill in 1789). Six border provinces were totally destroyed, all living beings including domestic animals, were brutally, wildly and savagely killed, beyond imagination by Chinese invaders. This is typically a form of genocide committed by China against innocent Vietnamese people.

Both sides, Vietnam and China, never announced their casualties during this war which lasted for about one month. Nevertheless, public opinions all concluded it was a fiasco with regard to Chinese People's Liberation Army (CPLA).

The author of this letter was born in 1945, just a few months before the August Revolution, as it was called with pride by Vietnamese Communists. In reality, Hồ Chí Minh and his comrades have «robbed the power» of the legal Vietnamese Government led by the scholar Trần Trọng Kim in the same year. So I was born and have grown up entirely



Chinese invasion of North of Vietnam by crossing the border between the two countries in 1979

Chinese soldiers have destroyed 6 border provinces of VN
(source: Internet)

during the wars. The Vietnamese Communist Party, led by Hồ Chí Minh, has succeeded in taking over the political power in Vietnam as they declared the VCP as the only party capable of bringing back the independence for our country from French domination for more than half of a century.

Hồ Chí Minh and his comrades in the VCP have seized half of the country in 1954 and the whole country on 30/4/1975 after a long and bloody invasion of South Vietnam (i.e. the Republic of Vietnam) in order to impose The Communist Doctrine on the whole country by force, terror and deliberate killing. As a matter of fact, Vietnam was the first step in the plan of International

Communism to invade and spread the Communist doctrine into the whole Southeast Asian area.

2. Ho Chi Minh and the VCP: their Crimes of Genocide against their fellow-countrymen.

Before talking about the crimes of Ho Chi Minh and his comrades-in-arms against Vietnamese people, we must try to understand the meaning of a crime of genocide.

The term GENOCIDE was coined in 1943 by the Polish Jewish lawyer Raphael Lemkin, who combined the Greek word genos (race or tribe) with the Latin word cide (to kill). In December 1948, the term of

GENOCIDE was adopted by the United Nations (UN), and the official use of the term came into effect in January 1951. The word genocide was well defined as any of the following acts committed with the intent to destroy, in whole or in part, a national, ethnic, racial or religious group.

Hồ Chí Minh and his comrades of the VCP have waged the most devastating wars, wars of blood and tears in our country, from 1945 to 1975, in order to impose by force the Communist Doctrine over the whole Viet Nam.

- In 1930, Ho Chi Minh and his Vietnamese Communist Party officially entered the political panorama of Vietnam. It was the beginning of The Great Flooding (Cơn Đại Hồng Thủy), which happened to the Vietnamese people and this the tragedy suffered by the Vietnamese people is still going on.

- During 30 years of a useless, absolutely unnecessary and costly war, 3 to 5 million Vietnamese have lost their lives. Hà Nội regime has been hiding the exact number of casualties in term of human lives. So we will never know the exact number of human destructions. On the other hand, to add to this number of deaths, we should be taking in account an equal number of families destroyed and of orphans whom father or mother were killed in the conflict.

- Hồ Chí Minh and his comrades

in the VCP have eliminated all other non-communist political parties. They systematically killed members of other Nationalist Parties in order to obtain the monopoly of spreading their Communist Doctrine over Vietnam, first step on their way to spreading Communist System to Southeast Asia following the order of International Communism.

- The whole Vietnam has become an immense cemetery in which thousands and thousands Vietnamese Youths and others would be summarily buried.

We will discuss in detail the crimes of genocide committed by Hồ Chí Minh and his comrades against Vietnamese people from then until right now.

The Polish newspaper, **THE POLSKA TIMES**, in its issue of March 15, 2011, compiled a list of 13 most blood-thirsty dictators, who were responsible of the death of millions people around the world in the 20th century. In this select group, among **notorious killers** such as Stalin, Hitler, Mao Tse Tung, etc. was Ho Chi Minh, the most «venerable hero» of the Vietnamese Bolcheviks.

Communist Terrors from 1954 to 1975 in North of Vietnam.

The war, from 1945 to 1954, to liberate our country from the French colonization was a very patriotic war involving



Hồ Chí Minh was an agent of International Communism. He returned to Vietnam in the 1920s after having lived many years in Russia. His mission was to spread the Communist doctrine among the Vietnamese people and then among the people of all the surrounding countries of Southeast Asia, such as Thailand, Burma, Malaysia, Laos, Cambodia.... He was responsible for the death of millions of peoples. His bloody hands were responsible directly or indirectly for the crimes of genocide in Vietnam.

Vietnamese people from all walks of life but Hồ and his comrades claimed the victory theirs when the French Army was defeated at the Battle of Điện Biên Phủ. In the fight of the Vietnamese people against French Occupation, Ho Chi Minh and his comrades, backed by International Communism, especially China, have taken all control.

In 1949, the Chinese Communists under Mao Tsé Tung defeated the Chinese nationalist army commanded by Chiang Kai-

shek and took control of the whole Chinese territory. China, therefore, became a huge rear base for the troupes of Hồ Chí Minh and his comrades. After the defeat in the Fall-Winter Campaign of 1947 (Chiến dịch Thu Đông 1947), French Army has retreated from the border region. Consequently, Hồ Chí Minh and his Communist Army have controlled a very large safe zone. With advices from the Chinese, Hồ Chí Minh and his comrades have applied Communist regime on the population under their control.

The Geneva Accords, signed on July 20, 1954, has given up the Northern half of the country to the VCP, from the 17th parallel up to the border with China. After their occupation of that half of the country, Ho Chi Minh and his Communist Party have taken a tight control over the whole population on whom, a brutal dictatorship of the proletariat was applied. A number of programs, starting from 1949-1950, were put in place:

- Land Reform (Cải Cách Ruộng Đất)

This totally cruel and deadly land reform was carried out exactly like the one in China because Hồ Chí Minh and his comrades were strictly following advices from the advisors sent by the Chinese Communist Party. During the whole time of this program, the VCP was called The Labor Party

of Vietnam (LPV). Originally, the real name of LPV was *Indochina Communist Party* which was founded on June 17, 1929. After 1930, facing the boycott of the word Communism, and in order to keep the Party alive, Ho Chi Minh and his comrades had to change the name of their Party and in the same time, Ho has declared The Indochina Communist Party was no longer existed, being replaced by a Society by the name: *Association of Marxist Research*, run by none other than Trường Chinh (Đặng Xuân Khu), who was the right hand of Hồ Chí Minh.

Hồ Chí Minh and his comrades entered Hà Nội on October 9, 1954 to officially declare half of Vietnam, from 17th parallel to the border with China, as a Communist country. It was a very closed society in which its citizens were not allowed to get in touch with the outside world. Hồ and his comrades in the VCP's Politburo have continued the deadly land reform. The land reform program has continued until 1956-1957 before being abolished by Hồ and his Politburo mainly because of protests of all Vietnamese people against this deliberate, barbarian killing like the Middle Ages.

The land reform was, indeed, a massacre of innocent people. Using the contemporary term, we must say it was a genocide triggered by class discrimination. From 1949 to 1956, according

to Hà Nội's official statistics, the land reform was responsible for the death of more than 172,000 innocent, honest people. But according to Nguyễn Minh Cẩn, former Hanoi Government Official, the death number could reach easily 1 million people.

- Program to reform industry and trade (Cải tạo công thương nghiệp)

The purpose of this program was to abolish the difference between rich and poor people. Nobody was allowed to be rich. In Communist society, there is only one class. This is the class of the proletariat. The others classes had to be destroyed. The Communist Government would confiscate all the assets of rich people because in a Communist society, no one is allowed to be rich.

- Reform of armed forces (Rèn cán chính quân)

This reform has begun in the early 1950's. The purpose of this reform was for the army to get rid of all individuals who did not belong to the class of the proletariat. It was a blunt act of class discrimination. A few thousand members of The People's Army were eliminated. We do not have the exact number. Another program happened in the The People's Army and was called *Movement of Three Steps to Make the People's Army Perfect* (Phong trào Tam Phần), very similar to a movement by the same name in China.

- Suppression of Humanist Movement among the class of intellectuals, journalists and writers (Đàn áp Phong Trào Nhân Văn Giai Phẩm)

This movement, appearing in the late 1950's (in short **NHÂN VĂN GIAI PHẨM**), was a North Vietnam's cultural-political movement, which fought against the tight control by Hồ Chí Minh and the LPV. It broadly included free-lance journalists, writers and intellectuals of North Vietnam who demanded more democracy, more freedom of speech, more freedom in their writings, creativity and human rights. The government decided to suppress this movement. Their activities were denounced as counter-revolutionary crimes. The government has crushed this movement without mercy, imposing tight control of press and putting those people in jail. Their hope for more freedom was over. Hồ Chí Minh and his Communist Party would never untie the whole population living under their control.

- The Uprising in District of Quỳnh Lưu, Province of Nghệ An in 1956

The District of Quỳnh Lưu is located in the Province of Nghệ An, birthplace and hometown of Hồ Chí Minh, founder of the VCP.

Since July 1954, Hồ Chí Minh and his comrades have been in total control of North Vietnam.

In 1955-1956, the Land Reform, starting in 1953, was in full swing. The reform has caused a lot of resentment everywhere. The whole society was turned upside down by the Land Reform imposed by local authorities.

Being cornered against the wall, the people of Quỳnh Lưu had no other choice than to stand up, demanding their rights to exist. They have surrounded and neutralized all local authorities, demanding to live as of human beings. Hồ Chí Minh and his Politburo have ordered General Văn Tiến Dũng to bring to Quỳnh Lưu two full divisions of the People's Army to squelch the uprising as fast as possible. The so called People's Army has deliberately opened fire, without discrimination on the protesters, killing on spot a good number of people.

There were no official number of casualties in term of human lives but according to different sources of information, the number of deaths and wounded people could reach easily over 10,000 .

3. The invasion of South Vietnam – Republic of Vietnam (1959-1975): blood & tears caused by deliberate killing of innocent people and by massive destruction of the infrastructure of South Vietnam's society.

According to the Geneva Accords, signed on July 20, 1954, Vietnam was temporarily divided into two

parts. A general election would be organized in 1956. Hồ Chí Minh and his comrades in the VCP have prepared very carefully for this election. But the election never happened because the Government of the late President Ngô Đình Diệm refused to honor the Geneva Peace Accords under the pretext that the Republic of Vietnam had never signed it, and, therefore, the Republic of

in the South was Lê Duẩn. In 1958, Lê Duẩn submitted to the Politburo his view about the Communist Revolution in the South. In his memoir *Outline of the Revolution in South Vietnam (Để Cương Cách Mạng Miền Nam)*, Lê Duẩn has declared firmly : *Using force is the only way to conquer South Vietnam.* The Ho Chi Minh trail which was located alongside of the Chain



Demonstration in Saigon Supporting the Uprising in Quỳnh Lưu, Nghệ An in 1956 (source: Internet)

Vietnam had no obligation to hold that election.

Hồ and his comrades of the VCP have predicted this refusal and have prepared to seize the South by force. Their followers were given order to stay behind, and go into hiding, waiting order to start the war in the South. The Commander of Communists

of Mountains Trường Sơn, and inside the Laos-Vietnam border, was reopened by Communist Forces, led by Communist General Võ Bẩm. Thereafter, Ho and his comrades in the VCP were able to infiltrate soldiers, weapons, and supplies to the South in order to prepare for the invasion.

The invasion of the South was a total war in many fronts: military, political, economic, terrorism, propaganda especially on the international level, destabilizing the lives of all people in the South from the city to the remote countryside. The National Front for the Liberation of the South, or National Liberation Front (NLF), a puppet political organization of Vietnamese Communist, was created in December 1960 in the jungle under their control. In the same year, Communist Guerrillas have intensified their terrors over the country sides, deliberately killing innocent people. The first military battle (December 26, 1960) was the Battle of Trảng Súp in Tây Ninh Province, not very far from the Capital City of Sài Gòn. Trảng Súp was defended by the 32nd Regiment of the 21st Infantry Division. The war



has intensified between the “so called” Communist insurgents and the Republic of Vietnam Army.

From 1959 to the fateful day of April 30, 1975, the day the Republic of Vietnam ceased to exist, the Vietnamese Communists have waged a brutal, total war of invasion. After having finally occupied the whole Republic of Vietnam, Lê Duẩn, First Secretary of the VCP, has openly declared: *«We have been fighting hard, but not for us. As the matter of fact, it was for Russia, for China»*. It was therefore a pure proxy war, no more no less, and Vietnamese Communists were the invaders.

During these 16 years of this crazy proxy war, Vietnamese Communists have committed numerous crimes against Vietnamese people, such as:

- Deliberate, massive killings of innocent people. All the civil servants, even at the very lowest level of the government of South Vietnam (i.e. the Republic of Vietnam) were systematically assassinated. The Communists, between 1967 and 1973, have killed from 45,000 to 80,000 people, of whom about 20% were government officials, self defense forces, and policemen. All vicious tactics were used such as: shelling, mortaring the strategic hamlets and refugee camps, and laying mines on highway. When those mines went off, they caused

extensive slaughter of people on board of the vehicles in traffic.

The US Department of Defense estimated that the VC / PAVN (Vietnamese Communists. People's Army of Vietnam) had conducted 36,000 murders, and more than 58,000 kidnappings from 1967 to 1973.

Notable Communist atrocities included the massacre of Huế during the Tết Offensive 1968 in which more than 6000 civilians were murdered in cold blood by them using the most barbarous methods of killing of the Middle Age such as : burying people alive, stabbing them, killing them by using bamboo sticks, etc. More than 155,000 civilians were killed by Communist artillery when they have tried to flee the war zones during the Spring Offensive in 1972. A segment of no more than 19km of Highway Number 1, from Quảng Trị toward Huế, was littered with corpses of civilians on their way to escape the VC attacks. This segment of Highway No 1 was baptized : *Boulevard of Terror and Death (Đại Lộ Kinh Hoàng)*

Communist suicide agents spread terror, deaths and destructions ... everywhere such as:

- * Explosion and destruction of hotel Brink
- * Explosion of the famous floating restaurant Mỹ Cảnh in Saigon Harbor.

* Daily blocking highway, transport routes, laying roadside mines, destroying bridges..., thus causing insecurity among the civilians which would have negative consequences on the economy of the South.

* Spreading terror and death everywhere by deliberate firing cannons into populous areas such as school, markets.... For example, on 10/3/1974, a primary school in Cai Lậy District Province of My Tho, was bombarded by VC Artillery. The school was completely destroyed and a good number of students got killed and many students sustained severe injuries which would cause death later or became handicapped for the rest of their lives.

In summary, the invasion of Republic of Vietnam by the Vietnamese Communists was an unprecedented disaster:

* the whole country was almost destroyed by the war. The bombs used in the Republic of Vietnam during those years of fighting (1959 to 1975) were much more than the ones used in World War II

* the invasion of Republic of Vietnam was a very costly war:

- the whole country, from the 17th parallel to Cap of Cà Mau, was destroyed, not a single inch of land of our fatherland was not bombed.

- hundreds of thousands of civilians and soldiers were killed in 16 years of fighting. The exact casualties of the Republic of Vietnam Army were published by the US Department of Defense: 310,000 KIA and MIA, and 1,170,000 wounded. For each soldier, we should count and include 4 or 5 civilians. Millions and millions of families were broken and millions and millions of children have become orphans overnight.

4. The killings in the South of Vietnam committed by the Vietnamese Communists right after April 30, 1975.

The fighting in the battlefields was ended but the Communists continued to kill people in the South in many ways:

* More than a million of former military servicemen, government officials of the Republic of Vietnam were sent to hundred of prisons scattered in the remote jungles around the country. The Communists called those prisons **re-education camps**. More than 167,000 «trainees» in those re-education camps have died by different reasons such as:

- different diseases without any medical cares
- starvation, hunger, hardship, torture, long solitary confinement, recapture after trying to escape from the prison.
- one million people in prison

are equivalent to one million of broken families, one million families were in extremely misery. The whole society was in trouble and turned upside down.

According to *The Victims of Communist Memorial Foundation*, nearly 850,000 prisoners have died in different re-educations camps- in reality the hardship prisons- erected by the Vietnamese Communists. By imprisoning millions of officials, soldiers of the Republic of Viet Nam without legal process, the VCP has committed 5 of 11 Crimes against Humanity which were defined by International Law, Article 7 of The Roma Statute.

* The healthcare system of South Vietnam, before April 30, 1975, was very effective in taking care of a population of about 20 million. Obviously, there were some private healthcare institutions in big city like Saigon but people still, with trust, rely on healthcare system being provided by the Government. Immediately after their takeover of Saigon, Communists closed all military hospitals. All patients, wounded soldiers, even severely wounded, were all pushed out of the hospitals in a very cruel, inhuman way beyond imagination. The «winners of the war» have dismantled all modern, sophisticated machineries in all hospitals of the South, and brought those stolen equipments

to the North, i.e. North of the 17th parallel by many columns of convoys of Molotova.

- By their policy of money exchange in less than 24h and by very limited amount allowed, Communist Authorities have robbed the last cents in the pocket of the ordinary citizens.
- Their policy of commerce / trade reform has pushed everybody to the bottom of poverty. The Communist Government has confiscated everything, all the money. People's properties were confiscated and peoples were pushed out of their businesses. They have no other choices except to go to the «new economic zones», a form of confinement created by the Government.
- When the Republic of Vietnam was about to fall to the hands of the red monsters, South Vietnamese began to escape the imminent Communists takeover by any means: boats, flight, etc. Those freedom seekers have preferred to risk their life than living under Communist regime. More than half a million people were drowned in the Pacific Ocean., a real tragedy of the Vietnamese people. The escape for freedom has continued until the late 1990. Now, more than 3 million Vietnamese are living in many democratic countries

around the world including USA, Canada, France, Europe, Australia, etc.... They are thriving in those adopted countries.

- The whole country has become a huge prison, well controlled by a very large police force. Everything such as moving from one place to another even closed by, freedom of speech, freedom of press, etc. are in a very tight control by the Government.

5. Vietnam: a besieged country.

Vietnam today is entirely inside China Orbit on many aspects:

- Economically speaking, Vietnam is heavily dependent on China. More than 90% of imported merchandises came from China. The whole country has been flooded with toxic and poisonous foods and goods. So we are not surprised by the fact that Vietnam is among the group of country which have a very high rate of cancer. Toxic foods, toxic materials from China could be found everywhere in the whole country and the government in Hà Nội has been ignoring or seems to ignore this severe danger for the whole population.
- With regard to international politics, Vietnam has been an absolute obedient valet of China. Vietnamese Communist leaders, before going abroad, has to go to Beijing for instructions and orders.

- Militarily speaking, Vietnam has been surrounded on all sides:

* in the East, the powerful Chinese Navy has become an absolute master. If any conflict happen, Chinese military force stationed close to Vietnamese seaside could easily attack, occupy Đèo Cả Hill and divide Viet Nam in two separate parts

* in the North, with its numerous dams alongside Mekong River, and Hồng Hà River, China can use water as a weapon to attack Vietnam.

Millions and millions of Chinese are now living in Vietnam. With a column of Chinese servicemen alongside the Trường Sơn Mountain, they would be the 5th column which would attack the whole country from this side.

6. Vietnam would it be a part of China? Are we losing our beloved country ?

This danger is real and imminent. Communist China with the collusion, the complicity of the VCP, has been slowly swallowing our beloved Vietnam. In the early 1990's different Communist Parties in Eastern Europe, in the Soviet Union were disintegrated. Communist Regimes everywhere were falling like autumn leaves. In order to survive, the VCP did not have other choice than to rely on China, which was one Communist country that has survived this «Communist disaster». After

many negotiations, many talks, Vietnam and China have reached a secret pact in September 1990 called Agreement of Chengdu (Thành Đô).

Both sides have tried to keep the Agreement secret but quite a bit of information has been leaked. According to those leaking information, Vietnam would become a part of the China, starting in 2020. The proceedings to join China would be progressive and would be lasted for 40 years. So, in 2060, Vietnam would officially become a province of China. The country named Vietnam would cease to exist, so would the Vietnamese people.

Conclusion

With the complicity and the treason of the VCP, we are facing the danger of losing our beloved country on the hands of our vicious and extremely ambitious neighbor. Overseas Vietnamese people are the only group of Vietnamese capable of:

- Preserving our identity
- Preserving and developing our multi-thousand-year culture, including our language
- Building a Vietnam as a country outside the S-shaped land in Southeast Asia.

We say :

Vietnam YESTERDAY: was from 1930 to 1975. The VCP of Hồ Chí Minh and his comrades



Agreement in Thanh Đô 1990.

Vietnamese delegates : Phạm văn Đồng (Adviser); Nguyễn Văn Linh (1st Secretary); Đỗ Mười (PM)

Chinese delegates : Li Peng (PM), Jiang Zemin (1st Secretary)

launched a war which they called war for independence. In reality it was a real proxy war by order of International Communism and Hồ Chí Minh and his comrades have executed the order like a bunch of mercenaries. It was an unnecessary and costly war. It was, indeed, a genocide, no more no less, in the history of our country.

Vietnam TODAY: The conquest of the Republic of Vietnam by the Communists is not finished on April 30, 1975. The VCP kept destroying the country, killing the people of the South and considered them as second citizens. On the other hand, they have tried to abolish the culture, the language of Vietnam. Once occupied completely by China, the killing would continue like in

Tibet, in Xinjiang.

Vietnam TOMORROW: Under Communist Regime, Vietnam has no future. The future of our beloved country is very dark in the perspective of becoming a part of China. Vietnam, as a country, will disappear on the map of the world. The Overseas Vietnamese People are the only hope for the survival of our country.

Nguyễn Lương Tuyển

MD, CSPQ, FRCSc
McGill University, Canada

March, 2020

Lá Thư Không Dời

Đ i làm về ông Kim được vợ cho hay và dặn:

- Con Ly vừa gọi điện thoại, nó nói có thư gửi cho anh về địa cũ, nó đang giữ, nhớ lại lấy.

Địa chỉ cũ là cái nhà vợ chồng ông Kim đã bán lại cho cặp vợ chồng người Do Thái cách đây hai năm. Ly là em gái của vợ ông Kim, ở cạnh nhà cũ của ông. Trong mấy tháng đầu, sau khi bán nhà, chủ mới thỉnh thoảng vẫn đưa cho Ly những thư từ của vợ chồng ông Kim nhờ trao lại. Tròn cả năm nay không còn thư từ nào gửi về địa chỉ cũ nữa. Ông Kim ngạc nhiên sao hôm nay lại có thư? Nhưng sau khi nghe vợ nói thêm là Ly cho biết thư gửi từ Việt Nam thì ông Kim không còn thắc mắc sao thư lại gửi về địa chỉ cũ mà thắc mắc ai ở Việt Nam gửi cho ông lá thư đó vì từ lâu ông không còn họ hàng thân thích nào ở Việt Nam để liên lạc.

"Kính thưa ông Chủ Tịch,

Tôi xin tự giới thiệu tôi là Nguyễn Văn Quý, trước 75, là binh nhất biệt động quân, bị thương ở mặt trận Long Khánh. Trưa ngày 30 tháng 4 cộng quân chiếm Sài Gòn, tất cả thương bệnh binh bị đuổi ra khỏi Tổng Y Viện Cộng Hòa. Tôi chạy về nhà cha mẹ với vết thương ở mặt chưa lành. Lúc bị thương tôi mới 21 tuổi. Tuy

còn trẻ nhưng vì là một người tàn phế thuộc chế độ cũ, tôi cũng như bao nhiêu anh em thương phế binh khác, bị hất ra bên lề xã hội. Cuộc sống do đó thật vất vả. Riêng tôi, vết thương đã tàn phá mặt tôi (xin ông xem hình đính kèm) khiến tôi ban ngày không dám ra đường, sợ gặp mặt mọi người, để khỏi mang mặc cảm tạo giết mình cho kẻ khác với bộ mặt biến dạng xấu xí của mình. Còn trẻ nhưng một thời gian khá lâu tôi phải sống nương tựa vào gia đình vì chưa biết làm gì để tự kiếm sống. Cuối cùng thì cha mẹ và hai chị của tôi cũng giúp cho tôi học được một cái nghề tại gia: nghề thợ may. Chồng của một trong hai bà chị tôi, trước 75, là chủ một tiệm may. Sau khi Sài Gòn đổi chủ, ông anh rể tôi vẫn tiếp tục nghề may nhưng phải đổi kiểu may quần áo cho hợp với thời thế để sống. Thay vì còm lè, vét tông, bây giờ ông đổi sang may quần áo kiểu bình dân như bà ba đen, trắng, áo bốn túi màu vàng hay màu cứt ngựa. Ông còn treo bảng nhận cắt sửa quần áo. Cắt xén những chiếc áo dài của phụ nữ trước đây thành những chiếc áo ngắn cụt tay. Chị tôi mang quần áo về nhà, tập cho tôi đơm nút áo rồi tập may, khởi sự bằng cách tập viền những lai quần, lai áo. Phần đầu để sống còn đã cho tôi một cái nghề và thưa ông, nhờ tôi có được chút khéo tay, nên không bao lâu tôi thuần thục nghề may để có thể may rành rồi may thứ quần áo "thời thượng" của xã hội chủ nghĩa trong thời gian đầu.

Nhưng tôi chỉ là một tay nghề ở hậu trường, không bao giờ dám chường mặt ra để gặp mặt khách hàng. Bước sang thời kỳ "đổi mới", tiếp theo đó là thời kỳ "đại gia", nghề may của ông anh rể tôi khởi sắc trở lại nhưng khả năng của tôi sau bao nhiêu năm quen thuộc với các kiểu áo "vô sản" không theo kịp để đủ tay nghề thực hiện y phục của thời "áo vét quần bò" nữa.

Đã ba mươi năm trôi qua, sau cái ngày bị đuổi khỏi Tổng Y Viện Cộng Hòa với vết thương quái ác ở mặt chưa lành, tôi vẫn còn phải sống độc thân. Với bộ mặt dị dạng, sứt mũi, sứt môi, tôi có bao giờ dám tơ tưởng đến chuyện lập gia đình. Cũng hơn mười năm sau 75, ban ngày tôi mới dám lộ mặt ra đường, nhờ sự biến thể của Sài Gòn. Sài Gòn, hòn ngọc của Viễn Đông xưa, nay trở thành kinh đô của bụi bặm. Ra đường phải mang khẩu trang. Với ai khác, ra đường phải mang khẩu trang là một phiền toái, với tôi là một cứu cánh. Nhờ mang khẩu trang, ra đường tôi không bị ai để ý.

Thưa ông Chủ Tịch,

Kể lể hơi dài dòng về cuộc đời và nỗi bất hạnh của tôi, chỉ cốt phần nào giải thích cơ duyên nào tôi được dịp mạo muội gửi lá thư này đến ông. Bị đẩy vào cuộc sống ẩn dật, tôi tìm thú vui trong việc tập tễnh làm thơ. Buồn thì nhiều, vui hầu như không có, mơ ước chỉ như thoáng mây trời, tôi trút tâm tư của mình và tìm được an ủi trong những vần thơ vụng dại,

non nớt của mình. Một hôm tôi bạo dạn đưa cho bà chị thứ hai của tôi, trước là giáo viên, đọc bài thơ ưng ý nhất của mình. Chị tôi đọc xong bài thơ, nhìn tôi với đôi mắt ngỡ ngàng: “Chị không ngờ em lại có tâm hồn thi sĩ!”. Rồi chị ghé tai tôi nói nhỏ:

- Bài thơ này em cho phổ biến trong nước thì công an nó hỏi thăm em ngay. Chị coi trên mạng biết được ở hải ngoại có Hội Văn Nghệ Sĩ Quốc Gia, để chị kiểm cho em địa chỉ, em gửi bài thơ ra cho họ, biết đâu họ sẽ đăng thơ em.

Thưa ông Chủ Tịch,

Tôi không dám mong bài thơ tôi gửi kèm theo đây đạt được trình độ để quý vị cho đăng trên diễn đàn của quý vị, chỉ mong ông hiểu cho niềm hân hoan của tôi khi nghe lại được hai tiếng «quốc gia», sau bao nhiêu năm tắt tiếng ở trong nước, vẫn âm vang nơi hải ngoại. Tôi chỉ mong được bày tỏ tinh thần và niềm tin quốc gia của một thương phế binh VNCH đang sống lầm lũi dưới chế độ Cộng Sản.

Kính thư,
Nguyễn Văn Quý

T.B. Địa chỉ ngoài phong bì là địa chỉ nhà một người quen cùng cảnh ngộ như tôi.”

Kèm theo lá thư là hai tấm ảnh và một bài thơ. Tấm ảnh nhỏ loại căn cước là hình một người lính biệt động quân mặc quần áo hoa, đội mũ nâu, tấm ảnh lớn hơn chụp một người đàn ông

trạc ngoài năm mươi tuổi, mặc chiếc áo thun đen, với khuôn mặt bị tàn phá nặng nề: chiếc mũi bị bay mất phần dưới để lộ một lỗ hồng và môi trên bị mất phần giữa nhìn thấy cả răng. Nhìn tấm ảnh ông Kim trầm nghĩ giá mà ông ta ở được bên Bắc Mỹ này thì khoa giải phẫu tái tạo hàm mặt chắc chắn đã giúp ông ta có một khuôn mặt dễ nhìn hơn. Ông Kim đọc bài thơ có tựa đề: Phận nước đời trai, ông xúc động trước cái tứ bi phần của bài thơ trong đó nổi bật mấy câu:

“Than ôi! Nát một đời trai!

Túi cho phận nước an bài từ đây

Từ đây mộng ước hao gầy

Ôm riêng mối hận biết ngày nào người...”

Đọc cái tái bút, ông Kim hơi thắc mắc sao ông thương phế binh Quý này không lấy địa chỉ nơi ông ở mà lấy địa chỉ của một người đồng cảnh ngộ? Ăn cơm tối xong ông Kim gọi điện thoại cho bốn thành viên trong Ban Chấp Hành bàn thảo về lá thư bất ngờ của người thương phế binh biệt động quân. Cuối cùng Ban Chấp hành đồng ý trích quỹ 100 Mỹ kim gửi tặng ông Quý, coi như một món quà Xuân, đồng thời chuyển lá thư cùng hình ảnh của ông Quý đến Hội Cựu Quân Nhân để được cứu xét giúp đỡ hàng năm.

Chỉ một tháng sau khi gửi tiền về theo địa chỉ ông Quý cho, ông Kim nhận được hồi âm. Trong thư ông Quý viết rất mừng rỡ nhận được quà, cảm ơn Trời Phật

đã chúc lành ông Kim cùng toàn thể hội viên. Ông Quý cho biết thôi làm nghề thợ may vì trong nước bây giờ tràn ngập đồ Trung quốc và đồ “ngoại”. Bây giờ ngày ngày ông ra ngồi phụ một người bạn cùng cảnh ngộ làm nghề vá và bơm xe đạp. Phía Hội Cựu Quân Nhân cũng cho biết sẽ gửi tiền hàng năm vào dịp Tết giúp ông Quý. Nhưng ông Kim vẫn chạnh lòng trắc ẩn khi hình dung bộ mặt bị chiến tranh tàn phá của ông Quý, ở vào tuổi thanh xuân nhất của cuộc đời. Một hy sinh chưa được đền bù, mà trái lại, bị vùi dập, lãng quên bởi số phận không may phải nằm phía bên kẻ thua cuộc. Ông quyết định hằng năm không trích quỹ của hội nữa mà cá nhân ông sẽ tiếp tục giúp đỡ ông Quý.

Cứ thế đều đặn trong bảy năm, mỗi đầu xuân, một món quà hiện kim gửi đi, một lá thư hồi âm cảm tạ tri ân. Ở hải ngoại ông Kim cũng đã ngoài bảy mươi và ông Quý ở trong nước cũng phải gần sáu mươi. Cách nhau gần cả chục tuổi, nhưng ông Kim nghĩ nếu bây giờ đem so hình hai người, chưa chắc ai đã cằn cỗi hơn ai. Đất nước đã thống nhất, yên bình mấy mươi năm rồi sao lắm than, nghèo đói vẫn không thụt lùi, sao còn có người chết phải bó chiếu chờ trên xe gắn máy chạy giữa đường!

Bỗng một hôm, vào giữa tháng năm, ông Kim nhận một lá thư gửi từ Sài Gòn. Dù địa chỉ không thay đổi, nhưng nét chữ ngoài phong bì không phải nét chữ của

ông Quý và tên người gửi là một tên lạ: Trần Thanh Phong.

“Kính thưa bác,

Cháu xin tự giới thiệu cháu là Trần Thanh Phong, 25 tuổi. Cha cháu là Trần Quốc Hiệp, bạn của bác Nguyễn Văn Quý, người thường hay liên lạc và nhận quà hàng năm của bác từ hải ngoại gửi về. Lý do cháu gửi bác lá thư này là để giải bày một uẩn khúc kéo dài từ hai năm nay khiến cháu rất khổ tâm. Hôm nay cháu xin trình bày hết sự việc cho lòng được giải tỏa và để mong được bác cảm thông. Cha cháu từng là một phục viên trong quân đội nhân dân miền Bắc. Cha cháu bị thương hôm lực lượng tấn công chiếm kho xăng nhà Bè năm 75. Cha cháu đâm phải mìn, bị cưa chân phải, quá đau đớn. Sau khi Bắc Nam thống nhất, cha cháu được giải ngũ. Mẹ cháu ở Bắc vào và hai người quyết định ở lại miền Nam sinh sống vì thấy trong Nam đời sống kinh tế cao hơn. Cháu là đứa con thứ ba trong một gia đình bốn anh chị em, hai trai hai gái. Cháu hiện là nhân viên của một hãng ngư nghiệp chuyên về hải sản đông lạnh để xuất cảng. Tiền trợ cấp thương phế binh của cha cháu không đủ nuôi gia đình nên cha cháu phải làm thêm nghề bơm vá xe đạp và xe gắn máy. Cháu không rõ cha cháu và bác Quý quen nhau lúc nào, vào dịp nào, cháu chỉ nghe nói bác Quý là thương phế binh của phía bên kia. Có một lần cháu nghe cha cháu khen:

- Thằng Quý dân Ngụy mà tốt

bụng. Nó sửa quần áo cho tao mà không lấy tiền.

Rồi một lần khác cháu nghe cha cháu chửi thế:

- Mẹ kiếp! “Ngụy” như thằng Quý hay “giải phóng” như tao cũng chỉ là những con chốt thí! Nó nát mặt, tao cụt giò, giờ đây tao với nó được gì? Thống nhất, độc lập từ lâu mà đất nước có khá lên đâu, tụt hậu thêm nữa là đằng khác!

Bây giờ cháu đã khá lớn. Sau khi nghe câu chửi thế của cha cháu, cháu bắt đầu suy nghĩ. Chuyện bác Quý lấy địa chỉ của nhà cháu để nhận tiền từ hải ngoại gửi về là để tránh sự dòm ngó của công an phường. Dù gì gia đình cháu cũng thuộc diện có công với cách mạng, với nhân dân. Theo cháu biết, mỗi lần nhận tiền từ hải ngoại gửi về, bác Quý cũng chia một phần tiền cho cha cháu. Khoảng tiền mà có lúc vui miệng bác Quý nói là “chi phí bảo vệ.”

Kính thưa bác,

Hôm nay cháu xin tiết lộ với bác một điều: bác Quý từ trần đã hai năm nay. Bác Quý ngã chết bất thình lình lúc đang phụ cha cháu khiêng một thùng đồ nghề. Bác sĩ ở nhà thương nói bác bị đứt gân máu não. Bác Quý mất rồi, mỗi khi có tiền ở hải ngoại gửi về, cha cháu vẫn an nhiên lãnh thế, vì người giao tiền biết mặt cả bác Quý lẫn cha cháu. Bác Quý còn dặn người giao tiền, khi bác vắng mặt, thì cứ giao tiền cho cha cháu. Cháu rất bức xúc vì việc làm không phải của cha cháu

nhưng không dám ngỏ lời ngăn cản khi thấy cha mẹ cháu cũng túng thiếu. Nhờ quà của bác gửi cho, ngày xuân gia đình cháu có thêm chút không khí Tết.

Nhưng hôm nay cháu viết thư này để xin bác từ nay đừng gửi quà Xuân cho bác Quý nữa. Bởi lẽ cha cháu từ trần được cả tháng nay. Cha cháu mất vì bệnh viêm gan cấp tính. Cha cháu đi rồi cháu không còn lý do gì để tiếp tục nhận quà của bác, một món quà đã làm ray rứt lương tâm cháu. Càng ngày cháu càng thấy con người của xã hội này trở nên vô cảm, kể cả người thân của mình. Chưa xót là ở chỗ đó. Rồi thế hệ của cháu, nếu mọi người cũng sẽ trở nên như thế hệ của cha cháu, thì tương lai đất nước này sẽ đi về đâu? Con người ngày càng mất lương tri, xã hội ngày càng lụn bại đạo đức, trong khi đó lãnh hải ngày càng thu hẹp, chủ quyền đất nước đang dần rơi vào tay ngoại bang.

Kính thưa bác,

Ở trong nước hiện nay, những người vào lứa tuổi của cháu, đang trần trở về đất nước, về giá trị con người, không nhiều nhưng không phải là không có. Một hạt cát thì rất nhỏ, nhưng nếu nhiều hạt cát tụ lại sẽ trở thành một nhúm cát và nếu nhiều nhúm cát có cơ hội dồn lại, nhờ gió, nước bồi đắp thêm, sẽ có cơ may trở nên một bãi biển trắng đẹp. Cháu ao ước được làm một hạt cát cứng cáp và trắng tinh cho một bờ biển tương lai của dân tộc.”

Kính thư,
Trần Thanh Phong”

Ông Kim ngồi lặng im nhìn những dòng chữ rần ròi đậm nét trên mặt giấy. Một niềm vui lẫn một nỗi đau dấy lên trong lòng ông. Vui vì giới trẻ trong nước không phải tất cả đều là những thành phần thù hận, buông xuôi, vô cảm hay bị đầu độc bởi giáo điều. Đau vì ở hải ngoại còn có kẻ vứt bỏ căn cước tị nạn của mình, trở về ăn chơi thụ hưởng mà không cần biết đến nỗi lầm than của đại đa số thành phần dân tộc. Tệ hại hơn nữa, dăm ba kẻ, trước đây vô ngực xưng mình là quốc gia, chống cộng, trở về Việt Nam, gắp lại vài thân thuộc xa xưa thuộc bên kia, nay là thành phần cốt cán của chế độ, được họ ve vuốt chiều dục, trở ra hải ngoại cầm loa, đóng trống ca tụng chế độ! Ông Kim dìm nỗi đau, nghĩ đến niềm vui cho lòng phấn khởi. Ông lấy giấy bút ra viết trả lời người thanh niên tên Phong:

“Cháu Phong,

Bác tin cháu và các bạn cháu sẽ là những hạt cát tinh khôi của bờ cõi đất nước. Các cháu sẽ không đơn độc. Các bạn của các cháu ở hải ngoại, dù mọi lứa tuổi, sẽ là gió, là nước bồi đắp cho các cháu. Bác hứa sẽ không gởi quà Xuân cho gia đình cháu nữa. Nhưng cháu và các bạn cháu sẽ nhận được niềm tin và phương tiện cần thiết để vun xới niềm tin đó lên thành một cơn bão quét sạch mọi căn bệnh, ô nhiễm đang tàn phá đất nước.”

Trang Châu

Montréal 14-10-2016

Câu chuyện bánh mì

Andrew Lâm

Khi bà nội tôi làm món cá trê kho nước mắm trong nồi đất sét tại Mỹ nhiều năm trước, thật không may, hàng xóm đã gọi điện cho sở cứu hỏa.

Việc nấu ăn dậy mùi và cay nồng đã khiến hàng xóm chúng tôi lo ngại. Họ phàn nàn với nhà chức trách về “một số mùi độc hại”. Gia đình tôi phải xin lỗi, cam kết đóng cửa sổ bất cứ khi nào bà nội muốn chuẩn bị một số món ăn Việt Nam theo kiểu chính gốc của mình.

Gia đình tôi chuyển từ Việt Nam đến sống tại San Francisco, Mỹ nhiều năm trước. Mới hơn 10 tuổi, tôi khi đó đã trải qua áp lực phải “Mỹ hóa” khi rời xa quê nhà, thích nghi với một đất nước khác - nơi chúng tôi là thiểu số. Các món ăn đã kết nối chúng tôi với cố hương.

Nhiều năm trôi qua. Bà nội không còn nữa. Nhưng tôi có thể tự tin rằng, nếu bà biết, hẳn sẽ rất tự hào khi một số món ăn Việt người Mỹ từng coi là “độc hại” đã trở thành kinh điển trên thế giới ngày nay. Bánh mì là một “huyền thoại” như vậy. Nhiều người Việt Nam đã không thể hình dung một ngày loại sandwich

theo phong cách Việt lại được cả thế giới chấp nhận như món ngon tuyệt vời. Vài năm trước, tôi đã tự làm một cuộc khảo sát tại Mỹ, Australia và châu Á để khám phá về bánh mì Việt.

Năm 1980, người đàn ông tên Lê Văn Bá cùng các con trai đã đậu chiếc xe bán thức ăn của mình trước một nhà máy sản xuất máy tính ở thung lũng Silicon, Mỹ. Ban đầu ông chỉ nhắm đến nhóm khách hàng là người Việt Nam, vốn không thể đi xa hay chi trả nhiều tiền cho mỗi bữa trưa. Ông Bá, từng là một thương gia kinh doanh đường cát giàu có trước ngày 30/4/1975 tại Sài Gòn, đã bán hàng với giá rẻ nhất so với xung quanh, bao gồm cả món bánh mì Việt. Nhờ đó, không bao lâu sau, những người không phải Việt Nam và cả sinh viên trong khu vực cũng tìm đến thưởng thức.

Đến năm 1983, con trai của ông Bá, Chiêu và Henry, đã nâng cấp xe bánh mì thành Công ty dịch vụ ăn uống Lee Bros. Lee là họ Lê được viết theo kiểu Mỹ mà ngày nay đã có hơn 500 xe bán thức ăn phục vụ khắp miền bắc California. Công ty cũng mở chuỗi thương hiệu thức ăn nhanh Lee's Sandwiches với hàng tá chi nhánh bán bánh mì từ San Francisco đến Houston và mới đây là sang cả Đài Bắc.

Khi ông Bá mất, từ San Jose

Mercury News gọi ông là Ray Kroc của bánh mì Việt. Ray Kroc là biệt danh của người có công đầu trong việc đưa McDonald's thành thương hiệu thức ăn nhanh thành công nhất thế giới.

Cơ sở bánh mì Việt tại Mỹ đã cho ra đời một tác giả chuyên viết về nó, Andrea Nguyễn. Cô sống tại miền bắc California và là chủ nhân blog chuyên khám phá và giới thiệu ẩm thực truyền thống của Việt Nam cũng như châu Á nói chung. Cô đã xuất bản cuốn “Cẩm nang bánh mì: Bí quyết của những kiểu bánh mì Việt ngon đến tận xương tủy”. Nó lọt vào danh sách “Sách nấu ăn hay nhất năm 2014” do National Public Radio bình chọn.

“Món bánh mì Việt mang đến đồng thời nhiều cảm giác phong phú”, Andrea chia sẻ với tôi, “cái giòn rụm của vỏ bánh, béo của sốt bơ mayo và thịt, giòn lực xức của dưa chua, cay nồng của ớt và vị tươi ngọt của dưa chuột cùng các loại rau củ”. Andrea chỉ ra tính hòa trộn hấp dẫn của bánh mì để từ đó nó trở nên thân thiện và dễ được chấp nhận. “Bánh mì gần gũi, không quá xa lạ cho những người mới ăn thử”, cô nói, “Ẩm thực Việt Nam là sự kết hợp của vùng Đông và Đông Nam Á, Nam Á và phương Tây. Trong đó, bánh mì là một đại diện hoàn hảo”.

Cũng trên hành trình khám phá bánh mì của mình, tôi trò chuyện với Pauline Nguyễn tại Australia, tác giả cuốn sách nấu ăn và chủ sở hữu của tiệm Red Lantern - nhà hàng Việt hàng

đầu tại Sydney. “Thẳng thắn thì món bánh mì truyền thống của Pháp với thịt nguội, phô mai, có thể thêm một ít dưa chuột muối, cũng không so sánh được với bánh mì Việt”, cô nói, “có sự hài hòa giữa vị giòn ngọt và the the của rau củ dầm, vị cay của ớt, sự đậm đà của pa-tê hay sốt mayonnaise, cùng với vị béo của thịt heo đông, hương thơm của ngò và hành lá, và dĩ nhiên là cả cảm giác giòn giòn của vỏ bánh nữa”. Căn vào khúc bánh mì xếp chồng nhiều lớp nguyên liệu quả là trải nghiệm tuyệt vời.

Từ khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, 45 năm qua, người Việt đã chia sẻ nhiều nét văn hóa của mình ra thế giới bên ngoài, trong đó có món bánh mì quê hương. Ngày nay, bánh mì đã lan rộng từ Việt Nam đến California, rồi từ đây tỏa ra khắp hành tinh. Mỗi thành phố ở Bắc Mỹ hiện đều có tiệm hoặc chuỗi cửa hàng bánh mì: Bánh Mì Saigon ở New York, Bun Mee ở San Francisco, BONMi ở Washington DC, Bánh Mì Bá Get tại Chicago, Bánh Mì Boys ở Toronto. Xe bánh mì có mặt trong các hội chợ từ San Diego đến Boston. Và Yum! Brands - công ty chủ quản của Kentucky Fried Chicken, Taco Bell và Pizza Hut - đã mở tiệm thức ăn nhanh mang tên Cửa hàng Bánh (Banh Shop) tại Dallas.

Xa xôi hơn, về phía nam của biên giới Mexico city, có một xe bánh mì màu đỏ và vàng tươi, hiệu Nham Nham. Ngoài ra, tiệm và chuỗi cửa hàng bánh mì cũng

mọc lên ở khắp các nơi khác. Tại London có Kêu!, Bánh mì 11, và bên cạnh Nhà thờ St. Paul có Banh Mi Bay. Chen giữa bao thương hiệu tại Thượng Hải có cửa hàng Mr. V với món Obscene Double Triple - thứ bánh mì ăn kèm giò thủ, Lạp xưởng, và thịt đông tiêu hột. Đến Singapore, mọi người có thể thử Bánh Mì 888. Và giữa một nơi đông đúc nhất của Tokyo, ta vẫn có thể tìm thấy một tiệm với tên gọi đơn giản là Bánh Mì Sandwich.

Nguồn gốc bánh mì, như hình dáng của nó cho thấy, hẳn nhiên là từ Pháp. Người Pháp đến Việt Nam ban đầu là các nhà truyền giáo trong thế kỷ 17 và áp đặt chính sách thuộc địa lên Việt Nam vào năm 1887, cùng với sự hình thành cụm ba nước Đông Dương. Người Pháp đã mang ngôn ngữ và thực phẩm của họ, gồm cả bánh mì, loại mới ở hình thù dài vốn rất phổ biến tại Pháp. Lớn lên ở Hà Nội, bà tôi gọi đó là “bánh Tây”, nghĩa là loại bánh mì được làm theo kiểu phương Tây. Đến những năm 1950, người Việt Nam dần thay đổi nó theo hướng Việt hóa và gọi là bánh mì - đơn giản là làm từ bột mì. Bánh mì từ lâu đã là lương thực của người lao động nghèo. Những xe và quầy bánh mì ở khắp nơi trên đường phố Việt Nam mang đến cho mọi người khẩu phần ăn ngon, đơn giản mà đủ chất.

Từ những năm 1950, bánh mì Việt có thể tìm thấy trong các cộng đồng du học sinh và di dân Việt sống tại Pháp. Năm

trong Quận 13, thành phố Paris, nhà hàng tự phục vụ Hoa Nam nhiều năm nay đã bán món bánh mì bọc trong giấy sếp, mặc dù xu hướng bánh mì ngày nay phải là Bobo như bên mạn phải sông Seine, kiểu bánh mì như của Saigon Sandwich hay Bulma.

Câu chuyện nối tiếp vào sau năm 1975, kéo theo bởi dòng di cư hàng loạt của người Việt đã đưa món bánh mì ra thế giới. Không lâu sau, những người tị nạn tại Hoa Kỳ đã mở nhà hàng, tiệm bánh, và cửa hiệu món Việt, cung cấp tất cả các món ăn từ quê nhà - bao gồm bánh mì - dành cho những người đồng hương và các thực khách Mỹ hiếu kỳ. Giám đốc điều hành Công ty Đậu khuôn Hodo ở Oakland, ông Minh Tsai, cho rằng bánh mì đã nhanh chóng được xem là một “món hời” bởi vì người Mỹ luôn luôn cho rằng món ăn Việt Nam ngon nhưng lại không đắt. Phở và các món nước của Việt Nam nhờ đó cũng đã trở nên phổ biến khắp nước Mỹ.

“Tất cả là nhờ nguồn nhân công giá rẻ”, ông Steve Đỗ - một thuyền nhân Việt Nam đến Hoa Kỳ từ những năm 1980, người đã đạt được thành công về tài chính khi tham gia vào cổ phiếu bất động sản và công nghệ mạng - kể. “Tôi đã sống với nghề làm bánh mì trong suốt thời gian đến trường trung học và đại học, và tôi biết một vài nhà khác cũng vậy”, ông nói với tôi. “Các gia đình làm việc cùng nhau tại tiệm bánh mì là cách giảm bớt chi phí lao động. Ngay cả trẻ em vị thành niên cũng làm sau giờ học để phụ

giúp gia đình. Thường các cửa hiệu này chỉ thuê ai ngoài những người Việt mới sang, họ làm chui trong khi vẫn nhận trợ cấp của chính phủ. Đó là cách của người tị nạn. Và họ đã sống”.

Vậy nên tôi hy vọng, nếu bánh mì vẫn là món ăn đường phố phổ biến tại Việt Nam ngày nay, ta đừng quên rằng những người Việt sống tại hải ngoại đã có công làm nó trở nên nổi tiếng và tỏa sáng khắp thế giới.

“Nếu có một tiệm bánh mì Lee’s Sandwiches tương ứng với mỗi tiệm McDonald’s, thế giới sẽ tốt đẹp hơn”, bà Cathy Chaplin, tác giả cuốn sách “Hướng dẫn cho người thích ăn uống khi đến thăm Los Angeles” viết trên trang cá nhân.

Văn hóa ẩm thực của người Việt đã vượt ra khỏi biên giới, sắc tộc để trở nên phổ biến. Những gì đã từng thuộc về người Việt di dân bây giờ thuộc về thế giới. Đó là sự tiến triển tự nhiên, tôi nghĩ, của toàn cầu hóa. Bánh mì, phở, gỏi cuốn, một số yếu tố trong văn hóa của nhóm thiểu số đã chứng minh có thể hòa nhập vào văn hóa dòng chính tại Mỹ và toàn cầu - tương tự con người. Tôi tin, nội tôi cũng hài lòng trên thiên đường.

Andrew Lâm
Thứ Tư, 19/02/2020

Andrew Lâm, con của Trung Tướng Lâm Quang Thi, là nhà văn, nhà báo và bình luận viên tin quốc tế. Không được đem chuyện bí mật trong nhà ra kể cho người ngoài nghe - góc nhìn từ mẹ, và không được nói tiếng Anh trong nhà

- góc nhìn từ người cha, lúc Andrew Lâm còn đi học. Thế nhưng, nếu không biết nói tiếng Anh đúng giọng chuẩn thì khỏi có cơ hội tiến thân - lời khuyên của một ông chú.

“Cha mẹ muốn tôi làm bác sĩ.

Dù đã học mấy năm đầu ngành Y ở Berkeley, tôi vẫn quyết định không theo nghề này và thay đổi ý định. Tôi còn được học bổng để học nha sỹ, nhưng tôi cũng từ chối. Tôi quyết định sẽ làm nhà văn, và thông báo với gia đình.

- Nhà văn cái gì? - Cha tôi hỏi, giọng bối rối. Tôi cũng không biết chính xác.

- Hãy kể tên một người Việt Nam nào có thể sống được bằng nghề viết văn trên đất Mỹ. - Cha tôi thách đố. Lúc đó tất nhiên không có một ai rồi.

- Người đó sẽ là con. - Tôi trả lời kiên quyết, vì sợ nếu không đủ kiên quyết thì sẽ phải từ bỏ ước mơ”. (trích dịch từ Perfume Dreams, trang 41)

Và nay Andrew Lâm Quang Dũng đã sống được bằng nghề viết, trong đó có những câu chuyện về chính bản thân, về mối quan hệ trong gia đình, về những trăn trở về thân phận người Việt trên đất Mỹ.

Trả lời cuộc phỏng vấn của Quỳnh Võ trong Tập San Da Màu (22/7/2019) về vấn đề hội nhập, ông nói : Tôi không nghĩ mình đã hoà nhập được với văn hoá và môi trường ở Việt Nam, mặc dù đã ở đây được hơn năm tháng rồi. Tôi có cảm giác mình chỉ mới hiểu một cách rất mơ hồ về đất nước đầy phức tạp này. Chính bởi sự phức tạp khôn lường này đòi hỏi người ta phải thực sự hoà nhập một cách nghiêm túc, mà tôi lại chưa sẵn sàng cho điều đó. Tôi có sẵn những câu chuyện với bối cảnh ở Mỹ, do đó chẳng nhất thiết phải cần đến một Việt Nam của hiện tại để làm phong phú thêm. **LVB chú thích**

TÀU, TÂY, VIỆT CỘNG

I

Bắc thuộc ngàn năm dưới ách Tàu
Trăm năm thuộc bọn Pháp trời Âu
Cần rằng, dân Việt không rời nước
Nhịn nhục, người Nam chẳng trốn đâu
Sông-núi tuy thành nơi thuộc-địa
Con dân vẫn ở chỗ chôn nhau
Chưa ai phải trốn ra ngoài nước
Dầu bị cùm chân hoặc mất đầu.

II

Tàn ác, thằng Tây chả thắm đâu
Gian-tham, Việt Cộng vượt hơn Tàu
Xưa, yêu đất nước, Tây bầm cổ
Nay, thích tự do, Cộng bầm đầu
Dưới ách Tàu, dân ăn kém ngựa
Trong tay Cộng, trẻ đói hơn trâu
Do nơi đảng Cộng dân quần quai
Tảng ngực quê hương mấy lớp sâu.

III

Việt-Cộng từ khi chiếm đất này
Đời dân : Hạnh phúc đã xa bay
Quân nhân lết kiếp trong đày đoạ
Dân chúng lê đời giữa lầy lầy
Trẻ thiếu hạt cơm mềm để nuốt
Già không tắm áo sạch mà thay
Quê hương rơi hắt vào tắm tối
Thằng giặc Hồ kia, tội ác dày.

IV

Tài sản Miền Nam đã cướp nguyên
Giết dân, miệng Cộng vẫn tuyên truyền
Công-khai chúng thẳng tay đàn áp
Lén lút dân len bước xuống thuyền
Triệu kẻ thoát đi, nhờ vận-số
Muôn người chết đắm, thiếu cơ-duyên
Tránh xa Việt Cộng đành xa xứ
Khốn khổ bao nhiêu: nổi vượt biên!

V

Đừng nghe Việt Cộng dụ về chơi
Hãy nhớ: Thuở đi cực quá trời
Cộng bắt, Cộng giam, rồi lột bạc
Cộng lừa, Cộng rượt, đoạn sản người
Ta nay sống được, xoay ra dụ
Nó hiện ngất ngư, trở giọng mời
Đừng ai ngớ ngẩn nghe lời giặc
Ta hết tiền, dân vẫn chết thôi.

VI

Miền Nam trước chẳng đói bao giờ
Việt-Cộng vào, dân chúng xác-xơ
Lúa gạo, kho tàng: mồm Đảng nuốt
Cá tôm, vật dụng: Giặc chờ vơ
Tự-do mất cả, người rên xiết
Độc đoán đề lên, Cộng múa cờ
Chế độ toàn giam-cầm chém giết
Sát-nhân mặt lạnh, Cộng trơ trơ

Bác Sĩ TRẦN XUÂN DŨNG
(Trích Như Sóng Thần Lên)

Văn-Học Việt-Nam Trong-Ngoài

NGUYỄN VY KHANH

Khi nghiên cứu về văn học miền Nam 1954-1975 và văn học hải ngoại từ sau 1975, chúng tôi nhận xét có ít ra hai vấn đề trước sau gì rồi cũng phải được đặt ra và giải quyết thỏa đáng – theo nghĩa văn học, văn chương! Thứ nhất là mảng văn học của những nhà văn thơ trong nước từng sinh hoạt văn nghệ trước biến cố 30-4-1975 và sau 1975 đã xuất bản và cộng tác, đăng báo ở ngoài nước. Họ không được nhìn nhận hoặc không sinh hoạt ở trong nước và từ thời gọi là “đổi mới” 1987, họ đến với độc giả văn học ở ngoài nước hơn là với người đọc trong nước nơi họ đang sinh sống. Có những tác-phẩm đã hoàn thành trước 1975 và có nhiều văn thơ, bút ký mới sáng tác sau này, do các nhà xuất-bản ở ngoài như Văn Nghệ, Người Việt, Tân Thư,... ở California, Trẻ ở Texas, Tổ hợp xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ, Tiếng Quê Hương ở vùng Washington D.C. và nhất là Thư Ấn Quán ở New Jersey, Hoa-Kỳ, Quê Mẹ và Lá Bối ở Paris, Pháp. Những tác-phẩm này không thể đặt trong “khuôn” văn học miền Nam trước 1975 vì văn học sử chỉ ghi nhận tác phẩm thời nào thì thuộc về thời ấy. Cũng không thuộc về văn học chính thức của trong nước cũng như không chính xác thuộc về văn học người Việt hải

ngoại (vào thời điểm sáng tác). Chúng tôi ghi nhận các tác giả và tác phẩm này như là thành phần “văn học miền Nam nổi dài” trong biên khảo về văn học hải ngoại. Điều này có thể sẽ gây tranh luận, chúng tôi chờ đợi mọi ý kiến, phê bình về điểm này.

Vấn đề sau là biên giới trong ngoài đối với văn học hải ngoại cũng như văn học của trong nước, vì chính trị đã bị đôi bên trong ngoài vạch rõ trắng đen và hình như lần ranh vẫn còn nổi cộm!

Dù gì thì văn học ở ngoài nước sau hơn 44 năm theo thiên ý đã có công thay đổi ... cục diện chiến trường văn học, dù rằng trên báo chí và nhiều diễn đàn, có những người dù chỉ là thiểu số vẫn tiếp tục duy trì chiến tranh, phục quốc, vẫn không công nhận văn học của phía bên kia - và phía kia thì vẫn cố tình xem bên ngoài là văn học của “ngụy”, không trong luồng; nhưng chúng tôi nghĩ cả hai khuynh hướng này sẽ trở thành quá khứ với thời gian và tình thế hoặc thế hệ, dù tinh thần sẽ vẫn sống trong tâm tư và ý chí của người xa xứ cũng như trong nước. Thiên nghi, cuối cùng rồi ra chỉ có một văn học Việt của người Việt Nam.

Trong-ngoại và tác-phẩm của người trong nước

Ngay từ thập niên đầu của văn học hải ngoại đã có những tác phẩm của nhà văn thơ sống trong nước được kín đáo chuyển ra **xuất bản ở hải ngoại** và dĩ nhiên tác giả chúng phải đổi danh tánh, bút hiệu: Đi! (Paris: Lá Bối, 1982) của Hồ Khanh tức Doãn Quốc Sỹ, một số thơ của Trần Kha tức Thanh Tâm Tuyển thơ in chung trong *Tầm Mát Ngọn Sông Đào*: thơ, văn, nhạc sáng tác từ quốc nội (Lá Bối, 1981), Hoàng Hải Thủy, v.v... Trong số đó nhiều người sau này được ra đi qua các chương trình H.O và đoàn tụ gia đình. Một số trường hợp khác công khai có tác phẩm xuất-bản ở ngoài nước trước khi dời cư ra sinh sống ở hải-ngoại, như Tạ Chí Đại Trường (*Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nổi Dài* và viết chung với ngoài - Nguyễn Xuân Nghĩa, tập *Việt Nam: Nhìn Từ Bên Trong và Bên Ngoài* (Văn Lang, 1994), như Cung Tích Biển (*Thằng Bất Quỷ*, Tân Thư, Hoa Kỳ 1993),... Bùi Giáng trước khi mất (ngày 7-10-1998) đã có *Thơ Bùi Giáng* (Montréal: Việt Thường, 1990; Thế Kỳ 1994). Khoa Hữu in *Hai Mươi Bài Lục Bát* (Trình Bấy, 1994) và *Thơ Khoa Hữu*, (Văn Học, 1997). Nguyễn Hiến Lê có bộ *Hồi Kí* nhờ xuất bản ở hải ngoại (nhà Văn Nghệ) mà người đọc mới có được văn bản trọn vẹn không bị kiểm duyệt

như bản in trong nước. Ngoài ra, nhà Văn Nghệ còn xuất bản các sách khác của ông như *Khổng Tử, Tuân Tử, ...* và *Con Đường Thiên Lý* (tiểu thuyết, được xuất và tái bản nhiều lần từ 1987).

Các nhà văn của văn học miền Nam đã vậy, mà các nhà văn trưởng thành trong chế độ cộng sản, hoặc thân hay theo Cộng, cũng bí mật gởi tác-phẩm ra **in ở ngoài nước** như Dương Thu Hương, hoặc cách khác như Lê Đạt (*Từ tình Ép-Phen*, 1998), Nguyễn Huy Thiệp, Trần Quốc Vượng (*Trong Cõi*, Trăm Hoa, 1993), Nguyễn Ngọc Lan (*Nói Thẳng Nói Thật*, Nhật Ký 1990-1991, NXB Tin Paris), Hà Sĩ Phu, Đào Hiếu (*Nổi Loạn*), Tiêu Dao Bảo Cự (*Nửa Đời Nhìn Lại*, 1994), Trần Vàng Sao (*Bài Thơ Của Một Người Yêu Nước Minh*, 1994), v.v...

Vào đầu thiên niên kỷ mới, việc chuyển tác phẩm ra xuất bản ở hải ngoại bình thường hơn, có những hồi ký của Nguyễn Thụy Long (*Hồi Ký Viết Trên “Gác Bút”* 1999, *Thước Mơ Làm Văn Sĩ* 2000, *Giữa Đêm Trường* 2000, *Thân Phận Ma Trơi* 2000), Thế Phong (*Hồi Ký Ngoài Văn-Chương*), thơ Hữu Loan (*Thiên Đường Máu* do nhóm Quê Ngoại của Hà Thượng Nhân ở San Jose CA năm 1991), Văn Quang gửi bài đăng trên Internet, trở thành gây liên lạc trong ngoài và xuất-bản *Sài-gòn Cali 25 Năm Gặp Lại* 2000, *Ngã Tư Hoàng Hôn* 2001, *Soi Bóng Cuộc Tình*, các phóng sự *tiểu-thuyết Lên Đời* 2004-5, v.v..., Tạ

Duy Anh có *Đi Tìm Nhân Vật* (Tủ sách Tiếng Quê Hương), Nguyễn Viện mạnh sáng tác và in ở ngoài *Rồng và Rắn* (THXBMĐ, 2002), *Chữ Dưới Chân Tường* (Văn Mới, 2004), *Đi thú & phần còn lại ở côi chết* (Chương Văn, 2015), *Ma & Người* (Tiếng Quê Hương, 2018), *Trong hàng rào kẽm gai, tôi thờ* (NXB Nhân Ảnh, 2018), Bùi Ngọc Tấn, Nguyễn Bình Phương (*Xe Lên Xe Xuống* - NXB Diễn Đàn Thế Kỷ, 2011), v.v... Ngoài ra, Cung Tích Biển trước khi sang định cư tại Hoa Kỳ đã cộng tác đăng tác phẩm như *Mùa Hạ* [tiểu thuyết đăng từng kỳ - 194 số nhật báo *Người Việt* năm 2012] và tập 20 tản truyện *Xứ Động Vật* đăng trên tạp chí liên mạng Da Màu Văn chương Không Biên giới năm 2008, và đã xuất bản *Đành Lòng Sống Trong Phòng Đợi Của Lịch Sử* (2015, tái bản 2018).

Thư Ấn Quán của nhà văn Trần Hoài Thư từ năm 2000 xuất bản theo hình thức book-on-demand, đã in nhiều tuyển tập, xuất và tái-bản các tác-phẩm của nhà văn thơ miền Nam nhất là giới trẻ thời cuối thập niên 1960 và đầu 1970 trong đó có người đã quá cố. Xin ghi nhận vài tên tuổi sống ở trong nước: Từ Thế Mộng, Trần Dạ Lý, Lê Văn Thiện, Linh Phương, Nguyễn Bắc Sơn, Hoài Khanh, Hạc Thành Hoa, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Vũ Hữu Định, Nguyễn Minh (*Tường Chứng Đã Quên*, 2005), Nguyễn Lệ Uyên (*Sông Chảy Về Núi*, 2003, *Mưa Trên Sông ĐaKbla* 2003, *Trang Sách và Những Giấc Mơ Bay*, 3

tập; v.v...), Khuất Đầu (truyện dài *Những Tháng Năm Cuồng Nộ*, tập truyện *Người Giữ Nhà Thờ Họ*, v.v...), Khoa Hữu (*Nửa Khuôn Mặt*, thơ), Phạm Ngọc Lư (*Đan Tâm* 2004; *Mây Nổi* 2007), Mang Viên Long (*Biển Của Hai Người*), v.v...

Bên cạnh đó là hiện tượng xuất bản tác phẩm của các tác giả trong nước hoặc những tiếng nói phản kháng, như Phùng Cung (*Truyện và thơ chưa hề xuất bản*, Văn Nghệ, 2003; Montreal: Trung tâm Dân chủ cho Việt Nam, 2004), Tạ Phong Tần (*Tuyển Tập*), Người Buôn Gió (*Đại Vệ Chí Dị*), Trần Đình (*Đèn Cù*, 2014),... Những người chống đối chế độ Hà Nội khi ra tị nạn ở ngoài nước cũng có tác phẩm xuất bản như Bùi Tín (*Mặt Thật*, *Hoa Xuyên Tuyết*,...), Vũ Thư Hiên, Nguyễn Chí Thiện, Dương Thu Hương, Trần Khải Thanh Thủy (*Chết Ngoài Kế Hoạch*, 2013),...

Ngoài ra, một, hai thập niên gần đây, khối người làm văn học ở hải ngoại có thêm thành phần từ trong nước ra định cư sống ở hải ngoại (do bảo lãnh, di trú) nhưng có người tiếp tục viết báo và xuất bản cho khối độc giả trong nước như Lý Lan, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Mạc Can (*Tám Ván Phóng Dao*, NXB Trẻ TX), ...

Ngược lại, có những tác giả hải ngoại **xuất bản sách ở trong nước** (do họ chủ động - vì không kể những trường hợp xuất và tái bản không chắc có sự thỏa

thuận với tác giả) như Nguyễn Mộng Giác (*Sông Côn Mùa Lũ*), Nam Dao, Nguyễn Ước, Nguyễn Đức Tùng, Yên-Tử cư-sĩ Trần Đại Sỹ (*Nam Quốc Sơn Hà* 2003, *Anh Hùng Tiếu Sơn* - NXB Trẻ 2003, *Anh Hùng Đông A Dựng Cờ Bình Mông* 2004), Phạm Ngọc (*Mùa Khát Vọng* - NXB Đà Nẵng, 2004), Cổ Ngư (*Đêm Nghi Ngại* - Hội Nhà Văn, 2005), Đỗ Kh. (*Kí Sự Di Tây* - Văn Hóa Thông Tin tb, 1990), Trần Kiêm Đoàn (*Tu Bụi* xuất bản cùng năm 2006 ở ngoài, nhà Titan, và ở trong, NXB Thuận Hóa & Phương Nam), Hoàng Khởi Phong (*Người Trăm Năm Cũ* - NXB Hà Thế & Hội Nhà Văn tb 2009), Phan Xuân Sinh (*Khi Tình Đang Ru Đời* - NXB Văn Nghệ TpHCM, 2007), Đặng Tiến (*Thơ: thi pháp và chân dung* - NXB Phụ nữ, 2009), Cao Huy Thuần (*Tồn giáo và xã hội hiện đại* - Thuận Hóa/Phương Nam, 2006; *Nắng và Hoa* - Văn Hóa Sài Gòn, 2006, v.v...), Phan Huy Đường (*Tự do* - NXB Đà Nẵng, 2006), Du Tử Lê (các tập thơ *Thơ Tình Du Tử Lê* - NXB Văn Nghệ TpHCM, 2005; *Giỏ Hoa Thời Mới Lớn* - LiênViệtBooks, 2014, và mới đây 2018, 2 tập thơ *Khúc Thụy Du* - Phanbook & NXB Hội Nhà Văn, *Trên ngọn Tình sầu và tiểu thuyết Với nhau, Một ngày nào* - NXB Hội Nhà Văn và Saigonbooks),... Mới nhất là Trần Vũ được Nhã Nam và Hội Nhà Văn Hà-nội xuất bản tập truyện ngắn *Phép Tính Của Một Nho Sĩ* (2019). Phạm Văn Ký nhà văn Pháp thoai cuối đời xuất bản tập thơ

Đường Về Nước (NXB Hội Nhà Văn, 1993),... Thật khác với các nhà văn Cuba lưu vong hình như không xuất bản ở nước cũ do cộng sản cai trị vì đó là lý do khiến họ phải ra đi - một lưu vong có thể xem là đúng nghĩa nhất!

Hoặc những nhà văn **xuất thân từ miền Bắc** sang Đông Âu hoặc từng đi lao-động và tị nạn hay du học sinh nay xuất bản trong nước: Nguyễn Văn Thọ (in thơ *Mảnh Vỡ, Cửa Sổ, Bên Kia Trái Đất*, tập truyện *Gió Lạnh, Vàng Xưa* (2004), giải thưởng của báo Văn Nghệ, hội Nhà văn và báo Văn nghệ Quân đội, tập tùy bút *Đào Ở Xứ Người* (2005), tiểu thuyết *Quyển* (NXB Hội Nhà Văn, 2009),... Lê Minh Hà sau khi đã thành công với độc giả Việt Nam ở hải ngoại, xuất-bản các tập truyện *Gió Từ Thời Khuất Mặt và Những Giọt Trầm và Thương Thế Ngày Xưa* (NXB Văn Hóa, 2005) và đến nay 2019, hơn 10 tập khác; Phạm Hải Anh, giải thưởng của Hội Nhà văn Việt Nam 2003 với *Đi Hết Đường Mưa* (NXB Hội Nhà Văn 2002) sau *Huyết Đảng* 2001 in ở Cali và *Tìm Trăng Đầy Nước*, 2003 đều do nhà Văn Mới CA - hai nhà văn nữ này in chung tập truyện *Sâm Cầm* (NXB Phụ Nữ 2004), Thế Dũng với tập thơ *Hoa Hồng Nở Muộn* (1992) rồi tiểu thuyết *Hộ Chiếu Buồn* (từng in thơ ở Hoa-Kỳ, Từ Tâm 1977), Lê Xuân Quang (3 tập *Những Mảnh đời Phiêu bạt*, 2002-2011), v.v. Thuận sống ở Pháp, sau khi in *Made in Vietnam* - Văn Mới,

2003 ở ngoài, xuất bản trong nước từ 2005 các *Paris 11 tháng 8, China Town/Phố Tàu, T. Mất Tích, Thang Máy Sài Gòn*,... Hoặc sinh viên rồi ở lại ngoài nước làm giáo sư, nghiên cứu và in sách như Đoàn Cẩm Thi,... Những người này có thuộc về văn học hải ngoại không? Câu trả lời dễ cho thời trước, nhưng dần dà sẽ khó vì nay họ đã trở về hoặc sinh hoạt văn hóa, xuất bản với trong nước. Cũng cần ghi nhận trong nước đang chỉ ... chính thức nhắc tên những người xuất thân từ miền Bắc, như một luận án tiến sĩ gần đây, 2016 “Tư Duy Nghệ Thuật Trong Tiểu Thuyết của một số Nhà Văn Nữ Hải Ngoại Đương Đại” - tựa thì vậy nhưng cũng chỉ phiếm diện thu hẹp trong 12 cuốn của 4 bà nhà văn “của họ”(!): “Thuận, Đoàn Minh Phượng, Lê Ngọc Mai, Lê Minh Hà... nổi bật lên như một hiện tượng, chứa đựng nhiều đổi mới quan trọng trong tư duy nghệ thuật. Cùng với các nhà văn nữ trong nước, những nhà văn nữ kể trên đã thể hiện một cuộc “tự vượt” của giới nữ để vịnh dự đứng trong hàng ngũ những người đại diện cho khuynh hướng cách tân thể loại...”(!).

Ở đây, chúng tôi ghi nhận sự việc có những tác giả **xuất bản tác phẩm của mình ở trong nước**, chúng tôi ghi nhận để có cái nhìn đầy đủ hơn. Vì thiển nghĩ văn-học hải-ngoại gồm những nhà văn sinh sống thật sự ở ngoài nước hoặc hiếm hoi người trong nước thuộc dòng văn học miền

Nam trước 1975, mà tác-phẩm của họ vì lý do chính trị hoặc văn học như Nguyễn Hiến Lê, Cung Giũ Nguyên, Cung Tích Biển, v.v... đã gởi xuất bản ở ngoài nước, hoặc đã xuất bản trước khi ra định cư ở hải-ngoại.

Như vậy, **biên-giới văn-học trong-ngoại** hiện có còn không? Một số dùng phương tiện hoặc bằng hiệu nhà xuất bản trong nước để in “tác-phẩm” đem/gửi từ ngoài về, số khác có liên hệ, như Nam Dao (*Trăng Thuê Áo Ảnh* - NXB Lao Động và TT Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây 2008; *Trăng Nguyên Sơ, Đất Trời*), Mai Ninh (*Áo Đàng* - Hội Nhà Văn Hà Nội, 2003 rồi *Cá Voi Trầm Sát* - NXB Trẻ, 2004). Hai cây viết “du học” trước 1975 này đi theo khuynh hướng thời thượng ngoài-in-trong của nhiều nhà văn đi trước. Rồi những di dân Kiệt Tấn với *Em điên xoa tóc* (NXB Văn hóa Sài Gòn, 2009), *Người em xóm học* (NXB Thời đại, 2011), *Lớp lớp phù sa* (NXB Văn hóa Văn nghệ, 2012), *Đêm cỏ Tuyết* (NXB Hội Nhà Văn, 2014) và *Vườn chanh miệt biển* (Công ty Thiện Tri Thức và NXB Đà Nẵng, 2018); ... Những bước đi thử trước đó đã có như dự án của Khánh Trường chủ biên tạp chí *Hợp Lưu* thời 1990, dự án ‘chết non’ - ngược lại, cũng vì cái “kỷ luật” đó mà nhóm Montréal thân trong nước thời đó đã ra tuyển tập *Việt Kiều Với Quê Hương: Thơ Văn Người Việt Nam Ở Nước Ngoài, 1975-*

1990 (Nguyễn Phúc biên tập; NXB TpHCM, 1990). Sau đó thì đã có nhiều tuyển tập nhiều cây viết trong ngoài đáng kể có tuyển tập 26 *Nhà Thơ Việt Nam Đương Đại* (Tân Thư, 2002) in ở ngoài và nhất là khuynh hướng thời thượng dịch thuật đáp ứng nhu cầu “tò mò” (voyeurisme) chính trị hơn là văn chương của vài tác giả trong nước và lâu lâu xen kẽ vài cây viết hải ngoại hoặc miền Nam tự do như các tuyển dịch của Phan Huy Đường, của Đoàn Cẩm Thi, hoặc tập truyện ngắn *The Other Side of Heaven* (1995) hợp lưu 3 phía CS-VNCH và Hoa-Kỳ do Wayne Karlin, Trương Vũ và Lê Minh Khuê biên tập, cùng tinh thần biên tập của Nguyễn Quý Đức (*Once Upon A Dream - The Vietnamese-American Experience* (1995) viết bằng Anh ngữ của các cây viết trẻ như Andrew Lâm, Trần Đề, Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Đại Hải. Ở Pháp, Lê Hữu Khóa làm tuyển tập *La Part d'exil* (Univ. Provence, 1995),...! Các nhà văn ở ngoài cũng có mặt trong một số tuyển tập xuất-bản trong nước như các *Tuyển Tập Văn Mới* (2005-), *Truyện ngắn 12 tác giả* (Thanh Niên, 2011), v.v... Nhu cầu thường thức văn học nghệ thuật chân chính chắc chắn không có biên giới trong ngoài, nếu có là do chính trị bày trò, kiểm soát.

Tương cũng cần ghi nhận là Internet và toàn cầu hóa đã đưa người viết và người đọc đến gần nhau hơn, trực tiếp hơn, và đồng

thời tạo cơ hội cho các “tác phẩm” khó khăn xuất bản ở một nơi có thể ra mắt ở nơi khác - như trang Talawas (cuối cùng đã ngưng hoạt động) và damau.org với mục Trên Kệ Sách <http://kesach.org> “xuất bản” dưới hình thức ebook từ các tác phẩm đã hoặc sẽ xuất bản, bên cạnh chương trình “Cho & Nhận” với mục đích “hỗ trợ các tác giả trong và ngoài nước gặp khó khăn trong việc ấn hành và phổ biến tác phẩm văn học của mình. “Khó khăn” bao gồm những trở ngại tài chánh, kiểm duyệt văn hóa/chính trị, và rào cản địa lý”. Cũng từ đó sinh ra các hiện-tượng Đỗ Hoàng Diệu, Vi Thùy Linh, thơ Tân Hình-Thức, nhóm Mờ Miệng và nhóm Ngựa Trời, v.v... Các ấn phẩm bị thu hồi, cấm lưu hành ở trong nước cũng có thể “ra mắt” “đến tay” người đọc trong và ngoài nước qua phương tiện Internet như tập truyện *Tột Đỉnh Tình Yêu* (2008) của Nguyễn Thúy Ái, các tác phẩm của Nguyễn Viện do NXB Giấy Vụn xuất và tái bản hoặc do các NXB hải ngoại, v.v... Tại Sài-Gòn, nhóm Mờ Miệng đã xuất-bản *Khoan Cắt Bê Tông*, một tuyển tập thơ, dưới tên nhà xuất bản Giấy Vụn, in 100 bản với lời chú “In xong & nộp bản lưu cho các tác giả 9-2005”, với sự góp mặt của 23 tác giả trong và ngoài nước, nhưng xuất bản “ngoài luồng, trong khi sau đó, tháng 11-2009, có sự việc tuyển tập phỏng vấn được gọi là “chuyên luận” *Thơ Đến Từ Đâu* của Nguyễn Đức Tùng được NXB Lao Động ở trong nước ấn hành thì được,

nhưng đến giữa năm 2013, Đỗ Thị Thoan tức Nhã Thuyên, trình một luận văn Thạc sĩ ở Hà Nội về Nhóm Mở Miệng thì lại trở thành scandal và người nghiên cứu lẫn giáo-sư bảo trợ - cả hai đều là phụ nữ, đều bị ... trừng phạt bởi lực lượng “bảo thủ” vẫn tiếp tục canh gác! Hai trường hợp này, vì quan điểm chính trị hay ô dù?

Trong nước, nói đến sinh hoạt văn học là luôn luôn và vẫn phải phân biệt, nào là “chính thống”, “ngoài luồng”, “trong luồng”,... Trong số các nhà văn thơ xuất bản ở hải ngoại đã có một số nhỏ được trong nước giới thiệu, nhắc nhở như là những nhà văn của “dòng chảy trầm của văn học xa xứ” như Thuận, Nguyễn Văn Thọ, Du Tử Lê,... - cũng có nghĩa là “hải ngoại”. Cụm từ “hải ngoại” trong nước thường dùng như ngôn ngữ tuyên truyền, dùng để “hòa mù” như gọi là “cộng đồng”, “hội” Việt Nam để tung hô những quấy hàng ở rải rác vài lẻ hội nơi hẻo lánh như Yukon Canada hoặc những nhóm họp của người đi từ miền Bắc, ... *Tờ Thế Thao & Văn Hóa* ngày 3-10-2003 đăng nhận xét của một số nhà nghiên cứu về dòng “văn học lưu vong” theo đó được biết các tác phẩm văn học hải ngoại được in trong nước phần lớn đều được “tuyển chọn trên cơ sở ‘tự tình dân tộc’”! “Tự tình” là chi và “dân tộc” nào đây? Dù lấy “tiêu chí” này nhưng đã có những cái nhìn bắt đầu mở ra dù chưa trọn và thật sự! Trong nước hô hào “dân tộc” như bình phong

thời nhằm chiếm miền Nam, nhưng không dám nhìn nhận là “dân tộc” những người Việt hải ngoại và tác phẩm của họ, trong khi chính các tác giả hải ngoại đã có công duy trì ngôn ngữ và văn hóa truyền thống Việt! Dù gì đi nữa thì thời điểm hiện nay - thời toàn cầu hóa, thời văn hóa số, liên mạng, ... đã khiến biên giới trong ngoài thu hẹp lại rất nhiều. Đọc tác phẩm xuất bản, cả bản thảo, tham khảo tác phẩm và bài viết trong ngoài, trong sử dụng tài liệu ngoài (ngược lại thì hiếm hơn!) để làm luận văn, biên khảo, nghiên cứu,... về văn học hải ngoại và văn học miền Nam trước 1975 cũng như các giai đoạn văn học trước đó nữa! Đến độ khiến một số người bảo thủ hoặc sống trong ảo tưởng “chiến thắng”, “đỉnh cao trí tuệ”, “chính thống” ... phải trở ... mình và lên tiếng, hằn học, “cảnh giác”, v.v...

Và thời đại mới phương tiện xuất bản cũng cập nhật với hệ thống bán sách giấy và số hóa qua một số công ty quốc tế như amazon.com, ... Với cách xuất-bản này thì biên giới trong ngoài của văn học Việt Nam đã dần biến dạng và có thể hết còn biên giới dù con người (“chống đến cùng”, “canh gác”) và chế độ (“đỉnh cao”, “ưu việt”) có không muốn đi nữa! Trên amazon.com, lulu.com, barnes&noble, ..., độc giả người Việt ở bất cứ đâu (và người ở các nước muốn nghiên cứu, học tập) có thể mua tuyển tập tùy bút và phê-bình của Ban Mai *Biết Đâu Nguồn Cội* (Chương Văn, 2015), hay *Bên Thắng Cuộc* (Người Việt,

2012) của Huy Đức, *Đèn Cù* của Trần Đình, hay của Cung Tích Biển *Đành Lòng Sống Trong Phòng Đợi của Lịch Sử* (“phòng vấn do Lý Đợi, Đặng Thơ Thơ, Mặc Lâm thực hiện”, 2015), của Inrasara *Văn Chương Tan Rã* (Lotus Media, 2019), cũng như *Thơ Việt Đầu Thế Kỷ 21* (Nhân Ảnh, 2018), bộ *44 Năm Văn Học Việt Nam Hải Ngoại* (Mở Nguồn, 2019), hay các tạp chí *Ngôn Ngữ*, *Văn Học Mới*,... - tức là sách báo của các nhà văn hải ngoại và trong nước nói chung. Người Việt Books, Lotus Media, Nhân Ảnh, ... ở California là những nhà xuất bản khá năng động của thời xuất bản book-on-demand “hậu hiện đại” này!

Thế hệ này qua đi, thế hệ khác tiếp nối, nhưng với cộng đồng người Việt hải ngoại thì sự tiếp nối có những điều kiện hữu hình và vô hình ràng buộc và khó khăn hơn, đó là văn hóa cội nguồn. Luật tuần hoàn vẫn khiến có những nhân tố có thể gây hồi sinh, nhập dòng trong ngoài, có người trở về quê hương sinh sống cuối đời thì cũng có kẻ tìm đủ cách để ra đi! Chân dung cộng đồng người Việt hải ngoại hiện nay đã khác nhiều so với những thập niên đầu tị nạn Cộng sản.

So với các ngành khoa học nhân văn khác luôn có mục đích, văn học có sứ mệnh đặc thù tiên thiên và cho mỗi thời đại; sứ mệnh tự tại mang tính căn nguyên trước khi con người xã hội, chính trị can thiệp. Nhà

văn Việt Nam trong ngoài thật ra đều là *nạn nhân* của văn học chiến tranh và một thứ văn học bị chính trị chi phối, điều khiển; chỉ có người thật lòng hoặc can đảm mới thành công đưa tác phẩm mình ra ngoài vòng cương tỏa của cái nhìn chung. Nhà văn phải viết với tấm lòng và có tinh thần, mục đích sáng tạo. Do đó với thời gian, tình cảm nạn nhân đó rõ hơn, rồi sẽ dễ cảm thông nhau. *Con người* phải được đề cao là con người thực thể, toàn diện - chứ không phải là trừu tượng kiểu truyền thống dân tộc (!), công nông đập tượng những “anh hùng siêu thực” hoặc “phải là”! Đến nay, dù bớt cường độ và số lượng, nhưng chính trị, chiến tranh vẫn tiếp tục trên diễn đàn văn chương. Cuộc chiến xong một cách chính thức năm 1975 vẫn chưa giải quyết hết mọi vấn đề. Đau thương, mất mát, vết hằn đã in sâu, gây mất mát, chia rẽ, những người làm văn nghệ vẫn sống cái chiến tranh đó. Mà chính trị trong nước cũng đã chẳng có gì tốt đẹp hơn dù đã đánh bóng, nói ngược tưởng sẽ giữ được về “hào nhoáng”!

Nay hoàn cảnh mới cho phép nhà văn nhìn và viết khác, nếu muốn, với những dữ kiện, sự thực lịch sử mới, rõ hơn, thì cái lòng yêu nước này cần được tiếp tục để tính cách “dân tộc”, “Việt” ngày càng rõ dấu trong văn học. Chính trị, ý thức hệ chỉ là giai đoạn, văn hóa dân tộc và văn học Việt mới thật sự lâu dài!

Nguyễn Vy Khanh

A Lover

*If I could catch the green lantern of the firefly
I could see to write you a letter.*

Amy Lowell (1917)

Người Tình

Giá như gom đủ một khoang đèn
Đom đóm mơ hồ dĩ vãng xanh
Soi sáng linh hồn anh thuở trẻ
Nét bút liêu xiêu một chữ Tình

Mạng Tan

Bom bi còn sót bao sinh mạng
Tình nguyện thu gom giúp bạn tù
Một trái đổi trao khoai đủ bữa
Sai lầm giây phút giấc nghìn thu!

Cải tạo trẻ, triển niên nghe bụng đói
Đành quên mình lực lợi kiếm bom bi
Tiếng vang nổ khép đôi mi
Cuối năm mưa trút, gió vi vu buồn

Buổi sáng sớm mưa phùn, bùn ngập
Bạn bè vuốt mắt lặng lẽ gánh ra gò
Mây xám ngang đầu, lâu lâu trăng sấm sét
Chiều cuộn tròn trốn rét cuối mùa đông
Thôi là hết những chờ mong cháy bỏng:
Cân đường tán, bánh thuốc lao
Mắm ruốc ba rọi xào, nộm xả ớt... lững một gò
Thăm nuôi tấp nập ra vô ngóng chờ:
mái tóc thế, hàm răng khểnh,
bước nhanh nhanh.
Than ôi, nước mắt vòng quanh.
Mộng tàn!

Lộc Bắc
Fev 2020

Made in Vietnam

Võ Hoài Nam

Lẽ ra bữa nay bác sĩ Lê không nghỉ trong tuần của ông. Nhưng hôm qua, trong điện thoại, nghe giọng cầu khẩn của người bệnh ông không nỡ từ chối. Người đó – ông đoán là một cô gái còn trẻ – nói chuyện với ông bằng tiếng Mỹ. Cô ta hỏi ông nhiều lần “Có phải ông là bác sĩ Lee không?”

Tên ông là Lê. Cái tên Việt Nam đó ở xứ Mỹ này người ta viết là “Lee”, nên ông được gọi là “ông Lee” (Li). Ông ôn tồn trả lời nhiều lần :

- Thưa cô, phải. Tôi là bác sĩ Lee đây.

- Phải bác sĩ Lee chuyên về châm cứu và bắt mạch hốt thuốc theo kiểu Á đông không?

- Thưa cô phải.

- Có phải phòng mạch của bác sĩ ở đường Green Garden không?

Bác sĩ Lê, đã ngoài sáu mươi tuổi, tánh rất điềm đạm, vậy mà cũng bắt đầu nghe bực ! Tuy nhiên, ông vẫn ôn tồn :

- Thưa cô phải. Xin cô cho biết cô cần gì?

Giọng cô gái như reo lên :

- Vậy là đúng rồi ! Con Cathy bị bệnh suyễn nói bác sĩ chữa bệnh hay lắm. Cả nhà nó, kể luôn ba

má ông bà nó đều đi bác sĩ hết.

Đến đây thì ông bác sĩ già đó không kềm được nữa, ông xằng giọng :

- Cám ơn cô. Bây giờ xin dứt khoát cho tôi biết coi cô muốn cái gì?

Giọng bên kia đầu dây như lắng xuống.

- Tôi xin lỗi bác sĩ. Xin lỗi. Tôi muốn xin bác sĩ cái hẹn cho ngày mai. Tôi bệnh...

- Mai là ngày nghỉ trong tuần, phòng mạch không có mở cửa. Ngày khác vậy.

- Ngày mai cũng là ngày nghỉ của tôi nữa, bác sĩ à.

- Cô đã bệnh thì cứ xin nghỉ để đi bác sĩ, ngày nào lại không được !

Một chút im lặng ở đầu dây bên kia rồi giọng người con gái bỗng nghe thật buồn :

- Họ đâu có cho nghỉ, bác sĩ. Họ nạt vô mặt : “Mấy muốn nghỉ thì mấy nghỉ luôn đi. Thiếu gì đứa muốn vào làm chỗ của mày. Mày biết không?”

Giọng nói như nghẹn ngang ở đó, rồi tiếp :

- Không có việc làm là chết, bác sĩ à...

Ông bác sĩ già làm thình, suy nghĩ. Đầu dây bên kia, cô gái van lơn :

- Xin bác sĩ thông cảm. Tôi sợ bệnh nặng hơn, không đi làm nổi nữa là mất việc. Xin bác sĩ thông cảm. Xin thông cảm

- Ờ thôi, để tôi ráng giúp cô. Sáng mai, chín giờ. Phòng mạch của tôi ở số...

- Cám ơn bác sĩ. Cám ơn ! Con Cathy có chỉ phòng mạch của bác sĩ rồi.- Xin lỗi. Cô tên gì?

- Kim. K, I, M.

Bác sĩ Lê vừa ghi vào sổ hẹn vừa nghĩ :” Tội nghiệp ! Chắc lại đi làm lậu nên mới bị người ta hăm he như vậy. Theo cách phát âm thì cô này có vẻ là người Á đông. Tên Kim chắc là Đại Hàn. Để mình phải phone lại cô Cathy hỏi cho chắc ý kèo gấp thứ lưu manh thừa dịp ngày nghỉ không có cô phụ tá, nó ‘su’ mình thì khổ ! “

Đúng chín giờ, chuông cửa phòng mạch reo. Ông bác sĩ già bước ra mở cửa. Đứng trước mặt ông là một cô gái Á đông còn trẻ, ăn mặc theo kiểu “punk” : quần áo có tua có tui, tóc dựng đứng hỗn loạn như con gà xước, đeo nhiều vòng sên bằng bạc to như dây lò tít, dây cổ dây hai cườm tay, mang cái xắc đồ cũng có tua có tui. Bác sĩ Lê, quá đỗi ngạc nhiên, chưa kịp hỏi gì, thì cô gái nói bằng tiếng Mỹ rất lưu loát :

- Chào bác sĩ. Tôi là Kim, bệnh nhân đã gọi điện thoại cho ông hôm qua. Tôi có làm cho bác sĩ

chờ không?

Bác sĩ Lê chưa hết ngạc nhiên, trả lời một cách máy móc :” Không ! Không !”. Rồi ông bước tránh qua một bên :” Mời cô !”

Vào phòng mạch, ông đưa cho cô cái áo blouse trắng ngắn tay :

- Cô đến phía sau bình phong bỏ hết quần áo chỉ mặc quần lót thôi, rồi khoác ngược áo

blouse này, lưng áo nằm về phía trước.

Trong lúc cô gái loay hoay làm theo lời dặn, ông bác sĩ già gọi phone về nhà, nói bằng tiếng Việt:

- Bệnh nhân của anh tới rồi, đang thay đồ. Chắc một giờ nữa là xong. Em đợi anh về rồi mình đi chợ.

Cô gái bỗng ló đầu ra khỏi bình phong mỉm cười nhìn ông, gương mặt thật rạng rỡ, định nói gì nhưng rồi không nói, thụt đầu vào tiếp tục cởi quần áo.

Một lúc sau cô ta bước ra, mặt ngời lên sung sướng, nói bằng tiếng Việt, giọng như reo lên :

- Bác sĩ là người Việt Nam mà con cứ tưởng là người Tàu ! Tên “Lee” nghe Tàu trần !

- Ủa ! Vậy mà tôi cứ nghĩ cô là người Đại Hàn chứ !

Rồi cả hai cùng cười, cái cười rất sảng khoái. Tình đồng hương trên đất khách bỗng thấy thật ấm, thật đầy... Ông bác sĩ già

nhìn cô bệnh nhân trẻ mặc áo blouse trắng đứng trước mặt ông mà không còn thấy cô gái “punk” hời hợt nữa !

Ông đưa cho cô cái đĩa, rồi vừa chỉ cái giường cao vừa nói :

- Cô cởi hết đồ nữ trang để vào đây, rồi lên nằm trên này để tôi chẩn mạch.

Cô gái làm theo như cái máy.

Phòng mạch được trang trí rất đơn sơ, nhưng thật yên tĩnh. Trong không khí có mùi thơm dịu dịu của moxa (ngải cứu, đốt lên để hơ huyết). Cái giường khám bệnh cao ngang tầm tay của bác sĩ. Ở một đầu giường có gắn thêm một vòng bằng da để chịu cái đầu của bệnh nhân, và khi bệnh nhân nằm sắp để châm cứu trên lưng thì mặt người bệnh nằm trọn trong vòng da. Như vậy, người bệnh không cảm thấy khó chịu nhờ khoảng trống ở giữa vòng da giúp người bệnh vẫn thở đều đặn và mắt được nhìn thoải mái xuống sàn nhà.

Bác sĩ đặt hai bàn tay lên cánh tay trần của cô gái, ôn tồn hỏi :

- Cô bệnh làm sao ? Nói tôi nghe.

- Con ngủ không được, đêm nào cũng trằn trọc tới khuya. Hay bị chóng mặt. Đang đứng làm việc, tự nhiên muốn sụm xuống làm sợ toát mồ hôi. Con lo quá, bác sĩ. Mất việc làm chắc con chết quá, bác sĩ !

Ông Lê bóp nhẹ cánh tay bệnh nhân.

- Cô yên tâm. Có tôi đây. Mà cô có uống rượu không?

- Không. Dạ thưa không.

- Cô có hút thuốc không?

- Dạ thưa có. Hút cũng nhiều...

- Cô có xì ke ma túy gì không ? Nói thiệt tôi nghe.

- Mấy thứ đó con không dám rờ. Hồi ở bên nhà thằng anh con chết vì ba cái thứ ôn dịch đó, bác sĩ à. Vì vậy, con sợ lắm !

- Cô le lưỡi tôi coi.

- Ừm. Được rồi. Bây giờ cô nằm yên, để hai tay xuôi theo thân mình, nhắm mắt, thở đều đặn.

Ông bác sĩ già đứng cạnh giường đặt mấy đầu ngón tay lên cườm tay cô gái, chăm chú bắt mạch. Một lúc sau, ông bước vòng qua phía đối diện bắt mạch tay bên kia. Bộ mạch nói lên một sự rối loạn tâm thần. Cô gái này chắc chứa quá nhiều ẩn ức nên sanh bệnh. Ông nhìn cô gái đang nhắm mắt thở đều : gương mặt Việt Nam đó, bỏ đi món tóc “punk”, vẫn toát ra nét nhu mì dễ thương. Ông cảm thấy tội nghiệp cô bệnh nhân trẻ này và thắc mắc không biết hoàn cảnh nào đã đưa đẩy cô ta trôi qua xứ Mỹ để có một cuộc sống mà ông đoán là thật bấp bênh, qua cuộc nói chuyện trong điện thoại. Ông nói :

- Bây giờ, cô nằm sắp xuống để tôi châm trên lưng.

Cô gái mở choàng mắt nhìn ông, mỉm cười, một nụ cười đầy tin

tường. Ông bác sĩ nói tiếp :

- Cô đừng sợ. Châm không có đau. Còn nhẹ hơn kiến cắn nữa.

Cô gái trở mình nằm sấp, hai vạt áo blouse rớt xuống hai bên, bày ra cái lưng thon thon với nước da ngà ngà. Theo thói quen, trước khi châm, bác sĩ vuốt lưng bệnh nhân vài lần để bệnh nhân đỡ bị stress. Lần này, khi vuốt xuống thắt lưng, ông để ý thấy dưới làn vải mỏng của quần lót có một vết bấm nằm vắt ngang phía trên của mông. Ngạc nhiên, ông hỏi :

- Cô bị ai đánh hay sao mà bấm vậy ?

Cô gái cười khúc khích :

- Bác sĩ coi đi !

Ông già kéo quần lót xuống một chút, thì ra không phải vết bấm mà là hàng chữ xăm màu chàm : Made In VietNam ! Ông bật cười, vừa kéo quần lót lên vừa nói :

- Cha...Bạo quá há !

Cô gái hơi rút cổ cười khúc khích vài tiếng nữa rồi im. Chắc cô đang sống lại với một vài kỷ niệm nào đó. Ông bác sĩ già áp hai lòng bàn tay lên lưng bệnh nhân, nhưng bây giờ sao ông không còn thấy cười được nữa. Hàng chữ "Made In VietNam" nhắc cho ông rằng con người nằm đây là sản phẩm của quê hương ông, cái quê hương đã mấy chục năm xa cách, cái quê hương mà ở đó ông không còn ai để nhớ, nhưng ông còn quá nhiều thứ để nhớ.

Những thứ cũng mang dấu ấn "Made In VietNam", từ con trâu cái cày, từ mảnh ruộng vườn rau, từ hàng cau rặng dừa, từ con đường đất đỏ đến con rạch nhỏ uốn khúc quanh quanh... Chao ơi ! Bỗng nhiên sao mà nhớ thắc thào đến muốn trào nước mắt...

Ông bác sĩ vuốt lưng cô bệnh nhân thật chậm để cho niềm xúc động lắng xuống tan đi. Ông có cảm tưởng như ông đang sờ lại được quê hương, có chỗ cao chỗ thấp, có phù sa đất mịn... Tự nhiên, ông muốn nói lên một tiếng "cám ơn". Ông muốn cảm ơn cô bệnh nhân đã mang quê hương đến với ông bằng hàng chữ nhỏ xăm trên bờ mông, chỉ vồn vện có một hàng chữ nhỏ. Và ông cũng muốn nói với cô, nói một cách thật tình, không văn chương bóng bẩy, nói như ông nói cho chính ông, vồn vện chỉ có một câu thôi : "Tôi cũng made in VietNam đây !". Nhưng rồi ông làm thinh tiếp tục vuốt lưng người bệnh. Ông biết rằng cô gái không thể nào hiểu được ông, một bác sĩ già vừa quá sáu mươi, đã gần nửa tuổi đời lưu vong trên xứ Mỹ, có đầy đủ tiền tài danh vọng mà cũng xăm hàng chữ "Made In VietNam", xăm ở trong lòng...

Bác sĩ im lặng dò huyết mạch kim. Bỗng cô bệnh nhân nói, giọng buồn buồn, làm như cô vừa xem lại hết một đoạn phim đời nào đó :

- Thằng bố của con xăm cho con để làm kỷ niệm hồi tụi này còn ở

Louisiana. Ảnh là thợ xăm...

- Ủa ! Rồi sao bây giờ cô ở đây ?

- Con theo ba má con dọn về Cali, ông bà nói ở Cali bạn bè nhiều làm ăn dễ.

- Ở...người Việt mình thích ở miền nam Cali lắm.

Ngừng một chút bác sĩ lại nói, trong lúc hai tay vẫn tiếp tục châm kim :

- Ở Cali khí hậu tốt hơn nhiều tiểu bang khác. Mà...ba má cô làm gì ?

Cô gái làm thinh một lúc mới trả lời, giọng ngang ngang :

- Qua đây rồi ông bà đá dít nhau. Bà lấy thằng Mễ chủ pressing , còn ông thì chó dất ông ôm được một bà Mỹ goá chồng có tài sản.

- Vậy rồi cô ở với ai ?

- Với ba con. Bà Mỹ cho con đi học college, ba con lái xe đưa rước.

- Vậy mà sao hôm qua, trong phone, cô nói cô đi làm ?

Giọng cô gái như nghẹn lại :

- Khổ lắm bác sĩ.

Cô ngừng một chút để nén xúc động rồi nói tiếp :

- Ba con ý có bà Mỹ nuôi, không chịu đi làm. Tối ngày cứ đi nhậu với bạn bè, rồi nay đổi xe, mai đổi xe... Con nói ông, chẳng những ông không nghe mà còn chửi con: "Tiền Tổ mày ! Tao đem mày qua

đâyặng mày dạy đời tao hả !"

Lại ngừng một chút nữa, cô nói như trút hết ẩn ức còn lại :

- Có lần ông xáng cho con mấy bạt tay đau điếng...

Rồi nghẹn ngào :

- Lần đó, con bỏ nhà đi hoang...

Nói xong, hít một hơi thật sâu rồi thở hắt ra một cái như vừa làm xong một việc gì thật khó !

Ông bác sĩ im lặng, tiếp tục châm, mà nghe thương hại cô bệnh nhân vô cùng. Cô ta cỡ tuổi con gái út của ông. Con gái út của ông đang học đại học, còn cô này thì đang sống trong hoàn cảnh quá bấp bênh. Cả hai đều Made In VietNam hết !

Châm xong, ông đặt tay lên cánh tay trần của bệnh nhân, vuốt vuốt như vuốt tay một đứa con đang cần được vỗ về an ủi :

- Cô cứ nằm yên như vậy độ mười lăm phút, nghen.

Tiếng "dạ" bỗng nghe như đẩy nước mắt.

Sau khi gỡ kim, ông bác sĩ bóp tay bóp chân bệnh nhân một lúc rồi nói :

- Bây giờ thì cô mặc quần áo vào được rồi.

Cô gái ngồi lên nói "cám ơn" mà đôi mắt vẫn còn mọng nước. Cô bước vào sau bình phong, chậm rãi mặc quần áo, làm như cô muốn những xúc cảm hồi nãy có thời gian để thấm sâu vào lòng...

Khi cô bước ra, gương mặt cô đã trở lại rạng rỡ. Cô mỉm cười nhìn ông bác sĩ, rồi, vừa mở cái xác đồ vừa hỏi :

- Bao nhiêu vậy, bác sĩ ?

- Không có bao nhiêu. Chừng chữa xong rồi cô hãy trả.

- Bác sĩ cho con trả mỗi lần, chờ đợi hết bệnh, tiền đâu con trả. Cái thứ đi làm lậu như con...

- Cô yên tâm. Rồi mình tính.

Ông bác sĩ đưa đĩa nữ trang :

- Cô đừng quên mấy thứ này.

Cô gái phì cười, không đeo vào người mà trút hết vào xác, rồi hỏi

- Chừng nào con trở lại nữa, bác sĩ ?

- Tuần tới, cũng ngày này giờ này.

Bác sĩ mở tủ thuốc, chọn lấy ra hai chai có dán nhãn sẵn, trao cho bệnh nhân :

- Trên nhãn có ghi liều lượng: mỗi ngày, cô uống sáng trưa chiều, mỗi thứ hai capsule.

Ra đến cửa phòng mạch, ông bác sĩ già cầm bàn tay cô bệnh nhân trong hai bàn tay của ông, lắc nhẹ :

- Bớt hút thuốc đi, nghen ! Từ từ rồi tôi sẽ chữa cho cô vụ giãn thuốc nữa.

Ngập ngừng một chút rồi ông nói, giọng ôn tồn :

- Tôi muốn nói với cô điều này...

Cô gái chớp chớp mắt chờ. Chắc

là lần đầu tiên cô được một ông già cầm tay một cách ân cần như vậy. Bác sĩ nói :

- Minh là người Việt Nam, ăn mặc theo "punk" không hợp với con người với bản chất của mình chút nào hết. Cô đâu có xấu mà cô làm cho xấu đi, uống lắm ! Minh phải xứng đáng là Made In VietNam, chứ cô.

Cô gái nhìn vào mắt ông bác sĩ, không nói gì hết, chỉ siết tay ông già một cái thật mạnh, rồi bước ra xe, một chiếc xe hơi cũ mèm phải để tới bốn lần mới nổ máy !

Ông bác sĩ Lê ngồi uống cà phê với tôi ở khu Phước Lộc Thọ (Orange County – Nam Cali). Ông kể tiếp :

- Anh biết không, lần sau cô Kim đến phòng mạch, ăn mặc chải gỡ rất dễ thương. Chẳng có chút gì "punk" hết ! Lần khám bệnh đó, tôi có hỏi cô sao không về sống với thằng bố ở Louisiane có phải hơn là sống cù bơ cù bất ở Cali. Cô nói như mếu : "Ảnh có vợ rồi". Tôi biết : như vậy là cô kẹt thiệt. Tôi đem chuyện này kể cho vợ tôi nghe. Bà cảm động lắm nên đề nghị giúp tiền cho cô học một cái nghề gì đó, uốn tóc, làm nail chẳng hạn, để có công ăn việc làm vững chắc hơn là đi làm lậu tấm bạt tấm bạt.

Tôi nói chen vào :

- Chắc gì cô chịu. Nghe anh kể, tôi đoán chị này cũng tự ái lắm.

- Anh nói đúng. Cổ từ chối hoài. Sau nhờ vợ tôi mời cổ về nhà khuyên nhủ, coi như là trong thân tình, cổ mới chịu. Hôm đó, cổ ôm vợ tôi vừa khóc vừa nói: “Con cảm ơn ông bà. Cảm ơn ông bà”.

- Sau đó cổ có đi học thiệt không?

- Có. Học làm nail. Học giỏi nữa là khác.

- Cổ bây giờ ra sao rồi?

- Mới đầu làm thợ, làm công cho người ta. Bây giờ vừa làm thợ vừa làm chủ. Khá lắm!

- Mừng cho cổ, há!

- Cổ xách đồ nghề tới làm nail cho vợ tôi, con út và hai con dâu tôi thường lắm. Làm không lấy tiền. Cổ cứ nói với mấy con tôi: “Tôi chịu ơn ông bà bác sĩ biết đời nào mới trả cho hết, mấy cô biết không? Tôi không dám nói ra, chớ mỗi lần tôi cầm bàn tay của bà bác sĩ để làm nail, tôi vẫn nghĩ không có bàn tay này thì làm gì tôi thoát ra khỏi hoàn cảnh của tôi hồi đó để có những gì tôi có hôm nay...”

- Dễ thương quá!

- Noel, ngày Tết...cổ đều mang quà đến tặng vợ chồng tôi.

- Con người ở có tình có nghĩa quá, anh há!

- Đã hết đâu! Cổ còn nhớ

đến ngày giỗ của ba má tôi nữa. Mấy ngày đó tụi con tôi có đứa quên chớ cô ta không bao giờ cô ta quên. Ngày đó, cô đem đồ tới cúng và ở lại phụ vợ tôi nấu nướng dọn dẹp nữa. Cho nên vợ tôi quý cô ta lắm!

Nói xong, bác sĩ Lê vỗ vai tôi, cười:

- Anh thấy không? Cô ta mới đúng là “Made In VietNam” đó! Còn nguyên chất, hê!

Ông Lê vui vẻ cầm tách cà phê vừa nhâm nhi vừa nhìn quanh. Người Việt Nam đi đây trong thương xá. Cung cách có hơi khác nhưng nói năng thì y hệt như ở bên nhà. Một vài tiếng chửi thề rớt rớt đâu đó, nghe rất tự nhiên. Bỗng ông quay sang hỏi tôi mà nghe như ông tự hỏi ông:

- Không biết ở xứ Mỹ này, đồng hương lưu vong, có ai lâu lâu nhớ lại rằng mình “Made In VietNam” không?

- Có chớ anh! Nhưng cũng có người chẳng những không nhớ mà còn tự đóng cho mình con dấu “Made In USA” nữa, anh à. Thứ đó bây giờ thấy cũng nhiều!

Tôi đưa tách lên môi uống ngụm cà phê cuối cùng, bỗng nghe cà phê sao mà thật đắng...

Vô Hoài Nam

ĐẤT NƯỚC TÔI

Khoa Nghi

Có đất nào như đất nước tôi
Đạn bom chinh chiến suốt một đời
Từ lúc ê a vẫn quốc ngữ
Đến ngày tóc đã chớm màu vôi.

Có đất nào như đất nước tôi
Ách thực dân vừa được thoát rồi
Cộng nô gian ác lại đầy dọa
Nửa đời chưa thấy được ngày vui.

Có đất nào như đất nước tôi
Nổi da xáo thịt chẳng biết tanh hôi
Núi xương, sông máu vờ không thấy
Cộng quân chỉ biết Bác Đảng thôi.

Có đất nào như đất nước tôi
Đạn bom im tiếng bốn mấy năm rồi
“Độc lập, Tự do và Thống nhất”
Dân đen chưa thấy bóng mặt trời.

Có đất nào như đất nước tôi
Gái non làm nô lệ nước người
Trẻ thơ luôn bị quấy rối tình dục
Đường theo Bác Đảng thật tinh khôi.

Có đất nào như đất nước tôi
Ẩn tặc nói phét Đ.M ở đâu mỗi
Chửi thề chém bạn lừa cha mẹ
Văn hóa kỷ cương mất thật rồi

Có đất nào như đất nước tôi
Bắt người đánh giết là chuyện chơi
Công tâm công lý không chỗ đứng
Đạo lý muôn xưa đang bán rồi.

Có đất nào như đất nước tôi
Dân oan kêu mãi chẳng thấu trời
Cướp đất đang xây toàn cao ốc,
Dinh cơ cho quý đội lột người.

Có đất nào như đất nước tôi
Bệnh viện thiếu giường, học sinh học ngoài trời
Xây đường cao tốc, xây “rì-zụt”
Khoe lũ dân ngu đảng tuyệt vời.

Có đất nào như đất nước tôi
Quan tham ngu dốt vẫn lộng trời
Của tiền vợ vét nong đầy túi
Vợ con phê phôn ở nước ngoài.

Có đất nào như đất nước tôi
Rừng vàng biển bạc đang bán rồi
Quặng mỏ đất bồi đảo bán nốt
Giang sơn lạng lẽ bán sau thôi

Có đất nào như đất nước tôi.
Nước nhà Hán hóa đến nơi rồi
Chín chục triệu dân còn mơ ngủ
Sợ tình nhà giam thiếu “chỗ ngồi”

Có đất nào như đất nước tôi
Trẻ cứ vui say, trí thức ngủ vùi
Quân đội an vui, thừa lộc đảng
Ai lo thân nấy, mặc kệ đời.

Có đất nào như đất nước tôi
Hong hồng gương nọ sáng ngời
Chống “láng giếng tốt” công an bắt
Dân chỉ dám nhìn ngưỡng mộ thôi.

Có đất nào như đất nước tôi
Dưới ách Cộng nô nửa kiếp rồi
Dân vì cơm áo lắm lùi sống
Chẳng dám vùng lên đổi kiếp đời.

Có đất nào như đất nước tôi
Cường quyền đã biến chất con người
Ươn hèn ngấm sâu vào xương tủy
Dân chỉ kêu than với đất trời

Có đất nào như đất nước tôi
Hết kêu trời lại trông ngóng ngoại lai
Dân sống ấp ôm niềm hy vọng
Cháu chắt mai sau được đổi đời.

Có đất nào như đất nước tôi
Giang sơn quý đồ bán đứt rồi
Chỉ có **Hồn thiêng sông núi** và **Anh linh đất nước**
Mới mong cứu được đất nước thôi.

Khoa Nghi

03/2020



NGƯỜI BIỆT XỨ TRỞ VỀ

Hoàng Xuân Thảo

Sau khi cuộc bộ từ nhà ga hỏa xa Sài Gòn về tới khu Bàn Cờ, anh thấy chân tay mỏi rã rời nhưng vẫn cố lê bước vì đã sắp tới nhà. Anh bị đi tập trung cải tạo, nói nôm na là bị đi đày biệt xứ tít dưới chân một ngọn núi thuộc dãy Hoàng Liên Sơn, khu Việt Bắc tính ra là đã trên mười năm, may nhờ sự lên tiếng của các tổ chức nhân quyền trên thế giới nên Việt Cộng chẳng đành dừng, đành phải thả cho về.

Anh được biết sau ngày 30 tháng 4.1975 Việt Cộng đã thiết lập 80 trại giam dưới tên là trại Tập trung Cải tạo trên toàn quốc và số người « được chúng tỏ lòng nhân đạo cho đi học tập » là hơn 1.000.000 người. Riêng ở Sài Gòn có 443.360 người ra trình diện, trong số đó có 28 viên tướng, 362 đại tá, 1.806 trung tá, 3.978 thiếu tá, 39.304 sĩ quan cấp úy, 35.564 cảnh sát, 1.932 nhân viên tinh báo, 1.469 viên chức cao cấp trong chính quyền, và 9.306 người trong các “đảng phái phản động” kể cả các văn nghệ sĩ mà Việt Cộng gọi là “Biệt kích Văn nghệ”.

Tới đầu một cái hẻm nhỏ dẫn vào nhà cũ của anh, anh tự nhiên cảm thấy hồi hộp vô cùng và những giọt nước mắt cứ tuôn trào ra khiến anh phải lấy tay áo chùi lia lịa. Không cảm động sao được khi đã bị bắt rời cái tổ

ấm tại đó anh đã có những năm tháng đầy hạnh phúc bên vợ con. Anh trầm nghĩ khi anh bị bắt đi đày biệt xứ thì hai đứa con anh còn nhỏ lắm, chừng năm sáu tuổi, bây giờ chắc chúng đã lớn mà không biết chúng có nhận ra anh là bố chúng không? Còn vợ anh nữa, bấy lâu nay một mình thân cô lặn lội nuôi con, ắt phải trải qua nhiều cảnh ngậm ngùi, đắng cay bao xiết kể, dung nhan hẳn đã nhiều phần tiêu tụy khiến anh xót thương vô cùng.

Nhưng anh cảm thấy anh còn rất may mắn, được có ngày trở về hôm nay cùng vợ con trong khi anh đã chứng kiến nhiều bạn đi học tập cùng anh đã bị bắn chết hay bỏ đói chết và cả hàng chục ngàn người vẫn còn đang học tập mót mùa. Nghĩ tới đó, nước mắt anh lại dàn dụa. Anh còn đang ngập ngừng như một người khách lạ từ phương xa tới, chợt thấy một quán ăn với mấy cái ghế đầu để trên vỉa hè, anh ngồi phịch xuống, chừng muốn nghỉ ngơi cho hồi sức để chuẩn bị đối diện với cuộc tái ngộ bất ngờ tuy đã mơ ước từ lâu.

Lúc này trời đã xế chiều:

Ráng mây đỏ phương đoàn.
Vật nặng xuyên mặt đất.

Anh lau nước mắt để vợ con khỏi nhìn thấy, từ từ bước tới trước

cái cổng nhà ngày xưa chính tay anh dựng lên. Dàn hoa giấy vẫn còn đầy và từ bụi hoa giấy thốt lên tiếng một cặp chim kêu xao xác vì chúng thấy có khách lạ từ phương xa tới:

Cổng tre chim xao xác
Dặm ngàn xa khách lại.

Từ trong căn nhà lụp xụp vợ và hai con anh chạy vội ra, đứng sững lại. Vợ anh, miệng há hốc vì quá bất ngờ trong khi hai đứa con anh đưa mắt nhìn nhau rồi nhìn mẹ không hiểu truyện gì xảy ra. Sau một vài phút sững sờ, vợ anh mới hoàn hồn, chỉ anh rồi bảo con: “Bố chúng mày đấy.” Thế là vợ con anh chạy tới, ôm lấy anh, vòng tay ghi thật chặt như không muốn để mất anh thêm một lần nữa, nước mắt chan hòa:

Vợ con thấy kinh ngạc
Hoàn hồn...lau nước mắt

Không ai, kể cả anh và vợ con anh nghĩ tới cuộc tái ngộ này. Mọi người đã được biết trong hơn triệu người biệt xứ ấy, cả hàng ngàn đã gửi thân tại một xó rừng vùng Việt Bắc tuy theo thống kê chính thức của Việt Cộng thì số người chết tại các trại Tập trung Cải tạo chỉ khoảng gần 600 người:

Thời loạn, thân biệt xứ
May mà còn sống sót.

Trong khi hai vợ chồng còn đang hàn huyên, kể lại cho nhau ngay những nỗi gian truân, những niềm thương nhớ thì bỗng có

tiếng xôn xao, ồn ào ngoài cổng. Hai người vội buông tay nhau, chạy tới cửa nhìn ra thì thấy bà con chòm xóm được tin người tù biệt xứ trở về đã rủ nhau tới chia vui và mừng cho gia đình nhà anh đã được trời phạt và thế gian thương yêu, tạo cơ hộ cho đoàn tụ:

Đầu tường, hàng xóm đầy

ĐỖ PHỦ
Khương Thôn - Kỳ 1

Tranh vanh xích vân tây
Nhật cước hạ bình địa
Sài môn điệu tước táo
Quy khách thiên lý chí

Thê noa quái ngã tại
Kinh định hoàn thức lệ
Thế loạn tao phiêu đảng
Sinh hoàn ngẫu nhiên toại.

Lân nhân mãn tường đầu
Cảm thán diệc hu hý
Dạ lan cánh bình chúc
Tương đối như mộng mị.

Cước Chú

Bài thơ đặc biệt chỉ có hai câu gieo vần bằng, còn toàn là vần trắc, có lẽ tác giả muốn mô tả một cảnh tượng không phải êm ả mà là rất khó có thể xảy ra trong cuộc đời nhất là trong thời loạn.

Đều cảm thương sùi sụt.

Bóng tối đã chụp xuống cả khu Bàn Cờ. Lúc này Sài Gòn thường xuyên có cảnh cúp điện. Vợ anh phải thắp nến lên vì lòng còn đang dâng trào nguồn hạnh phúc nên chưa thể ngủ được, nhất là còn bao nhiêu niềm thương, nỗi nhớ chưa bày tỏ. Đối mặt nhau nhưng cả hai vẫn còn tưởng hay chỉ là một giấc mơ?

Đêm khuya, nến vẫn thấp
Tường mơ khi đối mặt

Quý vị vừa mới thưởng thức một bài thơ của Đỗ Phủ, được mệnh danh là “Thi Thánh” của triều đại nhà Đường, nhan đề “Khương Thôn” và được dịch bởi Hoàng Xuân Thảo mà nguyên tác với bài thơ dịch là như sau:

HOÀNG XUÂN THẢO
Xóm Khương

Ráng mây đỏ phương đoàn
Vật nặng xuyên mặt đất
Cổng tre chim xao xác
Dặm ngàn xa khách lại.

Vợ con thấy kinh ngạc
Hoàn hồn, lau nước mắt
Thời loạn thân biệt xứ
May mà còn sống sót.

Đầu tường hàng xóm đầy
Đều cảm thương, sùi sụt
Đêm khuya nến vẫn thấp
Tường mơ khi đối mặt.

ប្រាំ គោរព ស្នើ

Trần Kim Vân

Kính tặng Cố Thiếu Tướng T.T.X.
“Năm tháng lưu vong vạn cổ sầu...”
và My Lan

“Em gửi vào thơ một chút sầu
Hồn thơ lạc lõng biết về đâu...”

Xin gửi vào thơ nửa gánh sầu
Sầu thương nhiều quá chứa vào đầu
Nửa kia phò tá người tài đức
Quang phục quê hương đuổi giặc tàu

Xin gửi vào thơ nỗi nhớ nhà
Đêm nằm thao thức nhớ gần xa
Nhớ bao kỷ niệm ngày chinh chiến
Xót lệ sầu vương má mẹ già

Xin gửi vào thơ một chút tình
Thương người chiến sĩ lắm điều linh
Thương người cô phụ trăm cay đắng
Túi phận lưu vong cảnh chúng mình

Xin gửi vào thêm nữa chút tình
Thương người vượt biển phải hy sinh
Thương người ở lại mang tai ách
Buồn nước lắm than dưới cực hình

Ôi ! Gửi vào thơ luống đoạn trường
Thành đồng, biển bạc của quê hương
Quá hèn, chúng nó dâng tàu cộng
Bán nước mua quyền : lũ bất lương !

Hèn với giặc mà ác với dân
Bẻ cong lịch sử của tiền nhân
Triệt tiêu quốc ngữ, viết theo chệt
Sang lạy Thành Đồ xin liếm chân

Sao chỉ nhờ thơ tức hộ người !
Đứng lên ! Ta đuổi bọn đười ươi
Quê cha đất tổ ta đòi lại
Toàn vẹn sơn hà, hận mới vui.

Tản mạn về
nhân vật lịch sử Dương Văn Minh

Trần Văn Chánh

Trong lịch sử cận-hiện đại của Việt Nam nói chung và miền Nam Việt Nam sau Hiệp định Genève 1954 nói riêng, trường hợp nhân vật lịch sử Dương Văn Minh (1916-2001) có lẽ khá đặc biệt, và không ít người đã coi ông là một vị tướng lãnh “có vấn đề”. Ông sống nói chung trong sạch, bề ngoài có vẻ luôn khiêm tốn hiền lành nhưng toàn tham gia những đại sự quân chính có tác dụng đảo chuyển hướng đi của lịch sử.
Vào thời kỳ đầu của Việt Nam Cộng Hòa, dưới



thời Ngô Đình Diệm, Dương Văn Minh đã từng được coi là anh hùng trong thành tích đánh dẹp lực lượng Bình Xuyên (năm 1954) ở khu Rừng Sác (ngoại vi Sài Gòn) và dẹp tan quân đội của giáo phái Hòa Hảo (năm 1956), được thăng chức Trung

tướng (5.1.1956). Hai đại sự khác trong đời ông là việc năm 1963 với tư cách Chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng ông cầm đầu nhóm tướng lãnh đảo chánh lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm, và việc năm 1975 với tư cách Tổng thống đã quyết định đầu hàng không điều kiện “đối phương” miền Bắc để kết thúc gọn nhẹ cuộc chiến tranh thảm khốc 30 năm, lập lại hòa bình cho dân tộc Việt.

Sở dĩ bị coi là vị tướng “có vấn đề” vì trong cả hai trường hợp vừa nêu trên, ông có những chỗ rất dễ bị chỉ trích bởi một số người khác biệt quyền lợi hoặc không đồng quan điểm. Đây cũng là một lẽ rất thường tình, bởi nếu ông Minh chỉ là một kẻ tầm thường vô dụng, không lý tưởng, chỉ biết sống “dĩ hòa vi quý” cho được vinh thân phì gia như bao người khác thì có lẽ chẳng ai cần nhắc gì tới ông, kể cả việc chỉ trích ông thậm tệ nhất đi nữa.

Liên quan cuộc đảo chánh 1.11.1963, trừ ra một số người sùng bái ông Diệm mà quyền lợi của họ vốn gắn chặt với chế độ Đệ nhất Cộng hòa, còn thì đa số nhân dân miền Nam lúc đó đều hoan nghênh ủng hộ.

Về lịch sử / diễn biến cuộc đảo chánh, đã có rất nhiều sách báo/ tài liệu đề cập chi tiết nên ở đây xin khỏi nhắc lại. Chỗ có vấn đề đang nói cho đến nay vẫn còn nhiều người thắc mắc, đó là việc ông Minh có phải hay không là người ra lệnh cho những người dưới trướng ông hạ sát Tổng thống Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu trên chiếc xe bọc sắt M 113 một cách thảm thiết quá, trên đường chở hai ông Diệm-Nhu về Bộ Tổng tham mưu ngày 2.11.1963 để xử lý, thay vì theo truyền thống văn hóa chính trị, phải để cho hai nhân vật lãnh đạo này được lưu vong sang xứ khác? Ngoài ra, nhắc lại việc này, một số người còn tố cáo ông Minh là kẻ phản bội tàn ác, vì con đường binh nghiệp của ông được thăng tiến nhanh chóng có một phần quan trọng là nhờ ở Tổng thống Ngô Đình Diệm...

Cho đến cuối đời, sống ở Pháp rồi ở Mỹ, vì là việc quá tế nhị, nhóm đảo chánh của ông Minh (gồm cả Trần Văn Đôn, Trần Thiện Khiêm, Tôn Thất Đính...) không ai dám hé môi nói rõ việc này. Tuy nhiên, cũng có vài chi tiết được hé lộ trong hồi ký của một vài chứng nhân, qua đó chúng ta có thể đánh giá tương đối chính xác.

Hồi ký Tâm sự tướng lưu vong của Hoàng Linh Đỗ Mậu (NXB Công An Nhân Dân, 1995, tr. 502-503), có đoạn kể, ngày 2.11.1963, ông Mậu thấy các tướng đảo chánh gồm Dương Văn Minh, Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân và Đại tá Dương Ngọc Lâm đang xầm xì bàn tán có vẻ bí mật, đến hỏi thì tướng Trần Văn Minh (Minh nhỏ) trả lời rất nhỏ, "Anh em đang bàn định cách đối xử với ông Diệm, nên giết hay nên cho ông ta xuất ngoại". Ông Mậu phát biểu không đồng ý giết ông Diệm^[1] thì tướng Nguyễn Ngọc Lễ nói to lên: "Xin anh em đừng nghe lời anh Mậu, đã nhỏ cò thì phải nhỏ cho tận rễ". Thấy không ai phản đối tướng Lễ mà có vẻ im lặng đồng ý, Đỗ Mậu bèn nói thêm: "Việc tha hay giết ông Diệm là hành động lịch sử, vậy muốn tha hay giết ông ta, tôi đề nghị phải lấy quyết định tối hậu qua một cuộc bỏ phiếu kín, phải ghi vào biên bản đảng hoàng". Đỗ Mậu cho biết tiếp: "Tất cả mọi người lại im lặng không có ai tỏ ra tán đồng ý kiến của tôi. Còn tướng Dương Văn Minh thì nhún vai

tỏ thái độ bất mãn với tôi... Sau đó tướng Minh ra lệnh cho tướng Mai Hữu Xuân, Đại tá Dương Ngọc Lâm, Thiếu tá Dương Hiếu Nghĩa và Đại úy Nguyễn Văn Nhung đi đón hai ông Diệm-Nhu tại nhà thờ Cha Tam".

Đỗ Thọ (cháu gọi Đỗ Mậu bằng chú ruột) lúc đó là sĩ quan tùy viên thân cận nhất của Ngô Đình Diệm, người đã theo sát đến phút chót bên cạnh hai ông Diệm-Nhu trên đường trốn từ Dinh Gia Long đến nhà thờ Cha Tam, trong một đoạn hồi ký cũng có nhắc lại sự kiện gần giống như trên: "Chú tôi (tức Đỗ Mậu- TVC) nói rằng luôn luôn kính trọng thương tiếc Tổng thống Diệm. Vụ 1.11.1963 chỉ cốt lật đổ ông bà Ngô Đình Nhu. Đưa Tổng thống Diệm lên Đà Lạt hoặc Côn Đảo trong một thời gian. Nhưng quyết định này đã có nhiều tướng lãnh không chịu. Trong đó có tướng Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Mai Hữu Xuân" (Nhật ký Đỗ Thọ, Đồng Nai xuất bản, Sài Gòn, 1971, tr. 158). Ở một đoạn tiếp theo, tác giả Đỗ Thọ còn cho biết, khi ông Nhu không chịu lên xe M 113 để chở về Bộ Tổng tham mưu, một sĩ quan phe đảo chánh đã gào lên: "Ông không còn là cố vấn... Và Tổng thống nữa. Hãy lên xe gấp. Chúng tôi được lệnh Trung tướng Chủ tịch phải thi hành" (tr. 177).

Theo mấy chi tiết dẫn chứng trên đây, chúng ta có thể thấy, việc giết hai ông Diệm-Nhu, ông Minh không quyết định một mình, mà có sự họp bàn tập thể nhưng chỉ bàn kín hạn chế với vài tướng lãnh chủ chốt, trong đó có các tướng Lê Văn Kim, Mai Hữu Xuân và Đại tá Dương Ngọc Lâm, chứ không đưa ra toàn thể Hội đồng Quân nhân Cách mạng lấy quyết định. Còn ở một vài tướng tá khác, tuy không thấy nhắc trong đoạn hồi ký trên kia của Đỗ Mậu, nhưng chắc chắn cũng đã được ông Minh tham khảo ý kiến trước đó theo một cách nào đó thôi.

Theo cựu dân biểu Dương Văn Ba, một người thân cận có vài năm sống tá túc hoạt động báo chí trong nhà của Dương Văn Minh (ở số 3 Võ Văn Tần bây giờ), "Có sách ngoại quốc nói rõ người điều khiển việc bắt giết Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu là

Trung tướng Mai Hữu Xuân, Bộ trưởng Bộ Nội vụ. Tướng Xuân là người thân tín với Dương Văn Minh. Rất có thể tướng Xuân đã ra lệnh bắn chết Diệm, Nhu để tuyệt trừ hậu họa. Người thi hành lệnh bắn là thiếu tá Nhung, một trong những cận vệ của tướng Minh. Tướng Mai Hữu Xuân trực tiếp chỉ huy việc tiến chiếm Dinh Gia Long, ông chịu trách nhiệm về cái chết của Diệm, Nhu với tư cách người chỉ huy trực tiếp trận đánh. Nhưng một vấn đề chưa sáng tỏ là ông Xuân thi hành lệnh của Dương Văn Minh hay tự ý quyết định tại mặt trận. Giết Diệm, Nhu để tránh hậu họa, một giả thuyết hợp lý đối với con người mưu lược như ông Mai Hữu Xuân". Rồi Dương Văn Ba kết luận: "Về phần Dương Văn Minh, ông chưa lần nào lên tiếng nói rõ vấn đề này. Dù có ra lệnh giết hay không, tướng Minh vẫn phải chịu trách nhiệm trước lịch sử về cái chết của Diệm, Nhu" (Hồi ký Những ngả rẽ, Bản thảo phổ biến nội bộ, tr. 26-27).

Từ khi hai anh em ông Diệm-Nhu bị chết thảm (ngày 2.11.1963), ông Minh và đám tướng tá đồng sự của ông không ai công khai thừa nhận mình có tham gia quyết định giết Tổng thống, có thể vì 2 lẽ: (1) Việc giết nguyên thủ quốc gia có tiếng tăm lớn như ông Diệm là một việc quá sức tưởng tượng theo quan niệm của Việt Nam Cộng Hòa thời đó; (2) Các tướng tá tham gia đảo chánh trong chừng mực nào đó hầu hết đều có thọ ơn ông Diệm trên con đường thăng tiến binh nghiệp của mình, nhưng họ bắt buộc phải hạ thủ là để "sát nhất miếu cứu vạn thù" (giết một con mèo để cứu muôn con chuột), và cần phải "nhỏ cò tận gốc" để phòng nhóm ông Diệm lưu vong nước ngoài sẽ có thể tái tập hợp lực lượng, kết hợp với ngoại bang hoặc thành phần trong nước tìm cách phục hồi.

Xét hai lẽ nêu trên thì thấy việc nhóm ông Minh trước sau vẫn kín tiếng không thừa nhận giết Tổng thống Diệm cũng là một sự cận nhân tình, hầu như ai cũng vậy, vì họ sợ dư luận nghĩ không tốt về mình. Còn việc bắt buộc phải giết Tổng thống như trong trường hợp ông Diệm thì đó thuộc về lý do chính trị mà theo cách nghĩ của họ ngay vào thời điểm đó, khó thể có một chọn lựa nào khác tốt hơn.

Có thể rằng ông Minh và vài người khác sau này cảm thấy áy náy trong lòng khi nghĩ lại chuyện đã qua, nhưng đây thuộc trường hợp mâu thuẫn mà một chính khách có lương tâm dễ bị mắc phải khi phải đối đầu với những tình huống quá phức tạp. Tuy nhiên, trên thực tế, hành động của nhóm ông Minh đã có thể được biện minh khi kết quả cuộc đảo chánh như được biết đã mang lại lợi ích cho đại đa số dân chúng, bằng việc loại trừ được một chế độ có nhiều chỗ bất ổn cho dân, theo kiểu "sát nhất miếu cứu vạn thù".

Đại sự thứ hai trong cuộc đời ông Minh liên quan đến ngày 30.4.1975 lịch sử, khi đại quân miền Bắc ồ ạt tiến sát vào Sài Gòn, quân lính Việt Nam Cộng Hòa nhiều nơi đã bị tan rã. Khi ấy, với cương vị Tổng thống vừa được Quốc hội đưa lên trước đó chỉ 3 ngày, nhóm chấp chính Dương Văn Minh (gồm cả Phó tổng thống Nguyễn Văn Huyền, Thủ tướng Vũ Văn Mẫu...) đã quyết định "không chống cự" và sau đó tuyên bố đầu hàng vô điều kiện. Sự đầu hàng nhanh chóng này tất nhiên nhận được nhiều sự đánh giá trái ngược nhau. Đối với "bên thua cuộc", mỗi lần nhắc đến Dương Văn Minh, không ít người Việt tị nạn ở nước ngoài vẫn còn oán trách, cho ông là "hàng tướng" đã hèn nhát đầu hàng CS, "trao nước cho giặc", để đến nỗi đất nước phải như ngày hôm nay (theo họ là nghèo nàn lạc hậu, nạn tham nhũng tràn lan vô phương cứu chữa, mất dân chủ này khác...). Đây là một quan điểm đánh giá có nhiều phần vội vã, cực đoan, đơn giản, không thấy hết thực tế của hình thế thời cục lúc đó, cũng như nhu cầu bức thiết chấm dứt chiến tranh tái lập hòa bình phải là mối ưu tiên hàng đầu đối với bất kỳ nhà lãnh đạo nào biết thương dân, vì đó là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả hai miền Nam, Bắc, sau khi đã bị nếm trải cuộc chiến tranh kéo dài vô cùng khốc liệt, mà cuộc chiến tranh ấy, ai cũng biết, không hoàn toàn do mỗi bên chủ động vì còn chịu ảnh hưởng nặng nề của các cường quốc, trong đó cả hai bên chiến tuyến đều thường có những người là họ hàng ruột thịt với nhau. Là một quân nhân kinh qua nhiều chiến trận, hơn ai hết ông Dương Văn Minh là người thấu cảm với

nổi khổ của nhân dân vô tội trong chiến tranh, và ngay cả bản thân ông, cũng có người em ruột là sĩ quan cao cấp Dương Thanh Nhứt (Mười Ty) đang đấu tranh chống lại Việt Nam Cộng Hòa ở bên kia chiến tuyến.

Giả định, ngày 30.4.1975, Dương Văn Minh không chịu đầu hàng mà kiên quyết “tử thủ” thì khó thể suy đoán sẽ còn bao nhiêu dân và quân của cả hai bên chiến cuộc tiếp tục thương vong, đổ máu. Ngay cả những người chủ trương “tử thủ” cùng với gia đình vợ con họ vì thế còn chưa biết số phận rồi sẽ đi đến đâu? Trong khi đó, tử thủ trong điều kiện cận kề ngày 30.4 như đã biết thì kết quả hầu như chắc chắn phải thua, nhưng cho dù có thắng, phía bên kia tiếp tục kháng chiến thì chiến tranh vẫn sẽ còn kéo dài lâu hơn, 5 năm hay 10 năm nữa chưa biết chừng. Cho nên có thể nói, ông Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng là một hành động sáng suốt tránh cho Sài Gòn và cả nước không bị đổ máu thêm vô ích, trước hết vì mục tiêu hòa bình và hòa giải hòa hợp dân tộc, vốn là chủ trương căn bản của ông, cho dù ông có chịu ảnh hưởng bởi những ý đồ chính trị phức tạp của người Mỹ, người Pháp, hay có bị CS móc nối hay không. Trong trường hợp này, cũng giống như trong cuộc đảo chánh năm 1963, có lẽ phải nghĩ ông Dương Văn Minh tuy không hoàn toàn độc lập hành động (làm sao có sự độc lập này được?), cũng không phải tiếp tay cho CS (tuy rằng về mặt tác dụng khách quan thì có), nhưng là người đã biết khéo nương theo diễn biến thời thế, khai thác những chỗ “ám hợp” (hợp ngầm) giữa ông với những thế lực chi phối khác để làm lợi cho dân tộc: năm 1963 xóa bỏ chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, còn nay là để kết thúc cuộc chiến tranh đau khổ tái lập nền hòa bình. Giả định, nếu được cầm quyền lâu hơn, đường lối chính trị của ông Minh chắc chắn sẽ có nhiều điểm không giống hẳn với những người CS.

Việc ông Dương Văn Minh đầu hàng “giặc” trong thế thua để tránh bớt thương vong cho dân quân của cả hai phe xem ra cũng có khía cạnh hao hao giống với quyết định giao thành cho giặc rồi uống thuốc độc tự tử của Phan Thanh Giản, khi hùng

binh của Pháp tiến đánh Vĩnh Long tháng 6.1867. Điểm khác biệt là ở đối tượng được giao, và ông Minh đã không tự tử như Phan Thanh Giản^[2], vì hoàn cảnh lịch sử và tình huống cụ thể có khác, nhưng trong cả hai trường hợp của người xưa và người nay, đều rất dễ phát sinh dị nghị.

Có quan điểm khá phổ biến cho rằng ông Minh tuyên bố đầu hàng đơn giản chỉ vì bị lâm vào cái thế hoàn toàn thúc thủ, nhưng theo một số nhân chứng lịch sử lúc bấy giờ, tướng Dương Văn Minh nhận làm Tổng thống không có ý để thương thuyết với phe cách mạng vì đã thấy không còn khả năng thương thuyết; cũng không có ý để tiếp tục chiến tranh vì lâu nay ông vốn chủ trương hoà bình, hòa giải hòa hợp dân tộc (xem Chánh Trinh, *Hồi ký không tên*, NXB Thời Đại, 2012).

Một câu hỏi nữa cũng đáng để đặt ra: Là một tướng lãnh cấp cao nhất trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, thông thường phải có khuynh hướng chủ chiến, nhưng tại sao Chính phủ do ông Minh đứng đầu lại có vẻ hiền lành chủ hòa với thiện ý cao nhất?

Ngoài những lý do đương nhiên về chính trị, cũng như những đòi hỏi khách quan của lịch sử cùng nguyện vọng hòa bình của dân tộc, theo tôi chắc hẳn còn có một lý do sâu xa tiềm ẩn quan trọng nữa có thể giải thích nguồn gốc thái độ và chủ trương hòa bình - hòa giải hòa hợp dân tộc của Chính phủ Dương Văn Minh, từ đó đi tới quyết định đầu hàng nhanh chóng. Đó là lý do tôn giáo: Tổng thống Dương Văn Minh và Thủ tướng Vũ Văn Mẫu đều theo Phật giáo, trong khi Phó tổng thống Nguyễn Văn Huyền là người rất mộ Kitô giáo. Đạo Phật là đạo của hòa bình, từ bi hỷ xả; Kitô giáo là đạo của lòng bác ái vị tha, lẽ tất nhiên các ông đứng đầu này đều có khuynh hướng chung không muốn cho sinh linh phải bị tàn sát, trong bất kỳ điều kiện nào còn có thể tránh được.

Họ đều là những người nổi tiếng thanh liêm, đạo đức, sống nghèo, chưa nghe có tai tiếng gì về đời tư, thậm chí có người còn sống khổ hạnh, như ông Huyền cả đời chỉ ở nhà cấp 4, không có xe hơi riêng, cuối đời chỉ chuyên lo việc tu hành. Riêng

bản thân ông Dương Văn Minh theo đạo Phật, nhân từ, thương người, sợ sát sinh, sợ phải giết người. Thấy ai hoạn nạn thì ra tay can thiệp, cứu giúp, cả đối với một số người thuộc chiến tuyến đối lập.

Cả ba vị đứng đầu Chính phủ Dương Văn Minh đều đã hành động xuất phát từ lòng nhân đạo, đã kết hợp nhuần nhuyễn nhau trong sự đồng thuận chấp nhận ưu tiên đường lối hòa giải hòa hợp dân tộc và giải pháp đầu hàng trong buổi hoàng hôn của chế độ để tránh cho thành phố Sài Gòn khỏi đổ nát và nhân dân vô tội cả nước khỏi phải chết thêm nữa vì việc đánh nhau giữa hai bên vào giờ chót. Nếu không có sự đồng thuận giữa những con người cùng lý tưởng, được un đúc thấm nhuần bởi tinh thần từ bi hỷ xả và vị tha của các bậc giáo chủ, thì thật khó đi đến một quyết định mau lẹ, kịp thời và sáng suốt như vậy. Vì thế cho nên bây giờ bình tĩnh nhìn lại, có người còn đánh giá cuộc đầu hàng lịch sử nêu trên chẳng những không chút nhục nhã mà còn đáng ca ngợi là một hành vi anh hùng, đặc biệt hợp với lối hành xử bi-trí-dũng của nhà Phật.

Một số người thân cận với Dương Văn Minh (như các ông Hồ Ngọc Nhuận, Dương Văn Ba, Lý Quý Chung, Thích Trí Quang...) đều cho rằng ông không phải là người làm chính trị sắc bén, có bản lĩnh^[3], có lẽ họ nói theo nghĩa phàm đã xông pha vào chính trị thì phải khéo linh hoạt với rất nhiều thủ đoạn.

Theo cựu dân biểu Dương Văn Ba, một người thân cận từng ở nhờ thời gian khá dài trong tư gia của tướng Dương Văn Minh (số 3 đường Trần Quý Cáp, nay là Võ Văn Tần), cả trước và sau 30.4.1975, thì ông Minh là “loại người trầm lắng, suy tư dù gốc của ông là một quân nhân. Triết lý của ông là triết lý trầm lắng của Phật giáo, ông không đua chen, không sân si; ông thuộc vào loại thấy đủ biết đủ, thấy nhân biết nhân. Đó là một loại triết lý pha lẫn giữa Phật giáo và Lão giáo. Ông sống khá bình dị, hòa mình với mọi người, đa số bạn bè bà con đều thương ông” (tldd., tr. 263).

Ông Ba còn cho biết tiếp: “Gia đình ông Dương

Văn Minh thuộc vào loại thanh bạch, không có dư dả nhiều. Tài sản ông để lại trước khi ông đi Pháp là hàng ngàn chậu Hoa Lan, 3-4 con chó béc giê, 5-7 cái máy chụp hình loại chuyên nghiệp và lũ khư những đồ đạc, vật dụng linh tinh không giá trị nhiều lắm của một vị tướng lãnh” (tr. 364).

Rõ ràng, ông Dương Văn Minh đầu hàng “giặc” không phải để được vinh thân phì gia, vì ai cũng biết, sau khi hoàn tất trách nhiệm trước lịch sử và lui khỏi chính trường, ông đã sống cuộc đời ẩn dật nơi nước ngoài với con cái, không phát biểu về chính trị, không viết hồi ký để kiểm tiền, chấp nhận cuộc sống nghèo bình thường, từ chối mọi sự trợ cấp từ phía các chính phủ Pháp, Mỹ mà ông đã có thời gian từng phục vụ^[4]. Ông không giống như một vài vị tướng khác, suốt ngày đeo cái lon tướng để được tiếp tục nhận sự vinh danh cho tới chết mới thôi, mặc dù nhiệm vụ lịch sử đã hoàn thành từ rất lâu.

Ngày nay, xét diễn biến các sự kiện, đa số người ta đều thừa nhận việc đầu hàng của Tổng thống Dương Văn Minh cùng nội các của ông chẳng những không nhục nhã mà còn là hành động sáng suốt thức thời vụ. Điều này về sau đã được cố thủ tướng Võ Văn Kiệt công khai thừa nhận trong một lần trả lời cuộc phỏng vấn liên quan đến vấn đề đang xét của tuần báo Quốc Tế (Bộ Ngoại giao) nhân dịp 30.4.2005. Có lần ông Kiệt chia sẻ với cựu dân biểu Lý Quý Chung: “Ông Minh là một con người tốt và có lòng yêu nước...” (Hồi ký không tên, sdd., tr. 447).

Cho nên, liên quan đến một chi tiết về thủ tục tiếp quản tại Dinh Độc Lập ngày 30.4.1975, khi ông Minh bảo rằng sáng nay đã có một tuyên bố trao quyền cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời rồi thì người cán bộ tiếp quản nói “Anh chẳng có gì để trao. Anh chỉ có thể tuyên bố đầu hàng!”^[5], tôi cho câu nói vắn vắn này là một câu hơi lỗ, rất dở, không thật sự cần thiết, không xứng với tầm nghĩ việc lớn cũng như với thiện chí rất đáng được trân quý của ông Dương Văn Minh.

Con trai ông Dương Văn Minh, kỹ sư Dương

Mình Đức, có lần được hỏi ý kiến nhận xét sự kiện lịch sử ngày 30.4.1975, và về người cha của mình, đã phát biểu: “Tôi rất yêu quý ba tôi...Thứ nhất, ông là vị tướng sống trong sạch, không chấp nhận chuyện tham nhũng; thứ hai, trong nguyên tắc tìm giải pháp hòa bình cho đất nước Việt Nam, theo ông phải do chính người Việt Nam tự giải quyết. Tôi hiểu quan điểm của ba tôi luôn đặt dân tộc và sinh mệnh nhân dân trên hết. Chính vì vậy, ông không ngại đứng ra đảm nhận vai trò Tổng thống trong buổi hoàng hôn của một chế độ.... Ba tôi là người luôn chủ trương hòa giải, hòa bình dân tộc và ông đã bác bỏ ý kiến của một số người yêu cầu “tử thù” Sài Gòn. Tôi tin rằng đây là quan điểm xuyên suốt trong cuộc đời chính trị của ông “ yêu nước trước hết là phải cứu dân” (theo tạp chí *Hồn Việt*, 1.6.2009).

Đúng như vậy đó, khái niệm yêu nước rất rộng. Đánh giặc hăng say chỉ là một trong những biểu hiện của tinh thần yêu nước khi đất nước bị xâm lăng mất độc lập, nhưng đó chẳng qua cũng chỉ là hành động *bất đắc dĩ* chứ chẳng nên lúc nào cũng cố vũ thái quá, bởi lẽ đơn giản “phi nguy bất chiến” (lời trong *Tôn Tử binh pháp*, không kẹt vào thể nguy thì đừng đánh). Trong mọi trường hợp khác nhau, yêu nước không thể tách rời với thương dân/ cứu dân, mà thương dân/ cứu dân trước hết là phải bảo vệ tối đa và bằng mọi cách sinh mạng của dân, rồi sau đó mới tính tới chuyện để cho họ được hưởng đầy đủ các phúc lợi vật chất cũng như các quyền về tự do dân chủ. Thà chịu “thua” ngay tức khắc mà bảo vệ được sinh mạng của dân, sớm mang lại hòa bình cho dân tộc, còn danh dự hơn cố đánh trong cái thế tất bại mà để cho dân, quân phải hi sinh xương máu quá nhiều. Mặt khác, cho dù một bên có thắng mà nướng con dân trong lửa đỏ cũng không phải điều tốt. Hiểu được như vậy ta sẽ thấy ông Dương Văn Minh là một người có đức kiên trì tốt nhặn, có lòng nhân ái thiết tha, đã xử lý vấn đề hợp tình lý, đúng lúc đúng thời theo cái nghĩa “quân tử kiến cơ nhi tác” (người quân tử biết nương theo thời cơ mà hành động), “thức thời giả vi hào kiệt” (kẻ thức thời là hào kiệt), và sẽ là

không quá đáng nếu chúng ta hôm nay coi quyết định đầu hàng ngày 30.4.1975 của ông là một hành động anh hùng.

23.4.2018

Chú Thích

^[1] Đỗ Mậu tham gia đảo chánh chỉ vì muốn loại trừ sự lộng hành của vợ chồng Ngô Đình Nhu, còn đối với ông Diệm, Đỗ Mậu vẫn là người tâm phúc.

^[2] Trong một bức thư ông Minh gửi cho tướng Nguyễn Chánh Thi (người từng đảo chánh Ngô Đình Diệm năm 1960 nhưng thất bại) để ngày 15.4.1987, có đoạn viết: “Theo tôi, tự tử không phải lúc nào cũng là đúng. Đôi khi mình phải dám sống để hưởng nhận những hậu quả cho sự quyết định của mình gây ra. Có lẽ anh Đỗ Mậu (cũng như nhiều người) không rõ là tôi lấy quyết định cuối cùng sau khi đã tham khảo ý kiến với một số những vị dân biểu và nghị sĩ còn lại, với những anh em quân nhân đến gặp tôi vào giờ chót, với các thầy mà trong đó thấy Trí Quang và Trí Thủ đã nói và đã nhân nhủ để cứu dân” (xem Trương Võ Anh Giang, *Máu chảy về tim*, NXB Trẻ, 2016, tr. 311).

^[3] Xem Chánh Trinh, *Hồi ký không tên*, NXB Thời Đại, 2012, tr. 225, 305.

^[4] Về cuộc sống đạm bạc của ông Dương Văn Minh trong thời gian ẩn dật ở Pháp và ở Mỹ, cũng như nhiều chi tiết khác liên quan cả cuộc đời ông, rất nhiều sách vở tài liệu đã ghi chép. Có thể xem: Trương Võ Anh Giang, sdd., “Viết tiếp bài ‘Ông Dương Văn Minh và tôi’”, NXB Trẻ, 2016, tr. 290-31

Nguồn: Viet-Studies

Tháng Tư về

Huỳnh Ngọc Tuấn

Cứ mỗi lần tháng tư về là tiết trời bắt đầu oi bức, những cơn gió Nồm từ biển thổi vào cũng không làm sao xóa tan được cái cảm giác khô nóng của mùa hè. Tôi đi dọc theo bờ sông Bàn Thạch nhìn dòng nước đục ngầu uể oải xuôi về Đông, mang theo nó là những rác rến, xác chết súc vật và rất nhiều những thứ bẩn thỉu khác.

Trên bờ sông này trước đây là xóm làng trù phú, yên tĩnh và trong lành với rừng cây sưa tỏa bóng. Mỗi lần tháng tư về hoa sưa vàng rực một khoảng trời, mùi thơm dịu dàng quyến rũ, làm cho tôi ngày ấy - một cậu bé nhiều mơ mộng choáng ngợp trước vẻ đẹp rực rỡ của thiên nhiên mùa hè thường hay đứng ngẩn ngơ nhìn và suy nghĩ vu vơ... tháng tư về sân trường rộn ràng tiếng ve, khúc nhạc cất lên cùng giai điệu từ thuở ban sơ cho đến mãi mãi vô cùng, trong lòng các cô cậu lúc này chùng xuống một nỗi buồn nhẹ nhẹ, khi những cánh phượng hồng chớm nở trên sân trường, trên đường đi học.

Thiên nhiên hào phóng ban cho mùa hè thật nhiều vẻ đẹp: dòng sông nước ngập đôi bờ lai láng trong veo tha hồ vùng vẫy, màu đỏ của hoa phượng, màu vàng của hoa sưa-- mùi hoa sưa thơm dịu dàng -- và tiếng ve buồn man

mác và biển mênh mông hiền hòa với bờ cát vàng óng mượt dưới chân... và còn nữa mùa hè là mùa của hoa trái trĩu cành đong đưa trong vườn, trước ngõ, mùa của hoa Ngọc lan thơm ngát... nhưng nếu chỉ có vậy thôi thì tôi và những cô cậu bé cùng tuổi hạnh phúc biết bao nhiêu. Nếu trong ký ức của chúng tôi không có ngày 30 tháng 4 năm 1975, cái ngày mà chúng tôi tan tác như đàn chim non gặp cơn bão dữ, để rồi sau cơn bão đó, rất nhiều những khuôn mặt, những đôi mắt, những mái tóc thiên thần bé nhỏ, vĩnh viễn ra đi không trở về ... chỉ còn lại trong tâm thức tuổi thơ nỗi đau trở lại mỗi lần tháng tư về.

Mỗi lần tháng tư về, tôi hay lắm cảm nhớ lại quá khứ với sự tiếc nuối và ước ao. Ước gì mọi việc xảy ra theo một cách khác, có rất nhiều chữ “Nếu như” được đặt ra để rồi hệt hẳng, thương tiếc.

- Nếu như không có ngày 30 tháng 4/1975 thì đất nước chúng ta sẽ không phải như ngày hôm nay mà là một “Minh châu Trời đông”.

- Nếu như không có cuộc chiến tranh phi lý và vô nghĩa đó thì đất nước chúng ta đâu có bị tàn phá, đâu có quá nhiều người phải ngã xuống, đâu có vết thương

hằn sâu trong lòng dân tộc này mà mãi đến nay vẫn không lành.

- Nếu như những người CS không có tham vọng thống trị người khác bằng mọi giá thì đất nước chúng ta đâu có chia hai miền Nam Bắc, đâu có mâu thuẫn hận thù tàn phá đến thế lương.

- Nếu như không có những người Cộng sản với chủ nghĩa Quốc tế Vô sản và chủ nghĩa đại đồng thì dân tộc ta đâu có bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh ý thức hệ tương tàn, làm quân cờ trong tay các thế lực siêu cường mà họ sẵn sàng hy sinh Dân tộc chúng ta để bảo vệ quyền lợi của họ và biến chúng ta thành một lũ ngọc.

- Nếu không có ngày 30 tháng tư-1975 thì đâu có thảm nạn thuyền nhân – với hàng triệu người vượt biên ty nạn-với hàng trăm ngàn người vĩnh viễn nằm lại dưới lòng đại dương hay trên rừng sâu núi thẳm, trong số đó có rất nhiều thiếu nữ, phụ nữ bị hãm hiếp để lại vết đau ngàn năm không nguôi ngoai được, và ngày nay những tinh hoa của dân tộc chúng ta đâu phải đem tài năng để phục vụ cho sự phồn vinh của xứ người.

- Nếu như không có ngày 30 tháng Tư năm 1975 thì ngày hôm nay đâu có những tên Tư bản đồ ngông nghênh kẻch cớm tham tàn và nền kinh tế thị trường định hướng rừng rú tàn phá đất nước này với sự cai trị ngu ngốc, phiêu lưu làm kiệt quệ tài nguyên quốc gia, khánh tận tinh thần và đạo đức dân tộc.

- Nếu không có ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì đất nước chúng ta đã là một quốc gia Tự do-Dân chủ hùng mạnh, một đất nước văn minh, nhân bản lãnh đạo khối Đông Nam Á chứ đâu có là một con vẹt đẹt bị khu vực và quốc tế coi thường, người dân chúng ta đâu có bị khinh miệt.

- Nếu như không có ngày 30 tháng 4 và nguyên nhân của nó thì đất nước của chúng ta đâu có bị xâm thực, Hoàng Sa và một phần Trường Sa đâu có mất. Tài nguyên trong vùng biển này đâu có bị Tàu cộng cưỡng chiếm, đủ giúp đất nước chúng ta tự cường, tự lập về an ninh năng lượng và sự phong phú về Hải sản đủ để nuôi sống dân tộc này... và một điều quan trọng hơn rất nhiều là con đường để dân tộc chúng ta vươn ra biển lớn đâu có bị phong tỏa.

- Nếu như không có ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì ngày nay ngư dân chúng ta đâu có bị bắn giết bị đánh đập và sỉ nhục, bị cướp tài sản, bị giam giữ trái phép và bị đòi tiền chuộc khi hành nghề trên ngư trường truyền thống của cha ông mình và trong tương lai gần chúng ta sẽ mất biển Đông, lúc đó ngư dân chúng ta sẽ phải "cày đường nhựa" để sống.

- Nếu không có ngày 30 tháng tư 1975 thanh niên VN sẽ có mặt tại rất nhiều trường đại học danh giá trên thế giới để trở thành những tài năng lớn phục vụ đất nước, phục vụ dân tộc và nhân

loại, làm vẻ vang cho nòi giống Tiên rồng chứ đâu có bán thân để kiếm sống hoặc làm lao nô trên xứ Mã Lai, Đài Loan, Hàn Quốc để chịu đựng sự hành hạ và tù nhục.

- Nếu như không có ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì dân tộc này đâu có chỗ cho bọn độc tài ngu dốt, cho bất công và tha hóa, dân tộc ta đâu có bị hàng hóa của Tàu đầu độc hằng ngày, đâu phải sống trong một môi trường ô nhiễm, tai nạn giao thông làm chết người còn hơn cả một cuộc chiến tranh.

- Nếu như không có ngày 30 tháng 4 năm 1975 thì dân tộc chúng ta đã là một ngọn Hải đăng trong khu vực Đông Á, một cường quốc chứ đâu có bế tắc về tương lai, khốn cùng trong hiện tại và đang đứng trước nguy cơ mất nước và bị Bắc thuộc như bây giờ.

Tháng Tư về ngời ưu tư, lấm cặm viết lại những dòng này khi cả nhà tôi đang bị ba cái lệnh cưỡng chế vì "vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin" treo lơ lửng trên đầu với những cáo buộc nghiêm trọng, đầy tính nguy hiểm, chụp mũ và hớ hênh. Nhưng mặc kệ họ,

tôi xin được mượn lời của Iouri Chevtchouk, thủ lĩnh nhóm nhạc Rock DDT huyền thoại, đã nói với Putin trong những cuộc xuống đường chống bầu cử gian lận tại nước Nga để nói với những người cộng sản VN rằng: "Vì con cháu chúng ta, nước VN không nên trở thành một quốc gia độc ác, tham nhũng, toàn trị, chỉ có một đảng với một lời ca ngợi, một tư tưởng".

Năm nay, tháng tư một lần nữa lại về trên đất nước VN với ngồn ngàng bao điều ray rức trong những tâm hồn còn tha thiết với quê hương, với tư cách của một người từng trải qua thời niên thiếu trong chế độ Việt Nam Cộng Hòa, tôi xin được mượn lời của một nhà văn Tây Ban Nha đã từng nói với chế độ độc tài Franco vào năm 1936: "Các ông thắng nhờ nắm được sức mạnh thô bạo cần thiết, nhưng các ông không thuyết phục được vì muốn thuyết phục cần phải có lý".

Huỳnh Ngọc Tuấn



“Chấn thương di dời”

trong một số truyện ngắn Việt Nam hải ngoại sau 1975

Đỗ Thị Phương Lan

VHSG- Truyện ngắn Việt Nam hải ngoại sau 1975 với những kế thừa và cách tân mang tính lịch sử của thể loại đã góp vào văn xuôi tiếng Việt những trang viết rất riêng từ những “bờ bến lạ”. Từ lý thuyết chấn thương trong văn học, tác giả bài viết khảo sát những biểu hiện của tự sự chấn thương trong một số truyện ngắn Việt Nam hải ngoại thuộc khuynh hướng viết về cội nguồn. Trên phương diện nội dung phản ánh khi viết về nỗi đau lưu vong- vô xứ và phương diện thi pháp không gian- thời gian trong một số truyện ngắn, tác giả chứng minh “chấn thương di dời” là một nét đặc thù của truyện ngắn Việt Nam hải ngoại trong bức tranh chung viết về chấn thương của văn học Việt Nam.

Chấn thương là một thuật ngữ y học nhằm diễn tả trạng thái cơ thể bị tổn hại do những tác động bên ngoài gây nên. Chấn thương còn là thuật ngữ tâm lý học và bệnh học để diễn tả những khủng hoảng tinh thần của con người xảy ra sau những tổn thương nghiêm trọng. Lý thuyết chấn thương bắt đầu được nghiên cứu từ sự kiện phát xít Đức tiêu diệt người Do Thái trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, thể hiện rõ trong tập tiểu luận “Moses and Monotheism” (Moses và Nhất thần luận) của Sigmund Freud. Những sự kiện xã hội từ đó đến nay với những chấn động tâm lý sâu sắc và lớn lao của nhân loại (gồm của cả cộng đồng hay cá nhân) được diễn tả lại trong văn chương dưới góc độ phân tâm học được phê bình văn học gọi là “văn học vết thương” hay “văn học chấn thương” (Trau-

ma Litterature). Theo nhà nghiên cứu văn học Christine Cao: “chấn thương do sự di dời ở một đất nước khác lạ” là một trong những biểu hiện đáng lưu ý của văn học chấn thương đương đại.

Sự kiện rời bỏ đất nước ra di hành động di dời của hàng triệu người Việt Nam sau 1975, kéo dài trong cả hơn hai thập kỷ đã hình thành nên những cộng đồng Việt kiều tại hải ngoại, tạo nên những sự kiện chính trị- văn hóa- xã hội phức tạp. Văn học hải ngoại bắt nguồn từ việc kể lại những câu chuyện lưu vong thể hiện rất rõ những ám ảnh chấn thương của di dân Việt từ sau hành động di dời. “Chấn thương di dời” là một trong những nét đặc thù trong thi pháp tự sự lưu vong của văn học Việt Nam hải ngoại nói chung và truyện ngắn hải ngoại nói riêng.

1. “Chấn thương di dời” và bi kịch lưu vong- vô xứ.

“Câu chuyện về chấn thương là câu chuyện về một thứ kinh nghiệm đến muộn: kinh nghiệm chấn thương. Đó là chứng nhận về sự tác động vô hạn của chấn thương lên một cuộc đời. Chấn thương, hoặc là đẩy con người đối mặt với cái chết, hoặc tồn tại trong trạng thái khổ sở ngấm ngấm, dai dẳng và liên tục tái diễn vết thương trong phần đời còn lại. Tự sự chấn thương, do đó, là một hình thức kể đúp (double telling) về “bản chất không thể chịu đựng nổi của một sự kiện và bản chất không thể chịu đựng nổi của ngay cả việc còn sống sót sau sự kiện đó”.

1.1 Nỗi đau rời bỏ quê hương

Những trang truyện ngắn đầu tiên ở hải ngoại gần như đều tập trung phản ánh và khắc họa nỗi đau rời bỏ quê hương của những người Việt di tản. Dù ra đi vì lý do gì, nỗi mất mát đón đầu nhất

là lạc mất quê hương. Với người di dân, ra đi là một cách thể phản ứng với thời cuộc của người chiến bại. Chấp nhận ra đi là biết phải rời bỏ quê hương, bản quán, “nhà cửa, mồ mả, ông bà, cha mẹ, người thân” (*Ánh mắt*, Trương Anh Thụy), là nỗi mất mát, trống rỗng, hụt hẫng về không gian địa lý. Người ta phải đối diện nỗi đau mất một niềm tin, nỗi đau rút bỏ lại sau lưng một thời tuổi trẻ, một phần hồn, một phần cuộc đời với biết bao kỷ niệm gắn bó. Ra đi là dứt lòng xa biệt những người thân thích ruột rà, những người yêu thương, là không hẹn được ngày trở lại. Ra đi với một số người là bị đẩy đưa, lạc trôi trong cái biến động lớn lao, mê hoặc của lịch sử, “người ta mê đi vì lo âu và sợ hãi”, “cuốn theo dòng người hối hả rời Sài Gòn” (*Thuyền*, Bùi Bích Hà), đối diện nghiệt ngã với sống- chết, mất- còn... Rối tinh mê là đau tui khi nhận ra đã trôi dạt xứ người, quê hương chỉ còn là “một tức tuổi bỏ lại” (*Cũng đành*, Song Thao). Rút bỏ quá khứ, đối diện với tương lai mờ mịt như cá cược vận mệnh cuộc đời là nỗi đau lớn hơn tất cả, người di dân trở thành những “kẻ lơ lửng” (Kiệt Tấn), với bi kịch “vô xứ” (Đào Trung Đạo) trên đất người.

Với những người vượt biên, quyết định bỏ nước với lý do tỵ nạn là một kiểu dấn vật, dấn đau vì ăn mày nhân loại. Trải qua đoạn đời với nhiều nếm trải những thăng trầm của lịch sử và của cuộc đời, di dân là những

người đã từng “mặc cả với Thần Chết, cò kè thêm bớt... tính chuyện thành bại. Cho nên thấy thành công không được, thấy chết chỉ thiệt thân”..., họ “dùng dằng bất quyết. Ra đi thì không muốn. Ở lại thì e ngại” rồi cuối cùng cũng phải ra đi vì “không muốn làm con ngựa gỗ” dù đã “nản chân bon” (*Ngựa nản chân bon*, Nguyễn Mộng Giác).

Ra đi khỏi nước là “chúng ta đã mất quê hương. Bây giờ chúng ta trở thành công dân Mỹ, nghĩa là chúng ta đang mất cả quốc tịch” (*Chỗ trống để diễn tên*, Quỳnh Trang Cindy Nguyễn). “Không có gì bất hạnh hơn niềm bất hạnh của một con người không còn quê hương” (*Nước Mỹ và tôi- Người Việt Nam nhỏ bé*, Nguyễn Phan Quang). Nỗi đau mất quê hương là nỗi đau đầu tiên, lớn lao bao trùm và là nguồn căn của nhiều nỗi đau chồng chất trên cuộc đời người di dân. Văn học hải ngoại giai đoạn đầu dù có viết theo khuynh hướng nội dung nào thì nỗi đau mất quê hương luôn là cảm hứng sáng tác trước tiên và trên tất cả.

1.2 Bi kịch thuyền nhân

Chọn lựa cách thức vượt biển để ra đi, thuyền nhân Việt Nam đã gánh chịu nhiều nỗi bi thương đến mức rung động dư luận thế giới. Biết bao phận người mỏng manh, lênh đênh trôi dạt đi tìm đất mới trên những con thuyền bé nhỏ như những chiếc lá giữa biển cả bao la. Biết bao sợ hãi, đói khát, cùng cực trước những

rủi ro nơi chân trời góc bể, trước những giông bão đại dương. Biết bao bi kịch phận người trước thú tính của hải tặc. Và không biết bao nhiêu người đã bỏ mạng trước sóng dữ, đói khát, bệnh tật, tội ác, mãi mãi phiêu dạt, trầm luân dưới đáy đại dương... “Làm sao tả được cảnh những người phụ nữ Việt Nam nằm trần trướng trên sàn ghe như những con cá vừa được kéo lên, đang chờ mổ bụng, ướp đá? Làm sao tả được tâm trạng của người chống bị trời chặt, nhìn người vợ mang thai bị hải tặc hiếp dâm trước mắt? Làm sao tả được tiếng kêu của em bé lên sáu, lên năm khi nhìn xác mẹ mình bị ném xuống biển sâu? Làm sao tả được cảnh người thoi thóp phải ăn thịt người vừa chết để kéo dài sự sống trên chiếc ghe chết máy lênh đênh nhiều tháng trời trên biển Đông? Không, những câu chuyện vượt biên bi thảm là những viên đá nghìn cân đè nặng lên số phận của đồng bào bất hạnh và sẽ muôn đời ở lại trong lòng biển” (*Sự im lặng của biển*, Trần Trung Đạo). Những người sống sót, may mắn được đến trại tỵ nạn thì phải trải qua rất nhiều nỗi nhọc nhằn tạm bợ của đời ký sinh nhọc nhằn, “bị xua đuổi như đàn ruồi” (*Ánh mắt*, Trương Anh Thụy) rồi mới đến được bến bờ đất hứa.

Đến đất hứa, những ám ảnh kinh hoàng, những dấn đau mất người thân, nỗi kinh sợ đối diện với những giới hạn mỏng manh của phận người trở thành những di chứng tổn thương mãi đeo

bám cả một phần đời còn lại. Đó là những dư chấn tâm lý của những người đã phải chạm tới ngưỡng những giới hạn tốt cùng của cảm xúc nhân tính trước tội ác và những thử thách sống còn man rợ... nên dù có sống sót, họ cũng không thể nào bước qua được nỗi đau, có người mãi tận nguyên tâm hồn, thác loạn thần trí và dặt dẹo sống đời tàn nơi viễn xứ (*Ngọn hải đăng mù*, Mai Thảo; *Đã một năm qua*, Hoàng Dung; *Phép lạ lời ru*, Trương Anh Thụy; *Năm mộ lá*, Phạm Chi Lan; *Biên, Miêng; Đứa con của biển; Sự im lặng của biển*, Trần Trung Đạo; *Rừng đen*, Trịnh Y Thư; *Biển cổ trong rừng trầm*, Khánh Trường...).

Bi kịch thuyền nhân với nhiều trang truyện ngắn chân thực và xúc động về những chấn thương vượt biển đã là một trong những nội dung viết đặc thù của nhà văn di dân trong những năm đầu của văn học hải ngoại. Viết về sự kiện thuyền nhân đã khiến cho văn học hải ngoại lớn mạnh thêm về lực lượng cảm bút, sâu sắc thêm về tính nhân văn và đậm tính thời sự về nội dung phản ánh.

Lưu vong là từ ngữ thường gặp nhất trong các trang viết ở hải ngoại. Di dân dù bằng hình thức nào, dù vì lý do ra sao thì nỗi dấn vật, sự mặc cảm lớn nhất và trở đi trở lại thường xuyên nhất vẫn nằm trong nguyên nghĩa của sự trôi dạt- mất mát. Lưu vong là lưu lạc đất khách, là mất gốc- mất quê hương. Do vậy, cảm thức lưu vong- vô xứ chính là một thứ

ấn ức cộng đồng, một kiểu chấn thương tinh thần luôn ám ảnh, đè nặng lên những trang viết hải ngoại nói chung, truyện ngắn nói riêng.

2. “Chấn thương di dời” qua thi pháp không gian- thời gian nghệ thuật

2.1 Không gian- thời gian ám ảnh của chấn thương

Trong những xung động tâm lý đặc thù của cộng đồng di dân thì việc bị buộc phải rời bỏ quê nhà (dù đó là sự chọn lựa cá nhân do hoàn cảnh lịch sử) là một trong những chấn thương mang tính cộng đồng. “Cùng một lửa bên trời lặn đạn. Gặp gỡ nhau lạ quen nhau” là tâm lý dấn đau chung, là cảm hứng sáng tác chung của những nhà văn di dân bị buộc phải rời bỏ không gian sống quen thuộc ruột rà. Viết về ký ức trong truyện ngắn hải ngoại là viết về hành trình hồi hương tâm tưởng của di dân, là một kiểu kể lại những “chấn thương di dời” có thật trong những dòng chảy xã hội cuộc đời. “Những tác phẩm của Trần Vũ chỉ ra những mối lo âu về việc chuyển vị về chủng tộc, giới tính và về dân tộc xảy ra cả ở quê hương và nước ngoài. Những mối lo âu này từng xảy ra trong chính sử và tâm thần, tâm thức của mỗi cá nhân, nó thôi thúc việc cần phải trở về... những cú điểm của chấn thương, và nó kích thích mong ước được có người làm chứng”^[3].

Chấn thương làm thay đổi cái

nhìn của nạn nhân. Nó làm rạn vỡ những không gian cũ hoặc kết nối không gian - thời gian quá khứ và hiện tại theo kết cấu phi tuyến tính, phi thực tế. Nhà văn di dân mô tả bối cảnh tự sự trong sự phân rã các kết nối thông thường, và thường mượn giấc mơ để lý giải các ảo giác vì chấn thương di dời. Truyện ngắn “Cái vòng” của Võ Đình với giấc mơ “ngày Mỹ đêm Việt” với sự đảo lộn ảo thực về cảm giác không gian - thời gian là một biểu hiện ẩn ức đó của nhà văn.

Mơ ngày trở về và không thể trở về là cảm thức ám ảnh và giằng xé giữa một bên là mong ước và một bên là hiện thực. Trong những ngày đầu di dân, quá khứ và quê nhà là những hình ảnh biệt mờ vô vọng nên không gian quê nhà trong những tự sự ngắn nơi quê người là những mảnh không gian- thời gian đan cài ảo- thực, đêm- ngày, quê người- quê nhà, thậm chí là những sự chuyển vị phi lý về không gian. Phần lớn những tác giả thế hệ một rưỡi, những người chịu ảnh hưởng của những trào lưu triết học phương tây và lối viết hậu hiện đại một cách trực tiếp như Võ Đình, Trần Vũ, Mai Ninh, Nam Dao, Miêng... là những người thể hiện rõ nhất cái chấn thương di dời và ám ảnh không thể trở về quê cũ trong tác phẩm của mình.

Chấn thương di dời làm di dân thẩm thấu sâu sắc cái cảm thức lưu vong- vô xứ và tô đậm thêm nỗi niềm hoài nhớ quê hương.

Nhìn thấy trăng quê người, cô gái trẻ trong truyện ngắn *Thiếu nữ chờ trăng lên* (Lê Thị Huệ) chỉ thấy trăng quê nhà mới thật đẹp và cô lại càng nhớ má đến da diết. Nhân vật người đàn bà Việt xa xứ lấy chồng tây trong truyện ngắn *Xứ sấm sét* của Võ Đình chỉ thấy thật sự được đắm chìm trong cơn hoan lạc khóc cười rất trẻ con và rất đàn bà khi được một mình với rừng trong những cơn mưa, bên những gốc cây gợi nhớ rừng mưa quê nhà. Truyện ngắn *Rừng đen* (Trịnh Y Thư) mô tả cái kết cục của đôi tình nhân chết trong rừng sinh trong ảo giác từ tiềm thức của nam nhân vật tưởng mình đang vùng vẫy vô vọng bên xác người vợ cũ vì thất lạc giữa rừng được quê nhà trên đường vượt biên. “Kinh nghiệm chấn thương” này “chính là hệ quả của của tình trạng rối loạn tâm lý hậu chấn thương (post traumatic stress disorder)”, nó khiến cho nạn nhân- nhân vật văn học rơi vào trạng thái vô thức vì ấn tượng hoang loạn của kinh nghiệm chấn thương trong quá khứ- nay sống lại trong bối cảnh rừng sinh quê người.

Những không gian được tái hiện trong truyện ngắn Việt Nam ở hải ngoại trên hành trình tâm tưởng về với quê nhà của nhà văn di dân là những mảnh không gian quá khứ gắn liền với nỗi đau rời bỏ quê hương, gắn liền với những ấn tượng đau đớn vì quyết định ra đi và những thảm cảnh phải chứng kiến. Đó là những không gian được tái hiện bởi nỗi

ám ảnh của ký ức, vì thế viết về cội nguồn, tác giả hải ngoại vịn vào những nỗi đau trong quá khứ- để làm rõ cái thực trạng di dời của một cộng đồng di dân.

2.2 Không gian cô đơn – thời gian khác lạ

Cảm thức trôi lạc của thân phận lưu vong trên đất khách diễn ra thường xuyên trong tâm trí những di dân đã trưởng thành và định hình về nhân cách- những người lưu vong thế hệ đầu tiên. Việc khác biệt múi giờ về địa lý và thời gian là một cảm giác dễ khiến di dân hụt hẫng khi hồi tưởng về quá khứ: “Mùa này bên nhà gần tết. Hơi ấm chung quanh nỗi bánh chưng giao thừa ngày xưa không giúp con bớt lạnh”; “Con tung cửa lao ra dưới tuyết, tìm kiếm hình ảnh mẹ ôm giải lụa bay bay trên trời như đã tình cờ nhìn thấy trước đó mấy hôm. Chẳng thấy mẹ đâu, chỉ có tuyết lất phất từng cụm bông nhỏ trắng phau nhức mắt” (*Ai thương*, Miêng). Nỗi niềm cô đơn, mất mát, trôi lạc càng được hiển lộ rõ nét trong những hình ảnh không gian xa lạ, rộng lớn này.

Luôn có sự đối sánh quê người- quê nhà trong cảm thức về không gian - thời gian là một đặc điểm dễ tìm thấy với tần suất cao trong nhiều truyện ngắn viết về cảm hứng nguồn cội: “Kéo chúng vào lòng, tôi sẽ xoay mình về hướng đông nam, nơi có rặng núi cao màu xanh phớt mình dưới nắng chiều...Tôi sẽ kể cho chúng nghe cuộc hành trình của con hến nhỏ

trong lòng bàn tay mình, bắt đầu không phải từ đỉnh núi cao ngất trên kia, nơi có chiếc hồ nhân tạo mang tên Isabella, không phải từ cái bờ vực dốc đứng nhìn xuống dòng sông Kern hung bạo ở ba trăm bộ phía dưới, mà từ một ngôi làng nhỏ bên kia bờ Thái Bình Dương, nơi dòng chảy qua sẽ cạn dần theo ngày tháng” (*Bắt hến ở hồ Isabella*, Phùng Nguyễn).

Hình ảnh không gian ký ức đã trở thành tiềm thức, nên việc đối diện với không gian mới là một cảm giác bất lực vì xa lạ: “... trong thời gian này, ở nơi đây, em không còn là em... nữa” (*Người đàn bà khác*, Trịnh Y Thư). Không gian rộng lớn và sự giàu có văn minh của vùng đất mới xa lạ khiến người di dân thấy rợn ngợp và càng ý thức sâu sắc sự cô đơn lẻ loi của thân phận nhược tiểu: “thành phố tôi ở nằm lọt thỏm trong một thung lũng bằng phẳng kéo dài hàng trăm dặm. Từ thành phố, đi về hướng nào cũng gặp những cánh đồng ngút mắt, và xa hơn nữa là trùng trùng lớp lớp những núi và núi” (*Bắt hến ở hồ Isabella*, Phùng Nguyễn). Con người bất lực hoang hoải trong cảm giác cô đơn xa lạ nơi trú xứ trên cái trục thời gian chảy trôi lạc nhịp với ký ức: “cái ông trời của xứ này thật lạ, vui đó buồn đó mấy hồi” (*Bà ngoại*, Nguyễn Thị Hoàng Bắc); ...

Trong tâm lý tự ti vì bị kỳ thị của di dân, không gian mới bao hàm tất cả những gì xa lạ, khác biệt, đối cực. Vì thế, bày tỏ tự sự trong bối cảnh không gian và thời gian

được màu ký ức xen lẫn với hiện tại xa lạ là cách riêng nhuộm màu phân tâm học của tự sự ký ức bị chấn thương, tự sự lưu vong.

2.3. Không gian – thời gian phi lý

Trên hành trình tìm về quá khứ của truyện ngắn hải ngoại, không gian- thời gian phi lý là một loại bút pháp đột phá. Trên nền của tự sự ngắn, cái chớp lóe của tình huống được bày, đặt trên nhiều bối cảnh không gian- thời gian rất lạ lùng, phi lý. Tâm lý chấn thương và cảm giác bị trôi dạt biệt xứ trong dòng chảy cuộc đời tạo ra những cơn hưng cảm sáng tạo độc đáo. Cảm thức hậu hiện đại đã giải biên, giải giới hạn tất cả các đại lượng không gian và thời gian tạo ra một thứ chiều kích không gian- thời gian tâm lý phi thực tế.

Truyện ngắn *Giấc mơ Thổ*, *Pháo thuyền trên dòng Yang Ste...* của Trần Vũ đưa người đọc vào cuộc phiêu lưu tâm lý đầy hoang mang về những vùng không gian- thời gian phi thực. “*Giấc mơ Thổ* kể chuyện một cộng đồng người Việt sống đâu đó trên một châu lục xa lạ, đang hóa điên vì ám ảnh quá khứ. Quá khứ ở trong mọi suy nghĩ, đè nặng lên từng số phận... Lũ người ma ám sống trong không gian và thời gian chỉ tồn tại với nhiệm vụ duy nhất: vật chất hóa dĩ vãng. Thời gian trong thế giới đó không ngừng chảy, không chấp nhận hiện tại lẫn ngày mai: *bất cứ ngày nào cũng là Tết Giáp Tuất. Chiều*

nào cũng là chiều hai mươi tám Tết. Sáng nào cũng là sáng mồng một”, “*Ngày hôm nay là ngày 19 tháng 6 ngày Quân lực VNCH cũng là ngày 2 tháng 9 Tuyên ngôn Ba Đình lịch sử*” được nhắc đi nhắc lại như để nhấn mạnh tính bất động của thời gian. Tương lai cũng chỉ được coi là cái đã qua: câu chuyện được kể vào năm Giáp Tuất, vậy mà một trong những câu cuối của nó là: “*tôi trở về dinh cơ của Quý, nhiều năm sau Tết Giáp Tuất (...). Khu đất thiêu rụi hoang tàn*”^[5].

Truyện ngắn *Luân hồi trong một đêm tuyết* của Võ Đình kể câu chuyện hai vợ chồng ân ái trong một đêm tuyết lớn, người chồng chui tọt vào bụng vợ và ở nguyên trong đó. Tác giả đã tạo ra một thứ không gian mới vừa huyền ảo mang màu sắc Mỹ La Tinh vừa nhuộm màu của cổ mẫu cái bọc - cái tổ của tộc Việt. Tương tự, chuyện rất ngắn *Nguyễn Du và Thúy Kiều* của Nguyễn Như Núi cũng tạo ra một kiểu không gian phi lý, nhuộm màu cổ mẫu như trên: “Không ngờ Kiều hôn mạnh đến nỗi nuốt cả người Du vào bụng mình. Du nằm luôn ở đó, đã mấy trăm năm nay”.

Con người cô đơn lạc lối giữa trời Tây như “cóc chết quay đầu về núi” nên cái không gian thời gian nào dù được biểu tả phi lý đến đâu cũng có một mối hồi quy từ trong tiềm thức là về chốn cũ. Sáng tạo ra những không gian- thời gian đa dạng và mới lạ trong truyện ngắn, nhà văn hải ngoại vừa kế thừa bút pháp cũ vừa bút

phá truyền thống từ “điểm nhìn hậu hiện đại” (Nguyễn Hưng Quốc) nên phần nào chứng minh khả năng riêng biệt của bút pháp lưu vong.

3. “Chấn thương di dời” trong truyện ngắn Việt Nam hải ngoại và những liên hệ với văn học chấn thương ở Việt Nam

“Chấn thương mô tả một kinh nghiệm choáng ngợp về những sự kiện đột ngột hay thảm họa mà phản ứng đối với sự kiện đó thường xuất hiện dưới dạng ảo giác và các hiện tượng mang tính chất xâm nhập thường bị tri hoãn và tái diễn một cách không kiểm soát được”. Theo cách đọc của Cathy Caruth về tiểu luận “*Moses và Nhất thần luận*” trên lý thuyết phân tâm học thì Freud viết về chấn thương của cộng đồng người Do Thái chính là kiểu “tìm cách trở về những cội nguồn trong ký ức và sự trở về của những yếu tố bị dồn nén”^[7]. Soi chiếu cái nhìn này của lý thuyết chấn thương, có thể thấy viết về cội nguồn và ký ức trong truyện ngắn Việt Nam hải ngoại là một kiểu “trở về cội nguồn” do ám ảnh của chấn thương di dời của bị kịch lưu vong - vô xứ. Chấn thương đó không phải chỉ là của cá nhân mà là một thứ kinh nghiệm chấn thương của một cộng đồng Việt lưu xứ trong bối cảnh lịch sử một dân tộc nếm trải quá nhiều khổ đau. “Phải mất một cuộc chiến tranh để dạy bạn điều này, rằng bạn phải chịu

trách nhiệm cho tất cả những gì bạn nhìn thấy cũng như tất cả những gì bạn đã làm. Vấn đề ở chỗ không phải bao giờ bạn cũng biết mình đang nhìn thấy cái gì cho đến mãi sau này, rất nhiều năm sau, bạn mới nhận ra rất nhiều thứ trong đó chưa bao giờ được đầu óc bạn tiếp nhận và xử lý, nó vẫn còn tích trữ nguyên vẹn ngay trước mắt bạn” (Michael Herr - dẫn theo C.Caruth).

Nghiên cứu về văn học chấn thương và văn học chấn thương ở Việt Nam hiện vẫn đang ở những bước khởi động nhưng đã có những phác thảo khái quát. “ Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, đặc biệt là từ sau 1975, đã lặng lẽ chảy một dòng văn học chấn thương. Đó là sản phẩm của một thời đoạn lịch sử đầy biến động dữ dội. Dù không muốn khơi lại “tro tàn quá khứ”, thì vẫn phải thừa nhận đó là sự xuất hiện hợp quy luật. Bởi vì, lịch sử phát triển của một dân tộc, bên cạnh những chiến công,

kỳ tích làm nên tầm vóc và vị thế dân tộc, không thể tránh khỏi có những trang thương đau, đầy máu và nước mắt.”. Có thể thấy rõ nhận định này qua “*Những ngả tư và những cột đèn*” của Trần Dần đến những tác phẩm tự sự cuối thế kỷ trước của Nguyễn Minh Châu, Dương Thu Hương, Dương Hương, Bảo Ninh, Lê Lựu, Chu Lai,... và gần đây là tiểu thuyết “*Và khi tro bụi*” của Đoàn Minh Phượng,...

Nhà nghiên cứu Nguyễn Thành Thi cho rằng: “Trong đời sống văn học cận/hiện đại của nhân loại, có một số nguồn mạch sáng tác khá đặc biệt, bị chi phối mạnh mẽ bởi *chỗ đứng và trạng thái tinh thần* của bản thân nhà tiểu thuyết. Nếu *chỗ đứng* của anh ta là *hiện chứng* (eyewitness), chúng ta có *tự sự hiện chứng* (eyewitness narratives). Còn nếu *trạng thái tinh thần* của anh ta là chấn thương (trauma), ta sẽ có *tự sự chấn thương* (trauma narratives). *Tự sự chấn thương* là dạng đặc biệt

của *tự sự hiện chứng*, bởi trạng thái tinh thần *bị chấn thương* luôn xuất phát từ *chỗ đứng hiện chứng*. Từ những sự ngẫu nhiên nhưng mang tính quy luật và lịch sử của những dòng chảy xã hội cuộc đời, truyện ngắn Việt Nam hải ngoại nói riêng và tự sự trong nước những năm cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI có những gặp gỡ bất ngờ và mang tính thời đại ở những cách nhìn nhận và thể hiện về nỗi đau của con người trong văn chương. Từ “*chỗ đứng và trạng thái tinh thần*” rất riêng của nhà văn di dân, văn học Việt Nam hải ngoại đã góp vào văn học Việt một mạch chảy rất khác biệt của một kiểu “*tự sự hiện chứng*”, gióng lên tiếng nói nhân bản của những trạng thái tinh thần bị chấn thương từ những bến bờ lạ...

Đỗ Thị Phương Lan
08/03/2020

Đính chánh:

Vì sơ suất, trong báo Quốc Gia số 150 (01/2020) có ghi tên Bà Quách Uyên Khanh trong danh sách Cố Vấn Pháp Luật. Chúng tôi thành thật cáo lỗi Thẩm Phán Quách Uyên Khanh về sự sơ suất đáng tiếc này.

Nguyễn Ngọc Nga
Chủ tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Vùng Montréal



Pharmacie M. Bui

5843, chemin Côte-des-Neiges
Montréal (Québec) H3S 1Z2

Homéopathie
Clinique Santé - Voyage
Livraison gratuite

Mui Bui, pharmacienne-propriétaire

Affilié à



Votre référence
en santé

T (514) 735-3613
F (514) 739-1713
m.bui@uniprix.com

Overt 7 jours sur 7

Heures d'ouverture
Lundi au Vendredi 8h à 19h
Samedi 10h à 16h
Dimanche 10h à 16h

Clinique Dentaire

Dr Nguyen Xuan Vinh



514. 566. 5589

vinh.dentaire@gmail.com

4865 Jean-Talon Ouest #222 Montréal H4P1W7

CENTRE MÉDICAL FLEURY WILSON

2157, FLEURY EST, MONTRÉAL, QC, H2B 1K1 (đối diện nhà thương Fleury)

Tél: (514) 858-6110

KHẨN CẤP & GIA ĐÌNH (Có và không hẹn)

Y khoa gia đình (theo hẹn và không hẹn) và các chuyên khoa (theo hẹn)

- * Nội thương
- * Giải phẫu (Chirurgie)
- * Tai-Mũi-Họng (ORL)
- * Tâm thần (Psychiatrie et psychologie)
- * Châm cứu (Acuponture)
- * Bệnh đường tiêu hóa (gastro-entérologie)
- * Y khoa thể dục thể thao (Médecine en sport)
- * Trung tâm thính thị (Audiologie)
- * Trung tâm vật lý trị liệu Physio-Extra (Physiothérapie)
- * Trung Tâm săn sóc bàn chân (Podiatrie)

Từ thứ Hai tới thứ Sáu: 9AM - 6PM

PHARMACIE KIM NGUYỄN

2157, FLEURY EST, MONTRÉAL, QC, H2B 1K1 (đối diện nhà thương Fleury)

Tél: (514) 385-1495

Hân hạnh đón tiếp quý vị tuổi vàng, quý đồng hương
Giao hàng miễn phí



Từ thứ Hai tới thứ Sáu: 9AM - 6PM

Dược Sĩ Nguyễn Lê Kim Chi
Kính mời

TRUNG TÂM Y KHOA NGƯỜI VIỆT



CENTRE MÉDICAL MÉTRO MONK

GMF - CLINIQUE RÉSEAU

(Đối diện Metro Monk, sortie Sud)

2529 RUE ALLARD, MONTREAL, QUEBEC

ĐT: (514) 769-9999; Fax: (514) 769-9008

Nội khoa, Chuyên khoa và Cấp cứu do các Bác sĩ của Centre Hospitalier Angrignon đảm trách

Bác sĩ Gia đình

Dre Gia Khánh Nguyễn
Dre Hồ Thị Kim Phượng
Dre Nguyễn Thanh Cần
Dre Trần Thị My Linh
Dr Nguyễn Hùng Vương
Dr Vĩnh Chương
Dr Ying Chang, Xie
Dr Vizita Pou
Dr Jack.H Gaipman
Dre Beatrice, Grunbaum
Dr Michel, Norin
Dre Diane, Roy

Bác sĩ Chuyên khoa

ORL
Dre Nathalie Trinh
Dre Lyne Picard
Dr Vlad Iordanescu

CHIRURGIENS
Dr Melhem Azzi
Dre Phước Ngọc Diem Nguyễn
(Spécialiste maladie des seins)

RHUMATOLOGUE Dr Victor Radoux

NEUROLOGUE Dr Ying Wu

CARDIOLOGUE Dr Tuong Phong Nguyễn

RADIOLOGISTE Dr Michael A. Nissenbaum

TRUNG TÂM NHÃN KHOA (Ophtalmologiste) Dr Nguyễn Công Lượng, Dr Nguyễn Tường Nam
*Trị bệnh mắt * Giải phẫu tổng quát về mắt * Đặc biệt giải phẫu mắt cận thị bằng laser để khỏi đeo kính*

PHARMACIE LÊ HUY TRẦN INC. (PROXIM) **Dược Sĩ Trần Lê Huy**

ĐT: (514) 767-0707

Bán đủ thuốc trị bệnh, thuốc bổ, các loại trụ sinh cần thiết
Dược sĩ giàu kinh nghiệm, chỉ dẫn tường tận, đón tiếp niềm nở
Dịch vụ nhanh, giá rẻ, tin cậy

Bán thuốc theo toa bác sĩ ngay trong Centre Médicale Métro Monk, nhanh chóng và tiện lợi
Có giao thuốc tận nhà miễn phí